

Chinghiz Aitmatov

Чингиз Айтматов

Dịch giả: LÊ KHÁNH TRƯỜNG – NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG



И Дольше Века Длится День

và một ngày dài hơn thế kỷ



Rạng Đông xuất bản

Chinghiz Aitmatov
Чингиз Айтматов

và một ngày dài hơn thế kỷ

И Дольше Века Длится День

Dịch giả: LÊ KHÁNH TRƯỜNG – NGUYỄN ĐỨC DƯƠNG



Rạng Đông xuất bản

MỤC LỤC

Giới thiệu:

Đôi nét về tác giả:

Một số tác phẩm:

LỜI TÁC GIẢ MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ

Người đi một ngày dài hơn thế kỷ

Nhà văn Kyrgyzstan, Chingiz Aitmatov: đau đáu yêu thương

VÀ MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ

C h i n g h i z A i t m a t o v

Chương 1

Chương 2

Chương 3

Chương 4

Chương 5

Chương 6

Chương 7

GIỚI THIỆU:

Vĩnh biệt tác giả "Một ngày dài hơn thế kỷ"

Nhà văn Kyrgyzia nổi tiếng Chinghiz Aitmatov, tác giả của những tác phẩm làm rung động hàng triệu con tim trên thế giới đã qua đời tại Bệnh viện Nuremberg ở CHLB Đức vào hồi 15 giờ 31 phút ngày 10/6. Hãng DPA của CHLB Đức đưa tin nhà văn Kyrgyzia qua đời vì bệnh phổi. Chinghiz Aitmatov đã lâm bệnh từ mấy tháng trước tại Kazan, nơi ông tham gia quay phim "Một ngày dài hơn thế kỷ". Ông được đưa vào điều trị tại bệnh viện tốt nhất ở Tatarstan (Nga). Ngày 16/5, Aitmatov được đưa sang Đức chữa trị và ông đã vĩnh biệt chúng ta ở tuổi 80.

Aitmatov sinh năm 1928 tại làng Sheker, vùng Talass của Kyrgyzia. Tuổi thơ ông rong ruổi trên những cánh đồng và thảo nguyên vùng Trung Á thơ mộng. Lớn lên, Aitmatov đến sinh sống cùng gia đình tại Moskva. Nước Nga với những cánh rừng bạch dương hùng vĩ và những con người nhân hậu đã nuôi dưỡng tâm hồn Aitmatov, hun đúc nên những tác phẩm bất hủ của ông. Chính vì thế, những tác phẩm của Aitmatov đều thể hiện bằng hai thứ tiếng Kyrgyzia và Nga.

Từ năm 1952, những tác phẩm đầu tiên của Chingiz Aitmatov lần lượt ra đời. Đến nay, những tác phẩm của nhà văn đã được tái bản tới 650 lần trên thế giới và được dịch sang 170 ngôn ngữ khác nhau với số lượng lên đến 60 triệu bản. Tiểu thuyết cuối cùng của nhà văn "Khi nào núi đổ (nàng dâu vĩnh viễn)" vừa được xuất bản tại Moskva năm 2006. Năm nay ở Kirgizia là "Năm Chinghiz Aitmatov". Mới đây, tại Thổ Nhĩ Kỳ, một ủy ban vận động đề cử Aitmatov làm ứng cử viên giải thưởng Nobel Văn học được thành lập. Sáng kiến đề cử Aitmatov do Hội nghị Bộ trưởng các nước Thổ Nhĩ Kỳ, Azerbaijan, Kazakhstan, Uzbekistan, Kyrgyzstan, Turkmenistan, Altai, Tatarstan, Tuva...đưa ra.

Hội nghị khẳng định Aitmatov là nhà hoạt động văn học xuất sắc của cộng đồng Turkic. "Chingiz Aitmatov được coi như biểu tượng tinh thần và

nhân phẩm của tất cả nhân dân Turkic trên toàn thế giới, còn toàn bộ cuộc đời nghệ thuật của ông có ý nghĩa Quốc tế sâu rộng - Tổng thống Thổ Nhĩ Kỳ Abdull Gul tuyên bố. Chinghiz Aitmatov đã từng giữ các chức vụ như Tổng biên tập tạp chí "Văn học nước ngoài", Thư ký Hội Nhà văn Liên Xô. Ông được phong danh hiệu Nhà văn Nhân dân của Kyrgystan, Anh hùng Lao động XHCN, được nhận giải thưởng Lenin, 3 lần đoạt giải thưởng Quốc gia Liên Xô, Đại biểu Xô - viết tối cao Liên Xô, Ủy viên BCH T.Ư Đảng Cộng sản Kyrgyzia. 16 năm cuối đời, Aitmatov làm đại sứ của Kyrgyzia ở châu Âu.

Nước Nga đau đớn nhận tin Aitmatov qua đời. Tổng thống D. Medvedev gửi lời chia buồn sâu sắc đến gia quyến của nhà văn. Chủ tịch Hội các nhà xuất bản Nga Mikhail Seslavinsky nêu rõ: "Trong những ngày cuối đời, Aitmatov luôn trăn trở rằng phải làm tất cả để giữ mối quan hệ nhân văn bền chặt giữa các nước cộng hòa trong không gian hậu Xô - viết. Ông tham gia các cuộc hội thảo và luôn là người bạn thân thiết, gần gũi của đất nước chúng ta. Sự nghiệp sáng tác của ông là một phần không thể thiếu trong không gian văn học của nước ta". Ngoại trưởng Pháp Bernar Kushner vô cùng thương tiếc nhà văn Kyrgyzia, ông cho rằng Aitmatov luôn sống mãi trong lòng những người hâm mộ như một nhà văn vĩ đại nhất của thế kỷ XX. Nhà hoạt động văn hóa xã hội Mikhail Veller khẳng định sự ra đi của Aitmatov đã để lại khoảng trống, mất đi một mắt xích quan trọng trong không gian văn hóa hậu Xô - viết.

Bạn đọc Việt Nam mến yêu Chinghiz Aitmatov qua những tác phẩm: "Người thầy đầu tiên", "Núi đồi và thảo nguyên", "Giamilia", "Cây phong non trùm khăn đỏ", "Vĩnh biệt Gunxaru", "Một ngày dài hơn thế kỷ", "Đoạn đầu dài"... Đó là những thiên truyện đã thực sự làm ngáy ngất những con tim luôn khát khao với cuộc sống mến yêu, với thiên nhiên thấm đẫm tình người. Chinghiz Aitmatov thực sự là cây đại thụ trong nền văn học Xô - viết, một nhà văn chói ngời với những tư tưởng nhân văn. "Vĩnh biệt Gunxaru"! Vĩnh biệt Chinghiz Aitmatov! Nhà văn của nhân dân Chingiz Aitmatov./.

Ai - ma - tốp thuộc số các nhà văn Xô viết hiện đại mà hầu hết các tác phẩm được dịch và giới thiệu ở ta. Kể từ khi Giamilya và Chuyện núi đồi và thảo nguyên ra mắt bạn đọc Việt Nam cho đến nay một phần tư thế kỷ đã trôi qua. Cái hương sắc lãng mạn dễ làm say lòng người trong những áng văn chương dường như được dệt bằng màu sắc của cầu vồng và cỏ hoa đồng nội đã dần dần được bổ sung thêm bằng chủ nghĩa hiện thực nghiêm ngặt với những vấn đề phức tạp và nhức nhối của cuộc sống trong một loạt tác phẩm tiếp theo sau như Vĩnh biệt Gumxary, Cánh đồng mẹ, Con tàu trắng, và gần đây nhất là tiểu thuyết Và một ngày dài hơn thế kỷ, cuốn sách đánh dấu bước phát triển mới trong quá trình tìm tòi nghệ thuật của nhà văn.

Cái ngày dài đằng đẵng mà tác giả đem so với cả một thế kỷ là ngày bác công nhân đường sắt E-đi-gây, nhân vật chính của tác phẩm, tiễn đưa người bạn chí cốt của mình đến nơi an nghỉ cuối cùng. Trên đường dẫn tới nghĩa trang cổ kính Ana – Bây ít mà nay đã biến thành khu vực sân bay vũ trụ, E-đi-gây đã ôn lại trong ký ức những kỷ niệm sâu sắc về người bạn quá cố Kazangap, đồng thời cũng nhìn lại quãng đời mình ngót bốn mươi năm qua với những sự việc đáng ghi nhớ, với những niềm vui và nỗi buồn không thể nào quên.

Và những bước thăng trầm trong cuộc đời của Edigay cũng gắn liền với những chuyển biến của đất nước Xô viết trong vòng nửa thế kỷ. Nói một cách khác, đó chính là sự vận động của con người trong lịch sử và sự vận động của lịch sử trong con người.

Cũng vào đúng lúc Edigay đang bận rộn với việc lo liệu ma chay cho Kazangap, thì trên vũ trụ đã xảy ra một sự cố phi thường: hai phi công vũ trụ trên trạm quỹ đạo phối hợp Xô Mỹ “Paritet” đã phát hiện ra một nền văn minh ngoài Trái Đất, nơi tồn tại một nền hòa bình vĩnh cửu và có một trình độ phát triển rất cao về khoa học kỹ thuật. Và những người sống trên hành tinh “Bộ ngực rừng” đó đã bày tỏ nguyện vọng muốn đến thăm Trái

Đất và tiếp xúc với những người của hành tinh chúng ta. Nhưng khám phá cực kỳ quan trọng đó không ngờ lại dẫn tới những hậu quả tai hại khôn lường...

Và cứ thế, những sự việc xảy ra dưới đất, trong khu vực ga xép Bão tuyết và trên khoảng không vũ trụ cứ đan chéo, xen kẽ nhau, tuyến cốt truyện hiện thực của đời sống hàng ngày với bao lo toan vất vả song song tồn tại bên cạnh tuyến huyền tưởng ngoài vũ trụ.

Tất cả những điều đó đã tạo nên kết cấu độc đáo của tác phẩm đồng thời cũng đòi hỏi ở người đọc sự động não suy tư đáng kể để thâm nhập vào cốt lõi của những sự việc, những cảnh ngộ được miêu tả.

Nếu ai theo dõi con đường sáng tác của Aimatop hẳn thấy rõ rằng đứng ở trung tâm cái thế giới nghệ thuật của nhà văn bao giờ cũng là những người lao động bình thường nhất, những người đã nếm trải nhiều nỗi gian truân mất mát, đã kinh qua muôn vàn thử thách nhưng vẫn giữ vững phẩm giá con người và một niềm tin mãnh liệt vào sự tất thắng của cái thiện, vào một tương lai đẹp đẽ hơn. Ấy là Duy-sen trong Người thầy đầu tiên, Tôn - gô - nai trong Cánh đồng mẹ, Tanabai trong Vĩnh biệt Gumxary, Edigay trong tác phẩm mới nhất này.

Đối với E-đi-gây, chỉ nội việc hai vợ chồng đến định cư và nhận làm công việc đơn điệu và vất vả ở một ga xép hẻo lánh giữa chốn hoang mạc khô cằn với khí hậu vô cùng khắc nghiệt và với bao thiếu thốn trong cuộc sống hàng ngày đã là một sự dũng cảm, một chiến công thầm lặng đáng khâm phục. Đó là chủ nghĩa anh hùng dẻo dai bền bỉ của những người công nhân đã hiểu rõ được ý nghĩa công việc của mình với sự nghiệp chung của đất nước và đã tìm thấy ở lao động một niềm vui thực sự, một nhu cầu bức thiết nội tại như ánh sáng và khí trời.

Nhưng E-đi-gây không phải là người chỉ biết cặm cụi làm hùng hục theo kiểu ăn no vác nặng. Ở người cựu chiến binh đảm nhận công việc bẻ ghi buồn tẻ này chúng ta bắt gặp một tâm hồn tinh tế, nhạy cảm, một tấm lòng đôn hậu ưu ái sống vì mọi người, một cái đầu luôn luôn trăn trở trước những vấn đề gay cấn của thời cuộc. Vì thế cho nên trong khi sống giữa nơi hoang mạc mông quạnh, Edigay vẫn cảm thấy mình gắn bó khăng khít với

cuộc sống của Tổ quốc, với mạch đập thời gian, với những điều đã bao đời nay làm cả loài người day dứt. Tất nhiên không phải bao giờ E-đi-gây cũng hành động một cách sáng suốt, nhưng ông không bao giờ là một con người nửa vời, một kẻ thô lỗ hai mặt hay một phần tử thỏa hiệp, vô nguyên tắc. Phàm điều gì ông tin là đúng, là phù hợp với lương tâm mình, với lợi ích chung thì ông cố gắng thực hiện bằng tất cả khả năng của mình, không do dự chần chừ, không suy tính thiệt hơn, nhất là trong cuộc đấu tranh cho sự công bằng, cho sự phục hồi chân lý. Tác giả đã đặt Edigay vào những tình huống xử lý phức tạp, đã cho nhân vật tiếp xúc với nhiều loại người tốt xấu khác nhau, đã buộc ông phải suy nghĩ trên những câu hỏi hóc búa về cội nguồn của sự bất công, về bản chất của thói độc ác, đê tiện... và qua đó đã chiếu sáng nhân cách nhân vật từ các góc độ khác nhau. Aimatop đã hoàn toàn đúng khi ông nhận định rằng những người như E-đi-gây là “chỗ dựa của trái đất.”

Nếu tuyến cốt truyện thứ nhất giới hạn trong phạm vi một không gian và thời gian chật hẹp và mang tính chất cụ thể – lịch sử, thì với tuyến cốt truyện thứ hai – tuyến huyền tưởng – tác giả đã đưa người đọc vượt ra khỏi ranh giới một quốc gia, một chế độ xã hội và những suy nghĩ của nhà văn mang tính chất toàn cầu trước thực trạng đáng lo ngại của hành tinh chúng ta: cuộc chạy đua vũ trang, tình trạng đối địch và mâu thuẫn gay gắt giữa hai thế giới, thái độ không tin cậy lẫn nhau đã tước đoạt mất của toàn nhân loại nhu cầu và nguyện vọng chính đáng được sống và phát triển trong hòa bình, đã gây nên sự cách ly và tâm trạng hoảng sợ đối với việc tiếp xúc với một nền văn minh có trình độ cao hơn, hiện đại hơn. Phải chăng xã hội loài người trên hành tinh “Bộ ngực rừng” là hình ảnh tương lai của hành tinh chúng ta khi nhà nước không còn nữa, khi con đường tiến hóa của loài người nằm ngoài những hình thức giải quyết mâu thuẫn bằng chiến tranh, khi một nền hòa bình trường cửu được thiết lập?

Chính tinh thần cao cả [...] trước nguy cơ của một cuộc chiến tranh hủy diệt đang đe dọa loài người đã thôi thúc nhà văn thông qua những hình tượng ẩn dụ để nói lên những ý nghĩ nung nấu ấy. Và chính vì thế Và một ngày dài hơn thế kỷ không chỉ là một bài ca tuyệt vời về lao động sáng tạo

mà còn là một lời kêu gọi hòa bình tha thiết đồng thời là lời cảnh cáo đối với [...] thảm họa hạt nhân và tình hình căng thẳng trên thế giới hiện nay.

...

Trong Và một ngày dài hơn thế kỷ, ngoài truyền thuyết, huyền thoại, bài ca, Aitmatov lần đầu tiên đã sử dụng yếu tố huyền tưởng như một phương thức tư duy nghệ thuật nhằm làm nổi bật lên dưới dạng khuếch đại những điều trở trêu phi lý trong hiện thực được miêu tả, nhất là ở thời đại của những phát minh kỳ diệu về khoa học kỹ thuật.

ĐÔI NÉT VỀ TÁC GIẢ:



Chinghiz Aitmatov sinh ngày 12-12-1928 tại vùng thung lũng Talax, làng Sheker, huyện Kirov, tỉnh Talas (Kyrgyzstan). Sau khi học xong lớp 6, C. Aitmatov làm thư ký cho Xô viết xã ở ngay quê mình.

Ông bắt đầu hoạt động văn học khi còn là sinh viên Trường ĐH Nông nghiệp Kirghizia. Năm 1956 - 1958, ông theo học Trường Viết văn Gorky tại Matxcơva. Năm 1958, hai tập truyện ngắn của Aitmatov (bằng tiếng Nga và tiếng Kirghizia) đã được xuất bản ở Frunze. Ông được giải thưởng văn học Lenin 1963 với chùm truyện đầu tay: Giamilia, Người thầy đầu tiên, Cây phong non trùm khăn đỏ và Mắt lạc đà.

Sau đó ông tiếp tục viết và đã đoạt Giải thưởng quốc gia Nga năm 1969, Giải thưởng quốc gia Liên Xô năm 1977, Anh hùng Lao động XHCN (1978), Viện sĩ Viện Hàn lâm Khoa học, Nghệ thuật và Văn học châu Âu,

Viện Hàn lâm Khoa học nghệ thuật thế giới... Năm 1990, ông được tổng thống Goorbachev cử làm Đại sứ đặc mệnh toàn quyền tại Bỉ, Hà Lan, Luxemburg. Năm 1994 - 2008, ông là Đại sứ đặc mệnh toàn quyền Cộng hòa Kyrgyzstan tại Bỉ, Hà Lan, Luxemburg, đại diện toàn quyền của Kyrgyzstan tại Liên hiệp châu Âu và UNESCO. Năm 2008, Tổng thống nước Cộng hòa Kyrgyzstan quyết định chọn làm Năm Aitmatov.

Chiều 10-6-2008, ông qua đời tại Bệnh viện Nuremberg (Đức) vì tuổi già lại mắc bệnh thận và phổi, hưởng thọ 80 tuổi.

Chinghiz Aitmatov, tác giả tiểu thuyết **MỘT NGÀY DÀI HƠN THỂ KỶ** (И Дольше Века Длится День, 1980) là nhà văn Kirgiz, anh hùng lao động Liên Xô, giải thưởng Lenin Văn Học, 1963, giải thưởng quốc gia Liên Xô các năm 1969, 1977, 1983... Viện Sĩ Viện Hàn Lâm Khoa Học – Nghệ Thuật Châu Âu, Paris, 1983.

Chingiz Ajtmatov sinh năm 1928, trong một gia đình viên chức, tại vùng thung lũng Talax, làng Sêkerơ, huyện Kirop, nước Cộng Hoà Xô Viết Kirgiz, thuộc miền Trung Á Liên Xô.

Ngay khi còn là sinh viên trường Đại Học Nông Nghiệp Kirgiz, ông đã bắt đầu say mê hoạt động văn học.

Năm 1956 - 1958, Chingiz Ajtmatov theo học khoa văn, Viện văn học M. Gorki - Mockva. Xong chuyển hẳn sang hoạt động báo chí và văn học.

Cùng năm 1958, nhân ‘Tuần Văn học - Nghệ thuật Kirgiz’ tổ chức tại Frunze, hai tuyển tập truyện ngắn bằng tiếng Nga và tiếng Kirgiz của ông đã được xuất bản.

Ngay từ những tác phẩm đầu tay này, Chingiz Ajtmatov đã chứng tỏ sự trưởng thành về các mặt tư tưởng, nghệ thuật và tài năng của mình. Khẳng định được chỗ đứng vững chắc trên văn đàn trong nước và thế giới.

Truyện **Giamilia, 1958**, ca ngợi sự dũng cảm của một cô gái Kirgiz, dám sống, dám yêu, dám chống lại những phong tục tập quán cổ hủ, lỗi thời, được đông đảo độc giả đồng tình và chú ý.

Tập **Núi Đồi và Thảo Nguyên, 1961**, giải thưởng Lenin, gồm ba truyện vừa: **Người thầy đầu tiên, Cây phong non trùn khăn đỏ, Mắt lạc đà**, ca ngợi

tính ưu việt của cuộc sống mới, quan hệ mới giữa người với người, và giữa người với thiên nhiên.

Sau tập truyện trên, mỗi tác phẩm mới của ông ra đời là một sự kiện mới trong đời sống văn học Liên Xô.

Truyện vừa:

Cánh Đồng Mẹ, 1963

Vĩnh Biệt Gun - xa - rư, 1966 – giải thưởng quốc gia Nga, 1969

Kịch bản phim *Con Tàu Trắng, 1969*, chuyển thể từ truyện vừa cùng tên, viết năm 1970 – giải thưởng quốc gia Liên Xô 1977

Sếu Đầu Mùa, 1975

Con chó khoang chạy ven bờ biển, 1977 và

Một ngày dài hơn thế kỷ, 1980 – giải thưởng quốc gia Liên Xô, 1983.

Hầu hết tác phẩm của Chingiz Ajtmotov đều viết về dân tộc Kirgiz, mang tính thời đại sâu sắc và nêu được những vấn đề về lịch sử, triết học, đạo đức và vũ trụ... trong khoảng một phần tư thế kỷ trở lại đây.

Chingiz Ajtmotov viết bằng tiếng mẹ đẻ và tiếng Nga. Văn phong giản dị, tế nhị nhưng hàm súc, cô đọng, giàu chất trữ tình và chất suy tưởng. Bằng thực chất lao động, nhà văn của mình, ông đã có nhiều đóng góp lớn trong việc phát triển và làm giàu tiếng Nga văn học.

Ông được công nhận là một cây bút văn xuôi xuất sắc của nền văn học Xô Viết, ảnh hưởng tốt đến các nhà văn khác, nhất là lớp cầm bút trẻ.

Hầu như mỗi tác phẩm của ông đều gây nên những cuộc tranh luận lớn trong sinh hoạt văn học Liên Xô, nhưng tựu trung đều khẳng định sức khám phá, sáng tạo của một nghệ sĩ lớn khi khái quát hiện thực xã hội cũng như phong cách và thủ pháp nghệ thuật.

Ông đã kết hợp tài tình tính dân tộc và tính hiện đại trong khi vận dụng nhuần nhuyễn truyền thuyết và huyền thoại trong dân gian lẫn khoa học viễn tưởng vào tác phẩm của mình.

Nhiều tác phẩm của ông đã được dựng thành phim: *Giamilia, Mắt lạc đà, Người thầy đầu tiên, Cánh đồng mẹ, Quả táo đỏ, Con tàu trắng...*

MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ là tiểu thuyết quan trọng của Chingiz Ajtmotov. Ngay từ lúc mới ra đời đã không ngừng được dư luận

rộng rãi trong và ngoài nước đặc biệt theo dõi.

Ở nước ta, đây là lần đầu tiên, tác phẩm độc đáo này do Nhà xuất bản TRẺ tổ chức dịch và giới thiệu tương đối đầy đủ với bạn đọc từ lâu vẫn mong đợi và dành cho tác giả quen thuộc này nhiều cảm tình đặc biệt.

MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ là đỉnh cao của khuynh hướng triển khai triết lý đối với cuộc sống, thông qua số phận một con người. Triết lý của tác phẩm nảy sinh từ những suy tưởng sâu sắc về những chủ đề lớn: lao động, nhân tạo, vũ trụ, lịch sử...

Đó là những bi kịch về thời đại, những nỗi đau nhân tình muôn thuở của con người khi lâm vào cảnh ngang trái, gian truân, phải đấu tranh để sinh tồn. Đó là số phận của Edigej – một công nhân đường sắt già – suốt đời lận đận mưu sinh. Cuối cùng, gia đình trụ lại ở một ga xép giữa thảo nguyên úa vàng heo hút, thuộc miền Đất Giữa.

Để đảm bảo giao thông cho con đường huyết mạch của Tổ Quốc, bất kể ngày đêm, bão tuyết, họ phải lao động chân tay đơn giản, liên tục, năm này qua năm nọ, không thể khác được. Với một tinh thần cần mẫn, nghiêm túc, tự giác tự nguyện. Nghĩa vụ lao động đã trở thành một nhu cầu nội tại, gắn liền với sự tồn tại của đất nước và bản thân.

“Người lao động – theo tác giả – chính là chỗ dựa, là cái trục của Trái Đất”.

Đó là chủ nghĩa nhân đạo được thể hiện ở tình thương yêu, đùm bọc của Edigej và các công nhân Bornly - Bão Tuyết đối với Abutalip, một người lao động chân chính gặp cảnh gian truân.

Đó là tình cảm gắn bó với quá khứ dân tộc, thể hiện qua sự gìn giữ trân trọng những truyền thống tốt đẹp, bảo vệ kỷ ước, tàng trữ những giá trị lâu bền của con người.

Khi nhắc lại truyền thống về loài chim Donenbaj, về tên nô lệ mankur u mê nghe lời chủ, bắn chết chính mẹ đẻ của mình, tác giả qua đó phê phán mạnh mẽ loại ‘mankur hiện đại’ quyền cao tước trọng, học hàm, học vị và kiến thức đầy đủ, nhưng bên trong trống rỗng như người không tim, hoàn toàn mất gốc truyền thống gia đình và dân tộc.

Đề tài vũ trụ được triển khai bằng một thủ pháp nghệ thuật kỳ ảo, nhằm gây hiệu quả lạ hoá, làm nổi bật những vấn đề tư tưởng có ý nghĩa rất thực tại: nhân loại phải có tầm nhìn xa trong việc bảo vệ môi trường sống trên Trái Đất. Và, phải đặt Trái Đất trong tồn tại vũ trụ, mới khách quan nhận ra những âm mưu gây chiến trên Trái Đất trở nên vô cùng phi lý, phi nhân, nhỏ nhen và tầm thường.

Với trình độ xã hội và kỹ thuật mà nhân loại ngày nay đại tới, những vấn đề lớn của hành tinh chúng ta không thể nào giải quyết riêng rẽ mà nhất thiết phải có sự hợp lực thống nhất của mọi nước, mọi lực lượng trên thế giới.

Trong **MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ**, qua sự kết hợp giữa tuyến trường thuật cuộc đời những công nhân ở ga xếp bão tuyết với tuyến miêu tả những cảnh tượng từ sân bay vũ trụ Sarozek và những biến cố về sự liên hệ giữa Trái Đất và Hành Tinh Ngược Rừng, tác giả đã tạo ra một sự so sánh đầy ý nghĩa: vấn đề bảo vệ ký ức, những truyền thống tốt đẹp của quá khứ mà những công nhân đường sắt ở Boranly - Bão Tuyết quan tâm, mang ý nghĩa sống còn, có tầm nhân loại, chẳng kém việc chinh phục vũ trụ, đi tìm những nền văn minh khác ngoài Trái Đất của các nhà bác học và các nhà du hành vũ trụ.

Càng đọc **MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ**, chúng ta càng thấm nhuần tính thuần hậu của chủ nghĩa nhân đạo Cộng Sản. “*Những tác phẩm nghệ thuật xuất sắc trong thời gian gần đây cho thấy rằng văn học đã cảm nhận được nhu cầu của xã hội phải chuyển sang một trình độ mới về chất... Nó đã lần ra được những điểm nhức nhối của cuộc sống chúng ta, những chiều hướng bất lợi trong các lĩnh vực xã hội, tinh thần. Những vấn đề xã hội - đạo đức gay gắt nhất mà xã hội hiện nay đang chú ý đã được đặt ra trong một loạt tiểu thuyết...*”¹.

Chúng ta rất vui mừng và không ngạc nhiên khi biết rằng, ngày 28-6-1986, trong đại hội nhà văn Liên Xô lần thứ VIII. Chingiz Ajtmatov đã được đề cử vào Ban thường vụ gồm 9 người, và ông có tên ở vị trí đầu tiên trong danh sách ấy.

Một số tác phẩm:

* **Giamilia** (Джамиля, 1958)

* **Cây phong non trùm khăn đỏ** (Тополёк мой в красной косынке, 1961)

* **Người thầy đầu tiên** (Первый учитель, 1962)

* **Mắt lạc đà**

(Bốn truyện trên được gộp trong tập *Truyện núi đồi và thảo nguyên - Повести гор и степей*, 1963)

* **Vĩnh biệt Gunxarư** (Прощай, Гульсары, 1966)

* **Con tàu trắng** (Белый пароход, 1970)

* **Восхождение на Фудзияму** (tạm dịch: Lên núi Phú Sĩ, đồng tác giả với Kaltai Mukhamedzhanov, Калтай Мухамеджанов)

* **Sếu đầu mùa** (Ранние журавли, 1975)

* **Con chó hoang chạy trên bờ biển** (Пегий пёс, бегущий краем моря, 1977)

* **Và một ngày dài hơn thế kỷ** (И дольше века длится день, 1980, sau đổi tên là "Буранный полустанок")

* **Đoạn đầu dài** (Плаха, 1986)

* **Tавро Кассандры, 1996**

* **Встреча с одним бахаи, 1998** (Trò chuyện với Feizolla Namdar, Фейзолла Намдар)

* **Когда падают горы** (Вечная невеста) (2006)

LỜI TÁC GIẢ MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ

Ai cũng biết cần mẫn là một trong những thước đo tất yếu phẩm chất con người.

Với ý nghĩ đó, Edigej Zhangelдин, hay ‘Edigej - Bảo Tuyết’ như những người quen biết bác vẫn gọi, quả thực là một người lao động chân chính. Bác là một trong những người làm chỗ dựa của đất, như ta quen nói. Theo tôi nghĩ, bác gắn bó với thời đại mình tới mức mật thiết nhất, và thực chất bác là con người của thời đại mình.



Chính vì lẽ đó, điều quan trọng đối với tôi khi xử lý những vấn đề đặt ra trong cuốn tiểu thuyết này là nhìn thế giới thông qua số phận của Edigej, một công nhân đường sắt từng chiến đấu ngoài mặt trận. Và tôi đã cố gắng làm tốt việc ấy ở mức độ vừa sức với tôi. Hình tượng Edigej - Bảo Tuyết:

đó là thái độ của tôi đối với nguyên tắc cốt lõi của chủ nghĩa hiện thực xã hội, mà đối tượng nghiên cứu chủ yếu của nó đã và vẫn là người lao động.

Tuy nhiên, tôi không hề tuyệt đối hoá bản thân khái niệm ‘người lao động’, chỉ vì người lao động là ‘con người giản dị, tự nhiên’, đang cặm cùi cày ruộng hay chăn nuôi. Qua xung đột giữa cái muôn thuở với cái hữu hạn trong cuộc sống, người lao động đáng được chú ý và quan trọng tới mức nào là tùy theo nhân cách họ ra sao, gánh nặng tinh thần họ lớn tới mức nào, thời đại họ đang sống được thể hiện tập trung ở họ đến đâu. Vì thế, tôi cố đặt Edigej - Bão Tuyết vào trọng tâm trật tự thế giới hiện thời, vào trung tâm những vấn đề đang khiến tôi xúc động.

Edigej - Bão Tuyết không chỉ là người lao động bẩm sinh hoặc do tính chất nghề nghiệp. Bác là người có tâm hồn cần mẫn, người có tâm hồn cần mẫn sẽ đặt cho mình những câu hỏi mà những người khác cho rằng đã có sẵn lời giải đáp. Và do vậy, những người kia làm việc một cách uể oải – ngay cả khi họ làm điều tốt – và họ chỉ sống theo kiểu tiêu dùng.

Còn những người có tâm hồn cần mẫn dường như được liên kết bởi một thứ tình nhân ái nào đó – họ luôn luôn có khả năng tự thể hiện không giống người khác, họ có thể thấu hiểu, và nếu chưa hiểu thấu, thì họ lắng vào suy ngẫm. Thời đại ta cung cấp cho họ những chất liệu để họ suy ngẫm nhiều hơn bao giờ hết. Mạch ký ức của loài người đã giăng từ trái đất vào vũ trụ.

Có lẽ mâu thuẫn bi đát nhất của giai đoạn cuối thế kỷ XX là thiên tài của loài người thì vô tận, mà khả năng biến nó thành hiện thực lại quá mong manh, chỉ vì những trở ngại chính trị, tư tưởng và chủng tộc do chủ nghĩa đế quốc đẻ ra.

Trong điều kiện ngày nay, khi không chỉ xuất hiện các khả năng kỹ thuật để bay vào vũ trụ một cách ổn định, mà các nhu cầu kinh tế và sinh thái học của loài người còn buộc ta phải thực hiện khả năng ấy, thì việc thổi bùng sự chia rẽ giữa các dân tộc, tiêu phí tiềm lực vật chất và năng lượng tinh thần cho cuộc chạy đua vũ trang là tội ác quái đản nhất trong số các tội ác chống lại con người.

Chỉ có giải toả sự căng thẳng trên thế giới mới có thể được coi là đường lối chính trị tiến bộ hiện nay. Trên đời này không còn nhiệm vụ nào quan trọng hơn.

Nếu loài người không học được cách sống hoà bình, họ sẽ bị huỷ diệt. Không khí nghi ngờ, phòng bị, đối nghịch nhau là một trong những nguy cơ tai hại nhất, đe dọa cuộc sống thanh bình và hạnh phúc của loài người.

Người ta có thể chịu đựng lẫn nhau, nhưng họ không thể suy nghĩ hết như nhau nếu họ vẫn còn là con người, vẫn duy trì các phẩm chất người của mình. Ý muốn làm mất bản sắc cá nhân của con người từ xưa đến nay vốn dĩ là mưu đồ của các vương triều, của bọn đế quốc và bá quyền.

Kẻ nào quên quá khứ, ắt buộc phải xác định lại chỗ đứng của mình trên thế giới, kẻ nào bỏ mất kinh nghiệm lịch sử dân tộc mình và của các dân tộc khác, sẽ bị loại ra khỏi bước phát triển lịch sử và chỉ có khả năng sống với ngày hôm nay.

Chỉ cần nhắc qua cuộc ‘Cách mạng văn hoá’ ở Trung Quốc, sự thao túng ý thức dân tộc, đẩy phép biện chứng phức tạp của cuộc sống xuống mức độ vài câu trích dẫn từ cái gọi là ‘sách đỏ của Mao’, chỉ cần nhắc đến vận mệnh của một dân tộc vốn có truyền thống lâu đời trên cái nền chính sách bá quyền hiện nay của giới lãnh đạo Trung Quốc, sẽ thấy ngay sự tương hợp giữa các hiện tượng ấy, nghe ra có vẻ rất viễn tưởng.

Quả vậy, thần thoại của người cổ đại, chủ nghĩa hiện thực kỳ ảo của Gogol, của Bulgakov hay của Markes, khoa học viễn tưởng... tuy hết sức khác nhau song tất cả đều có sức thuyết phục, chính vì chúng gắn liền với hiện thực. Yếu tố viễn tưởng phóng to một vài phương diện nào đó của hiện thực, rồi sau khi công bố ‘luật chơi’, sẽ giới thiệu các phương diện ấy theo kiểu khái quát triết lý, cố vạch rõ tiềm năng phát triển của những điểm đã chọn lọc từ hiện thực.

Yếu tố viễn tưởng – đó là phép ẩn dụ cho phép nhìn cuộc sống dưới góc độ mới mẻ, bất ngờ. Trong thời đại ta, các ẩn dụ đã trở nên đặc biệt cần thiết chẳng những vì các thành tựu khoa học kỹ thuật thâm nhập vào lĩnh vực viễn tưởng trước đây, mà chủ yếu là vì thế giới ta đang sống thật dị

thường, một thế giới bị xâu xé bởi những mâu thuẫn kinh tế, chính trị, tư tưởng, chủng loại.

Bởi lẽ đó, tôi muốn các ấn dụ Sakozek trong cuốn tiểu thuyết của tôi một lần nữa nhắc nhở người lao động về trách nhiệm của họ trước vận mệnh của trái đất chúng ta...

NGƯỜI ĐI MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ

Vì đó là chuyến đi của đời người của số phận. Cao hơn nữa đó là hành trình của văn hóa từ truyền thống đến hiện đại. Khi người công nhân đường sắt Yedigei tìm cách chôn cất bạn mình là Kazangap trong nghĩa trang truyền thống của làng thì ở phía kia thế giới các chính khách Mỹ và Liên Xô đang bàn tính có nên đón tiếp các vị khách từ hành tinh khác đến trái đất hay không. Yedigei cố gắng hết sức để bạn mình được yên nghỉ trong lòng đất quê hương theo đúng phong tục tập quán mặc cho con trai người quá cố và dân làng nhạo báng nói rằng từ lâu họ đã chẳng còn tin vào truyền thống nữa. Chỉ đến khi biết được khu nghĩa trang của làng bây giờ nằm trong địa phận dành cho các hoạt động nghiên cứu vũ trụ của Liên Xô và sẽ phải dời chuyển ông mới đành thôi. Hai mạch cốt truyện song hành của “Và một ngày dài hơn thế kỷ” là để tác giả nêu lên sự căng thẳng giữa giá trị của tiến bộ khoa học kỹ thuật và tầm quan trọng của việc duy trì truyền thống và bản sắc. Một ngày dài hơn thế kỷ là cái ngày đó ngày Yedigei đưa Kazangap ra nghĩa trang dọc đường ông hồi tưởng cả cuộc đời mình và bạn mình đã sống với biết bao biến cố bao điều đã thấy và đã nghĩ. Con người thiếu văn hóa tức là mất ký ức là trở thành nô lệ cho kẻ khác là thành sát nhân. Chính ở tiểu thuyết này nhà văn đã lấy lại cái từ “mankurt” trong truyền thuyết Thổ Nhĩ Kỳ để nói về loại người đó. Một người mẹ có đứa con bị quỷ thần bắt và lấy mất ký ức. Khi bà mẹ tìm được đứa con về thì nó chẳng còn nhớ gì bố mẹ chẳng biết mình sinh ra ở đâu và cuối cùng nó đã giết người mẹ vì nghe nói bà định làm hại nó. Tên người mẹ trong truyền thuyết đó được đặt cho cái nghĩa trang làng mà Yedigei muốn chôn cất bạn mình. Và từ tiểu thuyết “mankurt” đã trở thành một danh từ chung chỉ loại người mất văn hóa mất ký ức cội nguồn bỏ cái của mình chạy theo cái của người khác. Tóm lại “mankurt” là “kẻ mất gốc”.

Vì đó là chuyến đi của tự do của sự giải phóng. Cô gái Jamilya (trong truyện cùng tên) ở một vùng núi Kyrgyzya đã nghe theo tiếng gọi của tình yêu đích thực mà không ngại ngần yêu và bỏ trốn khỏi làng cùng người lính

giải ngũ Daniyar bỏ lại phía sau mình làng quê cùng những lễ thói cũ bỏ lại người chồng đang ở mặt trận chỉ biết coi vợ như một đồ vật tôn thờ chứ không phải đối tượng tình yêu. Người em chồng đã ủng hộ chị dâu việc ấy. Câu truyện không chỉ là lời phê phán sự bất bình đẳng nam nữ trong các xã hội truyền thống phương Đông nó còn là lời ngợi ca tình yêu ngợi ca vẻ đẹp tinh thần con người dám sống và dám yêu. Nhà thơ Pháp Louis Aragon đọc truyện này xong đã không ngần ngại khen tặng “đó là thiên tình sử hay nhất thế giới”. Những ước mơ rồi sẽ thành hiện thực khi con người biết mơ ước. Như cậu bé mồ côi (trong truyện “Con tàu trắng”) mơ trở thành cá để đi tìm lại người bố yêu quý mà cậu tin là đang đi trên con tàu trắng ở hồ Issyk - Kul.

Vì đó là chuyển đi của sự hy sinh cho lợi ích con người. “Người thầy đầu tiên” là anh lính trẻ Duysen về làng đem dăm ba chữ biết được ở quân đội dạy cho các trẻ nhỏ. Anh không chỉ dạy chữ mà còn đấu tranh với các hủ tục để bảo vệ nhân phẩm con người cho các em. Anh đã đưa ánh sáng văn minh chiếu rọi nơi tăm tối và anh lặng lẽ nép mình trong bóng tối khi những học trò của mình trưởng thành bước ra vùng ánh sáng. Đức hy sinh cao cả thầm lặng. Và lòng biết ơn bị quên lãng đau đớn thấm thía. Và cũng lại từ thiên truyện cảm động đó “người thầy đầu tiên” trở thành câu cửa miệng người đời như một nhắc nhở một tự vấn lương tâm.

Người đi một ngày dài hơn thế kỷ và dắt dẫn bao độc giả khắp thế giới đi cùng mình đó là nhà văn Chingiz Aitmatov một người con của núi đồi và thảo nguyên nước cộng hòa Trung Á Kyrgyzstan. Bằng những trang văn thấm đầy nhân ái và văn hóa ông đã mang xứ sở núi non của mình ra thế giới và góp cho văn học thế giới một khuôn mặt độc đáo. Tập truyện “Núi đồi và thảo nguyên” của ông được giải thưởng Lenin (1963) đã nhanh chóng khẳng định một tài năng văn chương đích thực. Năm 1964 tập truyện này đã được dịch và in ở Việt Nam. Nó đã được đón nhận hân hoan và cũng đã bị phê phán kịch liệt. Cũng dễ hiểu thôi ở cái thời tính giai cấp còn được coi là cao hơn và mạnh hơn tính nhân loại mặc dù ở Liên Xô tác phẩm này ra đời và được trao giải thưởng cao nhất là vào thời kỳ “hừng ảm” khi bắt đầu những nỗ lực (nhưng nhanh chóng thất bại) làm cho “chủ nghĩa xã hội

mang bộ mặt người”. Phải chờ thêm gần hai mươi năm nữa trước cận kề đổi mới các tác phẩm của Aitmatov mới ulla vào Việt Nam cùng tác phẩm của một số nhà văn tiêu biểu khác cuối thời Xô Viết đem lại cho nhà văn và độc giả Việt Nam một luồng sinh khí mới trong cảm nhận suy tư và sáng tạo. Thời ấy đầu những năm tám mươi thế kỷ trước ở Liên Xô và Việt Nam người ta nói nhiều đến ba cuốn tiểu thuyết có tên bắt đầu bằng chữ “P” (tiếng Nga): *Đám cháy* (V. Rasputin) *Thám tử buồn* (V. Astafiev) và *Đoạn đầu dài* (C. Aitmatov). Những cuốn sách phơi bày một thực trạng xã hội lâu nay che kín và gióng lên tiếng chuông cảnh tỉnh con người trước nguy cơ ô nhiễm sinh thái tự nhiên và sinh thái văn hóa. Dễ hiểu với một tâm thức nhà văn như vậy nên khi nước cộng hòa Kyrgyzstan tách ra độc lập Aitmatov đã không ngần ngại đảm nhiệm các chức vụ đại sứ để giới thiệu đất nước mình với thế giới và tìm kiếm sự hòa hợp văn hóa của nước mình với nhân loại. Nhưng trên hết và sau hết ông vẫn là một nhà văn. Cuốn tiểu thuyết cuối cùng của ông “Khi những ngọn núi sụp đổ” (“Cô dâu muôn đời”) vẫn đi tiếp mạch viết “Đoạn đầu dài” nói về ý nghĩa cuộc sống trong thế giới hiện đại.

Aitmatov suốt đời phấn đấu cho một chủ nghĩa nhân đạo trong trào nguyên sơ một chủ nghĩa nhân đạo xích con người lại gần nhau không phân biệt sắc tộc tôn giáo chính kiến. Ông buồn khi thấy trên các quảng trường bao đời nay chỉ dựng tượng những chiến binh. Còn những người lao động văn hóa lao động hòa bình thì tượng họ ở đâu? “Cần phải khắc phục sự thiếu hụt này trước hết qua văn học nghệ thuật với nền tảng là chủ nghĩa nhân đạo” ông nói. Để chống lại làn sóng văn hóa đại chúng đang dâng lên mạnh mẽ khắp thế giới ông khuyên những người sáng tạo là hãy tạo ra những giá trị nghệ thuật độc đáo và hãy biết giữ gìn những giá trị đã có. Và ông tin văn hóa hòa bình sẽ đến thay thế văn hóa chiến tranh.

Chingiz Aitmatov sinh năm 1929 sang năm ông tròn 80 tuổi. Năm nay chính phủ Kyrgyzstan đã tuyên bố là năm Chingiz Aitmatov. Mới đây ông cũng đã được khối nước nói tiếng Thổ đề cử giải Nobel văn chương. Nhưng tất cả những cái đó đã lùi lại phía sau ông từ ngày 10/6/2008. Tưởng nhớ ông hãy đọc lại văn ông để ngẫm và ngẫm thêm nhiều điều bình thường và

sâu sắc nữa. Tưởng nhớ ông độc giả Việt Nam có lẽ cũng nói được như một tờ báo Nga là “tưởng nhớ một nhà văn xuất sắc và một con người mà tên tuổi và sáng tác sẽ dài hơn một thế kỷ - đó là điều chắc chắn”.

Hà Nội 12. 6. 2008

PHẠM XUÂN NGUYỄN

Nhà văn Kyrgyzstan, Chingiz Aitmatov: đau đáu yêu thương

Mỗi một nhà văn đều trưởng thành trong cái nôi văn hóa của dân tộc mình. Nhưng những nhà văn kiệt xuất luôn tới được với toàn nhân loại khi đi đến tận cùng những cảm xúc dân tộc. Nhà văn Kyrgyzstan, Chingiz Aitmatov chính là một người như vậy. Ông sinh ra và lớn lên ở nước cộng hòa Trung Á xa xôi nhưng lại viết bằng tiếng Nga và đã trở thành một trong những gương mặt tiêu biểu nhất của nền văn học Xôviết. Các tác phẩm của ông luôn đau đáu nỗi đau cho thân phận con người trong một thế giới luôn diễn ra quá nhiều bất trắc và tàn bạo.

Từ bản làng ra đi

Chingiz Aitmatov sinh năm 1928 tại bản làng Sheker xa xôi của Kirgizia (Kyrgyzstan), lúc đó còn là một nước cộng hòa thành viên của Liên bang Xôviết. Cha ông vốn là một nhân tố hoạt động tích cực trong phong trào nông dân địa phương rồi trưởng thành lên tới vị trí một lãnh đạo cao cấp của nước cộng hòa.

Tuy nhiên, năm 1937, trong những rối lẩn chính trường ở Liên Xô thời đó, thân phụ nhà văn tương lai đã bị bắt giữ rồi bị xử bắn năm 1938. Thân mẫu, một phụ nữ người Tatar, từng tham gia công tác tuyên truyền chính trị trong quân đội Xôviết và sau này, phát triển thành một nhà hoạt động xã hội có tiếng. Nhà văn tương lai cùng các chị em gái của mình đã trở về nơi chôn nhau cắt rốn Sheker theo lệnh của người cha trước khi ông bị bắt. Tuổi thơ của Aitmatov đã trôi qua ở đó...

Ngay từ nhỏ, nhà văn tương lai đã trải qua một bài học khắc nghiệt về danh dự: dù biết cha mình bị oan uổng nhưng cậu bé Chingiz không bao giờ giấu giếm xuất thân của mình và luôn trung thực chấp nhận những trớ trêu vì câu chuyện của thân phụ, dù có thể bị đối xử không công bằng... Sau này, tính cương trực đó đã được thể hiện rất rõ nét trong các tác phẩm của Aitmatov...

Sau khi học hết lớp tám, Aitmatov đã lên Dzhabun và vào học trường trung cấp thú y. Tiếp theo, nhà văn tương lai thi vào Trường Đại học Nông nghiệp. Năm 1953, tốt nghiệp Đại học Nông nghiệp, Aitmatov làm việc một số năm trong Viện nghiên cứu khoa học về gia súc, đồng thời bắt tay vào viết những truyện ngắn đầu tiên bằng tiếng mẹ đẻ.

Năm 1956, Aitmatov thi đậu vào khóa dạy viết văn cao cấp ở Moskva. Truyện vừa Mặt đối mặt của Aitmatov viết bằng tiếng mẹ đẻ được in trên tạp chí Ala Too năm 1957 và được đánh giá là một phát hiện mới trong xử lý tâm lý con người của nền văn học Kirgizia. Mặt đối mặt kể về giai đoạn lịch sử hào hùng nhưng bi thảm của quốc gia Xôviết, những năm chiến tranh Vệ quốc vĩ đại. Câu chuyện xảy ra ở một bản làng Kirgizia xa xôi với nhiều tình tiết đầm nước mắt. Nhân vật nữ chính của tác phẩm Seide đã phải ngâm đắng nuốt cay bởi nỗi oan là kẻ đào ngũ...

Năm 1958, Aitmatov đã in được truyện ngắn đầu tiên trên tạp chí Tháng Mười. Tuy nhiên, chỉ tới truyện vừa Dzhamilia, Aitmatov mới thực sự chinh phục được độc giả và các nhà văn. Ngay lập tức tác phẩm này được Louis Aragon dịch ra tiếng Pháp năm 1959.

Trong lời nói đầu của bản dịch ra tiếng Pháp, chính Aragon đã đánh giá:

“Trước khi nói tất cả những gì mà tôi nghĩ về Dzhamilia, tôi cần phải nhấn mạnh rằng, tôi coi đó là tác phẩm tuyệt vời nhất trên thế giới về tình yêu.

Tại đây, tại thành Paris kiêu hãnh, thành Paris của Villon, Hugo và Baudelaire, thành Paris của các ông vua và các cuộc cách mạng, thành Paris, đô thị vĩnh cửu của nghệ thuật, nơi từng viên đá gắn bó với huyền thoại hay lịch sử, trong thành phố của những tình nhân... Trong thành Paris từng nhìn thấy mọi sự, đọc mọi thứ, trải qua mọi điều, tôi đã đọc Dzhamilia chứ không phải Werther, không phải Antonio và Cleopatra và cũng không phải Giáo dục tình cảm...

Và tất cả những hình ảnh Romeo và Julietta, Paolo và Francesca, Hermani và Dona Sol đều trở nên mờ nhạt... bởi vì tôi đã gặp được Danyar

và Dzhamilia, hai người đã đưa tôi về với năm thứ ba chiến tranh, vào đêm tháng 8/1943 ở đồng bằng Kurkurey...”.

Ngay từ lúc đó, Aragon cũng dự đoán tương lai văn học của Aitmatov:

“Ai cũng chỉ có một đời. Chingiz Aitmatov mới chỉ bắt đầu cuộc đời đó. Nhưng có lẽ là anh đã tự lại được trong trái tim mình, đã nhận thức được bằng trí tuệ của mình tất cả những trải nghiệm vô cùng tận của nhân loại. Và chính vì thế nên chàng trai trẻ này đã nói về tình yêu hơn bất kỳ ai khác... Ôi, Musset ơi, anh bạn có thể tiếc nuối vì không được biết về cái đêm tháng tám đó ở miền Kirgizia xa xôi! Và có thể ghen tị với người ở tuổi ba mươi – người đã không đánh mất cả sức mạnh lẫn cuộc sống...”.

Cho tới nay, đây là tác phẩm được phổ cập nhất của nhà văn. Được dịch ra hầu hết các ngôn ngữ trên thế giới. Chỉ riêng bằng tiếng Đức, Dzhamilia được tái bản tới 37 lần... Truyện vừa này về sau cũng đã được đưa vào sách Những truyện núi đồi và thảo nguyên mang lại danh tiếng quốc tế cho Aitmatov... Những truyện núi đồi và thảo nguyên đã được trao giải thưởng Văn học Lenin...

Trở về quê sau khi tốt nghiệp khóa dạy viết văn cao cấp ở Moskva, Aitmatov đã làm phóng viên một thời gian rồi chuyên tâm về sáng tác văn học và lãnh đạo các tạp chí văn học danh tiếng ở cả Kirgizia lẫn Moskva. Những tác phẩm văn học xuất sắc đã đưa ông lên một trong những vị trí hàng đầu của nền văn học Xôviết. Ông từng được nhận Giải thưởng Lenin năm 1963 và ba lần nhận Giải thưởng Quốc gia Liên Xô vào các năm 1968, 1980 và 1983.

Sau khi Liên Xô tan vỡ, Aitmatov từng làm đại sứ của nước Cộng hòa Kyrgyzstan tại ba nước thuộc Liên minh kinh tế Benelux (Bỉ, Hà Lan và Luxembourg). Hơn ai hết, Aitmatov đã chứng minh được chân lý: Không có nền văn hóa lớn và nền văn hóa nhỏ, mọi dân tộc dù đông người hay ít người đều có cơ hội cất lên tiếng nói nghệ thuật xứng đáng của chính mình. Những tác phẩm cuối đời của Aitmatov càng củng cố hơn vị trí một nhà văn hàng đầu của ông trong thế giới hiện đại.

Sách của Aitmatov được xuất bản ở khắp nơi trên thế giới, nhiều nhất là ở CHLB Đức, trong 7 - 8 năm gần đây tại đó đã phát hành tới cả triệu

bản sách của ông. Đối với một nhà văn ở châu Âu, đó là số lượng khổng lồ. Tại Việt Nam ta, độc giả từ lâu đã biết và yêu hàng loạt những tác phẩm của ông như *Người thầy đầu tiên*, *Dzhamilia*, *Con tàu trắng*, *Cây phong quàng khăn đỏ*, *Một ngày dài hơn thế kỷ*...

Cuộc đời thú vị

Là một nhà văn lớn, Aitmatov đã trải qua những tháng ngày có rất nhiều giai thoại. Và những giai thoại đó vẫn được truyền tụng cho tới ngày hôm nay.

Người ta kể rằng, món tiền đầu tiên mà Aitmatov được lĩnh nhờ năng khiếu văn học của mình không phải là lúc đã lớn, khi ông được trao Giải thưởng Lenin cho tác phẩm *Chuyện núi đồi và thảo nguyên* mà là từ lúc... 5 tuổi. Khi đó, trong nông trang bị chết một con ngựa.

Và vị bác sĩ thú y người Nga xuống đây để xác định nguyên nhân con ngựa bị chết đã không biết làm sao giải thích cho các nông trang viên hiểu được nguyên do đã làm ngựa chết vì ông không biết tiếng địa phương, còn người địa phương lại không thạo tiếng Nga. May mà có cậu bé Chingiz, lúc đó mới 5 tuổi: Cậu đã dịch tuyệt vời đến mức bà nội nghe thích quá, đã thưởng cho cậu một súc thịt lớn để cậu mang ra ăn cùng bạn bè...

Một trong những tác phẩm mới nhất của Aitmatov là *Tuổi thơ tôi ở Kyrgyzstan* được xuất bản bằng tiếng Đức trước khi ra mắt bằng tiếng mẹ đẻ của nhà văn. Số là, người bạn lâu năm của ông, dịch giả người Đức Fridrich Hitse đã nghe ông kể chuyện về tuổi thơ của ông và viết lại bằng tiếng Đức. Chính vì thế nên đã có thời gian, những người hâm mộ tài năng của Aitmatov, vốn chỉ viết văn bằng tiếng Kyrgyzstan và tiếng Nga, đã không thể đọc được cuốn sách mới này của ông nếu không biết tiếng Đức...

Có lần, Aitmatov nhận được thư gửi từ thành phố Boston của nước Mỹ. Độc giả người Mỹ này, vốn rất yêu thành phố của mình, cảm ơn nhà văn đã nhắc tới Boston trong cuốn sách *Plakha* (Aitmatov đã đặt tên Boston cho con chó trong sách). Viết thư trả lời độc giả người Mỹ, Aitmatov đã buộc phải giải thích rằng, thực ra, theo tiếng Kyrgyzstan, “boston” có nghĩa là cái áo lông màu xám.

Con gái của nhà văn (ông có bốn người con từ hai cuộc hôn nhân) cũng nổi nghiệp cha và viết văn, không phải bằng tiếng Nga hay tiếng Kyrgyzstan mà bằng tiếng Anh vì cô đang sống ở New York. Hai người con trai lớn của Aitmatov hiện là viên chức ở Kyrgyzstan, còn người con trai nhỏ đang học hội họa.

Aitmatov suốt một thời gian dài giữ chức Chủ tịch Hội điện ảnh Kyrgyzstan. Ông giải thích rằng, điều này rất có lý vì phần lớn những bộ phim hay đều dựa vào kịch bản là những tác phẩm văn học xuất sắc. Năm 2002, Aitmatov còn làm Chủ tịch Ban giám khảo Liên hoan phim quốc tế Moskva...

Năm 2004, nhân dịp Aitmatov bước vào tuổi 75, Trường Đại học Moskva mang tên Lomonosov (MGU) đã phong tặng ông bằng tiến sĩ danh dự. Các nhà khoa học cho rằng, một nhà văn có những tác phẩm như *Cây phong quàng khăn đỏ*, *Dzhamilia*, *Một ngày dài hơn thế kỷ*... thì không cần phải bảo vệ bất cứ một luận án nào cũng xứng đáng ngồi vào ghế tiến sĩ.

HOÀNG OANH

và một ngày dài hơn thế kỷ
Chinghiz Aitmatov

Chương 1

Đây cuốn sách này thay cho thể xác ta

Và từ ngữ này thay cho tâm hồn ta.

GRIGOR NAAEKATSI

Thán thư (thế kỷ X)

Phải thật kiên nhẫn trong khi tìm mồi ở những nương rãnh khô cạn và lở lói. Một con cáo đói lần theo dấu chân lầy nhầy, dễ lẫn đến mức chóng mặt của loài chuột nhắt, lúc thì hấp tấp cào bới hang chuột, lúc thì náu mình chờ một con chuột nhỏ đang nép đầu đó nhảy ra chỗ trống, để có thể vồ lấy nó ngay tức khắc. Từ xa, con cáo chậm rãi và kiên nhẫn tiến lại gần tuyến đường sắt, về phía dải đất thẫm màu nổi lên cao cao, thẳng tắp giữa thảo nguyên.

Bãi đất ấy vừa quyến rũ, vừa đe dọa con cáo nhỏ. Trên đó, những đoàn tàu sầm sầm lao đi, khi về hướng này, khi về hướng kia, để lại phía sau bụi xỉ và mùi khói khét lẹt bị gió tạt là là trên mặt đất. Cả khu vực lân cận rung chuyển nặng nề mỗi khi có chuyến tàu lao qua.

Gần tối, con cáo nằm xuống cạnh cột điện thoại, dưới đáy khe, trong một bụi cây chút chút khô và dày. Nó cuộn mình thành một khối màu hung hung cạnh những thân cây chút chút màu đỏ sẫm ken sát nhau, và kiên nhẫn chờ đêm xuống. Hai tai nó dỏng lên lắng nghe tiếng gió rì rì thổi nhẹ qua lớp cỏ chết khô cứng queo, dây cột điện thoại cũng rên rĩ tẻ nhạt. Song con cáo không sợ tiếng rên ấy, vì dây cột chỉ đứng cố định một chỗ, không hề truy đuổi nó.

Nhưng tiếng sầm sập của những đoàn tàu mỗi lần lao qua đều làm cho nó run lên, căng thẳng và thu mình lại gọn hơn nữa. Tấm thân nhỏ nhoi và hai dây xương sườn yếu ớt của nó cảm nhận cái sức mạnh ghê gớm, tưởng chừng long trời lở đất kia, song nó vẫn cố nén sợ hãi và ghê tởm các mùi lạ, để nằm dưới lòng rãnh chờ khi đêm xuống, con đường sẽ trở lại yên tĩnh hơn.

Hoạ hoắm lắm, nó mới mò đến kiếm ăn ở đây, chỉ trong những trường hợp hoàn toàn đói mồi...

Khi không có đoàn tàu nào chạy qua, thảo nguyên đột nhiên trở nên im ắng như sau vụn đất lở, và những lúc im lặng tuyệt đối ấy, con cáo nhỏ lại nằm bắt trong không khí một thứ âm thanh cao tần khó hiểu và đáng ngờ nào đó thoang thoảng phía trên thảo nguyên đang đập choạng tối, một thứ âm thanh chẳng của giống vật nào cả. Có thể đó là trò chơi của các dòng quyền lưu, mà cũng có thể là dấu hiệu sắp thay đổi thời tiết. Bằng bản năng, con cáo nhỏ cảm nhận điều ấy và nó cay đắng nằm bẹp dí tại chỗ. Nó muốn tru lên thành tiếng, muốn rên ư ử vì lờ mờ linh cảm một tai hoạ chung nào đó. Nhưng cái đói vẫn lấn át ngay cả dấu hiệu cảnh báo ấy của tự nhiên.

Vừa liếm láp các đệm thịt ở gót chân đã hơi chai đi vì chạy nhiều, con cáo vừa khẽ rên ư ử.

Trước đây, khi sắp chuyển sang thu, trời cứ tối là lạnh giá. Đêm thì rét, đất phủ một lớp sương trắng như muối và dễ tan. Vậy là sắp bước vào cái mùa buồn tẻ đối với loài thú sống ở thảo nguyên. Những con mồi vốn đã hiếm hoi ở vùng này vào mùa hè lập tức biến mất, con thì chạy tới miền ẩm áp, con thì chui vào hang, con thì tới vùng cát tránh mùa đông. Bây giờ tháng hoặc mới gặp một chú cáo lủi thủi kiếm mồi trên thảo nguyên, tựa hồ cả loài cáo đã tới ngày tuyệt giống. Bầy cáo con năm trước đã lớn và toả đi khắp phía, nhưng chưa đến mùa đông là thời kỳ bầy cáo từ khắp nơi tụ về một chỗ, làm cái việc duy trì nòi giống, những con đực cắn xé nhau để giành con cái với sức mạnh mà thiên nhiên phú cho chúng...

Màn đêm vừa buông xuống, con cáo liền rời khỏi rãnh. Nó dỏng tai nghe, đoạn mon men tiến lại nền đường xe lửa và vọt qua vọt lại hai bên mép đường không gây một tiếng động. Ở đây, nó tìm kiếm những thức ăn thừa mà hành khách quăng xuống qua cửa sổ toa tàu. Nó phải chạy khá lâu dọc hai bên đường tàu, hít ngửi đủ thứ đồ vật có mùi khó chịu, cho đến khi vớ được một món gì tạm tạm. Suốt dọc đường tàu, rải rác các mẫu giấy và mảnh báo bị vò nhàu, các loại vỏ chai vỡ, các mẫu thuốc lá, các vỏ đồ hộp méo mó và đủ thứ rác rưởi khác. Khó ngửi nhất là cái mùi phả ra từ miệng những chai bia vỡ, tưởng ngất đi được. Sau hai lần choáng váng cả đầu óc,

con cáo không dám hít ngửi cái thứ không khí nồng nặc mùi rượu nữa. Nó xì mũi, nhảy tránh ra chỗ khác.

Vậy mà tai ác thay, nó vẫn chưa gặp được cái nó cần, sau bao nhiêu công phu chờ đợi và nén sự sợ hãi trong lòng. Song với hy vọng may ra kiếm được thứ gì ăn đỡ đói, nó vẫn kiên nhẫn chạy dọc đường tàu và thỉnh thoảng băng ngang từ bên này sang bên kia.

Nhưng đột nhiên đang chạy nó sững lại, hơi giơ một chân trước lên như bị bất ngờ. Dưới ánh mờ của vầng trăng nhàn nhạt ở trên cao, con cáo đứng giữa hai đường ray như một bóng ma câm lặng. Tiếng rì rào xa xa khiến nó cảnh giác vẫn chưa mất đi, hiện thời nghe còn quá xa. Con cáo cong đuôi, lưỡng lự đôi chân, chuẩn bị rời khỏi đường tàu, nhưng nó bỗng dừng vội vã sục sạo vệ đường. Nó linh cảm sắp được một món, mặc dù tiếng sắt thép va chạm đáng sợ và tiếng đập xình xịch của hàng trăm bánh xe từ xa cứ mỗi lúc một gần thêm. Con cáo chỉ do dự một giây nữa, rồi nó cuống quýt vọt đi, loạng choạng như một cánh bướm. Vừa lúc ấy, từ khúc đường quanh, những ánh đèn xa và gần của đoàn tàu, những tia đèn pha cực mạnh chột bùng sáng, rọi trắng loá toàn bộ địa phận phía trước, lật trần không chút thương tiếc cái vẻ cần cỗi, đói khát của thảo nguyên. Rồi đoàn tàu sầm sầm lao trên đường ray, không khí đầy mùi khói bụi khét lẹt, gió thổi ào ào.

Con cáo cắm cổ chạy thoát lui, chốc chốc ngoảnh lại và dấn mình xuống đất vì sợ hãi. Con quái vật mang ánh đèn di động kia đã lao qua, nhưng tiếng sắt thép loảng xoảng và tiếng bánh xe xình xịch phải một hồi lâu mới ngớt. Con cáo lại co căng, vắt chân lên cổ mà chạy...

Sau đó nó dừng nghỉ để thở và nó lại muốn quay về chỗ đường tàu, nơi có thể kiếm được chút gì đỡ đói. Nhưng phía trước lại thấy thấp thoáng ánh đèn trên đường tàu, tiếp đến lại một chuyến tàu hàng dài lê thê, do hai chiếc đầu máy cùng kéo.

Con cáo bèn quyết định vòng tránh khu vực này, để rồi mò ra đường tàu ở đoạn nào không có các chuyến tàu chạy qua...

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông – miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Ở vùng này, mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich.

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Nửa đêm khuya khoắt, có một người kiên trì lặn lội tìm đến gặp Edigej ở chỗ chòi bẻ ghi.

Đầu tiên, người ấy đi ngay trên đường tà - vệt. Sau đó, khi xuất hiện đoàn tàu hàng chạy ngược lại đang lao xuống dốc, người ấy né xuống vệ đường, vừa đi vừa dùng hai tay che gió và bụi thổi thốc ra từ dưới gầm tàu như một cơn lốc. (Đây là một đoàn tàu đặc biệt, luôn luôn bật đèn xanh trên đường chạy. Khi qua đây, nó sẽ rẽ sang một nhánh riêng vào vùng cấm của khu vực Sarozek. Tại đó, có đơn vị phục vụ giao thông riêng dẫn dắt đoàn tàu tới sân bay vũ trụ. Nói tóm lại, là vì thế mà cả đoàn tàu được phủ vải bạt và có bộ đội bảo vệ trên mỗi sàn toa).

Edigej đoán ngay rằng đó là vợ bác đang vội vã đến gặp bác, và sự vội vã ấy hẳn phải có lý do nghiêm trọng. Nhưng vì nhiệm vụ công tác, bác không được quyền rời vị trí bẻ ghi, khi chuyển tàu cuối cùng có người phụ trách đứng ở cửa toa mở ngỏ cửa chạy qua. Bác và người ấy phải dùng đèn xách tay đánh tín hiệu cho nhau, rằng mọi chuyện trên đường đều ổn thỏa; và chỉ khi đó, Edigej – tai còn bị ù vì tiếng ầm ầm vừa rồi – mới quay sang hỏi vợ:

– Mẹ nó đến có việc gì?

Người vợ lo lắng nhìn chồng và mấp máy môi. Edigej không nghe rõ, nhưng bác hiểu – ấy là bác nghĩ như vậy.

– Mẹ nó hãy vào đây tránh gió đã – bác kéo vợ vào trong chòi.

Nhưng trước khi nghe rõ từ miệng vợ điều chính bác đã đoán biết, thì lúc này, không hiểu sao bác lại sững sốt về chuyện hoàn toàn khác. Tuy từ trước bác cũng đã nhận ra dấu hiệu của tuổi tác, nhưng lần này, thấy vợ thở hổn hển do phải đi vội, tiếng thở cứ khò khè trong lồng ngực và hai bả vai gầy gò lên theo mỗi nhịp thở, bác bỗng có cảm giác ảm ức thay cho

vợ. Ánh điện sáng rực trong chiếc chòi bẻ ghi nhỏ bé, sơn màu trắng tuyền, chột soi rõ mồn một những nếp nhăn mà bác chưa hề nhìn thấy trên hai gò má đã bắt đầu sạm của Ukubala (trước kia Ukubala là một cô gái chắc nịch, da hơi ngăm pha màu lúa tiểu mạch, có đôi mắt đen sáng long lanh), rồi cả cái miệng khuyết mấy chiếc răng kia một lần nữa chứng tỏ rằng dù một phụ nữ đã hết thời xuân sắc cũng hoàn toàn không nên để khuyết răng như vậy (lẽ ra từ lâu, đã phải đưa vợ đi lắp những chiếc răng kim loại. Bây giờ hết thảy mọi người, từ già chí trẻ, đều lắp răng giả như thế cả). Thêm vào đó là những món tóc bạc trắng từ dưới vành khăn xoắn xuống mặt, khiến trái tim bác nhói đau.

“Ôi mình ơi, mình già mất rồi” – Edigej ngẫm thương vợ với cảm giác gờn gợn như chính bác có lỗi một phần. Bởi vậy, bác càng nặng lòng biết ơn vợ về mọi điều, về tất cả những gì hai vợ chồng từng trải qua sau nhiều năm chung sống. Và đặc biệt về việc vợ bác, giữa đêm hôm khuya khoắt, đã chạy dọc đường tàu tới điểm xa nhất của cái ga xép này để báo cho chồng biết tin Kazangap mất. Bởi lẽ, Ukubala biết rõ tin này rất hệ trọng đối với Edigej. Lão Kazangap bất hạnh – một ông già cô đơn – vừa qua đời trong ngôi nhà đắp bằng đất trống trải. Ukubala hiểu rằng trên đời này chỉ có một mình Edigej xúc động lo lắng đến cái chết của ông già Kazangap đã bị mọi người bỏ rơi, tuy rằng chồng bà chẳng phải họ hàng thân thích gì với người quá cố.

– Mẹ nó hãy ngồi nghỉ một chút đã – Edigej nói, khi hai người đã vào trong chòi.

– Ông cũng ngồi nghỉ đi – Ukubala bảo chồng.

Hai người ngồi xuống:

– Có chuyện gì vậy?

– Bác Kazangap chết rồi.

– Hồi nào?

– Vừa rồi, tôi chạy sang nhà bác ấy xem bác có cần giúp cái gì không. Tôi bước vào nhà, đèn vẫn sáng, và bác ấy vẫn nằm nghiêng trên giường, riêng chòm râu không hiểu sao lại cong ngược lên. Tôi lại gần và gọi: bác Kazangap, bác Kazangap ơi, bác có muốn uống trà nóng để tôi pha cho nhé!

Nhưng bác ấy đã đi rồi – giọng bà ghen ngào, nước mắt lăn xuống hai gò má gầy hơi ửng đỏ vì lạnh, và bác nấc lên khe khẽ. – Một con người tốt biết chừng nào, thế mà lúc chết hoá ra chả có ai vuốt mắt cho – Ukubala vừa khóc vừa nói. – Đâu ngờ một người như thế phải chết như một con... – bà định bảo như một con chó hoang, nhưng bà ngừng lại, khỏi cần nói thêm cũng đã rõ rồi.

Edigej - Bảo Tuyết, như mọi người vùng này vẫn gọi, ngồi nghe vợ nói, vẻ mặt đăm đăm, hai bàn tay gân guốc như rễ cây nặng nề đặt trên đầu gối. Chiếc mũ lưỡi trai của công nhân đường sắt đã sờn và thấm dầu mỡ che ánh đèn rơi vào mắt bác, bác đã phục vụ ở cái ga xép Boranly - Bảo Tuyết này lâu lắm, hồi mới từ mặt trận trở về. Giờ đây bác đang nghĩ gì?

– Mình phải làm gì đây? – Ukubala hỏi.

Edigej ngẩng đầu, nhìn vợ với nụ cười chua chát.

– Còn làm sao nữa! Ta sẽ mai táng bác ấy! – Bác nhồm dậy như đã quyết định dứt khoát. – Thế này nhé, mẹ nó hãy quay về nhà gấp. Và nghe tôi dặn này...

– Tôi nghe ông đây.

– Hãy đánh thức Ospan dậy. Đừng bảo trưởng ga nói, điều đó không quan trọng. Trước cái chết, tất cả đều như nhau thôi. Mẹ nó hãy bảo cậu ta rằng ông lão Kazangap đã chết, ông lão đã làm việc bốn mươi năm liên tục ở nơi này. Có lẽ khi Kazangap bắt đầu ở đây thì Ospan còn chưa ra đời, và hồi ấy dù có thuê tiền cũng chẳng ai chịu mang một con chó tới đây nuôi. Trong thời gian Kazangap làm việc, số đoàn tàu chạy qua còn nhiều hơn cả số sợi tóc trên đầu... Mẹ nó cứ nói như thế, để cậu ta suy nghĩ. Và nghe tôi dặn này...

– Tôi nghe ông đây.

– Mẹ nó hãy đánh thức mọi người dậy, hãy gõ tất cả các cửa sổ. Nào đông đúc gì cho cam, tổng cộng chỉ có tám nhà, đếm được trên đầu ngón tay... Hãy gọi tất cả dậy, đêm nay không ai được ngủ, khi có một người như thế qua đời. Hãy gọi tất cả dậy.

– Nhỡ họ tức giận trách móc mình thì sao?

– Việc của ta là báo tin cho mọi người biết, còn ai muốn chửi bới, trách móc gì mặc kệ họ. Cứ bảo là tôi ra lệnh đánh thức, phải có lương tâm chứ! Hợm đã!

– Còn việc gì nữa?

– Trước hết mẹ nó chạy tới phòng trực ga. Hôm nay Shajmerden ngồi điều vận, hãy báo cho anh ta biết và bảo anh ta thử nghĩ xem nên làm gì. May ra có thể tìm được người thay tôi lần này. Nếu tìm được, báo cho tôi biết. Mẹ nó hiểu chưa, cứ bảo anh ta thế nhé!

– Tôi sẽ nói với anh ta! – Ukubala đáp, rồi như chợt nhớ ra điều chủ yếu nhất đã quên biến đi mất, bà nhắc: – Thế còn đám con cái của bác Kazangap? Phải điện ngay cho chúng nó biết trước tiên chứ, đằng này lại... Bố chết kia mà...

Edigej cau mày khó chịu khi nghe câu nói ấy, bác chẳng buồn đáp.

– Con cái dù có thế nào thì vẫn là con cái – Ukubala nói tiếp, giọng như phân trần, vì biết rằng Edigej không thích nhắc chuyện ấy.

– Tôi biết chứ – bác phẩy tay. – Đâu phải tôi không hiểu gì! Đúng thôi, không thể vắng mặt chúng được; tuy rằng nếu để tôi quyết, thì chả đời nào tôi cho lũ đó lại gần!

– Ông ơi, đó không phải là việc của ta. Hãy để chúng nó về và tự chôn cất bố chúng. Kéo sau lại lời ra tiếng vào đủ chuyện...

– Làm như tôi ngăn cản không bằng! Thì cứ để chúng nó đến.

– Nhỡ con trai bác ấy trên thành phố không về kịp?

– Kịp thôi, nếu nó muốn. Hôm kia lên ga chính, tôi đã đánh điện cho nó, báo tin cha nó ốm nặng, khó qua khỏi. Nói thế là đủ! Nó vẫn tự coi mình là đứa thông minh, nó phải hiểu chứ...

– Nếu vậy thì ổn rồi – bà vợ vừa lòng với lý lẽ của chồng và như vẫn đang nghĩ đến điều khiến bà lo ngại, bà nói tiếp: – Giá nó đem cả vợ về thì tốt, dầu sao cũng là bố chồng qua đời, chứ đâu phải người dưng...

– Việc đó thì kệ vợ chồng nó quyết định. Khỏi cần gợi ý, chúng nó đâu còn là trẻ con.

– Đương nhiên, đương nhiên rồi – bà Ukubala đành chấp nhận, dù vẫn còn nghi ngại.

Hai người cùng im lặng.

– Thôi, mẹ nó đừng chần chừ nữa, đi đi.

Nhưng bà vợ lại còn điều muốn nói:

– Còn con gái bác ấy, con bé Ajzada khốn khổ, sống với thằng chồng nghiện ngập và lũ con ở trên ga chính, nó cũng phải về làm tang bố chứ?

Edigej bắt giắc mỉm cười, vỗ vai vợ:

– Bây giờ mẹ nó bắt đầu lo hộ hết thấy mọi người. Từ đây đến chỗ Ajzada chẳng bao xa, sáng mai sẽ cho người lên báo tin. Tất nhiên nó sẽ về kịp. Mẹ nó nên hiểu rằng cả con Ajzada lẫn thằng Shabitzhan, nhất là cái thằng con bất hiếu ấy, chẳng làm được trò gì đâu. Rồi mẹ nó xem, chúng nó sẽ về thôi, né tránh sao được, nhưng chúng cũng chỉ đứng nhìn như khách lạ, còn làm ma cho bác Kazangap vẫn là việc của chúng ta, vậy đó... Thôi, mẹ nó hãy đi làm những gì tôi đã dặn.

Ukubala đã bước đi, song còn chần chừ dừng lại, rồi mới bước tiếp. Lúc ấy Edigej gọi với theo:

– Nhớ đến chỗ phòng trực gặp Shajmerden trước đã, để anh ta cử người đến thay tôi, sau đó tôi sẽ làm bù. Ai lại để người qua cố năm một mình trở trọi trong căn nhà trống... Mẹ nó cứ bảo thế nhé...

Và bà vợ gật đầu, bước vội. Lúc ấy trên bảng điều khiển, đèn tín hiệu màu đỏ, nhấp nháy, kêu ề ề – một đoàn tàu mới đang chạy về ga Boranly - Bảo Tuyết. Theo lệnh của trực ga, phải dồn nó vào tuyến đường dự phòng, để thông đường cho một đoàn tàu chạy ngược chiều cũng đang sắp vào ga, một sự dồn tàu thông thường. Trong khi các đoàn tàu chạy qua theo đường của chúng, Edigej thỉnh thoảng lại ngó về phía Ukubala đang đi xa dần bên vệ đường như thể bác còn quên nói điều gì với vợ. Dĩ nhiên còn có điều cần nói, trước khi mai táng còn thiếu gì việc phải lo, không thể nhớ ngay tất cả, nhưng bác nhìn theo vợ chẳng phải vì lý do ấy. Đơn giản là vì chính lúc này bác mới để ý thấy vợ bác già đi, lưng còng xuống rõ rệt trong màn khói màu vàng của ánh đèn đường.

Bác nghĩ: Vậy là cái già đã ngồi chễm chệ trên vai. Thành ông lão bà lão mất rồi! Và tuy rằng trời phú cho bác sức khỏe tốt, bác còn dẻo dai lắm, nhưng dầu sao cũng đã bước sang tuổi sáu mươi mốt rồi. “Độ hai ba năm

nữa người ta sẽ mời mình về hưu thôi” – Edigej tự nhủ không hề có ý điều cợt. Song bác biết rằng bác chưa về hưu sớm như vậy, cũng không dễ dàng tìm được người thay chân bác ở vùng này. Bác vừa làm thợ bẻ ghi, vừa làm công nhân sửa chữa, bẻ ghi thì thỉnh thoảng thôi, khi nào có ai bệnh hoặc nghỉ phép. Mấy ai muốn đến vùng đất hẻo lánh, xa xôi và khô cằn này để nhận thêm vài đồng lương? Cứ thử tìm ra một người thợ như vậy trong số thanh niên bây giờ mà xem.

Để sống ở các ga thuộc miền Sakozek, phải có tinh thần, nếu không sẽ gục ngã. Thảo nguyên mênh mông, con người thì bé bỏng. Thảo nguyên hờ hững, anh khổ sở hay vui sướng, nó cũng mặc kệ anh; anh hãy tiếp nhận nó như nó đang có. Trong khi đó con người lại quan tâm đến mọi thứ trên đời; những gì xảy ra, xảy ra như thế nào và họ buồn bã, khổ sở cảm thấy rằng, giá ở một nơi khác, bên cạnh những người khác, có lẽ mình sẽ sung sướng hơn, còn ở đây chỉ có sự trống trải của số phận... Và vì lẽ đó, người ấy đánh mất bản thân mình trước thảo nguyên khắc nghiệt và vĩ đại; người ấy mất hết tinh thần, như cái ắc quy trong chiếc mô tô ba bánh của Shajmerden mất điện. Shajmerden cứ khư khư giữ gìn cái xe, anh ta chẳng đi và cũng không cho ai mượn. Vậy là chiếc xe cứ đứng chết dí một chỗ, lúc cần thì không nổ được máy, chẳng chạy được vài bước. Con người ở miền Sarozek cũng thế: nếu không tha thiết với công việc, không bám rễ vào thảo nguyên thì không sống nổi, và khó lòng ở yên một chỗ. Những hành khách từ trên các toa tàu ngó xuống, phải giơ hai tay ôm đầu: – Trời ơi, sao người ta có thể sinh sống ở đây được nhỉ? Bốn phía chỉ thấy thảo nguyên và lạc đà! Vậy mà người ta vẫn cứ sống, nếu ai có đủ kiên nhẫn. Ba năm, nhiều lắm chỉ bốn năm, rồi cũng đến bỏ đi nơi khác...

Ở ga Boranly - Bão Tuyết chỉ có hai người bám rễ suốt đời là Kazangap và bác – Edigej - Bão Tuyết. Bao nhiêu vị khác đến rồi đi! Về phần bác chưa dám nói, chứ ông già Kazangap thì đã làm việc ở đây bốn mươi năm, không phải vì ông già ấy kém cỏi so với những vị khác. Dù có đem đổi Kazangap lấy mười người, Edigej cũng chẳng chịu... Giờ thì Kazangap không còn nữa, ông già chết rồi....

Các chuyến tàu vẫn chạy, chuyển sang phía đông, chuyển về phía tây. Đường tàu ở Boranly - Bão Tuyết có nhiều lúc vắng lặng. Và mọi vật xung quanh lập tức hiện ra rõ rệt – những ngôi sao trên bầu trời đêm đêm hình như nhấp nháy sáng hơn, và gió như thổi mạnh hơn bên vệ đường, trên lớp đá sỏi trải giữa hai thanh ray đang khẽ ngân nga.

Edigej không bước vào trong chòi. Bác đứng tựa vào cây cột, suy nghĩ. Đằng xa trước mặt, bên kia đường sắt, là hình bóng mờ mờ của bầy lạc đà đang nhai cỏ trên cánh đồng. Chúng đứng lặng dưới trăng, chờ đêm trôi qua. Và trong số đó, Edigej nhận rõ con lạc đà hai bướu, đầu to của bác; con lạc đà thuộc loại khoẻ nhất, đi nhanh nhất miền Sarozek này và nó giống chủ của mình, nó cũng được gọi là Karanar - Bão Tuyết. Edigej kiêu hãnh vì Karanar. Nó là một con vật có sức khoẻ hiếm thấy, tuy điều khiến nó không đơn giản, bởi vì Karanar là con đực mà hồi trước Edigej lại không thiện.

Edigej tự nhủ là sáng mai cần lừa con Karanar về nhà sớm để thẳng yên. Bác sẽ cùng nó đi đưa ma, đầu óc bác còn lo nghĩ nhiều chuyện khác nhau....

Ở khu ga, mọi người vẫn đang ngủ yên. Đầu ga đằng kia, có mấy gian nhà nhỏ là nơi làm việc, thêm sáu ngôi nhà giống nhau lợp phibro xi măng do ngành đường sắt xây dựng, với ngôi nhà của Edigej, do chính bác dựng nên. Và cái nhà bằng đất của ông lão Kazangap quá cổ, rồi các kiểu bếp lò làm ngay ngoài sân, các hàng rào bằng sậy che gió cho đàn gia súc, cùng nhiều thứ lặt vặt khác. Giữa khu vực ấy có một cái cối xay gió vạn năng, vừa làm quay cái bơm điện và khi cần có thể bơm nước bằng tay, xuất hiện ở đây được mấy năm nay. Đó là toàn bộ khu ga Boranly - Bão Tuyết.

Khu ga nằm ven tuyết đường sắt vĩ đại, giữa thảo nguyên Sarozek mênh mông. Một khâu nối nhỏ bé trong hệ thống chằng chịt như mạch máu các ga chính ga phụ, các đầu mối giao thông, các đô thị... Toàn bộ khu ga đứng chơ vơ, hứng mọi thứ gió trên đời, nhất là gió mùa đông, khi những trận bão tuyết miền Sarozek thổi lồng lộn, vun tuyết ngập đến cửa sổ các ngôi nhà và dồn thành đụn lớn trên đường tàu... Bởi thế, ga xép này mang

tên Boranly - Bão Tuyết, và tấm biển treo ở cửa ga được viết bằng hai thứ tiếng: Boranly – tiếng Kazak và Bão Tuyết – tiếng Nga...

Edigej còn nhớ, hồi chưa có các loại máy cào tuyết hoạt động, với những thiết bị bắn tuyết văng tung toé, với những lưỡi dao gạt tuyết sang hai bên..., khi phải xử lý các đụn tuyết trên đường tàu, có thể nói, bác và Kazangap từng phải đánh vật một mất một còn với chúng. Tưởng như việc đó mới gần đây thôi, năm năm mươi, năm năm một, mùa đông rét mới khiếp chứ. Đâu chỉ ngoài mặt trận mới sử dụng sinh mệnh cho những việc làm một lần, như lao lên tấn công hay một mình ném lựu đạn vào gầm xe tăng!... Ở đây, những việc như thế xảy ra luôn. Tuy không ai giết anh, nhưng anh tự giết mình. Đã bao nhiêu đồng tuyết phải dọn bằng tay, cào bằng mê, hoặc tống vào bao tải vác lên trên đồi; chẳng hạn ở cây số thứ bảy, nơi đường tàu xuyên qua một quả đồi bị xẻ ngang. Và mỗi lần như thế lại tưởng chừng đó là trận sống mái cuối cùng với bão tuyết, đành phải nhắm mắt nộp mạng cho thần chết, miễn sao khỏi phải nghe tiếng còi tàu giục giã, đòi thông đường giữa thảo nguyên!

Nhưng hồi ấy những đồng tuyết rồi cũng tan, các tàu lại lao qua, năm tháng lại trôi đi... Ngày nay chẳng mấy ai nghĩ đến điều đó, chuyện quá khứ mà... Những tay cán bộ bảo đảm giao thông ngày nay cười xe đến đây, rồi những đội kiểm tra - sửa chữa ồn ào. Tất cả bọn họ không tin, không hiểu, không thể tưởng tượng rằng một nhóm người chỉ có xẻng thôi lại đủ sức dọn tuyết thông đường giữa thảo nguyên Sarozek! Thần kỳ! Có vị còn cười nhạo: Tội gì chuốc lấy những cực hình ấy! Tại sao lại tự chôn mình như thế! Chúng tôi ấy à, chúng tôi mặc xác! Sao các anh không vứt mẹ nó đấy, sao các anh không tìm nơi khác, đến một công trường lớn, ít ra cũng có những điều kiện tối thiểu mà làm việc! Làm bao nhiêu công sẽ được trả bấy nhiêu lương. Có việc gấp rút thì hò nhau làm ngoài giờ... “Các ông già lắm cẩm ời, các ông ngu dại thì chết cũng đáng đời!...”

Khi gặp những vị ‘khôn ngoan’ kiểu đó, Kazangap không thèm để ý đến họ, dường như điều ấy chẳng can hệ gì tới mình. Bác chỉ cười khẩy, tựa hồ tự thâm biết những gì lớn lao mà bọn kia không thể hiểu nổi. Riêng

Edigej không nhìn được, lắm lúc nóng mặt, cãi nhau những trận ra trò với họ, song chỉ chuốc thêm bực mình.

Edigej và Kazangap thường trò chuyện với nhau về cái mà đám thợ kiểm tra - sửa chữa ngày nay vẫn chế nhạo, mỗi khi họ đến đây trên những toa xe chuyên dùng. Hai bác còn nói nhiều chuyện khác vào những năm mà bọn thợ khôn ngoan kia hẳn mới là lũ trẻ ở trường. Thời ấy, hai bác còn phải vất óc lo đến sinh hoạt hàng ngày nữa chứ. Từ bấy đến nay đã lâu quá rồi, từ năm bốn mươi lăm kia, nhất là sau khi ông già Kazangap về hưu, và cuộc sống của bác ấy không xuôi chèo mát mái: bác lên thành phố ở với thằng con trai, ba tháng sau đã bỏ về đây. Dạo đó hai bác đã luận bàn đủ thứ chuyện trên đời, Kazangap quả là một người thông thái. Có những điều đáng nhớ... Và bỗng nhiên Edigej vô cùng cay đắng khi hiểu ra rằng từ nay bác chỉ có thể nhớ lại mà thôi...

Edigej vội bước vào chòi khi nghe tiếng micro của máy đàm thoại nội bộ kêu lạo xạo. Trong cái máy ngớ ngẩn ấy có tiếng lọc ọc một lát, sau đó mới vang lên giọng nói:

– Bác Edigej, alo, bác Edigej – giọng trực ga Shajmerden ề ề. – Bác nghe rõ không? Trả lời đi! – Tôi nghe đây! Nghe rõ!

– Bác có nghe rõ không?

– Nghe rõ, nghe rõ!

– Rõ như thế nào? – Như từ thế giới bên kia!

– Tại sao lại từ thế giới bên kia? – Chả tại sao cả!

– À ra vậy... Nghĩa là tại ông lão Kazangap ở bên ấy! – Ở bên ấy làm sao?

– Nghĩa là ông lão đã... sang thế giới bên kia – Shajmerden cố tìm lối nói thích hợp. – Nói thế nào nhỉ? Nghĩa là ông lão đã đi hết chặng đường vinh quang của mình. – Ừ – Edigej đáp gọn lỏn.

“Đồ khốn kiếp – bác nghĩ – người ta chết mà nó cũng chẳng biết cách nói cho nó giản dị”.

Shajmerden ngừng một phút. Micro càng lạo xạo, lẹt xẹt, để lộ tiếng thở rõ hơn. Sau đó Shajmerden lè nhè:

– Này, Edigej, yêu cầu bác đừng có làm tôi rối trí. Nếu ông lão chết thì chết chứ sao... Bây giờ chỗ tôi chẳng có ai hết, tại sao bác lại phải ngồi bên người chết mới được chứ? Ngồi như thế có làm cho ông lão sống lại được đâu kia chứ?

– Còn tôi thì tôi cho rằng cậu chẳng hiểu cái gì hết – Edigej nổi giận. – Đừng làm rối trí nghĩa là thế nào! Cậu mới về đây hơn một năm, còn tôi với bác Kazangap đã làm việc với nhau ba chục năm. Cậu nghĩ xem, một người trong số chúng ta qua đời, không ai được bỏ mặc người quá cố nằm chổng chơ một mình trong ngôi nhà trống vắng như thế.

– Làm sao ông lão ấy biết mình nằm một mình hay có người ngồi bên?
– Nhưng chúng ta biết.

– Thôi được, bác đừng có làm ầm ĩ lên nữa!– Đây là tôi giải thích cho cậu nghe.

– Vậy bác muốn gì? Ở chỗ tôi chẳng còn ai cả. Bác có về chỗ ông lão thì cũng chả làm được việc gì sất, giữa lúc đêm hôm khuya khoắt thế này.– Tôi sẽ cầu nguyện cho người quá cố. Đọc bài cầu nguyện ấy mà.

– Cầu nguyện? Bác, Edigej - Bão Tuyết mà lại cầu nguyện?– Ừ, tôi. Tôi biết bài cầu nguyện.

– Hay chữa, sáu chục năm sống dưới chính quyền Xô Viết rồi.– Cậu im đi, chính quyền Xô Viết thì dính dáng gì đến chuyện này! Người ta đã cầu cho vong linh người chết từ thời xưa thời xưa. Con người qua đời, chứ đâu phải con vật!

– Thôi được, bác cứ cầu nguyện, nhưng đừng có la ầm ĩ lên nữa. Tôi sẽ cho người đi gọi Edibaj - Cò Hương, nếu ông ta đồng ý thì sẽ đến thay cho bác... Còn bây giờ thì chuẩn bị đi, đoàn tàu số 117 sắp tới ga, bác hãy đưa nó sang đường dự phòng....

Shajmerden tắt máy đàm thoại nội bộ. Edigej vội ra chỗ bẻ ghi, và trong khi làm phận sự, bác cứ nghĩ: không biết Edilbaj có đồng ý đến thay mình chẳng. Và bác thêm hy vọng – dầu sao người ta vẫn có lương tâm – khi bác nhìn thấy cửa sổ của mấy ngôi nhà bừng sáng, bầy chó sủa ầm ĩ. Nghĩa là vợ bác đang đi đánh thức dân Boranly dậy.

Trong lúc ấy, đoàn tàu số 117 đã chạy vào đường dự phòng. Từ đầu ga đằng kia tiến lại một đoàn tàu chở dầu – toàn là những xitec. Hai đoàn tàu gặp nhau, một chạy về hướng đông, một chạy về hướng tây.

Đã hai giờ sáng. Các ngôi sao trên trời đua nhau lấp lánh, mỗi ngôi một vẻ lung linh riêng. Và mặt trăng trên bầu trời Sarozek bắt đầu chiếu rõ hơn, dường như được tiếp thêm một sức mạnh nào đấy. Còn bên dưới, trên thảo nguyên Sarozek mênh mông tím tắp, chỉ thấy hình bóng bầy lạc đà, trong đó nổi lên Karanar - Bão Tuyết cao lớn và những đường viền mờ nhạt của các gò đồng ở gần. Ngoài ra, mọi vật đều chìm vào bóng đêm vô tận. Gió không chịu ngủ, cứ thổi rù rù.

Edigej hết vào lại ra khỏi chòi, ngóng trông Edilbaj có xuất hiện trên đường tàu hay không. Bỗng bác thấy một con thú nhỏ ở vệ đường. Đây là con cáo nọ, cặp mắt nó ánh lên màu xanh nhấp nháy. Nó ừ ừ đứng dưới chân cột điện báo, không định tiến lại gần hay bỏ chạy.

– Mày làm gì ở đây hả! – Edigej giơ một ngón tay đe nó. – Liệu hồn! Tao thì tóm cổ! – và bác dậm chân một cái.

Con cáo nhảy lui vài bước và ngồi xuống, quay nghiêng về phía bác. Nó nhìn chăm chú và đau khổ, bác có cảm tưởng nó không chớp mắt, cứ trân trân nhìn bác hoặc nhìn vật gì đó ở cạnh bác. Cái gì đã lôi cuốn nó, tại sao nó lại xuất hiện ở đây? Nó bị thu hút bởi ánh đèn điện, hay là nó đến đây vì quá đói? Edigej thấy cử chỉ của nó rất lạ. Và tại sao mình không choảng cho nó một cục đá, khi con mồi dẫn xác tới nhỉ? Edigej đưa chân tìm một hòn đá to hơn. Bác ngấm và vung tay định ném, nhưng lại thôi. Hòn đá rơi xuống chân, thậm chí bác toát mồ hôi. Quái lạ thật! Đầu óc con người sao mà nghĩ lảm chuyện! Đang định ném chết con cáo, đột nhiên lại nhớ có ai đó đã kể – hình như một thằng cha thợ sửa chữa, hoặc một tay phóng viên nhiếp ảnh đã cùng bác trò chuyện về Chúa Trời, hay là một gã nào đó... À mà không phải, chính cái thằng Shabitzhan đã kể, thằng khốn kiếp ấy lúc nào cũng kể những chuyện thần kỳ, lạ lùng chỉ để thắng người khác. Thằng Shabitzhan, con của Kazangap, đã kể về việc chuyển chỗ ở của các linh hồn sau khi chết.

Thật là một đứa bẻm mép, vô tích sự. Thoạt nhìn, nó không đến nỗi nào. Nó biết tất cả mọi chuyện, nó nghe cũng đủ thứ chuyện. Nó đã được dạy dỗ ở các trường nội trú, các trường đại học, nhưng lại không nên người. Nó thích khoe khoang, nhậu nhẹt, chuốc rượu thì chả ai bằng, nhưng chẳng làm nên việc gì. Tóm lại, một cái thùng rỗng; trái ngược hẳn với Kazangap, mặc dù nó có bằng nọ bằng kia. Không, con không giống bố, thằng con hư hỏng. Nhưng mặc kệ, nó đã thế, còn biết làm sao bây giờ.

Có lần, nó kể bên Ấn Độ, người ta tin vào một giáo lý, cho rằng khi một người chết đi, thì linh hồn người đó nhập vào một sinh vật nào đấy, một sinh vật bất kỳ, có thể là một con kiến. Rằng mỗi người, từ kiếp trước đã từng là một con chim, một con thú, thậm chí một loại sâu bọ nào đó. Vì thế, giết bất cứ con vật nào, dù là một con rắn thường hay rắn độc cũng là có tội; nếu gặp nó trên đường, ta phải cúi chào và nhường đường cho nó.

Đời thật lắm chuyện kỳ lạ. Ai biết chuyện đó có thực đến mức nào, thế gian mênh mông, con người biết sao hết được mọi thứ. Vì thế, lúc định ném đá giết con cáo, Edigej chợt nghĩ: nhờ linh hồn Kazangap bây giờ đã nhập vào nó thì sao? Rất có thể, sau khi nhập vào con cáo, Kazangap đã đến chỗ người bạn tốt nhất của mình; bởi vì sau khi bác ấy chết, ngôi nhà bằng đất của bác trở nên trống trải, hiu quạnh, đầy buồn thảm... “Mình lắm cảm mất rồi! – Edigej trách thầm và xấu hổ. – Sao lại nghĩ vớ vẩn như thế nhỉ? Mình lú lẫn rồi chẳng?”.

Bởi vậy, khi tiến từ từ về phía con cáo, Edigej nói với nó như thể nó hiểu được tiếng người:– Đi đi, đây không phải là chỗ của mày! Hãy ra thảo nguyên. Nghe rõ chưa? Đừng đi về phía khu ga, ở đấy có lũ chó. Mày hãy ra với thảo nguyên của mày.

Con cáo quay người bỏ đi. Nó ngoảnh lại hai lần, rồi biến mất trong bóng đêm.

Lại một đoàn tàu nữa chạy vào ga. Đoàn tàu lịch kịch giảm dần tốc độ, quỵện theo một đám bụi mù trên các nóc toa. Khi nó dừng hẳn, từ trên đầu máy vẫn đang hoạt động, người tài xế ló ra:

– Ấy, Edigej - Bảo Tuyết, asalam aleikum!– Alekim – asalam!

Edigej nghehnh đầu để nhìn rõ hơn người kia là ai. Trên tuyến đường này tất cả mọi người đều biết nhau. Thì ra người tài xế là một thanh niên, Edigej nhờ anh ta, khi tàu đến ga Kumbel – một ga lớn, nơi Ajzada đang ở, – báo cho cô ấy biết bố cô ấy đã chết. Anh tài xế sẵn sàng làm giúp điều ấy vì kính trọng hương hồn bác Kazangap, hơn nữa tại Kumbel sẽ thay tổ lái, thậm chí anh ta còn hứa trên chuyến quay trở lại, sẽ cho cả gia đình Ajzada đi nhờ về đây, nếu chị ấy chuẩn bị kịp.

Một người đáng tin cậy. Edigej cảm thấy nhẹ nhõm hơn, thế là xong được một việc.

Vài phút sau đoàn tàu chuyển bánh, và khi từ biệt anh tài xế, Edigej thấy một người gầy gò đang men theo vệ đường dọc đoàn tàu đang tăng dần tốc độ, đi về phía bác. Edigej nhận ra đó là Edilbaj.

Trong lúc Edigej bàn giao công việc, nói vài lời với Edilbaj - Cò Hương về chuyện vừa xảy ra – cả hai đều thở vắn than dài nhớ đến Kazangap, – tại ga Boranly - Bão Tuyết đã có hai đoàn tàu chạy qua, theo hai hướng khác nhau. Và khi đã xong việc, trên đường về nhà, Edigej mới sức nhớ đã quên không nhắc vợ, nói đúng hơn là hỏi ý kiến vợ, về chuyện bằng cách nào báo tin cho hai đứa con gái và hai chàng rể của mình về cái chết của ông lão Kazangap. Hai cô con gái của Edigej lấy chồng ở một vùng gần thành phố Kyzyl - Orda. Cô lớn sống ở một nông trường quốc doanh trồng lúa, chồng làm thợ lái máy kéo. Cô thứ hai lúc đầu sống ở ga ngoại ô Kazalinsko; sau đó cùng gia đình chuyển đến nông trường quốc doanh với cô chị, chồng làm lái xe. Và mặc dù Kazangap không phải người thân thích với chúng nó, song nhất thiết chúng nó phải về dự lễ tang. Edigej cho rằng đối với chúng nó, Kazangap còn thân thiết hơn bất cứ người bà con ruột thịt nào khác. Hai đứa chúng nó đã ra đời bên cạnh Kazangap ở ga Boranly - Bão Tuyết. Chúng đã lớn lên ở đấy, đã học ở trường phổ thông; và thi vào trường nội trú tại khu ga Kumbel, thì chính Edigej hoặc Kazangap đã nhiều lần đưa đón chúng. Nhớ đạo hai đứa còn nhỏ, bác đã dùng lạc đà chở chúng về nghỉ hè hoặc trở lại khi tựu trường. Bố ngồi giữa, con em ngồi đằng trước, con chị đằng sau. Từ Boranly - Bão Tuyết đến Kumbel, con Karanar rảo bước mất ba giờ, mùa đông thì lâu hơn một chút.

Nếu Edigej bận, Kazangap sẽ đưa đón chúng, ông coi chúng như con đẻ. Edigej quyết định sớm mai sẽ đánh điện cho các con để chúng liệu thu xếp. Về hay không còn tùy, nhưng ít ra chúng phải biết rằng bác Kazangap đã qua đời...

Sau đó vừa đi bác vừa nghĩ, rằng sáng mai, việc đầu tiên là đem con Karanar ngoài bãi chăn về, sẽ rất cần đến nó. Trên đời này, chết không đơn giản, mà chôn cất một người cho xứng đáng cũng chẳng dễ gì... Bao giờ cũng thiếu sót cái này, cái nọ, cái gì cũng phải tìm kiếm vội vội vàng vàng, kể từ tấm cải liệm cho đến món củi để đun làm bữa cúng.

Đúng lúc ấy, có một cái gì đó vỡ ra trên không trung, giống như ở ngoài mặt trận, vọng lại tiếng ầm ầm của sóng nổ cực mạnh, và mặt đất dưới chân rung chuyển. Đứng trước, rất xa trong thảo nguyên, về phía sân bay vũ trụ Sarozek, Edigej nhìn thấy một khối lửa lớn dần, từ dưới đất lao vút lên trời. Bác cũng sững sờ trước cảnh một quả tên lửa bay vào vũ trụ, cảnh này bác chưa từng thấy bao giờ. Cũng như mọi người dân Sarozek, bác biết rằng ở cách đây chừng bốn năm chục cây số có sân bay vũ trụ Sarozek – rằng có một nhánh đường sắt riêng chạy từ ga Togrek - Tam tới sân bay ấy. Người ta còn kể rằng ở đằng ấy, giữa thảo nguyên, đã mọc lên một thành phố lớn với những cửa hàng đồ sộ. Bác đã nghe đài, nghe kể, đọc báo, không biết bao nhiêu chuyện về các nhà du hành vũ trụ, về các chuyến bay vũ trụ. Ở các buổi ca nhạc nghiệp dư trên tỉnh, trẻ em có bài hát đồng ca rằng chúng ta là những đứa trẻ sung sướng nhất trên đời, bởi vì các chú phi hành gia đã đi vào vũ trụ từ quê hương của chúng. Nhưng vì tất cả những thứ nằm trong khu vực sân bay vũ trụ bị coi là vùng cấm, nên Edigej tuy sống rất gần đấy, cũng mới chỉ được nghe, được biết thế thôi.

Đêm nay, lần đầu tiên bác chứng kiến tận mắt tên lửa vũ trụ lao vút lên trời, như một khối lửa sôi sùng sục, rọi sáng loá cả một vùng. Edigej chột rùng mình – lẽ nào lại có người ngồi trong khối lửa ấy? Một hay hai người? Và tại sao bác sống thường xuyên ở đây mà chưa bao giờ bác nhìn thấy thời điểm tàu vũ trụ cất cánh, trong khi người ta đã bay bao nhiêu chuyến rồi! Có lẽ những lần trước họ cất cánh vào ban ngày. Dưới ánh mặt trời, ở khoảng cách xa như thế, vị tất đã nhìn thấy rõ. Còn lần này, tại sao lại

phóng đi vào ban đêm? Vì vội vã, hay theo kế hoạch định trước? Có lẽ nó khởi hành từ trái đất ban đêm, nhưng lên trên đó lập tức là ban ngày chẳng? Shabitzhan từng kể, tựa hồ chính nó đã lên trên ấy, rằng ở trong vũ trụ cứ mỗi nửa giờ, ngày đêm lại thay thế nhau. Phải hỏi kỹ thằng Shabitzan mới được, nó biết hết mọi điều, nó chỉ thích làm nhân vật quan trọng. Gì thì gì chứ nó cũng làm việc ở trên tỉnh, chỉ mong nó đừng có bịa thêm, để làm quái gì kia chứ? Anh là ai thì cứ hãy tự đúng là mình. “Cháu đã gặp ông này, ông nọ, có ông to lắm, đã từng bàn bạc với nhau bao nhiêu điều...”. Thế nhưng Edilbaj - Cò Hương sau lần lên tỉnh gặp Shabitzan lại kể khác. Anh ta bảo chỉ thấy thằng Shabitzan chạy nháo nhào từ bàn máy điện thoại tới cửa phòng làm việc chỗ khách ngồi đợi, chỉ thấy nó luôn miệng: “Tôi nghe đây, thưa đồng chí Alzhapar Kakharmanovich! Xin tuân lệnh đồng chí Alzhapar Kakhamanovich! Dạ có ngay, thưa đồng chí Alzhapar Kakhamanovich”. Còn cái ông nhà Alzhapar kia thì chỉ ngồi trong phòng làm việc và luôn tay ấn những cái nút gì đó. Bởi vậy, Edilbaj chẳng kịp nói chuyện ra đầu ra đũa với Shabitzhan... Đấy, Edilbaj kể, cái thằng đồng hương của chúng ta hoá ra là như thế đấy. Mặc xác nó muốn trở nên thế nào cũng được... Chỉ thương bác Kazangap, bác ấy vốn hết lòng chăm lo cho thằng con trai. Cho đến tận đời không hề nói gì xấu về nó, thậm chí bác ấy đã ra thành phố ở với vợ chồng nó; chính vợ chồng nó đã nài nỉ mời bác ấy lên tỉnh và chở bác ấy đi. Vậy mà kết cục là... Nhưng thôi, đó lại là chuyện khác...

Adigej đi trong đêm với những ý nghĩ như thế, sau khi bác nhìn theo con tàu vũ trụ cho đến lúc nó mất hút. Khi khối lửa nhỏ dần, chìm vào bầu trời đêm, biến thành một điểm khói trắng, bác mới bắt đầu đi tiếp, lòng tràn ngập những cảm giác lạ lùng, trái ngược nhau. Bác khâm phục cảnh tượng vừa rồi, song đồng thời cũng hiểu rằng đó là công việc xa lạ đối với mình, một việc làm cho người ta kinh ngạc và hoảng sợ. Lúc ấy bác chợt nhớ đến con cáo nhỏ đã mon men tới gần đường tàu, nó sẽ kinh hoảng biết chừng nào, khi con rồng lửa khủng khiếp kia vút qua thảo nguyên trống trải. Chắc nó chẳng biết nấu mình vào đâu...

Nhưng ngay bác, Edigej - Bão Tuyết, người chứng kiến quả tên lửa được phóng lên vũ trụ vào ban đêm, cũng đâu biết, và cũng không được quyền biết rằng đó là chuyến bay cấp cứu, hoả tốc của một con tàu vũ trụ có người lái, đã cất cánh mà không có nghi thức long trọng, không có các phóng viên tham dự; đã cất cánh vì một sự kiện đặc biệt xảy ra trên trạm vũ trụ ‘Paritet - Song Đôi’ hoạt động hơn một năm rưỡi nay, theo chương trình hợp tác Xô - Mỹ, mang tên ‘Tramplin’. Làm sao Edigej biết được tất cả những chuyện đó? Bác cũng không ngờ rằng sự kiện ấy sẽ liên quan đến cả bác, đến cuộc sống của bác, và chẳng phải chỉ vì mối liên hệ mật thiết giữa một người với cả loài người trong ý nghĩa phổ quát của nó mà đó là mối quan hệ hết sức cụ thể và trực tiếp. Bác lại càng không biết và không thể ngờ rằng chỉ ít giây sau, khi con tàu kia cất cánh khỏi sân bay vũ trụ Sarozek, thì ở phía bên kia hành tinh, từ sân bay vũ trụ Neveda của Mỹ cũng đã bay lên một con tàu có nhiệm vụ hết như thế, cũng bay lên trạm ‘Paritet’, cũng tới quỹ đạo ‘Tramplin’, có điều là theo chiều quay ngược lại.

Hai con tàu được cấp tốc phóng lên vũ trụ theo mệnh lệnh phát đi từ tàu sân bay nghiên cứu khoa học ‘Convention’². Đó là trạm nổi trên đại dương của trung tâm liên hợp Xô - Mỹ, điều khiển chương trình ‘Demiurge’³.

Tại sân bay ‘Convention’ đậu tại khu vực thường trú của nó trên Thái Bình Dương, phía nam quần đảo Aleut, ở toạ độ cách Vladivostok và San Francisco một khoảng cách bằng nhau. Trung tâm liên hợp điều khiển chương trình – gọi tắt là Trung tâm điều khiển – lúc này đang căng thẳng theo dõi đường bay của cả hai con tàu lên quỹ đạo ‘Tramplin’.

Tạm thời mọi chuyện diễn biến tốt đẹp, sẽ phải lắp ghép hai con tàu với tổ hợp ‘Paritet’. Một nhiệm vụ cực kỳ phức tạp, việc lắp ghép phải diễn ra không theo kiểu lần lượt – hết con tàu thứ nhất mới đến con tàu thứ hai – mà đồng thời với một khoảng thời gian, từ cả hai phía khác nhau của trạm.

‘Paritet’ không hề trả lời các tín hiệu của Trung tâm điều khiển, phát đi từ tàu ‘Convention’ suốt hơn mười hai giờ qua; cũng không đáp lại tín hiệu

của hai con tàu đang tiến lại lắp ghép với nó... Còn phải biết rõ điều gì đã xảy ra với tổ lái 'Paritet'.

Chương 2

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông – miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Ở vùng này, mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich.

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Từ ga Boranly - Bão Tuyết đến nghĩa địa Ana - Bejit của bộ tộc Najman ít ra phải xa đường sắt đến 30 kilômét, đây là theo đường thẳng và với cách ước lượng của người dân vùng Sarozek. Nếu không đi liền để khỏi bị lạc giữa thảo nguyên, thì nên đi dọc theo tuyến đường sắt, nhưng khi đó quãng đường đến nghĩa địa sẽ xa hơn: sẽ phải đi vòng đến tận khúc quanh lưng lũng Kybyksai, rồi quẹo về phía nghĩa địa Ana - Bejit. Không còn lối thoát nào khác, thế là ngắn nhất cũng mất ba chục versta⁴ đường đi và ngần ấy đường về.

Nhưng ngoài Edigej ra, thì chẳng một ai trong số dân Boranly hiện nay biết đường đi tới đó; tuy họ cũng nghe nói đến nghĩa địa Bejit lâu đời, qua nhiều câu chuyện nửa như cổ tích, nửa như truyền thuyết. Nhiều năm nay, đây là trường hợp đầu tiên ở Boraly - Bão Tuyết, một cái ga xép có tám nóc nhà, mới có người chết phải đem chôn cất. Cách đây mấy năm, khi một cháu gái bị chết vì bệnh suyễn, cha mẹ cháu đã đem thi hài cháu về chôn cất ở tỉnh Ural quê họ. Còn vợ Kazangap – bà lão Bukej – thì yên nghỉ tại nghĩa trang cạnh ga Kumbel: bà lão mất ở bệnh viện trên ấy cách đây mấy năm, và người ta đã quyết định mai táng tại đó. Đưa bà lão về Boranly - Bão Tuyết là vô nghĩa. Kumbel là ga lớn nhất ở miền Sarozek; hơn nữa, ở đây có cô con gái Ajzada và thằng con rể tuy nghiện ngập hư đốn, nhưng đầu sao cũng là thân thích ruột rà. chúng nó sẽ chăm nom phần mộ. Và

chăng, hồi ấy bác Kazangap còn sống, bác ấy tự quyết định nên làm thế nào.

Còn bây giờ người ngoài phải nghĩ cách làm... Tuy nhiên Edigej cương quyết giữ ý kiến của mình. Bác bảo bọn trẻ:

– Các anh các chị hãy vứt bỏ cái lối thiếu hào hiệp ấy đi. Chúng ta sẽ mai táng một người như bác Kazangap ở Ana - Bejit, nơi tổ tiên yên nghỉ, theo đúng lời dặn của người quá cố. Đừng nói nữa, hãy bắt tay vào việc chuẩn bị đi. Đường xa đấy, sáng mai ta sẽ khởi hành sớm...

Tất cả đều hiểu Edigej có quyền quyết định, và họ đồng ý. Kể ra Shabitzhan có thử phản đối, cậu ta kịp về ngay hôm sau trên một chuyến tàu hàng – tàu khách không dừng ở ga này. Và cái việc cậu ta về đây, tuy chưa nhận được tin bố sống hay chết, chỉ riêng điều đó đã khiến Edigej cảm động, thậm chí vui sướng. Và có những phút hai chú cháu đã ôm nhau khóc vì nỗi đau khổ chung. Sau đó, Edigej tự ngạc nhiên về mình. Trong lúc ấp đầu Shabitzhan vào ngực, bác đã không kèm chế được, vừa nói vừa nức nở: “Con đã về, tốt lắm! Con đã về là tốt lắm!” – cứ như thể thằng Shabitzhan về có thể làm cho Kazangap sống lại không bằng. Và tại sao Edigej lại khóc lóc, chính bác cũng chẳng hiểu nữa. Hai chú cháu ôm nhau khóc một hồi lâu ngoài sân, trước cửa ngôi nhà bằng đất tro troi của Kazangap. Nhớ dạo Shabitzhan lớn lên trước mắt bác, thằng bé được bố nó yêu quý hết mực, được đưa vào học trường nội trú Kumbel dành riêng cho con em cán bộ đường sắt. Nhớ những khi rồi rã họ đã đáp tàu hoặc cưỡi lạc đà lên thăm nó xem nó sống ở ký túc xá thế nào, có làm mếch lòng ai chẳng, có vi phạm kỷ luật hay không, học hành ra sao, thầy cô giáo nhận xét gì về nó... Những khi đón nó về nhà chơi, đã bao lần bác dùng áo lông bọc kín, chở nó lên lạc đà, vượt qua bão tuyết hoặc giá rét, chỉ cốt nó kịp giờ học...

Ôi, những ngày tháng này không bao giờ trở lại nữa! Tất cả đã trôi qua như một giấc mơ. Bây giờ trước mặt bác là một người lớn, chỉ còn hơi giống thằng Shabitzhan hồi bé – mắt óc nhôi, hay cười. Bây giờ nó mang kính, đội mũ rộng vành, đeo chiếc cà vạt nhàu. Nó làm việc ở trên tỉnh và rất muốn làm ra vẻ một cán bộ quan trọng. Nhưng cuộc sống này điên đảo lắm, không dễ gì leo lên chức này chức nọ, như chính nó nhiều lần đã phàn

nàn, nếu không có người mạnh thế nâng đỡ, nếu không quen biết rộng, hoặc có họ hàng làm lớn. Nó chỉ là con trai của một bác công nhân Kazangap nào đấy ở cái ga xép Boranly - Bão Tuyết nào đấy. Khốn khổ chưa! Nhưng bây giờ thì bố nó cũng không còn nữa, một ông bố vô tích sự nhưng giá còn sống vẫn tốt hơn nghìn lần một ông bố về vang đã chết...

Sau đó, nước mắt cũng cạn. Họ chuyển sang trò chuyện, bàn bạc công việc. Lúc ấy mới vỡ lẽ rằng cậu con trai yêu quý – cậu con trai cái gì cũng biết ấy – về đây không phải để làm lễ mai táng mà chỉ là để chôn bố cho sớm, rồi cuốn gói thật nhanh. Nó bắt đầu phát ra những ý kiến như thế này: làm quái gì phải cất công đưa đến tận nghĩa địa Ana - Bejit xa xôi, quanh đây rộng mênh mông, cả một vùng thảo nguyên hiu quạnh chạy dài đến cùng trời cuối đất. Có thể đào một cái hố ở gần đâu đây, trên một cái gò nào đấy, cạnh đường xe lửa. Cứ để cho ông lão bẻ ghi nằm đó mà nghe tiếng xe lửa chạy trên đường ray, nơi ông đã làm việc cả đời. Thậm chí nó còn nhắc đến câu tục ngữ xa xưa: “Sinh dữ tử lành, chôn nhanh hết nợ”. Đây đưa mà làm gì, bàn bạc mà làm chi, chôn ở đâu mà chả thế, những việc như thế này kết thúc càng sớm càng hay.

Nó lập luận theo kiểu đó, còn bản thân nó như muốn biện bạch rằng bao nhiêu việc quan trọng và cần kíp đang chờ nó ở cơ quan, mà thời gian thì quá ít, ai chả biết thủ trưởng đâu có quan tâm đến chuyện nghĩa địa ở xa hay gần, đã ra lệnh cho nó phải có mặt ở cơ quan vào ngày này giờ nọ. Thủ trưởng là thủ trưởng, thành phố là thành phố...

Edigej tự rửa thềm mình là một lão già ngu ngốc. Bác xấu hổ và tiếc rằng đã khóc nức lên cảm động khi thấy thằng Shabitzhan xuất hiện, tuy thật sự nó là con trai ông già Kazangap. Edigej đứng dậy, lúc ấy có năm người đang ngồi trên đồng tà vẹt cũ kê sát tường làm ghế, và bác phải nén lắm mới khỏi nặng lời trước mặt mọi người vào một ngày như thế này. Vì nghĩ đến Kazangap, bác chỉ nói:

– Dĩ nhiên quanh đây thì thiếu gì chỗ, muốn bao nhiêu chẳng có. Nhưng tại sao người ta lại không chôn cất người thân của mình theo kiểu bà đâu chôn đấy? Phải có lý do chứ! Chả lẽ họ tiếc đất? - bác ngừng lời và

mấy người Boranly im lặng nghe bác. – Các vị hãy quyết định lấy, hãy suy nghĩ thêm, còn tôi đi xem công việc đến đâu rồi.

Đoạn bác bước ra với vẻ mặt sa sầm, khó chịu, như muốn tránh xa tội lỗi. Lòng mày bác nhú lại ở góc mũi. Tính bác vốn nóng nảy, thẳng thừng – người ta đã gọi bác là ‘Bão Tuyết’ còn vì biệt hiệu ấy rất hợp với tính nết bác. Vừa rồi, nếu chỉ có riêng bác với Shabitzhan, chắc bác đã đập vào mặt nó – cái mặt trơ trên – tất cả những lời nó đáng phải nghe, cho nó nhớ đời! Nhưng bác chẳng muốn về hòa với đám đàn bà. Cánh phụ nữ đang xì xào tức giận, họ bảo thằng con trai về làm tang cho cha mà như đi chơi, hai tay đút túi quần. Ít ra cũng mang về mấy gói trà, chưa nói gì về các khoản khác. Rồi vợ nó, một đứa con dâu thành thị, lẽ ra phải tỏ thái độ tôn trọng bố chồng, phải về đây khóc lóc vài tiếng chứ. Chẳng còn biết xấu hổ là gì, đồ vô lương tâm. Hồi ông lão còn sống và dư dật – có hai con lạc đà cho sữa, gần hai chục con cừu cái với bầy cừu con – thì nó bố bố con con. Nó mò về luôn, đồ ngon đồ ngọt ông lão bán sạch các thứ đó, rồi lên thành phố ở với vợ chồng nó. Còn số tiền ấy, chúng nó mua sắm đồ gỗ và xe hơi, xong xuôi, chúng nó coi bố là đồ thừa. Bây giờ bố chồng chết, nó không thêm ló mặt về. Cánh phụ nữ định làm ầm lên, nhưng Edigej không cho phép. Này các bà – bác nói – đừng có mở miệng nói năng lung tung vào dịp này. Đây không phải là việc của chúng ta, hãy để chúng nó tự khu xử lấy...

Bác bước ra chỗ chuồng lạc đà, ở đó, con Karanar - Bão Tuyết được lừa từ bãi chăn về, đang bị buộc mũi, chốc chốc lại kêu lên bực bội. Nếu không kể hai lần con Karanar cùng bầy lạc đà kéo nhau ra uống nước tại chỗ giếng bơm, thì hầu như cả tuần, suốt ngày đêm, nó được thả rông hoàn toàn. Nó cảm chịu ở trong chuồng, con vật quái ác, và bây giờ nó đang tỏ rõ sự bất mãn – giận dữ ngoác to cái mồm lồm chồm những răng, thỉnh thoảng lại rống lên, ra cái điều ta bị trói chân trói cẳng, trong khi lẽ ra nó phải biết điều một chút.

Edigej bước lại bên nó với tâm trạng bực tức sau khi nói chuyện với Shabitzhan, mặc dù bác đã biết trước cái thằng ấy vốn dĩ như vậy. Cứ như thể Shabitzhan về dự đám tang bố có nghĩa là nó ban ơn cho mọi người ở đây. Đối với nó, đây là cái gánh nặng cần được vứt bỏ thật nhanh chóng.

Edigej chẳng muốn phí lời với nó nữa, bởi lẽ đằng nào bác cũng phải tự lo liệu mọi việc, và đã có xóm giềng hỗ trợ. Tất cả những ai không bận công tác đều giúp bác chuẩn bị lễ mai táng và bữa cúng ngày mai. Phụ nữ đi mượn bát đĩa, cọ rửa các ấm xamova, nhào bột, và đã bắt đầu nướng bánh; nam giới thì gánh nước, cửa các thanh tà - vệt gỗ phế thải làm củi đun, – ở giữa thảo nguyên trần trụi này, chất đốt bao giờ cũng hiếm như nước. Chỉ riêng Shabitzhan lãng xãng, làm mất thời giờ của mọi người, luôn miệng ba hoa đủ chuyện, nào vị nọ vị kia giữ chức vụ gì trên tỉnh, ai được thăng, ai bị cách chức. Còn chuyện vợ nó không về làm ma bố chồng chẳng hề làm nó lúng túng chút nào: Thật là lạ! Vợ tôi – nó nói – bận tham gia một hội nghị gì đấy, các bà ạ, tại hội nghị ấy sẽ có mặt các vị khách ngoại quốc cơ. Về khoản tại sao các con của nó không về, thì nó lờ đi. Các con của nó còn bận phấn đấu học giỏi, đi học đều đặn để được nhận bằng tốt nghiệp loại xuất sắc, thuận lợi cho việc thi đại học. Edigej giận dữ nghĩ thầm: “Chúng nó là cái loại người gì vậy! Đối với chúng nó, mọi việc trên đời đều hệ trọng, trừ cái chết!”. Và điều đó khiến bác thấy bất nhẫn: “Nếu cái chết đối với chúng chẳng là gì cả, thì hoá ra cuộc sống cũng không có giá trị nào hết. Vậy thì chúng sống để làm gì và sống như thế nào?”...

Edigej thầm mắng con Karanar:

– Đồ cá sấu, làm gì mà mày cứ nặng xị lên thế? Sao mày cứ ngẩng lên trời mà rống, tựa hồ ông trời trên kia có thể nghe thấy tiếng mày không bằng? – Edigej gọi con lạc đà của mình là đồ cá sấu chỉ trong những trường hợp hãn hữu, khi bác hoàn toàn mất kềm chế. Biệt hiệu ấy là do những người thợ làm đường đặt cho con Karanar - Bảo Tuyết vì cái mồm lồm chồm răng và tính nết đáo đẽ của nó. – Mày cứ rống nữa đi, đồ cá sấu, rồi tao sẽ bẻ sạch răng của mày cho mà xem!

Đến lúc thẳng yên lên mình lạc đà, Edigej thấy nguôi ngoai cơn giận. Bác ngăm con vật, Karanar - Bảo Tuyết vốn khoẻ và đẹp. Tuy Edigej khá cao, song cũng không thể với tay tới đầu nó. Edigej khéo léo níu cổ con lạc đà xuống, gõ gõ ngọn roi vào hai đầu gối đầy vết chai của nó, nghiêm giọng bắt nó quỳ xuống. Tuy vùng vắng, con lạc đà vẫn tuân lệnh chủ và cuối cùng, sau khi thu chân lại, nó tì ngực xuống đất nằm im để chủ làm việc.

Thằng yên lên mình lạc đà một cách thực sự – đó là một việc vất vả như xây một ngôi nhà vậy. Phải khéo léo, tốn nhiều công sức, nhất là đối với một con lạc đà khổng lồ như con Karanar.

Không phải bỗng dưng người ta đặt cho nó cái biệt danh Karanar, nghĩa là Quỷ Đen. Cái đầu đen xù xì, bộ râu rậm màu đen kéo lên tận bờm, toàn bộ phần dưới cổ lông đen tuyền, mọc dài và dày như một cái bờm xuống tận đầu gối – thứ trang sức chủ yếu của con đực – hai cái bướu căng phồng nổi cao như hai cái tháp trên lưng. Thêm vào đó là cái chót đuôi đen sậm, toàn bộ phần còn lại – phần trên của chiếc cổ, bộ ức, hai bên sườn, bốn chân, bụng – thì ngược lại, tuyền một màu hạt dẻ sáng. Con Karanar - Bão Tuyết đẹp và nổi tiếng chính nhờ vóc dáng và bộ lông của nó. Và thời sung sức nhất của nó là vào lúc nó ở tuổi hai mươi.

Lạc đà sống rất lâu, có lẽ vì thế mà năm tuổi chúng mới đẻ con và cách hai năm mới đẻ một lần. Thời gian mang thai cũng lâu hơn mọi giống vật khác – những mười hai tháng. Lạc đà con được săn sóc cẩn thận trong một năm rưỡi đầu, để khỏi bị đau ốm, tránh gió máy thảo nguyên, sau đó nó lớn lên từng ngày và chẳng sợ giá rét, nóng bức hay tình trạng khát nước nào nữa...

Edigej rất thạo việc chăm sóc lạc đà – con Karanar - Bão Tuyết luôn luôn khoẻ mạnh. Dấu hiệu đầu tiên của sức khoẻ là hai cái bướu đen của nó cứ thô lỗ như hai khối gang. Hồi Kazangap tặng bác chú lạc đà Karanar đang còn bú mẹ, bé xiu và lông mượt như tơ hết một chú vẹt con, Edigej mới đến lập nghiệp ở Boranly - Bão Tuyết này, sau khi từ mặt trận trở về được vài năm. Hồi ấy Edigej còn trẻ lắm, đâu ngờ bác lại sống ở đây cho đến lúc bạc đầu. Đôi khi xem lại các bức ảnh cũ, chính bác không tin mắt mình nữa. Thay đổi ghê quá – già sạm hẳn đi, thậm chí lông mày cũng đã bạc trắng. Nét mặt dĩ nhiên cũng khác, riêng thể xác không nặng nề như thường thấy ở tuổi này. Hàng ria mép trở thành bộ râu lúc nào chẳng biết nữa, bây giờ hình như nhất thiết phải có râu, nếu không, khác gì ở trường. Có thể nói cả một câu chuyện dài đã trôi qua từ ngày ấy.

Giờ đây, khi thằng yên con Karanar đang nằm dưới đất, đe nẹt nó lúc bằng giọng nói, lúc bằng cách vung tay, trong khi con lạc đà thỉnh thoảng

gầm gừ hực hặc như một con sư tử, cái đầu xù xì trên chiếc cổ dài ngoẵng cứ quay qua quay lại, Edigej mới nhớ lại những chuyện xảy ra ngày xưa và lấy làm buồn lòng...

Bác loay hoay rất lâu, cứ sửa đi sửa lại mãi cái dây cương. Lần này, trước khi thắt yên, bác đã phủ lên mình con Karanar tấm chăn đẹp nhất dệt từ ngày xưa, có tua dài nhiều màu và các hoạ tiết trang trí như một tấm thảm. Bác không còn nhớ lần cuối cùng bác tô điểm cho con Karanar bộ yên hiếm có, được Ukubala gìn giữ cẩn thận như thế này, là hồi nào. Bây giờ mới lại đúng dịp...

Thắt xong yên cương, Edigej bắt Karanar đứng dậy và lấy làm hài lòng. Thậm chí bác kiêu hãnh về việc mình vừa làm. Karanar trông thật đường bệ, uy nghi với bộ yên cương trang trí giữa hai cái bướu. Không, phải để cho bọn trẻ, đặc biệt là thằng Shabitzhan chiêm ngưỡng, phải để chúng hiểu rằng chôn cất một người đã sống xứng đáng không phải là một thứ gánh nặng phiền phức, mà là một sự kiện tuy đau khổ nhưng vĩ đại và do đó, phải theo đúng nghi lễ. Có người được cử nhạc, phủ cờ, có người được bắn súng vĩnh biệt, có người được rước nhiều vòng hoa đến đặt trên mộ...

Còn bác, Edigej - Bão Tuyết, ngày mai, từ sáng, sẽ chỉ huy đám tang, sẽ cười trên lưng con Karanar được trang điểm đẹp nhất, đưa linh cữu Kazangap tới nơi an nghỉ cuối cùng ở Ana - Bejit.... Và suốt dọc đường bác sẽ nghĩ đến Kazangap, khi vượt thảo nguyên Sarozek vĩ đại và trơ trụi. Và sẽ vừa suy nghĩ vừa trao Shazangap cho lòng đất nơi nghĩa địa của bộ tộc như lời dặn của người quá cố. Đúng, Kazangap đã dặn như vậy. Đường dù xa hay gần, nhưng không ai có thể ngăn cản bác thực hiện lời trời trần của Kazangap, kể cả con trai của ông cụ.

Hãy để tất cả mọi người thấy rằng dù chuyện gì xảy ra, nhưng Karanar của bác cũng đã sẵn sàng – đã được thắt yên cương đẹp đẽ – để gánh vác phận sự nói trên. Hãy để mọi người nhìn thấy, Edigej cầm cương dắt con lạc đà ra khỏi chuồng, đi một vòng qua tất cả các nhà rồi buộc nó cạnh ngôi nhà bằng đất của ông già Kazangap. Hãy để mọi người nhìn thấy Bác, Edigej - Bão Tuyết, không thể không giữ lời hứa của mình. Có điều là bác

không cần phải phí công chứng minh điều đó, trong lúc bác thẳng yên cương, Edilbaj - Cò Hương đã gọi Shabitzhan ra một chỗ vắng:

– Ta ra đây kia nói chuyện một chút.

Hai người trao đổi không lâu. Edilbaj không thuyết phục, mà đốp chát thẳng thừng:

– Thế này, cậu Shabitzhan ạ, cậu hãy cảm ơn thượng đế rằng trên đời còn có Edigej - Bão Tuyết, bạn của cha cậu. Và cậu chớ cản trở chúng tôi mai táng ông già một cách tử tế, nếu cậu vội, chúng tôi sẽ không giữ chân cậu. Tôi sẽ ném thêm vài cục đất thay phần của cậu!

– Đó là cha tôi, tôi biết chứ... – Shabitzhan vừa mở miệng, nhưng Edilbaj cắt ngang:– Cha cậu thật đấy, nhưng cậu không đáng làm con.

– Ông nói gì vậy – Shabitzhan phản đối. – Thôi được, ta sẽ không cãi nhau vào dịp này. Thì cứ đem chôn ở Ana - Bejit, đâu chả được, chẳng qua là tôi thấy nó hơi xa...

Câu chuyện của họ chấm dứt ở đó. Và khi Edigej đã dắt con Karanar đi một vòng trở về nói với mọi người: “Xin các vị đừng nói những lời thiếu hào hiệp nữa. Một người như thế chúng ta sẽ mai táng ở Ana - Bejit...”, thì không ai phản đối, tất cả im lặng tán thành.

Từ sáng đến tối mịt hôm ấy, tất cả đều quây quần trên sân, trước ngôi nhà người quá cố. May là thời tiết rất đẹp, sau cái nóng ban ngày, trời trở nên mát lạnh, cái mát sắp sang thu ở vùng Sarozek. Bầu không khí vĩ đại, tĩnh mịch, lặng gió, trùm khắp buổi hoàng hôn. Chiều tối, người ta đã xả thịt xong một con cừu to cho bữa cúng ngày mai. Lúc này họ ngồi uống trà bên các ấm xamova bốc hơi nghi ngút và nói đủ thứ chuyện... Hầu hết các món ăn đã được chuẩn bị xong, chỉ còn đợi sáng mai khởi hành đi Ana - Bejit. Buổi tối trôi qua êm ả đúng như khi có một vị cao niên qua đời.

Vẫn như mọi ngày, những chuyến tàu vẫn gặp nhau và tránh nhau ở ga Bôranly - Bão Tuyết, vẫn chạy từ đông sang tây và từ tây sang đông....

Suốt buổi tối hôm ấy, mọi việc dường như bình thường, nếu không xảy ra một chuyện buồn lòng. Ấy là khi vợ chồng Ajzada đáp nhờ chuyến tàu hàng về chịu tang bố. Ajzada vừa xuất hiện đã khóc ầm lên, thế là cánh phụ nữ vây quanh chị ta cũng khóc theo. Nhất là bà Ukubala khóc thật thảm

thiết, bà rất thương Ajzada, hai cô cháu cứ ôm nhau khóc nức nở. Edigej cố an ủi Ajzada: Thôi cháu ơi, biết làm thế nào bây giờ, ta có chết theo người quá cố được đâu, đành phải chấp nhận số mệnh vậy. Nhưng Ajzada vẫn chưa nguôi.

Sự đời thường như vậy – cái chết của ông bố là cái cớ để chị ta than khóc, bày tỏ nỗi lòng chất chứa lâu nay trước mặt mọi người. Ajzada gọi bố, vừa khóc lớn vừa cay đắng than thân trách phận. Quần áo lệch thếch, mắt sưng húp, Ajzada cứ vật vã khóc than: Nào số phận hẩm hiu, chẳng ai thông cảm và chỉ bảo cho chị ta. Nào là chị ta khổ từ lúc trẻ, vợ phải thẳng chồng là một con sâu rọu. Con cái thì suốt ngày lê la trên khu ga không ai chăm nom dạy bảo, cho nên hoá thành hư đốn, không chừng nay mai sẽ trở thành những tên ăn cướp trên tàu. Thằng con lớn lại tập tành rượu chè, công an đã tới nhắc nhở, cảnh cáo, cứ điệu này thì chẳng mấy chốc sẽ phải ra toà, nhưng chị ta có thể làm gì được, khi một nách những sáu con! Thằng bố chúng nó thì bỏ mặc tất cả.

Đúng là bỏ mặc tất cả, anh ta cứ ngồi cúi đầu, mặt buồn xo, đáng đời đấy, lặng lẽ rít những điều thuốc khét lẹt. Dẫu sau anh cũng đã về chịu tang bố vợ. Đối với anh, đây không phải lần đầu. Anh biết: mẹ đàn bà làm ầm ĩ một lát rồi sẽ mệt... Nhưng vừa lúc ấy cậu em vợ – Shabitzhan – xen vào. Thế là bắt đầu rắc rối. Shabitzhan lên lớp bà chị: Đời thuở nhà ai lại làm như thế, chị về đây mai táng cha hay bơi nhọ bản thân mình? Phải chăng một người con gái Kazak xưa nay vẫn khóc ông bố đáng kính của mình như vậy? Chẳng phải lời than khóc vĩ đại của những phụ nữ Kazak đã trở thành các bài ca, các huyền thoại cho con cháu hằng mấy trăm năm đó sao? Còn kiểu khóc của chị chỉ làm cho mọi người khóc theo suốt mướt, chứ có làm cho người chết sống lại được đâu. Ngày trước, phụ nữ người ta khóc ra khóc, để ca tụng người chết và mọi ưu điểm của người đó. Còn chị? Ở đây chị cứ than vãn rên rỉ, như thế chị quá ư khổ sở ở trên đời không bằng!

Xem chừng Ajzada không chờ nghe những lời nói đó. Cho nên chị ta gào to hơn, giận dữ hơn. À, mày ra cái vẻ thông thái, giỏi giang gồm chưa? Trước hết, mày hãy dạy con vợ mày! Mày hãy đem những lời hoa mỹ ấy đến giảng giải cho con vợ mày đã! Tại sao nó không về đây mà thở ra

những lời than khóc vĩ đại cho chúng tao nghe! Sao nó không về nhà làm ma bố chồng, để bù lại phần nào việc chúng mày – đồ quỷ cái và đồ liếm gót ti tiện – đã cướp sạch tài sản của bố! Chồng tao tuy nghiện ngập thật đấy, nhưng anh ấy đã về đây, còn con vợ khôn ngoan thông thái của mày thì đâu?

Shabitzhan bèn quát lớn với ông anh rể để anh ta bắt vợ câm miệng. Vậy là anh ta đột nhiên nổi xung, lao tới bóp cổ Shabitzhan...

Bà con vất vả lắm mới can được hai anh em nhà ấy, tất cả đều cảm thấy khó chịu và xấu hổ. Edigej rất ngao ngán, bác đã biết tư cách của chúng, nhưng không ngờ tới mức này. Bác nghiêm nghị cảnh cáo: Nếu các anh không tôn trọng nhau thì ít ra cũng đừng làm nhục hương hồn người bố; nếu không, tôi sẽ nhất quyết không cho phép các anh ở đây thêm một phút nào nữa....

Vậy là trước khi mai táng đã xảy ra câu chuyện không hay như vậy, Edigei rầu cả ruột. Cặp lông mày nhú lại trên gốc mũi, bác lại bị ám ảnh bởi câu hỏi – tại sao chúng nó, con của Kazangap lại đổ đốn ra như thế, tại sao chúng nó lại đến nông nổi ấy? Lẽ nào bác và Kazangap đã mơ ước như vậy hồi chờ chúng nó đến trường nội trú Kumbel, dưới trời oi nồng hay tuyết giá, để chúng học hành nên người, để chúng khỏi bị chết cồng ở một cái ga xép nào đó giữa vùng Sarozek, để về sau chúng không phải nguyên rủa số phận và trách cứ bố mẹ đã không lo lắng cho chúng? Thế nhưng kết cục ngược lại hoàn toàn. Và tại sao, cái gì đã cản trở chúng trở thành những con người có lương tâm.

Thế là Edilbaj - Cò Hương lại gờ bí giùm bác vào buổi tối hôm ấy. Edilbaj tỏ ra khá nhạy bén, bác ta hiểu rất rõ Edigej. Con của người chết xưa nay bao giờ cũng là nhân vật chủ yếu trong dịp tang lễ, sự đời là thế, và không thể đẩy chúng ra, đuổi chúng đi, dù chúng trơ trên, vô tích sự đến mức nào. Để xoa dịu cái trò cãi lộn đáng xấu hổ giữa hai chị em vừa rồi, Edilbaj mời tất cả nam giới tới nhà mình. Tại sao chúng ta lại cứ ngồi ngoài sân đếm sao trên trời – bác ta nói – mời bà con sang nhà tôi uống trà đã nào...

Ở nhà Edilbaj, Edigej như rơi vào một thế giới khác. Trước kia bác vẫn thường ghé sang đây chơi và lần nào bác cũng hài lòng, vui mừng cho gia đình Edilbaj. Hôm nay bác càng muốn ở đây lâu hơn, nhu cầu đó xuất phát từ chỗ bác cần phải phục hồi những sức lực đã mất.

Edilbaj cũng là công nhân đường sắt như những người khác, lương chẳng hơn ai, sống cũng như tất cả mọi người, trong một nửa ngôi nhà lắp ghép có hai phòng và ngăn bếp; nhưng ở đây chan hoà một không khí khác hẳn – mọi thứ đều sạch sẽ, ngăn nắp, ấm cúng. Cũng là món nước trà như ở các nhà khác, nhưng trong những cái cốc ở nhà Edilbaj, Edigej tưởng như là mật ong trong suốt. Vợ Edilbaj vừa đẹp người, vừa đảm đang, các con thì ngoan ngoãn... Họ sẽ sống ở Sarozek một thời gian nữa, rồi đi nơi khác, Edigej nghĩ thầm như vậy. Sẽ rất tiếc, nếu họ rời khỏi nơi đây...

Bỏ dép ở ngoài thềm. Edigej bước vào nhà, ngồi xếp chân bằng tròn, và lần đầu tiên trong ngày nay, bác cảm thấy vừa mệt vừa đói. Tựa lưng vào vách gỗ, bác im lặng. Những người khách còn lại, quây quanh chiếc bàn tròn nho nhỏ và thấp gần sát đất, trò chuyện khe khẽ với nhau...

Câu chuyện thật sự lạ lùng diễn ra sau đó. Edigej đã quên con tàu vũ trụ vừa được phóng đi hồi đêm, bây giờ những người am hiểu đang nói những điều khiến bác phải suy nghĩ. Chẳng phải bác phát hiện ra điều gì mới lạ đối với mình, mà là bác ngạc nhiên trước những lập luận của mọi người và vốn hiểu biết quá ít ỏi của mình về vấn đề đó. Song bác không tự trách mình, tất cả những chuyến bay vũ trụ ấy, những chuyến bay khiến mọi người chú ý ấy, đối với bác quá xa vời gần như là thần diệu. Bởi vậy, thái độ của bác là tôn kính pha lẫn đề phòng, như thể đứng trước một sức mạnh vô hình, tốt nhất là bác chỉ được quyền biết thế thôi. Tuy nhiên, cảnh tượng con tàu cất cánh bay lên vũ trụ đã khiến bác sửng sốt. Những người ngồi kia đang bàn luận chính về sự kiện ấy.

Đầu tiên họ ngồi uống subat – một thứ nước chắt từ sữa lạc đà. Món subat ngon tuyệt, mát lạnh, nhiều bọt, hơi say. Cánh thợ sữa đường qua đây rất ưa món này, thường nốc căng bụng và gọi nó là bia Sarozek. Thêm vào món nhắm nóng sốt, ở nhà Edilbaj còn có rượu vốtca. Mọi bữa thì Edigej - Bão Tuyết sẵn sàng nhập cuộc, nhưng lần này bác từ chối và bằng thái độ

đó, muốn tỏ cho những người khác hiểu rằng bác khuyên họ đừng nên chèn chèn, vì ngày mai sẽ phải đi xa vất vả. Bác lo lắng khi thấy mọi người, nhất là Shabitzhan lại uống vốtca pha lẫn subat. Subat pha với vốtca hợp lắm, y như hai con ngựa hay được thắng chung một xe, uống vào người cứ lâng lâng. Nhưng hôm nay điều đó bất lợi, chẳng lẽ ra lệnh cho mọi người đừng uống? Họ phải biết giữ chừng mực chứ. Kể cũng yên tâm, vì vợ chồng của Ajzada chưa động đến vốtca. Bọn nhậu vớ được vốtca thì phải biết, song anh ta chỉ uống subat. Chắc anh ta hiểu rằng làm một thằng say bí tỉ, trong ngày đưa tang bố vợ là điều quá đáng. Nhưng liệu anh ta tự kiềm chế được bao lâu? Chỉ có trời biết.

Họ cứ ngồi như thế, nói đủ thứ chuyện. Bỗng Edilbaj vừa rót subat mời khách – tay bác ta dài ghê gớm, mỗi bận duỗi ra, gập vào cứ như hai cái gàu máy xúc – vừa chìa chiếc cốc cho Edigej ở phía bên kia bàn vừa nói:

– Bác Edigej này, đêm qua túc trực thay cho bác, bác vừa đi một quãng, tôi có thấy một cái gì chuyển động rung rung trên trời, khiến người tôi chao đảo. Nhìn lên, tôi thấy một chiếc tên lửa vừa được phóng lên từ sân bay vũ trụ! To quá! To ghê gớm! Bác nhìn thấy chứ?

– Tất nhiên! Tôi há hốc cả miệng ra! Ghê thật! Khối lửa cháy bùng bùng và cứ thế lao lên mỗi lúc một cao, cao mãi! Khiếp quá! Tôi đã sống ở đây bao năm, chưa từng gặp cảnh đó.

– Thì tôi cũng mới được tận mắt chứng kiến lần đầu – Edilbaj thú nhận.

– Nếu chú mới thấy lần đầu, thì bọn tôi làm sao thấy được – Shabitzhan pha trò một chút để điều vọc dáng của Edilbaj.

Edilbaj - Cò Hương cười khẩy:

– Tôi là cái thứ gì. Tôi nhìn và không tin ở mắt mình nữa: cả một khối lửa kêu ù ù trên cao! Tôi nghĩ: Chắc lại có người bay vào vũ trụ. Chúc thượng lộ bình an nhé! Còn mình phải xoay núm bắt sóng cái đài bán dẫn thật nhanh – bao giờ tôi cũng mang theo nó bên mình. Tôi nghĩ chắc lúc này người ta đang thông báo trên đài phát thanh, thường người ta vẫn truyền đi ngay từ sân bay vũ trụ. Và giọng phát thanh viên cũng hồ hởi như đang phát biểu tại cuộc mít tinh vậy. Hồi hộp quá đi mất! Bác Edigej ạ, tôi

chỉ muốn biết thật sớm xem ai bay, tôi được nhìn thấy ai đang bay, nhưng hoá ra không phải như vậy.

– Tại sao? – Shabitzhan ngạc nhiên cướp lời, cặp lông mày dướn lên ra vẻ quan trọng. Anh ta đã chệnh choáng say, mặt đỏ gay, mồ hôi lấm tấm.

– Tôi chả biết, người ta không báo tin gì hết. Tôi bắt sóng đài ‘Hải Đăng’ và chờ mãi, nhưng người ta chẳng đưa tin gì cả.

– Không thể thế được! Chắc phải có chuyện gì đó! – Shabitzhan nghi ngờ, và anh ta nhấp thêm một ngụm vodka với subat. – Mỗi chuyến bay vào vũ trụ là một sự kiện lớn trên thế giới... Chú hiểu không? Đó là uy tín khoa học và chính trị của chúng ta.

– Tôi chả biết tại sao. Tôi cố nghe hết bản tin cuối cùng, thậm chí cả mục điểm báo...

– Hừm! – Shabitzhan lắc đầu. – Giá tôi ở trên tỉnh, cơ quan của tôi, tất nhiên đã biết! Tiếc thật! Có lẽ đã có chuyện gì chẳng?

– Ai mà biết đã có chuyện gì hay không, riêng tôi thật lấy làm tiếc – Edilbaj - Cò Hương thật thà nói. – Đối với tôi, con tàu ấy như chở người phi công vũ trụ của riêng tôi. Nó đã cất cánh trước mắt tôi. Tôi nghĩ, không chừng người phi công là một chàng trai ở vùng ta cũng nên! Thế thì sướng lắm. Rồi sẽ được gặp anh ấy ở đâu đó, tha hồ vui...

Shabitzhan vội ngắt lời bác ta, hăng lên vì một ước đoán nào đó:– Á à, tôi hiểu rồi! Đây là một con tàu không có người lái. Một chuyến bay thí nghiệm thôi.

– Nghĩa là thế nào? – Edilbaj liếc sang hỏi.– Theo phương án thí nghiệm. Chú hiểu không, nghĩa là bay thử. Con tàu không người lái bay lên ghép nối với con tàu khác hoặc đi vào quỹ đạo, và hiện nay chưa biết kết quả ra sao. Nếu đạt kết quả mỹ mãn, người ta sẽ đưa tin trên đài phát thanh và báo chí. Nếu thất bại, có thể sẽ không đưa tin. Biết nhiều quá để làm gì?

Edilbaj thất vọng gãi gãi trán:– Thế mà tôi cứ ngỡ trong đó có người đấy.

Tất cả im lặng và hơi buồn trước lời giải thích của Shabitzhan, và có lẽ câu chuyện đã chấm dứt ở đó, nếu như chính Edigej không vô tình gợi ra một ý mới:

– Các gighit ời!⁵ Như vậy, theo chỗ tôi hiểu, thì đó là một tên lửa không có người lái phải không? Thế thì ai điều khiển nó bay lên vũ trụ?

– Còn ai nữa? – Shabitzhan vung hai tay ngạc nhiên và đắc thắng nhìn Edigej dốt nát. – Chú ời, ở trên ấy mọi việc đều do radio điều khiển. Theo mệnh lệnh phát ra từ trung tâm điều khiển dưới Trái Đất. Chú hiểu chưa? Thậm chí dù trên con tàu có phi công vũ trụ đi nữa, tên lửa vẫn bay theo sự hướng dẫn của radio. Còn phi công muốn tự quyết định điều gì thì phải xin phép. Koketai thân mến ời!⁶ chuyện đó phức tạp vô cùng, không giống như việc cưỡi con Karanar đâu...

– À ra thế, vậy cậu kể đi – Edigej buột miệng nói.

Edigej - Bão Tuyết chưa biết nguyên lý điều khiển bằng radio như thế nào. Theo quan niệm của bác, radio là những từ ngữ, những âm thanh được truyền đi trên không trung từ những khoảng cách xa. Nhưng làm sao có thể điều khiển một vật theo kiểu đó nhỉ? Nếu bên trong vật ấy có người thì đã đành, người ấy sẽ thực hiện các chỉ thị: hãy làm thế này, thế nọ. Edigej muốn hỏi kỹ tất cả những chuyện đó, nhưng bác nghĩ rằng chẳng nên hỏi nữa. Trong thâm tâm, không hiểu sao bác hơi khó chịu, nên im lặng. Thăng Shabitzhan nói năng ra vẻ bề trên quá, ra cái điều các bác các chú chả hiểu gì ráo, lại dám coi tôi là đứa vô tích sự, lão anh rể nghiện ngập còn định bóp chết tôi, trong khi tôi hiểu biết hơn tất cả các vị ở đây.

“Thầy kệ mày – Edigej nghĩ bụng, – chúng tao đã dạy mày cả đời là cốt cho mày hiểu biết. Ít ra mày phải biết được cái gì đó nhiều hơn chúng tao, những người ít học chứ”. Rồi Edigej còn nghĩ thêm: “Nếu một kẻ như nó mà cầm quyền, thì chắc nó sẽ lấn lướt hết thầy mọi người, sẽ bắt cấp dưới phải làm ra vẻ am tường đủ chuyện, không chịu nổi những ai kém cỏi. Bây giờ nó mới chỉ làm chân chạy giấy mà đã muốn mọi người, dù là bà con ở xứ Sarozek hẻo lánh này phải trọng nể nó”.

Còn Shabitzhan thì quả có đặt cho mình mục đích lẫn át, làm cho bà con Boranly phải sững sốt, qua đó đề cao giá trị anh ta sau vụ cãi lộn nhục nhã vừa rồi với chị gái và anh rể. Anh ta luôn miệng huyền thuyên để đánh

lạc hướng. Anh ta liền kể những chuyện thần kỳ khó tin, những thành tựu khoa học lạ lùng, chốc chốc lại nhấp một ngụm vodka với subat. Thử chất cay ấy làm cho anh ta mỗi lúc một hăng thêm và bắt đầu bịa ra những chuyện mà bà con Boranly chất phác chẳng hiểu đầu vào đâu nữa.

– Các chú nghĩ mà xem – Shabitzhan đảo cặp mắt kính lấp lánh nhìn khắp mọi người ngồi quanh. – Chúng ta, nếu am hiểu, chúng ta là những người sung sướng nhất trong lịch sử nhân loại. Như chú Edigej kia, bây giờ chú là người cao tuổi nhất ở đây. Chú biết ngày trước và hiện nay khác nhau thế nào, ý cháu muốn nói là trước đây người ta tin vào Thượng Đế. Thời cổ đại Hy Lạp các vị thần hình như sống trên núi Olemp, nhưng thần thánh quái gì họ? Một bọn ngu dốt thì có. Họ đã làm được gì nào? Họ không liên kết được với nhau, không thay đổi lối sống của loài người, và họ cũng chẳng nghĩ đến chuyện thay đổi. Chẳng có thần linh quái nào hết, toàn là thần thoại, cổ tích thôi. Còn các vị thần thời nay, họ đang sống ngay bên cạnh chúng ta, ở ngay vùng này, tại sân bay vũ trụ Sarozek. Và đó là niềm tự hào của chúng ta trước toàn thế giới. Không ai trong số chúng ta nhìn thấy họ, biết mặt họ, và cũng không nên cho phép bất cứ người dân quái nào cũng được gặp họ mà bắt tay hỏi thăm sức khỏe. Nhưng họ là những vị thần thực sự! Chú Edigej vừa kinh ngạc về chuyện họ điều khiển con tàu vũ trụ bằng radio. Đó là việc vặt, đã qua giai đoạn ấy rồi! Giai đoạn máy móc hoạt động theo chương trình. Sắp sang thời kỳ sẽ điều khiển con người bằng radio, như đã từng điều khiển máy móc tự động kia. Điều khiển con người nhé, các chú hiểu chưa, hết thầy, từ già chí trẻ. Đã có các dữ kiện khoa học. Khoa học đã đạt được tới đỉnh cao ấy, xuất phát từ những lợi ích cao cả.

– Hượm đã, hượm đã, lợi ích cao cả là cái quái gì – Edilbaj ngắt lời anh ta. – Cậu thử nói xem nào, tôi nghe chưa ra. Theo cậu, mọi người chúng ta đều phải đeo kè kè bên mình một cái máy thu, giống như chiếc đài bán dẫn để nghe lệnh? Ai cũng vậy, chỗ nào cũng vậy ư?

– Chú này mới ngớ ngẩn chứ! Ai bảo thế? Loại máy thu ấy chỉ là trò vật vãnh, là đồ chơi của con nít! Chẳng ai phải đeo kè kè cái gì bên mình hết! Cứ ở trường mà đi cũng được. Đã có những sóng vô tuyến vô hình –

người ta gọi là những dòng điện sinh học – thường xuyên tác động đến chú, đến ý thức của chú, lúc ấy chú định né tránh vào đâu được nào?

– Ghê gồm đến thế à?

– Chứ sao! Người ta sẽ phải làm mọi việc theo chương trình phát đi từ trung tâm. Chú cứ tưởng chú sống và hành động theo ý muốn của chú, nhưng thực ra là theo chỉ thị của cấp trên. Và tất cả phải theo một trình tự nghiêm ngặt. Nếu muốn chú hát – phát tín hiệu – thế là chú hát. Nếu thích chú nhảy múa – tín hiệu – thế là chú nhảy múa. Nếu cần chú làm việc – thế là chú làm việc, mà làm ra làm nhé! Trộm cắp, lưu manh, tội ác... tất cả sẽ bị lãng quên, chỉ còn đọc thấy trong những cuốn sách cũ thôi. Bởi vì tất cả mọi thứ sẽ đều được dự kiến trong hành vi của con người – mọi hành động, mọi ý nghĩ, mọi nguyện vọng. Chẳng hạn hiện nay trên thế giới có sự bùng nổ dân số, nghĩa là người ta đẻ ra nhiều quá, chả biết nuôi bằng cái gì. Phải làm sao đây? Phải giảm tỉ lệ sinh đẻ, các vị sẽ chỉ nằm với vợ khi nào có tín hiệu ra lệnh, xuất phát từ lợi ích của xã hội.

– Lợi ích cao cả chứ? – Edilbaj - Cò Hương hỏi thêm với chút ác ý.

– Đúng thế, lợi ích của nhà nước trên hết.

– Nếu bỏ qua các thứ lợi ích ấy, tôi cứ muốn ngủ với vợ thì sao?

– Chú Edilbaj thân mến ời, không xong đâu. Chú sẽ không nảy ra ý muốn như vậy, dù có chìa ra cho chú một giai nhân tuyệt sắc, chú cũng chả buồn ngó ngang. Bởi vì người ta đã phát dòng điện sinh học mang dấu âm rồi, thành thử vụ đó sẽ đâu vào đấy. Chú cứ tin tôi đi, hoặc lấy việc quân sự làm ví dụ. Tất cả sẽ theo tín hiệu, cần nhảy vào lửa sẽ có vị nhảy vào lửa, cần nhảy dù sẽ có người nhảy dù ngay tắp lự, cần ôm mìn nguyên tử lao vào gầm xe tăng, xin mời, sẽ có anh lao liền. Các vị sẽ hỏi tôi tại sao? Tại vì đã phát dòng điện sinh học dừng cảm – thế là người ta chả còn biết sợ là gì. Thế đó!

– Ái chà, phịa ra phịa! Dóc đến thế là cùng! Người ta dạy cậu những gì trong ngần ấy năm? – Edilbaj ngạc nhiên thật sự.

Những người ngồi quanh cười, cựa quậy, lắc đầu, ý nói anh chàng ba hoa chích choè quá mức, song họ vẫn tiếp tục nghe – nó kể những chuyện tuy vớ vẩn nhưng thú vị, chưa nghe bao giờ. Ai cũng hiểu rằng Shabitzhan

đã say mềm, ngăn cản nó làm gì, mặc cho nó tán. Đó đây đã có người nghe nó kể về vài điều, thật giả đến đâu chẳng cần suy xét cho mệt óc.

Edigej bỗng hoảng sợ thật sự – không phải tự dừng cái thẳng bẻm mép lại khua môi như thế, hẳn nó đã đọc hay nghe lỏm ở đâu đó những chuyện kia, bởi cái gì nó cũng biết qua quýt, chẳng hiểu điều gì đến nơi đến chốn. Sự đời sẽ ra sao, nếu quả thực có những kẻ, hơn nữa lại là những vị học giả tiếng tăm, khao khát điều khiến mọi người hết như họ là những vị thần...?

Còn Shabitzhan vẫn cứ ba hoa không dứt. Cặp mắt dưới hai tròng kính đỏ mờ hôi, giãn rộng như mắt mèo trong bóng tối, anh ta vẫn cứ luôn miệng nhấp vốtca và subat. Lúc này anh ta đang vung tay kể về cái Tam Giác Quỷ nào đấy trên đại dương, nơi những chiếc tàu biển biệt tích một cách bí hiểm và những chiếc phi cơ bay qua vùng đó rơi tõm vào đâu không rõ.

– Ở trên tỉnh có một anh cố tìm cách đi công tác ra nước ngoài, anh ta nản nì mãi và thế là được đi. Những vị khác bị gạt ra, và anh ta bay qua đại dương, định tới Urugoay hoặc Paragoay gì đó. Nhưng khi phi cơ bay đúng phía trên Tam Giác Quỷ thì nó biến mất, anh ta mất tăm, thế là rồi đời! Còn những người bạn đã nhường chuyến đi cho anh ta, những người bị anh ta gạt ra, thì nhờ vậy mà vẫn được sống đàng hoàng trên đất nước mình và khoẻ hơn nhơn nhơn! Nào hãy cạn chén, mừng sức khoẻ của chúng ta!

“Lại thế nữa! – Edigej chán nản nghĩ thầm. – Nó sắp nhắc đến đề tài quen miệng của nó đấy. Tai hoạ! Hễ cứ rượu vào là như xe không phanh!”

– Xin hãy cạn chén mừng sức khoẻ của chúng ta! Shabitzhan nhìn mọi người bằng cặp mắt đờ đẫn, mờ đục, nhưng vẫn cố tạo ra vẻ mặt quan trọng, đầy ý nghĩa. – Sức khoẻ của chúng ta là tài sản lớn nhất của đất nước. Sức khoẻ của chúng ta là báu vật của quốc gia. Thế đấy! Chúng ta đâu phải là những kẻ bình thường, chúng ta là những nhân vật quốc gia! Và tôi còn muốn nói rằng...

Edigej - Bão Tuyết đứng phắt dậy, không chờ Shabitzhan nói nốt lời chúc rượu, bác bước ra ngoài. Vấp phải vật gì đó kêu loảng xoảng ngoài thềm, có lẽ là chiếc xô, bác xỏ chân vào đôi dép đã lạnh ngắt vì sương đêm, rồi đi về nhà, lòng đầy tức giận.

“Ôi, bác Kazangap tội nghiệp! – bác cần râu, khề rên rĩ vì giận dữ. – Chết cũng chả được yên, khổ thân bác! Thằng con bác cứ ngồi nốc rượu như khi dự liên hoan, bất chấp tất cả! Nó nghĩ ra cái lời chúc rượu quý quái về sức khoẻ của đất nước ấy, để lần nào cũng nhái đi nhái lại ấy. Lạy trời ngày mai mọi nghi lễ đều hoàn tất, chúng tôi sẽ mai táng bác, làm bữa cúng xong nó sẽ không được phép lai vãng tới đây nữa, chúng tôi sẽ được giải thoát khỏi nó, vì ở nơi này chẳng ai cần nó và nó cũng chẳng cần đến ai”.

Hoá ra mọi người đã ngồi chơi khá lâu ở nhà Edilbaj - Cò Hương. Đã quá nửa đêm, Edigej hít đầy lồng ngực không khí lạnh giá của thảo nguyên Sarozek về đêm. Điều này thời tiết ngày mai sẽ sáng sủa và khô ráo, hơi nóng như mọi khi. Bao giờ cũng vậy, ban ngày trời nóng, đêm thì lạnh cóng. Vì thế mà bốn phía thảo nguyên quanh đây đều khô cằn, cây cỏ khó bề thích nghi. Ban ngày chúng hướng về phía mặt trời, xoè lá, khát nước, còn đêm thì co lại rét mướt. Những cây khoẻ mới sống nổi, thường là loại cây gai, ngải cứu, chủ yếu bám rễ vào các rãnh, có thể cắt chúng làm cỏ khô.

Nhà địa chất học Elizarov, một người bạn lâu năm của Edigej - Bảo Tuyết vẫn kể, rằng ngày xưa có người đã vẽ một bức tranh về vùng này, rằng có thời nơi đây cỏ mọc um tùm, khí hậu khác hẳn, những đàn súc vật lang thang khắp thảo nguyên. Thời kỳ ấy chắc đã qua lâu rồi, có lẽ từ trước khi lũ rợ Choang Choang dữ tợn tràn đến vùng này. Lũ rợ ấy nay chẳng còn dấu vết, nếu không, làm sao vùng này chỉ có ngần ấy người... Chẳng phải bỗng dưng vô cớ Elizarov bảo rằng Sarozek là cuốn sách bị quên lãng về lịch sử thảo nguyên.... Ông cho rằng lịch sử nghĩa địa Ana - Bejit cũng không phải là chuyện ngẫu nhiên. Một số người chỉ công nhận những gì được viết trên giấy mới là lịch sử, nhưng cái thời chưa có sách ấy thì không được tính đến hay sao...?

Khi lắng nghe tiếng xe lửa chạy qua ga, một sự liên tưởng lạ lùng nào đó thường đưa Edigej về với các cơn bão vũng biển Aral, nơi bác đã sinh ra và lớn lên. Chính Kazangap cũng là dân Kazak vùng Aral, vì thế mà hai người đã thân nhau ở ga này và thường nhắc nhở đến vùng biển quê hương.

Trước khi Kazangap mất không lâu, hồi mùa xuân, hai người đã cùng về thăm Aral. Hoá ra ông già đi một chuyến đổi già, nhưng không đi thì hơn, đi chỉ thêm nặng lòng. Biển đang cạn dần, bị thu hẹp ghê gớm. Họ phải đi xe hàng chục cây số qua những nơi trước đây là đáy biển, nay toàn đất sét, mới tới được mép nước.

Tại đó, Kazangap đã nói:

“Trước là biển Aral, nay chỉ thấy toàn đất. Nước biển còn cạn khô, nói chi đến cuộc đời người”.

Hôm ấy ông già còn bảo:

“Chú hãy chôn tôi ở nghĩa địa Ana - Bejit, chú Edigej ạ. Tôi gặp biển lần này là lần cuối cùng đây!”.

Edigej - Bão Tuyết dùng tay áo quạt nước mắt, ho vài tiếng cho cổ khỏi nghẹn, rồi bước vào ngôi nhà đất của Kazangap, nơi Ajzada, Ukubala và cánh phụ nữ đang lo nốt công việc tang gia. Những phụ nữ Boranly khi người này, lúc người khác, ghé tới đây chia buồn hoặc giúp một tay nếu cần.

Edigej dừng chân cạnh một gốc cây cong queo được chôn xuống đất, nơi buộc con Karanar - Bão Tuyết đã thắng bộ yên cương, gọn đẹp tươm tất. Dưới ánh trăng, con lạc đà trông cao lớn, uy nghi như một con voi, không dùng được, Edigej khẽ vỗ vào sườn nó:

– Mày khoẻ lắm!

Đến ngưỡng cửa, không hiểu sao Edigej chợt nhớ lúc con cáo chạy tới sát đường xe lửa. Không dám, bác từ bỏ ý định ném đá giết nó, rồi sau đó, trên đường về nhà, bác đã nhìn thấy một con tàu lửa cất cánh từ sân bay vũ trụ, bay vút lên không gian đen ngòm...

Chương 3

Vào giờ ấy, trên Thái Bình Dương, ở vĩ độ bắc, đã hơn bảy giờ sáng. Mặt trời chói chang toả ánh nắng tràn trề xuống mặt biển yên tĩnh bao la nhấp nháy. Ngoài trời, nước, quanh đây không còn cái gì khác. Song chính ở đây, trên tàu sân bay ‘Convention’ trong khuôn viên của nó, đang diễn ra một tấn kịch thế giới chưa một người nào bên ngoài hay biết. Tấn kịch này bắt đầu từ một sự kiện chưa từng có trong lịch sử chinh phục vũ trụ, vừa xảy ra trên trạm quỹ đạo Xô - Mỹ ‘Paritet’.

Tàu sân bay ‘Convention’ – tổng hành dinh khoa học chiến lược của trung tâm điều khiển chương trình hợp tác nghiên cứu vũ trụ ‘Demiurge’, đã lập tức cắt đứt mọi quan hệ với thế giới bên ngoài vì sự kiện trên. Không hề thay đổi địa điểm thường trú của mình ở phía nam quần đảo Alent, trên Thái Bình Dương, ngược lại, nó còn xác định toạ độ chính xác hơn bằng khoảng cách trên không như nhau so với Vladivostok và San Fransisco.

Trên con tàu khoa học này cũng đã có một vài thay đổi. Theo lệnh của hai vị tổng chủ nhiệm chương trình, một của Liên Xô, một của Mỹ, cả hai chuyên viên điều khiển khối liên lạc vũ trụ – một của Mỹ, một của Liên Xô – sau khi nhận được tin tức về vụ việc đột xuất trên trạm ‘Paritet’ đã tạm thời bị cách ly nghiêm ngặt để tin tức khỏi lọt ra ngoài...

Tất cả cán bộ nhân viên trên tàu ‘Convention’ bị đặt vào tình trạng báo động cao độ, mặc dù tàu này không hề có chức năng quân sự, càng không được trang bị bất cứ thứ vũ khí gì và hưởng quyền lợi bất khả xâm phạm theo một nghị quyết riêng của Liên Hiệp Quốc. Đó là chiếc tàu sân bay phi quân sự độc nhất trên thế giới.

Khoảng mười một giờ trưa, sẽ có hai tiểu ban đặc trách của hai nước đáp máy bay đến tàu ‘Convention’. Hai tiểu ban này có đủ thẩm quyền thông qua những quyết định cấp thời và áp dụng những biện pháp cần thiết để bảo vệ an ninh cho nước mình và cho toàn thế giới.

Vậy là vào giờ ấy tàu sân bay ‘Convention’ đang ở ngoài khơi Thái Bình Dương, phía nam quần đảo Alent với khoảng cách như nhau giữa

Vladivostok và San Fransisco. Sự lựa chọn toạ độ này không phải ngẫu nhiên, hơn bao giờ hết, lần này thể hiện rõ ràng quan điểm nhìn xa trông rộng và thận trọng của các tác giả chương trình ‘Demiurge’, bởi lẽ ngay cả vị trí của con tàu, nơi thực thi kế hoạch nghiên cứu vũ trụ do hai bên cùng soạn thảo, đã nói lên nguyên tắc hoàn toàn bình đẳng, tuyệt đối ngang quyền trong sự hợp tác khoa học - kỹ thuật quốc tế độc đáo này.

Tàu sân bay ‘Convention’ với toàn bộ trang thiết bị và năng lượng dự trữ là đồng sở hữu của cả hai phía, là con tàu hợp tác mà hai nước chung cổ phần. Nó có liên lạc vô tuyến điện thoại – truyền hình trực tiếp và đồng thời với hai sân bay vũ trụ Nevada và Sarozek. Trên tàu có tám máy bay phản lực, mỗi bên bốn chiếc, làm nhiệm vụ giao thông vận chuyển thường xuyên trong các quan hệ hàng ngày với lục địa. Trên tàu, song song có hai thuyền trưởng – một của Liên Xô, một của Mỹ: thuyền trưởng song đôi 1 - 2 và thuyền trưởng song đôi 2 - 1; mỗi vị, vào giờ trực của mình, sẽ là thuyền trưởng chính. Toàn bộ thủy thủ đoàn trên tàu đều có biên chế song đôi tương ứng: trợ lý, hoa tiêu, thợ máy, thợ điện, thủy thủ và chiêu đãi viên...

Đội ngũ cán bộ khoa học kỹ thuật của trung tâm điều khiển trên tàu ‘Convention’ cũng được xây dựng theo cơ cấu như thế. Bắt đầu từ hai vị tổng chủ nhiệm chương trình của mỗi bên – tổng chủ nhiệm song đôi 1 - 2 và 2 - 1, tất cả các cán bộ khoa học và chuyên môn cấp dưới cũng đều song đôi, đại diện bình đẳng cho cả hai bên. Chính vì thế mà trạm vũ trụ nằm trên quỹ đạo ‘Tramplin’ cũng được gọi là trạm ‘Paritet’⁷ để nói lên thực chất các quan hệ dưới mặt đất.

Dĩ nhiên, trước tất cả những cái đó, đã từng diễn ra một công tác chuẩn bị lớn lao và đa dạng của các cơ quan khoa học, ngoại giao và hành chính ở cả hai nước. Phải tốn nhiều năm, sau vô số cuộc gặp gỡ và thảo luận, hai bên mới đi tới chỗ nhất trí phối hợp mọi vấn đề chung và riêng của chương trình ‘Demiurge’.

Chương trình ‘Demiurge’ đặt ra nhiệm vụ vô cùng to lớn của những vấn đề vũ trụ học trong thế kỷ này – đó là nghiên cứu hành tinh X, nhằm sử dụng các nguồn khoáng sản của nó đang ẩn tàng một nguồn năng lượng

ngoài sức tưởng tượng của Trái Đất. Một trăm tấn chất liệu của hành tinh X, nằm gần như lộ thiên trên bề mặt hành tinh ấy, nếu được xử lý thoả đáng sẽ giải phóng một số năng lượng dưới dạng điện năng và nhiệt năng, đủ dùng cho cả châu Âu suốt một năm. Vật chất trên hành tinh X đã xuất hiện trong những điều kiện đặc biệt của dải Thiên Hà do tác động tiến hoá lâu dài qua nhiều tỉ năm, đã tích lũy thành một nguồn năng lượng lớn lao như vậy. Đó là kết quả xét nghiệm một số chất liệu do các thiết bị vũ trụ đã lấy từ bề mặt hành tinh X đem về nhiều lần, đó cũng là kết luận của một vài đoàn thám hiểm đã nhiều lần hạ cánh xuống hành tinh đỏ rực ấy, trong Thái Dương Hệ chúng ta.

Yếu tố quyết định để người ta ủng hộ dự án khai thác hành tinh X là, hơn bất cứ hành tinh nào khác mà khoa học biết tới, kể cả Mặt Trăng và Sao Kim, ở đây có nước tự do tràn trề giữa lòng hành tinh mà bề ngoài tưởng như toàn sa mạc đó, các mũi khoan đã xác nhận rằng trên hành tinh X hiển nhiên có nước. Theo tính toán của các nhà khoa học, bên dưới bề mặt hành tinh X có thể có một lớp nước dày tới mấy kilomet được lưu giữ cố định bởi những tầng nham thạch nằm sâu bên dưới.

Chính sự tồn tại của khối nước lớn ngần ấy trên hành tinh X đã bảo đảm tính hiện thực của chương trình ‘Demiurge’. Nước ở đây không chỉ là nguồn độ ẩm, mà còn là chất khởi đầu để tổng hợp những chất khác, cần thiết cho việc duy trì sự sống và hoạt động bình thường của cơ thể con người. Trước hết là tổng hợp không khí để thở. Ngoài ra, từ góc độ sản xuất, nước còn đóng vai trò chủ yếu trong công nghệ sơ tuyển chất liệu của hành tinh X, trước khi chuyển về Trái Đất.

Người ta còn thảo luận vấn đề nên khai thác năng lượng của hành tinh X ở đâu: trên các trạm quỹ đạo trong vũ trụ, rồi truyền năng lượng xuống Trái Đất theo các quỹ đạo đồng đẳng, hay là ngay trên Trái Đất. Thời gian chẳng gấp gáp lắm.

Một đoàn thám hiểm lớn được hình thành gồm các thợ khoan và chuyên viên thủy văn để làm việc dài ngày trên hành tinh X lắp đặt thiết bị tự động và thường xuyên hút nước từ lòng hành tinh X vào hệ thống đường ống dẫn nước. Trạm quỹ đạo ‘Paritet’, nói theo thuật ngữ của các vận động

viên leo núi, là trạm dừng chân chủ yếu, trên đường tới hành tinh X. Trên trạm ‘Paritet’ đã có những thiết bị cần thiết cho những tàu ‘con thoi’ sẽ đi đi về về làm nhiệm vụ chuyên chở giữa sao X và trạm ‘Paritet’. Với thời gian, khi đã lắp đặt xong các khối, trạm ‘Paritet’ có thể chứa được hơn một trăm người với đầy đủ tiện nghi, kể cả việc thường xuyên thưởng thức các chương trình ti vi phát từ Trái Đất.

Trên cái xí nghiệp vũ trụ bề thế này, việc khai thác và phân tích nước của hành tinh X sẽ là công đoạn sản xuất đầu tiên do con người tiến hành ở bên ngoài Trái Đất.

Và ngày ấy đang tới gần. Mọi việc đều diễn ra theo chiều hướng đó...

Tại hai sân bay vũ trụ Nevada và Sarozek, đang hoàn tất công việc chuẩn bị cuối cùng cho chiến dịch kỹ thuật thủy văn trên sao X. Trạm ‘Paritet’ trên quỹ đạo ‘Tramplin’ đã sẵn sàng đón và gửi đến sao X tốp ‘thợ khai hoang vũ trụ’ đầu tiên.

Loài người thực sự đang đứng bên ngưỡng cửa của nền văn minh bên ngoài trái đất.

Đúng vào thời điểm ấy, trước khi cử tốp chuyên viên thủy văn đầu tiên lên sao X, hai phi công vũ trụ song đôi, làm việc dài ngày trên quỹ đạo ‘Tramplin’, trong con tàu ‘Paritet’, đột nhiên biến mất...

Đột nhiên họ ngừng trả lời mọi tín hiệu liên lạc vào những buổi qui định lẫn bất thường. Ấn tượng thật là nặng nề! Ngoài những bộ cảm ứng thường xuyên ghi nhận vị trí của trạm, ngoài kênh điều chỉnh sự di chuyển của trạm, tất cả các hệ thống liên lạc vô tuyến - truyền hình đều ngừng hoạt động.

Thời gian trôi qua ‘Paritet’ không đáp lại bất kỳ tiếng gọi nào từ mặt đất phát lên. Nỗi lo ngại trên tàu ‘Convention’ tăng dần. Đủ mọi dự đoán, và giả thiết được đưa ra. Hai ông phi công vũ trụ song đôi trên ấy làm sao rồi? Vì lẽ gì họ im lặng? Họ đau ốm, hay bị ngộ độc thức ăn? Và nói chung, liệu họ còn sống hay đã chết? Các chuyên viên từ mặt đất đã sử dụng đến phương tiện khẩn cấp là phát đi tín hiệu vận hành hệ thống báo động cứu hoả trên trạm, cũng không có bất kỳ phản ứng nào đáp lại tín hiệu đáng sợ đó.

Chương trình ‘Demiurge’ bị đe dọa nghiêm trọng. Và lúc ấy trung tâm điều khiển tàu ‘Convention’ đã sử dụng đến khả năng cuối cùng của mình để làm sáng tỏ tình hình. Hai con tàu vũ trụ với hai phi công được cấp tốc phóng lên từ hai sân bay vũ trụ Nevada và Sarozek để lắp ghép với trạm ‘Paritet’.

Khi sự lắp ghép đồng thời đã hoàn tất – riêng việc này đã cực kỳ khó khăn – thì tin tức đầu tiên do hai phi công kiểm tra lọt vào trạm ‘Paritet’ truyền về, khiến mọi người sửng sốt: sau khi đã xem xét mọi khoang tàu, mọi phòng thí nghiệm, kiểm tra đến từng góc ngách, họ báo về rằng không tìm thấy hai nhà du hành song đôi ở trên trạm...

Không một ai ngờ tới điều này. Không bộ óc tưởng tượng nào đủ sức hình dung chuyện gì đã xảy ra: hai con người đã từng làm việc hơn ba tháng trên trạm quỹ đạo và hoàn thành tốt mọi nhiệm vụ được giao, nay đột nhiên biến mất. Họ không thể bốc thành hơi! Họ cũng không thể bước ra khoảng không vũ trụ!

Buổi khảo sát trạm ‘Paritet’ diễn ra với sự liên lạc vô tuyến - truyền hình trực tiếp với ‘Convention’, với sự tham gia trực tiếp của cả hai vị tổng chủ nhiệm song đôi. Vô số màn ảnh của trung tâm điều khiển cho thấy rõ hai phi công kiểm tra đang nói với nhau, đang bơi trong trạng thái phi trọng lượng để xem xét mọi ngăn trên trạm quỹ đạo như thế nào. Họ đã soát xét trạm từng bước một và liên tục báo cáo về Trái Đất, mọi lời trao đổi đều được ghi lại trên băng từ:

‘Paritet’: Trung tâm vẫn theo dõi đấy chứ? Trên trạm không có ai hết, chúng tôi không phát hiện được ai cả.

‘Convention’: Trên trạm có dấu vết đổ vỡ, hư hại của vật gì không?

‘Paritet’: Không, tất cả vẫn ở nguyên vị trí của chúng, tất cả vẫn đều vào đấy.

‘Convention’: Các anh có thấy vết máu không?

‘Paritet’: Hoàn toàn không.

‘Convention’: Các đồ dùng cá nhân của hai phi công song đôi nằm ở đâu và trong tình trạng thế nào?

‘Paritet’: Hình như tất cả vẫn ở chỗ của nó.

‘Convention’: Hãy xét kỹ xem.

‘Paritet’: Có cảm tưởng rằng họ mới có mặt ở đây thôi. Sách vở, đồng hồ, máy quay đĩa và mọi đồ dùng khác còn nguyên tại chỗ.

‘Convention’: Tốt, có ghi chép gì trên tường hay trên giấy không?

‘Paritet’: Chưa nhìn thấy, à đây rồi! Sổ trực để mở và có nhiều dòng ghi chép. Để sổ trực khỏi bay trong trạng thái phi trọng lượng, nó được kẹp chặt lại và để mở cho người bước vào dễ nhìn thấy...

‘Convention’: Các anh hãy đọc xem ở đó viết gì!

‘Paritet’: Vâng, đây là hai cột chữ đứng song đôi, một bằng tiếng Anh, một bằng tiếng Nga...

‘Convention’: Đọc đi, sao các anh cứ chần chừ thế!

‘Paritet’: Tiêu đề: “*Thông điệp gửi Trái Đất*”, trong dấu ngoặc đơn có lời giải thích.

‘Convention’: Stop. Đừng đọc vội, buổi liên lạc tạm ngừng. Các anh hãy chờ, một lát nữa chúng tôi sẽ gọi các anh. Cứ chuẩn bị sẵn sàng nhé!

‘Paritet’: Ôke!

Đến đây cuộc đối thoại giữa trạm quỹ đạo và trung tâm điều khiển tạm ngừng. Sau khi trao đổi ý kiến, hai vị Tổng chủ nhiệm chương trình ‘Demiurge’ đề nghị tất cả mọi người, trừ hai chuyên viên trực song đôi, rời khỏi khối liên lạc vũ trụ. Chỉ sau đó buổi liên lạc hai phía mới được tiếp tục.

Sau đây là toàn văn bức thư hai phi công vũ trụ song đôi để lại trên quỹ đạo ‘Tramplin’:

“Thưa các đồng nghiệp kính mến, vì chúng tôi sắp rời trạm quỹ đạo ‘Paritet’ ít lâu, mà cũng có thể rất lâu, trong hoàn cảnh rất dị thường. Mọi việc sẽ phụ thuộc vào hàng loạt yếu tố có liên quan tới việc làm chưa từng bao giờ có của chúng tôi, cho nên chúng tôi cho rằng mình có nghĩa vụ bắt buộc phải tường trình động cơ hành động của chúng tôi.

Chúng tôi nhận thức rõ ràng hành động của chúng tôi hiển nhiên không những bất ngờ, mà còn rõ ràng là trái phép, nếu xét từ yêu cầu kỷ luật sơ đẳng. Song một sự kiện đặc biệt mà chúng tôi gặp phải khi ở trên

trạm quỹ đạo trong vũ trụ, một sự kiện vượt quá sức tưởng tượng của loài người, cho phép chúng tôi trông đợi ít ra vào sự cảm thông...

Trước đây ít lâu chúng tôi có bắt được – trong hằng hà sa số những xung vô tuyến, phát từ không gian vũ trụ và một phần đáng kể từ tầng điện ly của trái đất vốn tràn ngập tiếng ồn và nhiễu, – một tín hiệu vô tuyến trên một dãy tần số hẹp. Tín hiệu ấy, vì là rất hẹp nên rất dễ bắt, cứ thường xuyên tự báo tin về nó theo thời gian và thời khoảng định kỳ.

Lúc đầu chúng tôi không chú ý lắm. Nhưng nó cứ dai dẳng, kiên trì báo tin, luôn luôn phát đi từ một điểm xác định của Vũ Trụ, và định hướng chính xác về phía trạm quỹ đạo của chúng tôi. Bây giờ chúng tôi đã biết rằng các sóng vô tuyến được định hướng nhân tạo ấy đã được tung vào không trung từ rất lâu, trước khi chúng tôi lên trực trên trạm quỹ đạo này – tốp chúng tôi là tốp trực thứ ba. Bởi vì ‘Paritet’ đã hoạt động trên quỹ đạo ‘Tramplin’ giữa vũ trụ xa xôi được hơn một năm rưỡi.

Khó giải thích tại sao, chắc hẳn hoàn toàn do tình cờ, chúng tôi lại là những người đầu tiên quan tâm đến tín hiệu ấy. Dẫu sao chúng tôi cũng bắt đầu quan sát, ghi nhận, nghiên cứu bản chất của hiện tượng đó. Và dần dần, với niềm tin ngày càng chắc chắn, chúng tôi đã đi tới kết luận về nguồn gốc nhân tạo của tín hiệu đó!

Nhưng không phải chúng tôi dễ dàng quen ngay với ý nghĩ ấy. Sự nghi ngờ luôn luôn ám ảnh chúng tôi. Làm sao chúng tôi có thể khẳng định sự tồn tại của một nền văn minh ngoài trái đất nếu chỉ dựa trên sự kiện một tín hiệu vô tuyến mà chúng tôi cho đó là tín hiệu nhân tạo phát đi từ vũ trụ sâu thẳm thẳm? Chúng tôi lưỡng lự, bởi vì mọi cố gắng trước đây của khoa học muốn thực hiện một nhiệm vụ tối thiểu nhằm phát hiện một dấu hiệu nào đó dù nhỏ nhất của sự sống, dưới dạng đơn giản nhất, ngay cả ở các hành tinh đồng giới hạn, đều vô hiệu như ta đã biết. Việc tìm kiếm trí tuệ ở bên ngoài Trái Đất quá ít hy vọng, nếu không bị coi là hoang tưởng, bởi lẽ, với mỗi bước tiến mới trong công cuộc nghiên cứu khoảng không vũ trụ thì khả năng ấy, dù trên bình diện lý luận, càng trở nên ít hơn, nếu không nói là bằng zêro.

Chúng tôi không định tranh cãi với tư tưởng đã được khẳng định về tính chất độc nhất vô nhị của sự sống như một hiện tượng sinh học chỉ tồn tại duy nhất trên hành tinh Trái Đất. Chúng tôi cho rằng mình không nhất thiết phải chia sẻ những sự nghi ngờ của mình, bởi vì trong chương trình công tác của chúng tôi trên trạm quỹ đạo không hề có nhiệm vụ quan sát đó. Thật tình chúng tôi không muốn, ngoài mọi lẽ ra, lâm vào tình thế của nhà du hành vũ trụ nọ đã một lần hoa mắt nhìn thấy con bò trên cánh đồng và đàn cừu gặm cỏ ven sông. Từ đấy anh ta bị mọi người tặng cho biệt hiệu ‘Nhà du bò’.

Giờ đây chúng tôi đã trải qua một bước nhảy vọt, một bước ngoặt, một sự cải biến ý thức trong quan niệm về cấu tạo thế giới, và đột nhiên phát hiện rằng mình đã bắt đầu tư duy bằng những phạm trù hoàn toàn khác so với trước đó. Nhận thức hoàn toàn mới về cấu tạo của vũ trụ, việc phát hiện không gian có sự sống mới, sự tồn tại của một khu vực năng lượng trí tuệ cực mạnh... đã đưa chúng tôi tới kết luận rằng chưa nên báo tin cho Trái Đất biết phát hiện này. Chúng tôi đã quyết định như vậy vì lợi ích của chính xã hội hiện đại.

Bây giờ xin trình bày thực chất vấn đề.

Một bữa, vì tò mò, chúng tôi đã quyết định phát tín hiệu vô tuyến trả lời, cùng trong dải băng tần với tín hiệu nọ, hướng nó về cái điểm của Vũ trụ, nơi từ đó thường xuyên có các xung vô tuyến bí ẩn truyền đến chúng tôi.

Điều thần kỳ đã xảy ra! Tín hiệu của chúng tôi được tiếp nhận tức thời! Nó được bắt và được hiểu. Đáp lại, trên dải tần số tiếp nhận của chúng tôi liền thêm một tín hiệu, rồi thêm một tín hiệu nữa bên cạnh tín hiệu cũ. Có thể gọi đó là bè Trio chào mừng, đó là ba tín hiệu vô tuyến đồng thời từ Vũ Trụ, suốt mấy giờ được truyền đi như hành khúc thắng lợi, đem theo cái tin hân hoan về những sinh vật có trí tuệ ở bên ngoài hệ Thiên Hà của chúng ta, những sinh vật có năng lực cao nhất, tiếp xúc với những sinh vật giống mình, tại các khoảng cách siêu xa.

Đó là cuộc cách mạng trong quan niệm của chúng tôi về sinh học vũ trụ, trong nhận thức về cấu tạo của thời gian, không gian, khoảng cách...

Chẳng lẽ chúng ta đơn độc trên thế gian, không phải là độc nhất vô nhị giữa vũ trụ bao la vô tận, chẳng lẽ kinh nghiệm của con người trên Trái Đất không phải là sự hiện hữu tinh thần duy nhất trong Vũ Trụ?...

Để kiểm tra tính hiện thực của việc phát hiện nền văn minh bên ngoài Trái Đất, chúng tôi đã phát đi tín hiệu vô tuyến bằng công thức về khối lượng của địa cầu, về những gì là khởi nguyên và đang là nền tảng của sự sống chúng ta. Chúng tôi nhận được giải mã – đến lượt mình – họ đã phát đi công thức về khối lượng hành tinh của họ. Qua công thức ấy chúng tôi rút ra kết luận, rằng hành tinh kia tương đối lớn và có sức hút đáng kể.

Đôi bên đã trao đổi những kiến thức đầu tiên về các qui luật vật lý, và lần đầu tiên chúng tôi đã tiếp xúc với những sinh vật có trí tuệ ở bên ngoài Trái Đất theo cách đó.

Các sinh vật ấy tỏ ra là những người đối thoại tích cực với nghĩa cử cố và làm gần lại các quan hệ liên lạc với chúng tôi. Nhờ cố gắng của họ, sự tiếp xúc giữa đôi bên nhanh chóng mang thêm nội dung ngày càng mới mẻ. Chẳng bao lâu, chúng tôi được biết rằng họ có những thiết bị bay ngang với vận tốc ánh sáng. Tất cả những điều chúng tôi biết được là nhờ khả năng trao đổi ý kiến, lúc đầu bằng các công thức toán học và hoá học, sau đó họ tỏ cho chúng tôi hiểu rằng họ còn biết nói thành lời.

Thì ra, đã nhiều năm, kể từ khi con người vượt qua sức hút của Trái Đất đi vào vũ trụ và hoạt động khá ổn định trên đó, các sinh vật của hành tinh kia đã nghiên cứu các ngôn ngữ của chúng ta bằng thiết bị nghe vũ trụ cực mạnh. Do bắt được sóng liên lạc vô tuyến có hệ thống giữa vũ trụ và Trái Đất, họ đã khôn ngoan giải mã – thông qua so sánh và phân tích – mà hiểu được ý nghĩa các từ ngữ và câu nói của chúng ta. Tự chúng tôi tin như vậy, khi họ thử đối thoại với chúng tôi bằng tiếng Anh và tiếng Nga. Lại thêm một phát hiện chưa từng có, đầy sửng sốt...

Bây giờ xin đề cập đến điều chủ yếu.

Chúng tôi đã đánh bạo quyết định tới thăm hành tinh nọ, mà tên gọi của nó tạm giải mã là Ngực Rừng. Các sinh vật Ngực Rừng mời chúng tôi, đó là sáng kiến của họ. Và chúng tôi đã quyết định, sau khi suy xét kỹ lưỡng. Họ giải thích với chúng tôi rằng thiết bị bay của họ, với vận tốc ánh

sáng, sẽ bay tới trạm quỹ đạo của chúng ta sau hai mươi sáu, hai mươi bảy giờ. Bất cứ lúc nào chúng tôi muốn, họ cam kết sẽ đưa chúng tôi trở lại trạm cũng bằng ngần ấy thời gian. Về chuyện lắp ghép, họ giải thích rằng không có gì đáng ngại bởi vì thiết bị bay của họ có khả năng ráp kín vào bất kỳ vật nào, với hình dạng và cấu tạo tùy ý, chắc đó phải là một đặc tính nào đó của việc lắp ráp điện tử. Chúng tôi quyết định tốt nhất là thiết bị bay của họ sẽ tiếp cận cửa bước ra vũ trụ của trạm, để chúng tôi có thể chuyển từ trạm sang thiết bị của họ. Cũng bằng con đường ấy, chúng tôi dự kiến sẽ trở về trạm. Tất nhiên, nếu chuyển tham quan Ngực Rừng hoàn tất mỹ mãn.

Vậy chúng tôi để lại trong trạm ‘Paritet’ bức thông điệp này, hoặc gọi nó là tờ giải trình, là thư ngỏ, là lời kêu gọi cũng được. Thực chất không phải ở đó... Chúng tôi khá tỉnh táo để hiểu mình đi đâu và tự gánh lấy trách nhiệm nặng nề như thế nào... Chúng tôi nhận thức rằng số phận đã dành cho chính chúng tôi cái khả năng có một không hai được phục vụ nhân loại, một sự phục vụ mà chúng tôi cho là cao quý hơn hết thảy...

Dẫu vậy, điều khổ tâm nhất đối với chúng tôi là phải nén đi ý thức nghĩa vụ, tinh thần kỷ luật, sự gắn bó, và cuối cùng... nén đi tình cảm đã được bồi đắp trong mỗi chúng ta, bởi các truyền thống lâu đời, bởi các qui tắc, tiêu chuẩn đạo đức xã hội. Chúng tôi rời trạm ‘Paritet’ mà không báo tin cho hai vị chỉ huy trung tâm điều khiển và nói chung, tất cả mọi người Trái Đất. Không phối hợp các mục đích và nhiệm vụ của mình với bất cứ ai dưới bất kỳ hình thức nào, không phải chúng tôi coi thường qui tắc đời sống xã hội Trái Đất. Đối với chúng tôi, đó từng là đề tài phải suy nghĩ nặng nề nhất. Chúng tôi buộc phải hành động như vậy, bởi vì có thể dễ dàng hình dung những tâm trạng, mâu thuẫn, ý muốn nào sẽ xuất hiện tràn lan ngay khi các thế lực bắt đầu hành sự, những thế lực thậm chí coi việc thắng thêm một trái khúc côn cầu là thắng lợi chính trị và là điểm ưu việt của hệ thống nhà nước của mình. Than ôi, chúng tôi biết quá rõ thực tế ở Trái Đất chúng ta! Ai có thể đoán chắc, rằng khả năng tiếp xúc với nền văn minh bên ngoài Trái Đất sẽ không trở thành một cái cớ nữa để gây chiến tranh thế giới tàn sát con người?

Ở Trái Đất rất khó hoặc gần như không thể né tránh cuộc đấu tranh chính trị. Nhưng khi ở lâu – nhiều ngày và nhiều tuần – trong vũ trụ xa xôi, nơi từ đó nhìn về Trái Đất chỉ thấy nó chẳng lớn hơn một cái bánh xe ô tô, chúng tôi đau đớn và giận dữ bất lực nghĩ rằng cuộc khủng hoảng năng lượng hiện nay đang đẩy xã hội tới chỗ tuyệt vọng, điên cuồng, khiến vài nước nào đó muốn sử dụng bom nguyên tử – thực ra chỉ là một vấn đề kỹ thuật lớn mà thôi. Ví thử các nước ấy có thể thoả thuận với nhau..., rằng điều quan trọng hơn....

Vì lo ngại gây xáo động, làm phức tạp thêm tình hình vốn chứa đầy nguy cơ của Trái Đất, chúng tôi mạnh dạn nhận lãnh một trách nhiệm chưa từng có là nhân danh toàn bộ loài người mà tiếp xúc với những sinh vật có trí tuệ ở bên ngoài Trái Đất, phù hợp với các xác tín và lương tâm của mình. Chúng tôi hy vọng và tự tin rằng mình sẽ hoàn thành sứ mệnh tự nguyện một cách xứng đáng...

Và xin nói điểm cuối cùng.

Trong các suy nghĩ, nghi ngại và phân vân của mình, chúng tôi đã lo lắng không ít về việc làm sao không gây thiệt hại cho chương trình ‘Demiurge’ – một sự khởi đầu vĩ đại trong lịch sử địa chất vũ trụ của loài người trải qua nhiều năm đau khổ vì nghi ngờ, hết tăng lại giảm sự hợp tác lẫn nhau. Tuy nhiên, lý trí đã thắng – và chúng tôi tự nguyện phục vụ sự nghiệp chung tùy theo sức lực và khả năng của mình. Nhưng sau khi đối sánh mọi lẽ, và không muốn thử thách chương trình ‘Demiurge’ do những lo ngại trên, chúng tôi đã chọn phương án của mình. Chúng tôi chỉ tạm thời rời trạm ‘Paritet’, để khi trở về sẽ báo cáo với loài người về kết quả tham quan hành tinh Ngực Rừng. Nếu chúng tôi mất tích vĩnh viễn, hoặc nếu ban chỉ huy thấy chúng tôi không còn xứng đáng tiếp tục làm việc trên trạm ‘Paritet’ nữa, thì việc thay thế chúng tôi sẽ không đến nỗi phức tạp, bao giờ cũng sẽ tìm được những người làm việc không kém gì chúng tôi.

Chúng tôi đi sâu vào chốn chưa ai biết tới. Điều dẫn chúng tôi tới đó là khát vọng hiểu biết và ước mơ ngàn đời của con người muốn phát hiện những sinh vật có trí tuệ giống mình ở các thế giới khác, để trí tuệ được liên kết với trí tuệ. Song chưa ai biết kinh nghiệm của nền văn minh ngoài

Trái Đất tiềm ẩn thiện chí hay ác ý đến với loài người, chúng tôi sẽ cố gắng khách quan trong cách đánh giá. Nếu cảm thấy phát hiện của mình có thể chứa đựng một chút gì đe dọa, phá hoại Trái Đất, chúng tôi xin thề sẽ ứng xử xứng hợp để không gây bất kỳ tai họa nào cho hành tinh của chúng ta.

Thêm một điểm cuối cùng nữa, chúng tôi sắp từ biệt trạm.

Qua cửa sổ, chúng tôi nhìn thấy một phía của Trái Đất rạng rỡ như một viên ngọc lung linh giữa biển không gian đêm thắm. Trái Đất đẹp tuyệt vời bởi màu xanh hiếm thấy và trông yếu ớt, mong manh như mái đầu trẻ thơ. Từ đây, chúng tôi cảm thấy mọi người đang sống trên đời, hết thấy họ đều là anh chị em của chúng tôi, và chúng tôi không dám tưởng tượng rằng mình có thể sống thiếu họ, tuy chúng tôi biết rằng ở dưới Trái Đất lại hoàn toàn chưa phải như vậy...

Chúng tôi sắp từ giã địa cầu. Vài giờ nữa chúng tôi sẽ rời khỏi quỹ đạo 'Tramplin', và khi đó sẽ không thể nhìn thấy Trái Đất nữa. Các sinh vật Ngực Rừng đang trên đường tới đón chúng tôi, họ đã gần đến quỹ đạo của chúng ta. Chỉ ít phút nữa thôi, chúng tôi đang chờ.

Cuối cùng chúng tôi xin gửi lại thư cho gia đình chúng tôi, tha thiết đề nghị tất cả những ai có quan hệ tới việc này hãy chuyển giúp thư của chúng tôi tới đúng địa chỉ.

Tái bút: Chỉ dẫn những ai sẽ lên thế chỗ chúng tôi trên trạm 'Paritet': trong sổ trực, chúng tôi có ghi rõ kênh thu - phát và tần số những sóng vô tuyến mà nhờ đó chúng tôi đã tiếp xúc với các sinh vật Ngực Rừng. Nếu cần, chúng tôi sẽ liên lạc và truyền tin về theo kênh đó. Theo chỗ chúng tôi đã xác định được từ các buổi trao đổi vô tuyến với hành tinh Ngực Rừng, thì cách liên lạc thuận tiện và duy nhất là hệ thống của trạm tự động. Bởi vì các tín hiệu vô tuyến mà Vũ Trụ phát thẳng về phía Trái Đất không thể tới được bề mặt Trái Đất, vì chướng ngại sừng sững là tầng điện ly dày đặc trong khí quyển bao quanh Trái Đất.

Xin ngừng bút ở đây. Vĩnh biệt. Chúng tôi đã tới lúc ra đi.

Toàn văn thông điệp này được viết bằng hai thứ tiếng Anh và Nga.

PHI CÔNG VŨ TRỤ SONG ĐÔI 1 - 2

PHI CÔNG VŨ TRỤ SONG ĐÔI 2 - 1

Trạm quỹ đạo ‘Paritet’
Đợt trực ban thứ ba. Ngày thứ 94”

* * *

Đúng thời hạn qui định, vào lúc mười một giờ theo giờ Viễn Đông, hai chiếc máy bay phản lực chở hai tiểu ban có thẩm quyền đặc biệt, một của Mỹ, một của Liên Xô, đã lần lượt hạ cánh xuống tàu sân bay ‘Convention’.

Các uỷ viên của hai tiểu ban được đón tiếp đúng theo nghi thức. Họ lập tức được thông báo rằng họ sẽ dùng bữa trưa trong nửa giờ, liền sau đó sẽ phải có mặt tại phòng sĩ quan để dự phiên họp kín do tình hình đặc biệt trên trạm quỹ đạo ‘Paritet’.

Nhưng phiên họp vừa khai mạc thì đột ngột bị gián đoạn. Hai phi công vũ trụ - kiểm tra đang ở trên trạm ‘Paritet’ vừa truyền về Trung tâm điều khiển ở tàu ‘Convention’ bản tin đầu tiên mà họ nhận được của hai phi công vũ trụ song đôi 1 - 2 và 2 - 1, từ hệ Thiên Hà láng giềng, hành tinh Ngược Rừng...

Chương 4

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông – miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Ở vùng này mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich...

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Nói gì thì nói, đường đến nghĩa địa Ana - Bejit của bộ tộc Najman đầu sao cũng xa, tới ba mươi versta, phải luôn luôn dùng mắt lấy các bụi gai làm mốc để nắn đường đi cho thẳng.

Hôm nay Edigej - Bão Tuyết dậy sớm, và lại bác cũng có ngủ nghề gì đâu, gần sáng mới thiếp đi một chút. Còn trước đó, bác bận chuẩn bị khâu liệm cho Kazangap. Thông thường người ta làm việc ấy vào ngày chôn cất, không lâu trước lúc khiêng quan tài ra, giữa khi tất cả đang cầu nguyện. Đằng này mọi việc phải hoàn tất trong đêm, để sáng ra có thể lên đường ngay không chậm trễ. Bác tự làm lấy tất cả, nếu không kể việc Edilbaj - Cò Hương bưng nước ấm tới để lau rửa. Edilbaj hơi ngần ngại, đứng cách xa người chết. Tất nhiên bác ta thấy sờ sợ, Edigej làm như vô tình bảo:

– Chú Edilbaj nhìn cho kỹ nhé, có lúc trong đời sẽ cần đến. Con người đã sinh ra thì sẽ có lúc phải chôn cất thôi.

– Vâng, tôi hiểu – Edilbaj rụt rè trả lời.

– Đúng thế, giả dụ ngày mai tôi chết. Chẳng lẽ không tìm được ai biết khâu liệm ư? Các chú cứ hất đại xác tôi xuống một cái hố nào chẳng?

– Sao lại thế ạ! – Edilbaj lúng túng soi đèn cho Edigej và cố mon men đến cạnh tử thi. – Vâng bác thì ở đây chán lắm, vậy xin bác hãy sống đã. Còn cái hố cứ để nó chờ.

Việc khâu liệm chiếm gần một giờ rưỡi. Edigej rất hài lòng, bác lau rửa người quá cố chu đáo, đặt hai tay hai chân cho thẳng rồi quần đai đứng

thể thức, không hề tiếc vải. Vừa làm bác vừa chỉ dẫn cho Edilbaj. Xong xuôi, bác sửa sang lại bản thân mình cho tử tế. Bác cạo râu, sửa ria. Bộ ria của bác cũng dày rậm như lông mày và đã lấm tấm sợi bạc. Edigej không quên đeo các huy chương chiến sĩ, các huân chương và huy hiệu thi đua của mình lên ngực, chuẩn bị cho ngày mai.

Đêm đã qua. Và Edigej - Bão Tuyết ngạc nhiên với chính mình – tại sao bác lại làm tất cả những việc đó một cách đơn giản và bình tĩnh như vậy! Nếu trước đây có ai bảo bác phải làm cái việc đáng buồn ấy, chắc bác chẳng tin. Như vậy là định mệnh đã an bài, rằng người chôn cất Kazangap sẽ phải là bác. Cái số nó thế.

Đúng vậy, ai có thể ngờ chuyện này hồi hai người gặp nhau lần đầu tiên ở ga Kumbel. Sau khi bị chấn thương, vào cuối năm bốn mươi tư, Edigej được giải ngũ. Nhìn bề ngoài, dường như tất cả vẫn đâu vào đó – tay chân còn nguyên vẹn, cái đầu vẫn ở trên vai, có điều đúng là nó không phải của mình nữa. Hai tai cứ ù ù như có gió thổi, đi vài bước đã chông chênh, mắt mũi tối sầm, buồn nôn, mồ hôi vã ra như tắm. Thỉnh thoảng cái lưỡi bất tuân thượng lệnh, vấp vả lẩm mẩm mới nói được một tiếng. Edigej đã bị chấn thương thực sự bởi sóng nổ của một viên đạn trái phá Đức. Nó không giết chết anh, nhưng sống thế này thì phỏng có ích gì. Dạo ấy Edigej vô cùng chán nản. Trẻ trung, trông bề ngoài khoẻ mạnh, nhưng nếu trở về quê hương – vùng biển Aral – thì anh sẽ làm gì, có ích gì đâu? May thay gặp được ông bác sĩ giỏi! Ông ấy thậm chí không điều trị cho anh, mà chỉ khám, chỉ nghe, chỉ kiểm tra. Bây giờ Edigej còn nhớ đấy là một người đàn ông tóc hung, vạm vỡ, mặc blu trắng, đội mũ trắng, mắt sáng, mũi to. Ông vui vẻ vỗ vai anh cười:

– Người anh em thấy đó, chiến tranh sắp chấm dứt rồi, nếu không thì tôi sẽ trả anh về đơn vị cũ để anh đánh đấm vài trận nữa. Nhưng thôi, thiếu anh, chúng ta cũng sẽ có cách đi tới chiến thắng. Có điều là anh đừng lo lắng gì cả, chỉ một năm nữa hoặc có thể sớm hơn, mọi việc sẽ đâu vào đấy, anh sẽ khoẻ như văm. Tôi nói thật đấy, sau này anh sẽ nhớ lại lời tôi nói hôm nay. Còn bây giờ thì anh thu xếp về quê đi và chớ có buồn, những người như anh phải sống đến trăm tuổi cơ...

Ông bác sĩ ấy hoá ra nói thật, sự việc đúng như vậy. Tuy rằng nói sau một năm thì dễ quá, chứ khi rời quân y viện, với chiếc áo vá rơi nhàu nát, chiếc túi vải sau lưng và một cây nạng để phòng bất trắc, anh bước ra đường phố mà cứ như lọt vào rừng rậm. Đầu váng, chân run, mặt mũi xây xẩm. Tại các nhà ga và trên các chuyến tàu hoả, cảnh tượng hỗn loạn, người đông như kiến, mạnh ai nấy lo, chen lấn xô đẩy nhau. Dầu sao anh cũng lần về tới nhà. Sau một tháng trời vật vã, đêm ấy đoàn tàu dừng bánh ở ga Aralsk. Người ta đặt cho đoàn tàu ‘tuyệt vời’ ấy biệt hiệu ‘tàu năm lẻ bảy vui tính’ – mong sao đừng bao giờ có ai phải đáp những chuyến tàu như thế...

Nhưng hồi ấy được đi tàu đã phúc. Edigej dò dẫm trong bóng tối, bò xuống khỏi toa như tụt từ một quả núi xuống. Chung quanh tối đen như mực, chỉ le lói vài ánh đèn nhà ga. Trời gió mạnh, vậy là gió đã đón anh, thứ gió quê hương, gió biển Aral của anh! Hơi biển phả vào mặt. Hồi ấy ga đặt sát biển, sóng vỗ ù oạp ngay dưới chân đường tàu. Chứ bây giờ có ống nhòm cũng chẳng thấy biển đằng xa...

Anh nín thở – từ đồng cỏ đưa đến thoang thoảng mùi ngải cứu, hơi hương mùa xuân sắp về với vùng ven biển Aral. Quê hương thân thiết đây rồi!

Edigej thông thuộc nhà ga và cái thị trấn cạnh ga, nằm trên bờ biển với những con đường nhỏ quanh co. Bùn lén nhép dính vào đôi ủng, anh tới nhà người quen định ngủ nhờ để sáng mai về làng chài Zhageldi của mình nằm cách ga khá xa. Anh không để ý rằng con đường đưa anh ra rìa thị trấn ăn sát bờ biển từ lúc nào. Không nén được, anh lần ra tận mép nước. Trong bóng đêm, chỉ đoán được biển qua những vệt sáng mờ mờ, qua các ngọn sóng trời lên rì rào rồi lại hăng xuống tức thì. Trăng gần sáng đã nhạt lấm, chỉ là một điểm trắng cô đơn nấp sau đám mây trên cao.

Thế là anh gặp lại biển.

– Chào Aral – Edigej thì thầm.

Anh ngồi ghé xuống một mòm đá, châm thuốc, mặc dù các bác sĩ khuyên anh tuyệt đối không nên hút thuốc. Sau đó ít lâu anh mới bỏ hẳn thói quen tệ hại ấy, chứ hôm ấy anh rất xúc động – khói thuốc thì nghĩa lý

gì, trong khi chưa rõ sẽ tiếp tục sống ra sao đây. Muốn đi biển hai tay phải rắn chắc, vùng thắt lưng phải khoẻ, và chủ yếu là cái đầu phải cứng để khỏi bị say sóng. Trước khi ra trận, anh là dân chài, còn bây giờ thì sao? Tàn phế chẳng ra tàn phế, nhưng nói chung là đồ vô tích sự. Mà trước hết là cái đầu không hợp với nghề đi biển nữa rồi, điều này đã rõ ràng rành.

Edigej định đứng dậy, không biết từ đâu trên bờ có một con chó trắng xuất hiện. Nó chạy chậm chậm dọc mép nước, thỉnh thoảng dừng lại, ngửi ngửi cát ướt một cách chăm chú. Edigej vẫy nó, nó tin cậy tiến đến gần và đứng lại bên cạnh, đuôi ve vẩy. Edigej vỗ nhẹ vào cái cổ đầy lông của nó:

– Mày ở đâu chạy đến vậy? Tên mày là gì? Arstan? Zholbars? Boribasars?⁸ À, tao hiểu rồi, mày đi kiếm cá ven bờ. Khá, khá lắm! Nhưng không phải ngày nào biển cũng ném cá chết lên bờ đâu. Làm sao đây! Phải chạy mãi nên mày mới ốm thế này. Còn tao, tao đi về quê đây. Từ xứ Kenigsberg cơ đấy, chỉ cách thành phố ấy vài kilomet nữa là tao bị đạn trái phá quật ngã, may mà sống sót. Bây giờ tao đang lo nghĩ sẽ làm việc gì. Sao mày nhìn tao ghê thế? Tao chả có gì cho mày đâu, toàn huân chương với huy chương thôi. Chiến tranh, chỗ nào cũng đói, anh bạn ạ. Thương tật... À mà hượm đã, tao có miếng đường, định đem về làm quà cho con trai tao đây, con trai tao nó biết chạy rồi, chắc thế...

Edigej vội cởi chiếc túi vải, trong đó có một nhúm đường phen bọc bằng giấy báo, một tấm khăn cho vợ, mua ở một nhà ga, hai cục xà bông, mua của dân phe phẩy. Trong túi vải còn có một bộ đồ lót của lính, thắt lưng, mũ calo, một chiếc áo vá rơi dự trữ và một cái quần – đó là toàn bộ hành trang.

Con chó liếm đường trên bàn tay anh, nó nhai rau rầu, ve vẩy đuôi và nhìn anh bằng ánh mắt trung thành, chăm chú, tin cậy, tươi tỉnh.

– Thôi, tạm biệt nhé! – Edigej đứng dậy, đi dọc bờ biển. Anh quyết định không phiền người quen ở ga nữa. Trời sắp sáng rồi, nên đi luôn về làng mình thôi.

Mãi trưa hôm ấy Edigej mới về tới Zhangeldi bằng con đường lần theo bờ biển. Trước kia, anh vượt khoảng cách ấy chỉ mất hai giờ. Đến nhà, anh

bị ngay một đòn choáng váng – thì ra thằng con trai bé bỏng của anh đã chết từ lâu. Khi Edigej nhập ngũ, thằng bé mới được sáu tháng. Cái số nó chỉ sống được mười một tháng. Nó bị lên sởi và không chịu nổi cái nóng bên trong, đã lìa đời. Gia đình không muốn viết thư cho bố nó biết, gởi đi đâu và viết làm gì kia chứ? Ngoài mặt trận thiếu tin đó cũng có khối chuyện đau lòng rồi. Nếu còn sống trở về, biết chuyện sẽ đau khổ ít lâu rồi qua đi, bà con họ hàng lập luận như thế và khuyên Ukubala đừng báo tin cho chồng. Anh chị còn trẻ, họ nói, hết chiến tranh, tha hồ mà đẻ. “Một cảnh bị gãy, chưa phải là tai hoạ, cái chính là thân cây phải nguyên vẹn”. Ngoài ra, mọi người cũng nghĩ, tuy không nói ra, nhưng ai cũng hiểu ngầm: ví dụ, lỡ anh ấy có bề nào, chiến tranh là chiến tranh, tên rơi đạn lạc, thì vào giây phút cuối cùng từ giã cõi đời, hãy để anh ấy hy vọng rằng còn đưa con trai ở nhà, dòng họ đâu đến nỗi tuyệt tự...

Ukubala tự hành hạ mình về mọi chuyện, chị nước nở ôm chặt người chồng vừa trở về. Chị đã chờ đợi ngày hôm nay với bao hy vọng và đau đớn như một người có lỗi, chị vừa kể vừa khóc sụt sùi, khiến các bà già phải cản ngăn. Thằng bé bị bệnh sởi rất nặng, căn bệnh ấy nguy hiểm vô cùng, lẽ ra phải dùng chăn ấm nhồi lông lạc đà quấn chặt thằng bé, đặt trong buồng tối, thường xuyên cho uống nước lạnh và kê nó. Nếu trời tha cho, nó chịu được các cơn sốt nóng thì sẽ sống. Đàng này Ukubala không chịu nghe lời các bà già trong làng, chị hỏi mượn hàng xóm một chiếc xe ngựa và chở con đến nhà bác sĩ ở tận dưới ga. Nhưng đến được Aralsk trên chiếc xe ngựa quá xóc thì muộn rồi, thằng bé đã chết dọc đường. Chị bác sĩ nhấc móc người mẹ trẻ hết lời, chị ta bảo lẽ ra Ukubala phải làm theo lời khuyên của các bà lão...

Đấy, những tin như thế chờ sẵn Edigej ở nhà, khi anh bước qua ngưỡng cửa. Anh hoá đá, anh rầu rĩ vì đau khổ từ giờ phút ấy. Trước kia anh không bao giờ ngờ mình sẽ thương nhớ đứa con trai đau lòng, mà anh chưa hề ấm bề thực sự tới mức sâu xa như vậy. Do đó anh lại càng đau đớn về sự mất mát, không bao giờ anh có thể quên được nụ cười của đứa bé chưa có răng, một nụ cười tin cậy, tươi tắn, hễ nhớ đến lòng anh như thắt lại.

Tất cả bắt đầu từ đây, Edigej thấy chán làng quê. Hồi trước ở đây, trên khu gò đất sát ven biển này có năm chục hộ chuyên làm nghề đánh cá ngoài biển Aral, mọi người sống trong hợp tác xã. Bây giờ chỉ còn mười ngôi nhà làm bằng đất, đứng dưới bờ dốc. Nam giới không còn một ai – chiến tranh đã quét sạch họ, cả người già lẫn trẻ con. Một số đã bỏ đi làm ăn ở các nông trang hoặc trại chăn nuôi nơi khác, để khỏi chết đói. Hợp tác xã tan vỡ, chẳng còn ai đi biển.

Ukubala cũng đã có thể bỏ về quê mình, chị vốn sinh ra ở các bộ tộc miền thảo nguyên. Người nhà của chị đã đến đây rủ chị về chốn cũ. Họ bảo, thời buổi khó khăn này, chị cứ trở lại quê cũ chờ đợi, nếu Edigej sống sót trở về, sẽ không ai dám giữ chân chị, chị cứ việc quay lại làng chài Zhangeldi. Nhưng Ukubala cự tuyệt – Tôi sẽ chờ chồng. Tôi đã mất đứa con. Nếu nhà tôi sống sót trở về, ít ra phải để anh ấy còn thấy người vợ của mình. Ở đây tôi không chỉ có một mình, còn người già, trẻ nhỏ, tôi sẽ giúp đỡ họ, cùng họ chịu đựng đến cùng.

Chị đã hành động đúng. Riêng Edigej từ ngày đầu tiên đã bảo rằng bây giờ anh không thể ở lại đây, ngay cạnh biển, mà lại không làm việc gì. Về điểm này, anh cũng đúng. Những người thân của Ukubala đến thăm Edigej nhân dịp anh trở về đã mời vợ chồng anh tới vùng quê họ. Anh chị hãy tới sống ít lâu với chúng tôi, bên các đàn cừu ở vùng thảo nguyên – họ nói. – Khi nào khoẻ hẳn anh sẽ làm một việc gì đấy, chăn cừu chẳng hạn... Edigej cảm ơn nhưng không đồng ý, anh hiểu rằng mình sẽ là gánh nặng cho họ. Ở chơi vài ngày thì chẳng sao, nhưng sau đó, nếu anh không làm việc được thì ai còn cần đến anh?

Thế rồi mùa xuân năm ấy hai vợ chồng ra đi. Họ còn trẻ, hiện thời chưa có gì níu chân họ. Thời gian đầu, họ ngủ ở các nhà ga khác nhau. Nhưng công việc thích hợp thì vẫn chưa tìm được, chỗ ăn ngủ lại càng gay go. Gặp đâu sống đấy, tình cờ kiếm được việc gì trên tuyến đường sắt thì làm việc đó. Dạo ấy Ukubala đã giúp anh đắc lực – chị trẻ, khoẻ, giành phần lớn công việc để làm. Edigej trông bề ngoài là một người đàn ông khoẻ mạnh, xin nhận khoán công việc bốc dỡ hàng hoá, anh nhận việc là chính, còn làm thì Ukubala gánh vác cả.

Cứ thế, một hôm – đã là giữa mùa xuân, họ tới một cái ga đầu mối – ga Kumbel. Họ giở than, các toa chở than được dồn vào đường dự phòng tới sát sân sau của đẽpô. Ở đấy người ta hất than xuống đất để giải phóng nhanh sàn toa. Sau đó, dùng xẻng xúc than, và Ukubala lại như một con ngựa thồ, tận lực đẩy chiếc xe nặng nề quá sức phụ nữ, chạy lên dốc than cao. Trời mỗi ngày một nóng, cái nóng hoà với bụi than bay mù khiến Edigej choáng váng, xây xẩm. Anh cảm thấy sức lực mình giảm dần, chỉ muốn gục ngay xuống bãi than và không bao giờ đứng dậy nữa. Nhưng anh cay đắng hơn cả khi nhìn người vợ phải thay mình làm việc giữa đám bụi than đen ngòm, từ đầu đến chân chị chìm trong bụi than, chỉ còn thấy đôi lòng trắng con mắt và hàm răng. Cả người chị đầm đìa mồ hôi, mồ hôi chảy thành từng dòng đen xuống cổ, xuống ngực, trên lưng. Giá anh khoẻ mạnh như ngày xưa, đời nào anh để vợ phải chịu cảnh này! Anh sẽ tự tay xúc hàng chục toa than đáng nguyên rửa kia, chỉ cốt sao khỏi chứng kiến nỗi cực khổ của vợ.

Khi hai vợ chồng rời cái làng tiêu điều, xơ xác của mình ra đi, họ hy vọng rằng Edigej, một thương binh, sẽ tìm được việc làm thích hợp, song điều họ không tính đến là số người như anh đầy nhan nhản khắp nơi. Và tất cả bọn họ đều buộc phải thích nghi trở lại cuộc sống. Edigej còn đủ chân tay là may lắm: bao nhiêu người què chân, cụt tay, chống nạng khắp khiêng, lang bạt trên các tuyến đường sắt. Những đêm dài, khi đã thu xếp được một chỗ nằm ở một góc nhà ga chật chội, hôi hám, đông nghịt nào đấy trong lúc chờ trời sáng, Ukubala vẫn thầm cảm ơn thượng đế về chuyện chồng chị chưa bị chiến tranh làm cho tàn phế tới mức đáng sợ và bế tắc hoàn toàn. Bởi vì những gì chị thấy ở các nhà ga đã khiến chị rung mình, đau khổ. Những người què cụt, những thân hình ốm yếu, khoác trên người loại áo ca - pốt tả tơi hoặc đủ thứ giẻ rách, ngồi trên xe đẩy, người cụt cả hai chân, hoặc chống nạng hoặc lê lết trên hai tay, những người bơ vơ không nhà không cửa cứ lang bạt trên các chuyến tàu và nhà ga, chen chúc ở các nhà ăn công cộng, rên rỉ và than khóc thảm thiết... Cái gì chờ họ ở phía trước, cái gì bù đắp lại cái không thể bù đắp? Và chỉ vì tai họa ấy đã không giáng xuống đầu chị, chỉ vì chồng chị đã trở về, tuy có bị chấn thương nhưng

không tàn phế, Ukubala sẵn sàng làm tất cả những việc nặng nhọc nhất trên đời. Chị không than vãn, không bó tay, không để lộ sự mệt mỏi ngay cả những lúc tưởng chừng sức chịu đựng đã dốc cạn.

Nhưng Edigej không vì thế mà thấy nhẹ nhõm hơn. Phải quyết một việc gì đây, trước khi xác định vững chắc hơn vị trí của mình trong cuộc sống. Không thể lang thang phiêu bạt suốt đời. Một ý nghĩ bắt đầu luôn luôn ám ảnh: hay là cứ liều một phen, định cư ở một thành phố nào đó, biết đâu chẳng gặp may? Chỉ mong sức khoẻ được phục hồi, chỉ mong vượt qua cái tình trạng chấn thương đáng nguyên rủa này, lúc ấy mới có thể phấn đấu, mới có thể bảo vệ mình... Mọi chuyện, dĩ nhiên, có thể thay đổi ở thành phố, cũng có khi sẽ thích nghi dần dần và sẽ thành dân đô thị như nhiều người khác...

Nhưng số phận hoá ra lại được quyết định theo chiều hướng khác...

Cái độ vợ chồng anh đang xúc than khổ cực ở ga Kumbel, thì bỗng một hôm cạnh bãi than xuất hiện một người Kazak cười lạc đà. Chắc hẳn người ấy từ phía thảo nguyên tới đây lo công chuyện gì đó, ít ra cũng là ấn tượng ban đầu. Người ấy thả con lạc đà gặm cỏ trên bãi trống bên cạnh, còn mình thì lo ngại nhìn quanh, rồi bước tới chỗ Edigej với cái bao tải cặp nách.

– Người anh em ơi – anh ta gọi, – làm ơn trông hộ con lạc đà một lát, để bọn trẻ khỏi trêu chọc nó nhé. Bọn trẻ có thói quen xấu là hay trêu chọc và đánh lạc đà, nhiều khi chỉ để chơi vui. Mình chỉ đi vắng này một lát thôi.

– Anh cứ đi đi, tôi trông giùm cho – Edigej hứa, tay vẫn xúc than, cái khăn lau mồ hôi vắt vai đã đen nhem.

Mồ hôi trên mặt chảy ròng ròng! Edigej vừa xúc than lên xe cút kít vừa thỉnh thoảng để mắt về phía con lạc đà, canh chừng bọn trẻ khu ga nghịch ngợm quá đáng. Có lần anh thấy chúng trêu tức con vật tới mức nó hậm hực gầm lên, phun nước bọt, phì phì đuổi theo bọn trẻ. Chính điều đó khiến chúng thích thú, và như bầy thợ săn thời nguyên thủy, chúng cứ reo hò vây quanh con lạc đà mà ném đá hoặc quật gậy vào mình nó. Con vật đáng thương đến là khổ mãi tới lúc chủ nó xuất hiện...

Và lần này, không hiểu từ đâu cả một bọn trẻ rách rưới rủ nhau kéo tới đá bóng. Chúng bắt đầu sút bóng thật mạnh về phía con lạc đà, cứ nhắm hai

bên sườn mà thi nhau sút, xem đĩa nào khoẻ hơn, khéo hơn. Đĩa nào sút trúng thì khoái trá như thể vừa làm bàn. Con lạc đà luống cuống né tránh...

– Này các cháu ra chỗ khác chơi đi, đừng làm thế! – Edigej vung cái xẻng dọa chúng. – Nếu không đừng trách!

Bọn trẻ rút lui vì cho rằng anh là chủ của con lạc đà, hoặc vì sợ cái bề ngoài gớm ghiếc của anh thợ xúc than, lỡ anh ta lại say rượu nữa thì khốn. Chúng không biết rằng lẽ ra chúng có thể tiếp tục trò chơi tai ác ấy đến chán chê. Edigej chỉ giơ xẻng dọa thế thôi, chứ thực tình anh không còn hơi sức nào xua đuổi bầy trẻ được nữa. Mỗi xẻng than đổ vào xe cút kít đòi hỏi ở anh bao nhiêu nỗ lực, chưa bao giờ anh nghĩ rằng làm một kẻ bệnh hoạn lại nhục nhã ê chề đến thế. Đầu óc lúc nào cũng quay cuồng, mồ hôi tuôn ra như tắm. Edigej kiệt sức dần, đã thế lại khó thở vì bụi than, ngực cứ tức anh ách như bị đóng đai. Lắm lúc Ukubala đảm nhận phần lớn công việc để anh được ngồi nghỉ một lát, chị vừa xúc than, vừa đẩy xe cút kít. Song Edigej không nỡ nhìn vợ làm quần quật, anh lại đứng dậy, lão đảo bắt tay vào việc...

Người nhờ anh trông dùm con lạc đà, chẳng mấy chốc đã trở lại với bao tải hàng trên lưng. Sau khi xếp hàng lên mình lạc đà và chuẩn bị lên đường, anh ta mới bước lại chỗ Edigej nói vài câu chia tay. Nhưng câu chuyện đôi bên không dứt được ngay. Người ấy chính là Kazangap, hiện công tác ở ga Boranly - Bão Tuyết...

Hoá ra họ là đồng hương, Kazangap kể rằng anh ta cũng sinh trưởng ở một làng ven biển Aral. Điều đó khiến hai người trở nên gần gũi.

Bấy giờ không ai trong số họ nghĩ rằng cuộc gặp gỡ này sẽ quyết định toàn bộ đường đời về sau của Edigej và Ukubala. Đơn giản là Kazangap đã thuyết phục vợ chồng anh đến sống và làm việc ở ga Boranly - Bão tuyết. Có những người gây được thiện cảm ngay từ lần gặp gỡ đầu tiên. Ở Kazangap, không có gì đặc biệt; ngược lại, chính sự giản dị chứng tỏ anh là một người thông thái nhờ sự từng trải đắng cay. Nhìn bề ngoài Kazangap là một người Kazak hết sức bình thường với bộ quần áo bạc màu, sờn rách, chiếc quần may bằng da dê rất tiện cho việc cưỡi lạc đà. Nhưng anh biết giá trị của các vật dụng – cái mũ lưỡi trai của công nhân đường sắt tương đối

mới được dành cho những dịp đi xa, trang điểm cho cái đầu hơi to của anh, và đôi ủng da đã đi nhiều năm, được vá vúi ở nhiều chỗ và được lau chùi cẩn thận. Có thể nhận ra anh là một người lao động cần mẫn ở vùng thảo nguyên, qua khuôn mặt sạm nắng gió và đôi tay gân guốc, răn rỏi. Đôi vai lực lưỡng bị còng vì lao động quá sớm làm cho cái cổ có vẻ ngẩng ra như cổ vịt, tuy vóc dáng anh thuộc loại tầm thước. Cặp mắt anh thật kỳ lạ – chăm chú, thấu hiểu mọi lẽ, tươi cười, mỗi khi nheo lại như toả ra tia sáng từ các nếp nhăn bên khoé mắt.

Hồi ấy Kazangap đã ngót bốn mươi. Có thể anh còn ít tuổi hơn, nhưng ria ngắn và bộ râu màu hung làm cho nét mặt anh thêm khắc khổ và từng trải. Song cái khiến người ta tin cậy anh, trước hết là lời lẽ hợp tình hợp lý của anh. Ukubala lập tức kính trọng Kazangap. Anh bảo, nếu cơ thể đã bị chấn thương thì không nên làm hại sức khoẻ thêm nữa:

– Mình thấy ngay rằng cậu làm việc này là quá sức cậu, Edigej ạ. Cậu chưa hồi phục hoàn toàn đâu. Hiện giờ cậu cần ở một nơi thoáng khí, phải được uống sữa tươi đầy đủ. Chẳng hạn, ở ga của mình đang rất cần công nhân sửa đường. Đồng chí trưởng ga mới về, hễ gặp mình lại bảo: Cậu là thổ công ở đây, cậu hãy mời những người thích hợp tới làm việc cho ga mình. Nhưng đào đâu ra những người như thế cơ chứ? Tất cả đang ở ngoài mặt trận, còn những người đã hoàn thành nhiệm vụ chiến đấu, thì cũng khối việc làm ở nơi khác rồi. Dĩ nhiên, sống ở chỗ bọn mình chả sung sướng gì. Đây là một nơi rất khó khăn, xung quanh là hoang mạc nước nổi hết sức thiếu thốn. Mỗi tuần người ta chỉ chở đến một xitec nước mà lắm khi cũng chả nhớ chở đến nữa, lúc đó đành phải đi tìm những giếng nước rất xa giữa thảo nguyên, lấy nước vào bao da đem về. Sáng đi tối mới về đến nhà... Nhưng dầu sao – Kazangap nói, – ở đây có khổ cũng còn hơn cứ lang bạt thế này mãi. Sẽ có chỗ che đầu, có việc làm thường xuyên, bọn mình sẽ hướng dẫn những việc cần thiết, lại có thể làm kinh tế phụ gia đình. Nếu muốn thì làm thôi, có vợ chồng bên nhau hai cô chú thừa sức kiếm đủ ăn. Ở đây sức khoẻ sẽ chóng phục hồi, khi nào chán thì xin đổi đi nơi khác tốt hơn...

Edigej suy nghĩ một lát rồi đồng ý, và ngay hôm ấy vợ chồng anh theo Kazangap đến ga Boranly - Bão Tuyết. Việc thu xếp hành lý chẳng lâu la gì so với thời bấy giờ, có lâu chỉ là suy nghĩ để quyết định thử đi tìm vận may thôi. Sau này mới biết cái số vợ chồng anh nó thế.

Suốt đời Edigej vẫn nhớ chặng đường từ Kumbel vượt qua thảo nguyên tới ga Boranly - Bão Tuyết. Đầu tiên họ đi dọc đường tàu, nhưng dần dần tiến xuống vùng đất trũng cách xa đường tàu. Kazangap giải thích rằng họ sẽ đi tắt được mười cây số, bởi vì đường sắt ở đây phải vòng tránh một vùng xưa kia vốn là đáy hồ nước mặn nay đã cạn khô. Ngày nay từ dưới lòng hồ, muối và bùn thỉnh thoảng vẫn trôi lên. Cứ xuân sang, vùng đất mặn này lại thức dậy, nhão nhoẹt bùn, khó đi lại, đến mùa hè có một lớp muối trắng phủ bên trên, đất cứng lại như đá cho đến mùa xuân năm sau. Về chuyện nơi đây xưa vốn là một cái hồ nước mặn rộng mênh mông, thì Kazangap kể theo lời một nhà địa chất học tên là Elizarov mà sau đó Edigej - Bão Tuyết đã kết làm bạn thân, một người thông minh.

Còn Edigej, lúc ấy chưa phải Edigej - Bão Tuyết, mới chỉ là một người Kazak quê vùng biển Aral, một thương binh chưa ổn định cuộc sống, tình cờ gặp được Kazangap và đã tin Kazangap, cùng vợ đến ga Boranly - Bão Tuyết tìm nơi sinh sống và làm việc, không ngờ rằng mình sẽ ở lại đó suốt đời. Không gian mênh mông, bao la của miền thảo nguyên chỉ nảy mầm xanh vào mùa xuân làm cho Edigej choáng ngợp. Xung quanh biển Aral cũng có nhiều đồng cỏ, chẳng hạn như cao nguyên Ustiur, nhưng miền đất rộng lớn nhường này thì anh mới thấy lần đầu. Và sau này, Edigej hiểu rằng chỉ người nào có khả năng làm cho tinh thần của mình tương xứng với sự kỳ vĩ của thảo nguyên hoang vu, mới có thể ở lại đối mặt với sự câm lặng của nó. Phải, vùng đất hoang cồn cỗi mênh mông thật, nhưng tư tưởng sống động của con người đủ sức bao quát tất cả. Elizarov quả là thông minh, anh ấy biết giải thích rõ những điều đang còn lơ mơ trong tiềm thức.

Ai biết Edigej và Ukubala sẽ nghĩ gì khi dẫn sâu vào miền đất hoang vu, nếu không có Kazangap tự tin dắt con lạc đà đi trước dẫn đường. Edigej cười trên lưng lạc đà bên cạnh. Dĩ nhiên, người được cười đáng lẽ phải là Ukubala, nhưng Kazangap và nhất là Ukubala cố thuyết phục, gần như bắt

buộc Edigej dừng đi bộ: “Tôi với cô ấy khoẻ mạnh, còn chú cần giữ sức, chớ tranh cãi nữa mà chậm trễ, đường còn dài...”. Con lạc đà chưa thật cứng cáp để chở nặng, nên hai người đi bộ bên cạnh người cưỡi. Bây giờ con Karanar của Edigej đủ sức chở cả ba người và chỉ đi khoảng gần bốn tiếng là về đến nhà, còn hôm đó, họ về đến ga Boranly - Bão Tuyết thì đêm đã khuya.

Dọc đường, Kazangap kể về sinh hoạt ở đây, kể chuyện mình đã tới Sarozek làm việc như thế nào. Thì ra anh chưa nhiều tuổi mấy, mới hơn ba mươi lăm. Quê vùng biển Aral, làng Beshagach của anh cách làng Zhangeldi ba mươi cây số đường ven biển. Và mặc dù Kazangap rời quê hương đã nhiều năm, chưa bao giờ anh về thăm quê cũ. Điều đó có nguyên nhân của nó, cha anh đã bị đi đày trong thời kỳ thủ tiêu bọn culac như thủ tiêu một giai cấp, và đã chết trên đường trở về khi được minh oan – thì ra ông không hề bóc lột ai và người ta đã đối xử không đúng, nói chính xác hơn là đối xử sai lầm với những người trung nông như ông. Ông được trả tự do, nhưng đã muộn. Gia đình, các anh chị em của Kazangap đã phiêu bạt mỗi người một nơi, cốt sao rời khỏi quê hương chẳng bao giờ ló mặt về nữa. Đạo đó Kazangap còn trẻ lắm, những phần tử cốt cán cứ ép buộc anh phải ra nói trước cuộc họp lên án ông bố, rằng anh tán thành đường lối, rằng cha anh bị kết tội là đúng lắm, rằng anh từ bỏ người cha như vậy, và rằng những kẻ thù giai cấp, đại loại như bố anh không có chỗ đứng trên mặt đất và nhất thiết phải chết, dù ở bất cứ đâu...

Kazangap đành bỏ đi thật xa để tránh khỏi nỗi nhục nhã đó. Anh đã làm việc sáu năm trời ở Betpak - Dal – Thảo Nguyên Đói Khát, gần Samarkan. Vùng đất hoang vu ấy bấy giờ bắt đầu được khai khẩn thành các nông trường trồng bông, cần rất nhiều lao động. Mọi người sống trong các lán trại, Kazangap đã làm thợ đào đất, lái máy trục tời, làm đội trưởng, được bằng khen về thành tích lao động xuất sắc. Anh cũng đã lấy vợ ở đó, hồi ấy người từ khắp nơi đổ về Thảo Nguyên Đói Khát để tìm miếng ăn. Một người con gái tên là Bukej từ vùng Khiva đã theo gia đình người anh tới đây tìm việc làm, số phận run rủi hai bên gặp nhau. Cưới nhau xong, hai vợ chồng quyết định trở về quê Kazangap, ở vùng biển Aral. Nhưng họ suy

tính chưa rớt ráo, họ đáp xe lửa đi rất lâu, chuyển từ tàu nọ sang tàu kia, và khi chuyển tàu ở ga Kumbel, thì tình cờ Kazangap gặp mấy người đồng hương. Qua câu chuyện họ nói, anh hiểu rằng mình không nên trở về quê để làm gì. Hoá ra nhà cầm quyền ở làng vẫn là những phần tử cốt cán nọ. Nếu vậy, Kazangap phải bỏ ý định trở về, chẳng phải vì anh sợ cái gì, trong túi anh có bằng khen của nước công hoà Uzbekistan hăn hoi. Anh không muốn thấy mặt những kẻ đã xúi bẩy anh làm những điều ngu xuẩn, hiện thời bọn họ vẫn chưa bị xử phạt, sau một việc xấu đã làm, họ vẫn cứ nhớn nhợ như không!

Kazangap không muốn nhớ lại chuyện cũ và anh không hiểu rằng, ngoài anh ra, người ta đã quên chuyện đó từ lâu. Sau rất nhiều năm sống ở Boranly, chỉ có hai lần anh nhắc người ta rằng đối với anh không có điều gì bị quên lãng. Một lần đưa con trai làm anh giận, lần thứ hai là do Edigej nói đùa không khéo.

Một hôm Shabitzhan về chơi, tất cả ngồi uống trà nghe kể chuyện trên thành phố. Trong câu chuyện, Shabitzhan vừa cười vừa nói rằng những người Kazak và người Kirgij bỏ chạy sang tỉnh Thẩm Dương hồi tập thể hoá, nay mới trở về. Ở bên ấy, Trung Quốc đã kìm kẹp họ trong các công xã – người ta bị cấm ăn cơm ở nhà, già trẻ lớn bé đều phải cầm bát xếp hàng ăn chung ba lần mỗi ngày ở bếp tập thể. Dân Trung Quốc đã đối xử với họ tới mức họ phải vứt bỏ toàn bộ tài sản để chạy trốn. Họ rập đầu van xin được về quê cũ.

– Hay lắm sao mà mày cười? – Kazangap sa sầm mặt, môi bác run run vì tức giận. Điều này hiếm khi xảy ra với bác, có thể nói hầu như không bao giờ bác nặng lời với đứa con trai mà bác vẫn yêu quý, vẫn dạy dỗ, vẫn chăm chút cho nó đủ thứ với hy vọng nó sẽ thành người giỏi giang. – Tại sao mày giễu cợt chuyện đó? – Bác lạnh lùng nói thêm và thấy máu nóng bốc lên đầu mỗi lúc một mạnh. – Đây là tai hoạ của con người.

– Thế con phải nói thế nào kia? Lạ nhỉ! – Shabitzhan cãi. – Có sao con nói vậy.

Ông bố không trả lời, gạt chén trà sang một bên. Thái độ im lặng của ông trở nên căng thẳng.

– Và nhìn chung thì bực tức với ai kia chứ? – Shabitzhan nhún vai nói.
– Con chưa hiểu. Xin nhắc lại lần nữa: Bực tức với ai? Giận dỗi với thời gian thì nó là cái không thể nắm bắt được. Giận dỗi với chính quyền thì ta không có quyền.

– Mà ỳ nên biết việc của tao là những gì hợp với sức tao. Việc của người khác, tao không chõ mũi vào. Nhưng mà ỳ, Shabitzhan, mà ỳ nên nhớ, tao nghĩ mà ỳ đã đủ trí thông minh, vậy mà ỳ hãy nhớ lấy: Không thể giận ông trời, nếu ông ấy đã sai thần chết tới, tức là sống như thế đủ rồi, đã có sinh ắc có tử. Còn về mọi điều khác trên trái đất ta đều có và phải có trách nhiệm! – Kazangap đứng dậy, không nhìn một ai, giận dữ bỏ ra khỏi nhà...

Còn lần thứ hai, bấy giờ đã nhiều năm trôi qua sau ngày gặp nhau ở Kumbel, khi Edigej đã bám rễ chắc chắn ở Bonranly - Bão Tuyết, vợ chồng Edigej đã sinh mấy đứa con và chúng khôn lớn cả. Một buổi chiều xuân, lúc lùa cừ vào chuồng. Edigej nhìn bầy cừ đông đúc, nói đùa:

– Bác Kazangap ơi, tôi với bác giàu to rồi, khéo không người ta quy tội chúng mình là bọn Culăk!

Kazangap ném đi cái nhìn gay gắt về phía Edigej, và bộ ria của bác ta thậm chí rung rung.

– Chú chó có nhắc lại chuyện ấy nữa đấy!

– Ờ hay, tôi nói đùa thôi mà, bác không hiểu ư?

– Người ta không đùa như vậy!

– Ôi dào. Chuyện đã qua từ đời nào đời nao mà bác vẫn....

– Chính thế đấy. Người ta cướp tài sản của chú – chú không chết, chú vẫn sống. Nhưng uất hận trong lòng thì không bao giờ xóa được...

Nhưng cái hôm ba người đi từ Kumbel tới Boranly - Bão Tuyết thì chuyện ấy không hề được nhắc đến. Và chưa ai biết vợ chồng Edigej tới ga Boranly - Bão Tuyết sẽ như thế nào, liệu trụ vững ở đó lâu hay chóng, liệu có sống được hay sẽ phải bỏ đi nơi khác. Họ chỉ nói những chuyện sinh hoạt hàng ngày, và Edigej có hỏi tại sao Kazangap không ra trận, vì bệnh tật gì chẳng?

– Không, rất may là tôi khoẻ như văm – Kazangap đáp, – chả bệnh tật gì hết, và nếu tôi có ra trận đánh đấm, chắc cũng không kém người khác.

Đầu đuôi câu chuyện thế này...

Sau khi Kazangap bỏ ý định về quê cũ, làng Beshagach, vợ chồng anh cứ loay hoay ở Kumbel chưa biết đi đâu. Quay trở lại thảo nguyên Đói Khát thì đường đất quá xa, vả mình đã từ già nơi ấy rồi. May có ông trưởng ga, một người tốt bụng, để ý thấy họ là dân tử tế, mới hỏi họ từ đâu đến và định làm gì, rồi gửi hai vợ chồng Kazangap lên một chuyến tàu hàng đến ga Boranly - Bão Tuyết. Ở đây, ông trưởng ga nói, đang cần những người như hai cô cậu. Ông viết thư giới thiệu với trưởng ga Boranly, và ông đã không lầm. Dù hoàn cảnh ở Boranly gay go đến mấy, gay go hơn cả ở Thảo Nguyên Đói Khát, dù sống ở Boranly thật đáng sợ, vợ chồng Kazangap vẫn quen dần, thích nghi hẳn và bắt đầu ăn nên làm ra. Tuy còn nghèo, nhưng mình vẫn làm chủ cuộc đời mình. Cả hai đều là công nhân sửa đường theo biên chế, nhưng họ phải làm tất cả mọi việc cần thiết của một nhà ga. Cuộc sống gia đình của Kazangap với người vợ trẻ của anh đã bắt đầu như vậy, tại ga xép Boranly - Bão Tuyết hiu quạnh. Thực tình trong những năm ấy, đã hai lần họ định chuyển đi nơi khác gần ga chính hoặc thành phố hơn, sau khi dành dụm được một số tiền, nhưng chiến tranh bùng nổ, nên lại thôi.

Rồi những chuyến tàu bắt đầu nối đuôi nhau chạy qua ga Boranly - Bão Tuyết, chở bộ đội sang phía tây, chở người sơ tán sang phía đông, chở bánh mì sang phía tây, chở thương binh sang phía đông. Ngay ở một ga xép hẻo lánh như Boranly - Bão Tuyết cũng có thể thấy rõ cuộc sống biến chuyển đột ngột đến mức nào...

Các đầu máy xe lửa cứ theo nhau kéo còi xin đường, ở phía ngược chiều cũng gần đây tiếng còi xe lửa... Các thanh tà - vẹt không chịu nổi tình trạng tải, bị biến dạng vì các toa tàu quá tải. Vừa kịp thay đoạn đường này thì đã phải gấp rút sửa chữa ở đoạn khác...

Công việc cứ dồn dập, dồn dập, không hiểu người ta lấy đâu ra sức lực để lao động bất tận như thế. Các chuyến tàu cứ nối đuôi nhau suốt ngày đêm lao ra mặt trận, tuần này kế tuần khác, tháng này sang tháng kia, năm này tiếp năm nọ. Và tất cả đều lao về phía tây, nơi hai thế giới đang quật nhau một mất một còn...

Ít lâu sau cũng tới lượt Kazangap, anh được gọi ra trận. Giấy gọi gửi từ Kumbel, trưởng ga Boranly ôm đầu rên rỉ – người ta lấy của ông một công nhân ưu tú nhất, người như anh ở đây không có đến con số hai. Nhưng ông ta có thể làm gì được, ai chịu nghe ông ta giải thích rằng khả năng thông đường của ga Boranly rất là quan trọng... Các đầu máy kéo còi giục giã... Người ta sẽ cười vào mũi, nếu ông bảo rằng cần phải có ngay một đường tránh nữa. Lúc này ai còn bụng dạ nào lo việc ấy – Kẻ thù đã tràn tới ngoại ô Mátxcova rồi....

Bấy giờ đã bước vào mùa đông đầu tiên của chiến tranh, một mùa đông đến sớm, vội vã, u ám, rét mướt. Tối hôm trước tuyết rơi, cả đêm vẫn rơi, lúc đầu còn nhẹ, sau ào ào từng bông lớn. Và một màu trắng tinh khiết trùm kín cả vùng thảo nguyên khô cằn, mênh mông im ắng. Rồi những đợt gió thảo nguyên bắt đầu nổi, thoạt nhiên còn rụt rè, thử sức, sau đó quay cuồng, rú rít, lồng lên như ngựa chứng. Và khi ấy, điều gì sẽ xảy ra với con đường xe lửa như một sợi chỉ vắt ngang thảo nguyên úa vàng mênh mông thuộc miền Đất Giữa? Cái mạch máu ấy vẫn chảy – các đoàn tàu vẫn liên tục chạy về hai phía...

Sáng hôm sau Kazangap lên đường ra trận. Anh đi một mình, không có ai tiễn chân. Lúc hai vợ chồng ra khỏi nhà, Bukej dừng lại, nói rằng chị bị nhức đầu chóng mặt vì tuyết. Kazangap liền đỡ lấy đứa con nhỏ đang được ủ ấm trên tay vợ. (Dạo đó, Ajzada đã ra đời). Hai vợ chồng bước đi, có thể là lần cuối cùng anh để lại dấu chân trên tuyết, bên cạnh vợ. Nhưng không phải vợ anh tiễn anh, mà là anh đưa vợ anh ra tới chòi bẻ ghi, trước khi nhảy lên chuyến tàu hàng chạy về phía Kumbel. Từ nay Bukej làm thợ bẻ ghi thay chồng, hai người chia tay nhau ở đấy. Tất cả những điều cần nói đã được nói trong nước mắt hồi đêm, đầu tàu đã tới bên cạnh họ, người lái tàu nhấn còi giục Kazangap lên tàu. Và khi Kazangap vừa leo lên, đầu máy liền kéo một hồi còi dài, tăng dần tốc độ, hơi nghiêng bánh xe chạy qua đường ghi nơi Bukej vừa bẻ ghi cho nó. Bukej đứng đó, đầu bịt khăn, dây thắt lưng ngang bụng, chân đi đôi ủng của chồng, một tay cầm cờ, tay kia ẵm con. Hai vợ chồng vẫy tay lần cuối cùng, khuôn mặt, ánh mắt, bầy tay, cột tín hiệu lướt qua...

Đoàn tàu lao ầm ầm giữa thảo nguyên phủ tuyết trắng xoá, im lìm như đang thêm thiếp ngủ trong mơ. Gió tràn vào buồng lái, đem theo mùi tuyết thảo nguyên trong lành, tinh khiết, át mùi xỉ than khen khét trong buồng đốt... Kazangap cố giữ lâu trong phổi cái hơi hương mùa đông của thảo nguyên ấy và hiểu rằng từ nay mảnh đất này đã trở nên thân thiết với anh...

Những người mới nhập ngũ tập trung ở Kumbel, họ đứng thành hàng để điểm danh và nghe chỉ định toa tàu phải lên. Lúc ấy xảy ra một chuyện lạ, khi Kazangap cùng với tốp của mình bắt đầu lên tàu, thì một cán bộ huyện vội đuổi theo anh.

– Asanbaev Kazangap! Ai là Kazangap hãy ra khỏi hàng! Đi theo tôi!

– Có tôi, Asanbaev Kazangap!

– Giấy tờ!... Đúng là Kazangap. Theo tôi.

Và hai người quay trở vào ga, tới địa điểm tập trung, người ấy nói:

– Kazangap này, anh hãy về nhà đi. Về nhà, anh hiểu chưa?

– Hiểu rồi – Kazangap trả lời tuy chưa hiểu gì cả.

– Nếu vậy thì đi đi, đừng lẫn quần ở đây nữa. Anh được tự do.

Kazangap đứng giữa đám đông ồn ào toàn những người ra đi và những người đưa tiễn, lòng vô cùng bối rối. Thoạt nhiên anh mừng vì được ra về, nhưng sau đó anh chợt nóng bừng cả người bởi một ước đoán thoáng qua trong óc, thì ra là vậy! Thế rồi anh len qua đám đông về phía cửa phòng tập trung.

– Đi đâu mà chen dứ vậy? – những người cũng đang muốn vào phòng đó gặp đồng chí phụ trách, la to ra ý trách.

– Tôi có việc hoả tốc! Tàu sắp chuyển bánh rồi, có việc rất gấp! – Rồi anh chen tiếp.

Trong căn phòng mờ mịt khói thuốc, đằng sau chiếc bàn la liệt máy điện thoại và các thứ giấy tờ, giữa vòng người vây quanh, đồng chí phụ trách ngẩng lên lúc Kazangap nhào vào:

– Anh hỏi chuyện gì?

– Tôi không đồng ý.

– Không đồng ý cái gì?

– Cha tôi đã được minh oan, cha tôi không phải là culăk! Các đồng chí hãy kiểm tra toàn bộ hồ sơ ở chỗ các đồng chí! Cha tôi đã được minh oan là trung nông.

– Hượm đã, hượm đã! Anh cần gì nào?

– Các đồng chí không cho tôi ra trận vì lý do ấy là không đúng.

– Nay anh đừng có nói năng vớ vẩn. Culăk hay trung nông thì bây giờ còn ai xét chuyện đó nữa! Anh từ đâu tới? Anh là ai?

– Tôi là Kazangap, từ ga Boranly - Bão Tuyết tới.

Đồng chí phụ trách ngó vào danh sách.

– Sao không nói luôn như thế, lại cứ làm rối lên. Culăk, bần nông, trung nông! Anh được miễn, người ta gọi nhầm. Đã có lệnh của chính đồng chí Stalin – không được gọi nhập ngũ công nhân đường sắt, tất cả ở vị trí cũ. Thôi, anh đừng cản trở công việc ở đây nữa! Hãy về ga của anh và làm việc đi!...

Hoàng hôn ập xuống khi ba người về gần đến Boranly - Bão Tuyết. Lúc này họ lại men theo đường xe lửa, đã nghe văng vẳng tiếng còi tàu và đã có thể nhìn thấy các toa. Từ xa, trông chúng như một thứ đồ chơi. Mặt trời lặn dần, những tia sáng cuối cùng rải đều trên các gò đồng, rồi không gian tím thẫm như ôm lấy mặt đất ẩm ướt đã mang hơi hương của mùa xuân.

– Kìa, Boranly của chúng ta kìa kìa! – Kazangap chỉ tay, ngoảnh nhìn Edigej ngồi trên lưng lạc đà và Ukubala đang rảo bước bên cạnh. – Gần đến nơi rồi, lạy trời. Hai bạn sẽ tha hồ nghỉ ngơi.

Phía trước, nơi đường xe lửa hơi cong, trên vùng đất bằng phẳng có mấy ngôi nhà nhỏ, còn trên đoạn đường tránh có một đoàn tàu đang chờ tín hiệu thông xe. Xa hơn nữa, ở hai bên đường tàu trải ra mênh mông, hút tầm mắt là cảnh thảo nguyên trơ trụi và câm lặng...

Edigej lặng người đi – chính anh cũng là dân vùng thảo nguyên, đã quen nhìn không gian bao la ven biển, song không ngờ nơi đây rộng đến thế. Tránh cái vùng biển xanh luôn luôn thay lòng đổi dạ, nơi anh đã sinh trưởng, lại gặp cái biển chết này! Rồi cuộc sống ở đây sẽ ra sao không biết?!

Ukubala đưa tay nắm bàn chân của Edigej và cứ để nguyên như thế đi mấy bước. Anh hiểu ý vợ muốn nói: “Không lo anh ạ, chủ yếu là sức khỏe trở lại với anh. Rồi sống thế nào hãy hay...”

Vậy là họ đang đến gần nơi mà sau này mới biết là họ sẽ sống toàn bộ cuộc đời còn lại.

Lát sau, mặt trời lặn, và khi trong đêm tối, trên bầu trời thảo nguyên đã hiện rõ chi chít các vì sao, họ tới Boranly - Bão Tuyết.

Vợ chồng Edigej ở nhờ nhà Kazangap mấy hôm. Sau đó họ được phân phối một phòng ở dãy nhà gỗ dành cho công nhân đường sắt, và cuộc sống của họ ở nơi mới bắt đầu từ đây.

Trong hoàn cảnh đầy rẫy khó khăn và quá ít dân cư – một điều đặc biệt nặng nề đối với Edigej vào thời gian đầu – có hai yếu tố rất thuận lợi cho anh là không khí và sữa lạc đà. Không khí ở đây cực kì trong lành, thật khó tìm được nơi nào trên thế giới còn trinh trắng đến thế. Về chuyện sữa, Kazangap thu xếp tặng Edigej một trong hai con lạc đà cái để vắt sữa. Kazangap nói:

– Vợ chồng mình đã bàn với nhau, cậu hãy mang con Belogolova – con Bạch – về nuôi và lấy sữa. Con này còn trẻ, nhiều sữa, mới đẻ một lần. Vợ chồng cậu hãy tự săn sóc và sử dụng nó, chỉ lưu ý đừng để núm vú nó bị bẩn. Nó là của vợ chồng cậu, vợ chồng mình đã quyết định như vậy. Mình chia sẻ với cậu trong bước đầu khó khăn, nếu cậu biết cách chăm chút thì sẽ có cả một đàn quanh mình. Còn đột nhiên cậu muốn đi nơi khác, thì bán nó đi cũng được tiền đấy.

Cách đây hai tuần Con Bạch mới đẻ một chú lạc đà con, đầu đen, hai bướu đen nhỏ xíu. Cặp mắt chú to, lồi, ướt, dịu dàng và tò mò, thơ ngây đến mức cảm động. Thịnh thoảng chú tập chạy, tập nhảy căng lên, quất quýt bên mẹ trông thật nhộn. Khi bị nhốt trong chuồng, chú gọi mẹ bằng giọng ảo não gần như giọng người. Ai có thể ngờ đó sẽ là Karanar - Bão Tuyết gớm ghê sau này, một chàng lạc đà cao, to, nổi danh khắp vùng! Nhiều sự kiện trong đời Edigej - Bão Tuyết sẽ có liên quan tới nó. Mọi lúc rồi rồi nó đều ở bên anh. Từ hồi ở Aral, anh đã quen săn sóc lạc đà, bây giờ điều đó thật đặc dụng. Đến mùa đông con Karanar đã lớn trông thấy, nó được chủ may cho

một tấm chăn phủ ấm áp, che kín bụng, trông nó rất ngộ – chỉ có đầu, cổ, bốn chân và hai cái bấu lộ ra ngoài. Suốt mùa đông và đầu xuân nó cứ đóng bộ như thế tung tăng suốt ngày đêm ngoài thảo nguyên.

Mùa đông năm đó Edigej cảm thấy sức lực đã dần dần bình phục, thậm chí anh không để ý mình hết bị chóng mặt từ hồi nào. Tiếng ù ù trong tai cũng biến dần, khi làm việc mồ hôi không vã ra nhiều nữa. Giữa mùa đông, khi tuyết rơi dài xuống đường tàu, anh đã có thể đi dọn tuyết không thua một ai. Sau đấy anh khoẻ hẳn, vì tuổi trẻ, và anh vốn cường tráng từ nhỏ. Lời dự đoán của ông bác sĩ tóc hung đã thành hiện thực.

Những lúc rỗi rang, Edigej thường ôm cổ chú lạc đà con, vuốt ve và đùa với nó:

– Tao với mày như hai anh em sinh đôi cùng bú chung một bầu sữa. Sữa mẹ Bạch đã thối mày lớn lên và chữa cho tao khỏi chấn thương, lạy trời cho tao khỏi bệnh hẳn, chỉ khác nhau ở chỗ mày thì mút vú mẹ, còn tao vắt ra làm món nước subat thôi.

Nhiều năm sau, khi con Karanar - Bão Tuyết đã nổi danh khắp vùng thảo nguyên, chiến tranh bấy giờ đã bị lãng quên, các con Edigej đã đi học, ở Boranly đã có giếng bơm nước riêng và Edigej đã dựng được một ngôi nhà lợp tôn. Tóm lại, khi cuộc sống đã ổn định, bình thường... thì xảy ra một chuyện mãi sau này Edigej vẫn còn nhớ.

Một tốp phóng viên nhiếp ảnh, theo lời tự giới thiệu, đã kéo tới thăm Edigej. Dĩ nhiên đây là việc hiếm có, nếu không phải là trường hợp duy nhất trong lịch sử Boranly - Bão Tuyết. Ba tay phóng viên nhiếp ảnh nhanh nhẹn, mau mồm mau miệng, sẵn sàng hứa hẹn đủ điều. – Chúng tôi về đây chụp ảnh Karanar - Bão Tuyết và chủ nhân của nó để đăng lên tất cả các tờ báo và tạp chí... Con Karanar không thích sự ồn ào nhốn nháo ở xung quanh, nó cứ bức tức nhe răng, kêu ề ề và ngẩng đầu thật cao đòi người ta để cho nó được yên. Ba tay phóng viên đành luôn miệng nhờ Edigej vỗ về nó, bắt nó quay bên nọ bên kia cho hợp kiểu ảnh. Còn Edigej, đến lượt mình, lần nào cũng gọi bày trẻ, các chị em phụ nữ và cả Kazangap cùng đứng chụp ảnh chung, để không chỉ có một mình bác trên ảnh, như thế tốt hơn. Tốp phóng viên bằng lòng, cứ bấm máy lia lịa. Pô đẹp nhất là lúc tất

cả bọn trẻ đều thượng trên lưng con Karanar - Bão Tuyết, hai đứa ôm cổ nó, năm đứa trên lưng, còn Edigej ngồi ở giữa. Ý nói, đã thấy con lạc đà chở khoẻ chưa! Không khí thật là vui nhộn! Nhưng sau đó tốp phóng viên thú thực rằng họ cần chụp riêng con lạc đà. Thì cứ chụp riêng có sao đâu!

Thế là các phóng viên bắt đầu chụp ảnh Karanar - Bão Tuyết, họ ngắm hai bên sườn, đằng trước, đằng sau đủ kiểu, rồi với sự giúp đỡ của Edigej và Kazangap, họ đo chiều cao, đo vòng ngực, đo bắp chân, đo chiều dài và vừa ghi chép vừa tán phục:

– Một con giống tuyệt diệu! Gien của nó sẽ ra gien! Một chủng cổ điển! Ưc nở ời là nở! Ngoại hình quá đẹp!

Dĩ nhiên Edigej rất vừa lòng khi nghe những tiếng trầm trồ đó, nhưng bác đành phải hỏi ý nghĩa của những chữ khó hiểu như chữ “gien” chẳng hạn.

– Chủng cổ điển là gì?

– Là giống lạc đà hai bướu có từ thời cổ xưa, tên khoa học gọi như vậy. Một con vật thuần chủng, quý như kim cương.

– Thế các anh đo đạc để làm gì?

– Để làm tư liệu khoa học bác ạ.

Về chuyện đăng lên tất cả các loại báo chí thì tốp phóng viên dĩ nhiên ba hoa như thế cho thêm phần long trọng thôi, nhưng nửa năm sau họ có gửi về một quyển sách giáo khoa viết cho sinh viên các khoa kỹ thuật chăn nuôi lạc đà, ngoài bìa in ảnh con Karanar - Bão Tuyết thuần chủng. Còn ảnh thì họ gửi cho một xấp, trong đó có cả ảnh màu. Chỉ cần nhìn ảnh cũng có thể biết đấy là thời kỳ sung sướng, vui vẻ. Những nỗi cực nhọc của thời kỳ hậu chiến đã lùi dần, trẻ con giữ được vẻ thơ ngây, người lớn khoẻ mạnh, người già còn có niềm vui.

Hôm ấy, nhân dịp có khách, Edigej đã ngả một con cừu làm bữa tiệc to mời tất cả bà con Boranly. Subat, vodka, đồ nhắm, thứ gì cũng nhiều. Hồi ấy thỉnh thoảng vẫn có một toa hàng lưu động dừng ở ga, bán đủ thứ, hề có tiền mua gì cũng được. Về thực phẩm thì nào cua hộp, trứng cá màu đen, màu đỏ, các loại cá, rượu cô nhắc, giò chả, kẹo bánh. Và rất lạ là khi tất cả

có sẵn, người ta lại không mua mấy, trừ thêm làm gì nhỉ? Ngày nay, loại cửa hàng lưu động trên đường như thế biến mất cả rồi...

Bữa ấy mọi người tiệc tùng vui vẻ, thậm chí uống mừng cả cho con Karanar. Khi vào chuyện mới hay rằng khách biết con Karanar là nhờ Elizarov, Elizarov có kể cho tốp phóng viên rằng ở vùng này, ông có người bạn thân là Edigej - Bão Tuyết, chủ của một con lạc đà đẹp nhất thế gian – con Karanar - Bão Tuyết! Elizarov, chà Elizarov? Một người tuyệt diệu, am hiểu vùng đất này, một nhà bác học... Mỗi dịp Elizarov tới Boranly - Bão Tuyết, họ lại cùng ngồi với Kazangap và cả ba cứ trò chuyện thâu đêm.

Bữa ấy chủ đã kể cho khách nghe – khi thì Kazangap, lúc thì Edigej, vừa kể vừa bổ sung cho nhau – truyền thuyết về tổ tiên của loài lạc đà vùng này, về con lạc đà đầu trắng nổi danh – Akmai – và bà chủ không kém phần nổi danh của nó là Ana Najman đang yên nghỉ tại nghĩa địa Ana - Bejit. Nòi giống của Karanar - Bão Tuyết là thế đó! Dân Boranly hy vọng có thể một tờ báo nào đó sẽ đăng câu chuyện cổ đấy. Khách chăm chú nghe, nhưng cho rằng chắc đó là một truyền thuyết của địa phương, được kể từ đời này sang đời khác thôi. Thế nhưng Elizarov từng có ý kiến khác hẳn, Elizarov đã cho rằng truyền thuyết về con Akmai hoàn toàn có thể phản ánh những gì từng xảy ra trong thực tế lịch sử ngày xưa, đấy là nói theo lời ông. Elizarov rất thích nghe những chuyện như vậy và chính ông cũng thuộc không ít chuyện cổ tích cùng truyền thuyết của miền thảo nguyên...

Chiều tối khách ra về, Edigej hài lòng và tự hào. Vì thế bác đã nói một câu thiếu suy nghĩ, tại bác uống hơi nhiều. Nhưng điều đã nói thì trót buộc miệng mất rồi.

– Bác Kazangap ơi, bác thú thực đi, bác có tiếc là đã tặng cho tôi con Karanar hồi nó còn bé xíu không?

Kazangap nhếch mép cười nhìn Edigej. Một câu hỏi bất ngờ. Sau một phút im lặng, Kazangap trả lời:

– Tất cả chúng ta đều là người, dĩ nhiên. Nhưng chú biết không, ông cha ta thường nói: Man iexi cud - aican⁹. Đấy là việc của trời, tiền định mà. Con Karanar phải thuộc về chú, và chính chú phải là chủ của nó. Nếu giả dụ

nó rơi vào tay người khác, thì không biết nó sẽ ra sao và có thể chẳng sống oanh liệt được đến bây giờ, có khi đã sa xuống vực. Nó phải thuộc về chú. Trước kia tôi cũng đã từng nuôi lạc đà và có những con không kém cỏi gì, cũng do con Bạch đẻ ra. Thế nhưng con Karanar là con duy nhất được như bây giờ... Lạy trời để nó phục vụ chú đủ trăm năm, chú đừng nên nghĩ là tôi tiếc.

– Xin lỗi bác, bác tha lỗi cho tôi – Edigej ngượng ngùng nói, và ân hận là đã thở ra câu hỏi vừa rồi.

Các cụ già kể rằng mẹ của con Akmai đẻ được bảy con: bốn cái, ba đực. Và từ đấy, mọi con cái sinh ra đều trắng đầu. Mọi con đực, ngược lại, đều đen đầu. Vì thế, con Karanar mới có màu như vậy. Mẹ đầu trắng đẻ ra con đầu đen, đấy là dấu hiệu thứ nhất chứng tỏ nó thuộc giống Akmai. Và từ ngày ấy đến nay, không biết đã bao lâu, hai trăm, ba trăm, năm trăm năm hay lâu hơn, giống lạc đà Akmai không hề tuyệt tự. Song thỉnh thoảng mới xuất hiện một con trứ danh như Karanar - Bão Tuyết. Vậy là Edigej gặp may, con Karanar sinh ra để đem lại may mắn cho Edigej...

Đến giai đoạn cần phải thiến, hoặc dùng dây xích buộc chân, bởi vì nó bắt đầu gây náo động dữ dội, không cho mọi người lại gần, cứ bỏ chạy đâu không rõ hăng mấy ngày đêm liền. Kazangap bảo thẳng Edigej:

– Đấy là việc của chú, muốn sống yên lành thì thiến nó đi. Còn muốn vinh quang thì đừng động đến nó, nhưng có điều gì xảy ra chú hãy gánh lấy toàn bộ trách nhiệm. Nếu chú còn đủ sức lực và kiên nhẫn thì cứ để thế ít lâu, nó làm loạn vài ba năm rồi sẽ vâng lời chú thôi.

Edigej đã không động chạm tới con Karanar - Bão Tuyết. Không, bác không dám, không nỡ thiến nó. Nhưng có những lúc bác phải đổ máu mắt vì nó...

Chương 5

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông....

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông – miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Ở vùng này mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich.

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Sáng sớm mọi việc đã xong xuôi. Thi hài Kazangap được liệm bằng vải len và được che mặt, đặt trong một cái rờ mooc máy kéo, bên dưới lót mặt cửa, vỏ bào và một lớp cỏ khô sạch sẽ. Phải khởi hành sớm để bốn, năm giờ chiều có thể về kịp đến nhà. Đi ba chục kilomet, đường về cũng gần ấy, lại còn việc mai táng ở nghĩa địa, thành thử bữa cúng phải lui lại khoảng sáu giờ chiều. Tất cả đã sẵn sàng, Edigej cầm cương con lạc đà đã đóng yên, luôn miệng thúc giục mọi người. Tuy cả đêm qua không ngủ, sáng nay trông bác vẫn nhanh nhẹn, chăm chú, tuy hơi hốc hác. Edigej đã cạo râu tũn tũn và mặc bộ quần áo đẹp nhất – chiếc quần galiphe bằng vải nhung hơi rộng, thắt cà vạt màu đen bên ngoài sơ mi trắng, đầu đội mũ công nhân đường sắt, chân đi đôi ủng lót nỉ, ngực đeo tất cả các huân chương, huy chương chiến sĩ và cả các huy hiệu lao động xuất sắc. Tất cả những trang phục ấy đều hợp với bác và khiến bác thêm vẻ trịnh trọng. Có lẽ, trong ngày mai táng Kazangap, Edigej phải có bề ngoài như vậy.

Già trẻ trai gái ở Boranly đều tới đưa ma. Mọi người tập trung cạnh chiếc rờ mooc, chờ phút khởi hành. Edigej - Bão Tuyết nói:

– Bây giờ chúng tôi đến Ana - Bejit, nghĩa địa cổ được kính trọng nhất vùng Sarozek này, bác Kazangap xứng đáng được như vậy. Chính bác ấy đã dặn mai táng bác ở đó – Edigej nghĩ xem nên nói gì nữa, đoạn tiếp: – Như vậy là số nước và muối ấn định cho cuộc đời bác ấy đã cạn. Con người ấy đã làm việc ở ga này gần bốn mươi năm, có thể nói là suốt cả cuộc đời.

Hồi bác ấy bắt đầu làm ở đây, ngay đến một trạm bơm nước cũng chưa có, người ta phải dùng xitec chở nước đến hàng tuần. Bây giờ chưa có các máy dọn tuyết và các máy thiết bị khác như hiện nay. Thậm chí, một cái máy kéo mà hôm nay chúng ta dùng để chở thi hài bác ấy, cũng không có nốt. Dầu vậy, những chuyến tàu vẫn chạy và đường vẫn luôn luôn thông suốt. Bác ấy đã tận tụy phục vụ suốt đời ở ga Boranly - Bão Tuyết này, bác ấy là một người tốt, bà con ai cũng biết như vậy. Còn bây giờ chúng tôi đi đây, không đủ phương tiện và cũng không cần tất cả mọi người phải đi đưa. Và lại chúng ta cũng không được bỏ mặc công việc của nhà ga, chúng tôi sẽ đi sáu người. Và đến đây sẽ lo liệu chu đáo mọi việc, bà con hãy chờ chúng tôi về và sẵn sàng có mặt dự bữa cúng chiều nay. Tôi xin thay mặt con trai và con gái bác ấy – kia, họ đứng kia – kính mời bà con tới dự.

Tuy Edigej không dự kiến, nhưng sự việc lại diễn ra như một đám tang nhỏ. Rồi họ lên đường, bà con đi theo sau xe một quãng rồi dừng lại. Người đi còn nghe văng vẳng tiếng khóc của Ajzada và Ukubala...

Khi tiếng khóc đã lặn hẳn và sáu người đi mỗi lúc một xa đường tàu, mỗi lúc một sâu vào thảo nguyên, Edigej - Bão Tuyết mới thở dài nhẹ nhõm. Bây giờ chỉ còn có riêng họ, và bác biết cần phải làm những gì.

Mặt trời đã mọc, hào phóng toả ánh nắng xuống vùng thảo nguyên Sarozek. Trời vẫn trong mát, cả một vùng mênh mông chỉ thấy hai con điều hâu bay lượn trên cao và thỉnh thoảng vài con sơn ca từ dưới bụi cỏ vụt bay lên, miêng kêu chíp chíp. “Chúng nó sắp tụ họp thành đàn và nó bay về phương nam ấm áp rồi” – Edigej hình dung cảnh tuyết rơi và bầy chim bay giữa bức màn tuyết ấy. Và không hiểu sao bác lại chợt nhớ đến con cáo ở bên đường tàu đêm rồi, thậm chí bác còn nhìn trộm xung quanh, xem có vết chân con cáo hay không. Rồi bác nghĩ đến quả tên lửa đêm ấy cất cánh từ thảo nguyên bay lên vũ trụ...

Edigej - Bão Tuyết cười con Karanar đi trước dẫn đường. Con Karanar sải từng bước dài, rộng, đều nhịp. Người am hiểu sẽ thấy nó có bước đi thật đẹp, chiếc đầu kiêu hãnh vươn lên trên chiếc cổ cong cong, cứ như bơi trong sóng mà vẫn bất động, còn bốn cái chân dài và gân guốc cứ chém đều đều không mồi vào không khí. Edigej ngồi giữa hai cái bướu, rất chắc chắn,

thoải mái và tự tin. Bác hài lòng vì con Karanar không đòi phải thúc giục, vẫn nhận biết dễ dàng và tinh tế các mệnh lệnh của chủ. Các tấm huân chương, huy chương trên ngực Edigej khẽ kêu lanh canh theo nhịp bước và lấp lánh dưới ánh mặt trời.

Theo sau bác là chiếc máy kéo ‘Belarus’ có rờ mooc, Shabitzhan ngồi trong cabin, cạnh anh thợ lái máy trẻ tuổi Kalibek. Đêm qua Shabitzhan đã uống đầy rượu và huyền thuyên đủ chuyện, bây giờ anh ta ngồi im lặng, ủ rũ, ngật ngưỡng từ bên này sang bên kia. Edigej cứ ngại cặp kính của anh ta có thể bị rơi vỡ.

Chồng Ajzada ngồi trên rờmooc, cạnh thi hài bố vợ, vẻ buồn rầu. Anh ta nheo mắt nhìn trời, thỉnh thoảng ngó xung quanh. Con sâu rượu ấy lần này tỏ ra đứng đắn, không uống một hớp rượu nào. Anh ta cố gắng góp sức vào mọi việc và khi đưa thi hài người quá cố ra xe, đã ghé vai khiêng. Edigej bảo anh ta cùng cười lên lạc đà cùng với mình, anh ta từ chối và nói: “Dạ, chú cứ để cháu ở bên ông nhạc cháu, đưa đến nơi an nghỉ cuối cùng”. Câu ấy khiến cả Edigej lẫn bà con Boranly vừa lòng. Khi xe khởi hành, chính anh ta khóc to và nhiều hơn tất cả mọi người, hai tay cứ vuốt vuốt tấm ni bọc thi hài bố vợ. Edigej hy vọng: “Biết đâu hãn tình ngộ và chừa rượu thì thật là may cho mẹ con Ajzada!”.

Đi cuối đám tang nhỏ và lạ giữa thảo nguyên hoang vu ấy là chiếc máy xúc bánh hơi ‘Belarus’. Ngồi trên cabin có Edibaj và Zhumagali, người lái là Zhumagali, một thanh niên làn da đen, vẫn điều khiển chiếc máy ấy làm việc trên các cung đường khác nhau. Anh ta xuất hiện ở Boranly - Bão Tuyết cách đây không lâu, và khó nói trước là anh ta sẽ trụ được tại ga này bao lâu nữa. Edibaj ngồi bên cạnh, cao hơn hẳn một cái đầu. Suốt dọc đường họ trò chuyện rất sôi nổi.

Phải ghi nhận thiện chí của trưởng ga là Ospan, chính anh đã dành cho đám tang toàn bộ số xe hiện có ở ga. Anh trưởng ga trẻ tuổi đã lập luận đúng – nếu đi xa như vậy, rồi lại phải đào huyết bằng xẻng, thì chắc khó kịp trở về vào chiều tối, bởi lẽ huyết phải đào rất sâu và khoét thêm hàm ếch theo tục lệ của người Hồi giáo.

Khi trưởng ga khuyên nên dùng máy xúc đất đào huyết, Edigej - Bão Tuyết hơi lo ngại. Bác không bao giờ nghĩ rằng ai đó lại tính chuyện đào huyết không phải bằng xẻng, mà bằng máy xúc đất. Ngồi nói chuyện với Ospan, bác nhăn trán suy nghĩ rất lung. Nhưng Ospan đã tìm ra lối thoát và thuyết phục được bác:

– Bác ơi, tôi nói thật đấy. Nếu bác ngại ngừng, thì đầu tiên bác cứ dùng xẻng, nhưng đào ít đất thôi. Sau đó để máy xúc làm việc, loáng cái là xong. Đất thảo nguyên rắn như đá, bác biết rồi đấy. Dùng máy đào tới độ sâu cần thiết, rồi bác lại dùng xẻng mà sửa nốt cho đẹp. Vừa tiết kiệm thời gian, vừa theo đúng mọi thể thức...

Giờ đây, càng đi sâu vào thảo nguyên hoang vu, Edigej càng thấy lời khuyên của Ospan là hợp lý. Thậm chí bác ngạc nhiên sao chính mình không nghĩ ra điều đó. Đúng, khi tới nghĩa địa, bác sẽ làm như vậy. Sẽ chọn một chỗ thuận tiện để đặt thi hài người quá cố quay đầu về phía dòng Kaba vĩnh cửu, sẽ dùng xẻng đào trước một chút, sau đó dùng máy xúc đào đủ sâu, rồi lại dùng xẻng khoét hàm ếch và sửa sang đáy huyết. Như thế sẽ nhanh và đúng hơn.

Khi ngoảnh nhìn lại cái ga nhỏ đã khuất hẳn sau lưng, Edigej kinh ngạc: mãi bấy giờ bác mới nhìn thấy con chó hung Zholbars đang nghiêm trang chạy bên hông. Ở hay, nó bám theo từ lúc nào nhỉ. Lúc lên đường, có thấy bóng dáng nó đâu. Biết nó giở trò ma lanh này, hẳn bác đã xích nó lại rồi. Con ranh khôn ngoan gớm! Hể thấy Edigej cười con Karanar đi đâu xa, nó liền chọn cơ hội bám gót theo chủ. Thì đấy, lần này có khác gì nó chui từ dưới đất lên không chứ! Thôi kệ nó, Edigej quyết định. Đuổi nó về thì đã muộn, mà cũng chả đáng tốn thời gian vì một con chó, cứ để nó chạy. Và tựa hồ đoán biết ý nghĩ của chủ, con Zholbars vượt qua chiếc máy kéo, tiến ngang hàng với Karanar. Edigej giơ roi dọa nó, nhưng nó lờ đi, ra cái ý dọa nạt bấy giờ muộn rồi. Vả lại, cho nó tham gia việc này thì có gì là xấu kia chứ. Ngực nở, cổ to và xù lông, tai cụp và mắt thông minh, bình tĩnh, con Zholbars có cái vẻ đẹp riêng của nó.

Những ý nghĩ khác nhau cứ hiện ra trong óc Edigej trên đường đi Ana - Bejit. Nhìn mặt trời mọc cao dần, ước tính thời gian, bác vẫn luôn luôn hồi

tưởng chuyện ngày xưa. Nhớ hồi bác và Kazangap còn trẻ khỏe, còn là công nhân thường trực chủ yếu của ga Boranly - Bão Tuyết, những người khác không trụ được lâu ở Boranly - Bão Tuyết, họ tới rồi lại xin chuyển đi. Bác và Kazangap không có thời gian nghỉ, bởi vì muốn hay không, khi cần vẫn cứ phải làm toàn bộ công việc của nhà ga. Bây giờ nhắc lại chuyện đó không tiện – bọn trẻ chúng cười: đúng là hai ông già lẩm cẩm, tự chôn vùi cuộc đời mình. Để làm gì kia chứ? Ừ, mà thật ra là vì cái gì nhỉ? Nghĩa là hai bác đã làm vì một mục đích hẳn hoi.

Một lần hai bác phải dọn tuyết khỏi mặt đường suốt hai ngày đêm không ngơi tay. Đêm xuống đầu máy xe lửa phải bật đèn pha để chiếu sáng chỗ làm việc, tuyết vẫn cứ rơi đều và gió quay cuồng. Dọn được phía này, phía kia tuyết đã lại vun lên lấp đường ray. Nói là trời rét căm căm cũng chưa đúng: mặt mũi, chân tay tím tái, sưng lên. Chui vào đầu máy sưởi dăm phút cho đỡ lạnh, rồi lại nhảy xuống đường xúc tuyết, ngay cái đầu máy cũng đã bị phủ tuyết ngập cả bánh xe. Trong số công nhân mới đến, ngày hôm ấy đã có ba người bỏ đi. Họ nguyên rủa thậm tệ cuộc sống – “Chúng tôi không phải là tù khổ sai, ngay có ngồi tù cũng còn được ngủ”. Và sáng hôm sau, khi tàu chuyển bánh, họ đứng trên toa huýt sáo, nói chỗ xuống:

– Vĩnh biệt các cha ngốc! Cứ ở lại căn răng mà chịu đựng nhé!

Bác và Kazangap đã ấu ấu nhau hôm ấy, nhưng không phải vì bị ba tay kia nhieć là đồ ngốc. Sự thể thế này: Đêm xuống, không tài nào làm việc nổi nữa, tuyết rơi dày, gió rú rít tứ phía và cứ bám lấy người nhằng nhằng như chó dữ, chẳng biết đường nào mà tránh. Đầu máy xe lửa rọi đèn pha, nhưng mọi vật chỉ lờ mờ như trong sương mù. Lúc ba tay kia đã bỏ đi, Edigei và Kazangap vẫn tiếp tục ở lại xúc tuyết vào bao, chất lên lưng hai con lạc đà để chúng chở ra xa đường ray. Nhưng hai con vật khổ sở cũng hết chịu nổi cái rét và thứ gió lồng lộn khủng khiếp. Tuyết hai bên vệ đường ngập tới ngực, Kazangap cầm môi lạc đà kéo chúng đi, còn Edigej dùng roi giục chúng phía sau. Họ vật lộn như thế đến nửa đêm, hai con lạc đà cuối cùng gục xuống tuyết, có giết chúng cũng chịu, hết dậy nổi. Làm thế nào bây giờ? Phải bỏ việc, chờ thời tiết dịu lại vậy, hai người đứng cạnh đầu máy để tránh gió.

– Đủ rồi bác Kazangap ạ, ta leo lên đầu máy chờ xem trời đất thế nào đã – Edigej vừa nói vừa đập đập hai cái bao tay cứng quèo vào nhau.

– Trời đất này chưa đi đâu, dù sao công việc của ta vẫn là dọn đường. Phải dùng xẻng vậy, chúng ta không có quyền bó tay.

– Chúng mình không phải là người ư?

– Nếu không phải là người, mà là chó sói và các giống vật khác, thì đã chui vào hang cả rồi.

– À, đồ khốn kiếp! – Edigej nổi đoá – Anh cứ việc làm hùng hục để mà chết ở đây! – Và Edigej đẩy mạnh vào gò má Kazangap.

Thế là hai bên túm lấy nhau vật lộn, làm rách cả môi nhau. May mà anh thợ đột lò kịp nhảy lại can ra đúng lúc.

Đó, Kazangap là người như thế đó. Bây giờ kiếm đâu ra những người như vậy, bác đang chờ người cuối cùng đến nghĩa địa để mai táng đây. Đặt xuống huyết, nói lời chia tay, thế rồi – Amen!

Nghĩ vậy, Edigej - Bảo Tuyết thầm nhắc lại những câu kinh mà bác chỉ còn nhớ mang máng, để xác định trong trí óc trình tự những ý tưởng hướng tới thượng đế cao siêu và vô hình mới có khả năng dung hoà trong ý thức con người sự đối chọi giữa khởi đầu và kết thúc, giữa cuộc sống và cái chết. Hẳn vì thế mà người ta soạn ra những câu kinh, bởi vì không thể kêu thầu tới thượng đế để hỏi, chẳng hạn tại sao ông lại sắp đặt cho người ta sinh ra rồi chết đi? Từ thuở có thế gian này, người ta sống là để quy thuận, dù không đồng ý. Và những câu kinh ấy không hề thay đổi từ đời xưa, chúng được đọc lên để an ủi con người. Những lời cầu nguyện ấy được gọt dũa qua hàng ngàn năm, là những lời cuối cùng mà người sống phải nói trước người chết. Nghi thức nó thế.

Edigej còn nghĩ như vậy. Dù trên đời có hay hoàn toàn không có thượng đế, song phần lớn người ta đều nhớ đến ông trời, đến thượng đế khi thật cần thiết, thật khó khăn. Hẳn vì lẽ đó mà người ta bảo rằng người không theo đạo sẽ chưa nhớ đến thượng đế, chừng nào đầu họ chưa bị đau. Chẳng biết có phải thế không, nhưng dầu sao cũng nên biết các câu kinh, các lời cầu nguyện.

Nhìn mấy người trẻ tuổi cùng đi chuyến này, Edigej thật sự lấy làm buồn và tiếc rằng không ai trong số họ biết lời cầu nguyện nào cả? Vậy họ sẽ chôn cất nhau ra sao? Họ sẽ dùng những lời nào thâu tóm sự khởi đầu và sự kết thúc của tồn tại, để tiễn con người vào cõi hư vô? “Vĩnh biệt đồng chí, chúng tôi sẽ nhớ...?”. Hay là một câu vớ vẩn nào nữa?

Một lần Edigej - Bão Tuyết dự một đám tang ở trên tỉnh. Bác ngạc nhiên vô cùng: ngoài nghĩa địa mà chẳng khác gì trong một cuộc họp. Đứng trước quan tài người quá cố, các diễn giả cứ cầm giấy đọc rất hùng hồn và cứ nói mỗi một chuyện giống nhau, nào người kia đã làm việc gì, đã từng giữ những chức vụ gì và giữ như thế nào, đã phục vụ ai và phục vụ như thế nào. Sau đó nhạc nổi lên và người ta phủ hoa đầy mộ, chẳng một ai nói lời nào về cái chết, tựa hồ như trước đó chưa có ai chết và sẽ không có ai phải chết. Những kẻ bất hạnh, họ đời đời bất tử! Vậy là họ tuyên bố bất chấp sự thật hiển nhiên: “Người ấy đã đi vào bất tử!”...

Edigej biết rõ địa thế. Hơn nữa, từ trên lưng con Karanar - Bão Tuyết, bác nhìn thấy một khoảng khá xa phía trước. Bác cố gắng nhắm hướng Ana - Bejit cho thật thẳng, chỉ đi vòng khi nào hai chiếc máy kéo cần tránh hố rãnh mà thôi.

Và tất cả vẫn diễn ra theo dự tính, không nhanh, không chậm, song họ đã đi được một phần ba đường... Con Karanar - Bão Tuyết chạy nước kiệu đều đều, cảm nhận tinh tế các mệnh lệnh của chủ. Xìch xìch đằng sau là chiếc máy kéo rờ mooc, và đằng sau máy kéo là máy xúc bánh hơi ‘Belarus’.

Tuy nhiên, những tình thế ngoài dự kiến đang chờ họ ở phía trước. Nghe ra rất lạ lùng, song những tình thế ấy có mối quan hệ bên trong với các sự kiện diễn ra tại sân bay vũ trụ Sarozek...

Vào giờ đó, tàu sân bay ‘Convention’ đang ở toạ độ của nó tại một vùng trên Thái Bình Dương, phía nam quần đảo Aleut, cách Vladivostok và San Fransisco một khoảng hoàn toàn bằng nhau theo đường chim bay.

Thời tiết trên đại dương không thay đổi. Suốt buổi sáng, mặt trời cứ toả ánh nắng chan hoà trên mặt nước mênh mông lấp lánh. Ở đường chân trời không có dấu hiệu gì chứng tỏ thời tiết sẽ thay đổi.

Còn ở ngay trên tàu thì mọi bộ phận đều đang ở trong tình trạng căng thẳng, sẵn sàng hoạt động cao nhất, kể cả khu máy bay đậu và bộ phận an ninh nội bộ, mặc dù bốn phía quanh tàu không có bất kỳ nguyên nhân cụ thể nào của tình hình đó. Các nguyên nhân nằm ở bên ngoài vũ trụ.

Những thông báo của hai phi công vũ trụ song đôi từ hành tinh Ngực Rừng qua quỹ đạo ‘Tramplin’ chuyển về tàu sân bay ‘Convention’ đã làm cho hai vị đồng chỉ huy trung tâm điều khiển và các uỷ viên hai tiểu ban đặc nhiệm hoàn toàn lúng túng. Lúng túng đến nỗi cả hai bên quyết định trước hết phải họp riêng để bàn bạc tình hình xảy ra, căn cứ vào lợi ích và lập trường của chính mình, rồi sau đó mới họp chung.

Thế giới vẫn chưa hay biết về sự phát hiện có một không hai trong lịch sử loài người – sự tồn tại của nền văn minh bên ngoài trái đất, trên hành tinh Ngực Rừng. Ngay đến chính phủ của hai bên nhận được thông báo tuyệt mật về sự kiện ấy cũng chưa biết thêm tin tức về diễn biến tiếp theo ra sao, người ta đang chờ quan điểm thống nhất của hai tiểu ban có thẩm quyền. Toàn bộ con tàu sân bay được đặt vào chế độ nghiêm ngặt – không một ai được quyền rời bỏ vị trí, không một ai được viện bất cứ lý do gì để rời bỏ con tàu và không một con tàu nào khác có thể tiếp cận ‘Convention’ trong bán kính năm chục kilomet. Những phi cơ bay qua khu vực này phải thay đổi đường bay, cách xa tàu ‘Convention’ ít nhất ba trăm kilomet.

Vậy là phiên họp chung của hai bên đã bị gián đoạn, và mỗi tiểu ban cùng với vị chủ nhiệm chương trình ‘Demiurge’ của mình đang thảo luận báo cáo của hai phi công vũ trụ song đôi 1 - 2 và 2 - 1 được truyền về từ hành tinh Ngực Rừng:

“Hãy lắng nghe, hãy lắng nghe!

Chúng tôi đang thực hiện buổi truyền tin liên Thiên Hà cho Trái Đất!

Không thể giải thích tất cả những gì không có tên gọi ở Trái Đất. Tuy nhiên vẫn có nhiều điểm chung.

Họ là những sinh vật giống con người, họ cũng là người như chúng ta! Hoan hô sự tiến hoá của thế gian! Cả ở đây, sự tiến hoá cũng đã tạo nên mô hình hominid theo nguyên lý phổ quát! Đó là những kiểu hominid khác

hành tinh tuyệt diệu. Da ngăm ngăm, tóc xanh, mắt tím và xanh lá cây, lông mi dài, trắng!

Chúng tôi đã nhìn thấy họ trong những bộ quần áo vũ trụ hoàn toàn trong suốt, khi họ kề sát trạm quỹ đạo của chúng ta. Từ mũi tàu vũ trụ, họ mỉm cười mời hai chúng tôi sang với họ.

Và chúng tôi đã bước từ nền văn minh này sang nền văn minh khác.

Thiết bị bay của họ tách khỏi trạm, và với tốc độ ánh sáng, tốc độ mà bên trong con tàu thực sự không hề cảm thấy. Chúng tôi đã vượt dòng thời gian, chuyển động vào Vũ Trụ. Điều đầu tiên khiến chúng tôi chú ý và nhẹ nhõm bất ngờ là không có trạng thái mất trọng lượng, đạt được như vậy bằng cách nào, hiện chúng tôi vẫn chưa thể giải thích nổi. Họ đã phát âm câu đầu tiên “Tinh cầu chúng tôi đã tới” – pha lẫn tiếng Anh và tiếng Nga. Và khi ấy chúng tôi hiểu rằng nếu có óc tinh tế một chút, chúng tôi đã có thể trao đổi ý nghĩ với nhau.

Các sinh vật tóc xanh ấy cao chừng hai mét, họ có năm người: bốn nam, một nữ. Nữ khác nam không phải qua chiều cao, mà qua bề ngoài thuần túy của phụ nữ và qua nước da trắng hơn. Tất cả năm cư dân Ngực Rừng tóc xanh đều ngăm ngăm như người Ả Rập phía bắc trái đất ta. Từ phút đầu, chúng tôi đã cảm thấy tin cậy họ.

Ba người trong số họ điều khiển thiết bị bay, còn người đàn ông thứ tư và chị phụ nữ thì thông thạo tiếng nói của Trái Đất, hệ thống hoá các từ ngữ tiếng Anh và tiếng Nga, soạn ra cuốn từ vựng Trái Đất. Đến lúc gặp chúng tôi, họ đã nắm vững hơn hai ngàn rưỡi từ và thuật ngữ. Nhờ vốn từ ngữ ấy, sự tiếp xúc giữa đôi bên đã bắt đầu. Dĩ nhiên, họ nói chuyện riêng với nhau bằng thứ ngôn ngữ mà chúng tôi hoàn toàn không hiểu, nghe như giông giống tiếng Tây Ban Nha.

Sau khi rời trạm ‘Paritet’ mười một giờ bay, chúng tôi đã vượt ra ngoài giới hạn hệ Mặt Trời.

Bước chuyển từ thái dương hệ của chúng ta sang một hệ khác đã diễn ra lặng lẽ, không có điều gì đặc biệt, vật chất của Vũ Trụ ở mọi nơi đều như nhau. Nhưng trên đường bay, phía trước thấy ánh hồng sáng lên dần dần (chắc do vị trí và khoảng cách giữa các thiên thể vào giờ phút đó như vậy).

Ánh hồng ấy cứ lớn dần, trải rộng ở đằng xa thành một không gian ánh sáng vô tận. Lúc đó chúng tôi đã vượt ngang qua mấy hành tinh nửa sáng nửa tối, vô số mặt trời và mặt trăng đã lướt qua trong khoảng không bao la.

Chúng tôi như được đưa từ đêm sang ngày. Và tất nhiên chúng tôi bay vào một vùng sáng mênh mông tinh khiết, toả ra từ một vầng Thái Dương khổng lồ tại một bầu trời xưa nay chưa từng thấy.

– Chúng ta đang ở trong Thiên Hà của chúng tôi! Chủ Nhân của chúng tôi đang toả sáng đấy! – chị phụ nữ tuyên bố. – Sắp tới Ngực Rừng của chúng tôi rồi.

Quả vậy, trên độ cao thăm thẳm của không gian vũ trụ mới, chúng tôi đã nhìn thấy một Mặt Trời Mới – một thiên thể mà chị kia gọi là ‘Chủ Nhân’. Chủ Nhân có độ sáng và kích thước lớn hơn Mặt Trời của chúng ta, tiện thể nói thêm rằng chính vì thế mà một ngày đêm trên hành tinh Ngực Rừng kéo dài hai mươi tám giờ.

Từ trên cao nhìn xuống, hành tinh Ngực Rừng giống Trái Đất chúng ta, cũng có các đám mây không khí bao quanh. Nhưng khi đến gần, cách bề mặt của nó khoảng năm sáu ngàn mét – tổ lái đã thực hiện một đường bay vòng quanh cho chúng tôi ngắm cảnh – chúng tôi thấy hiện ra một cảnh tượng tuyệt đẹp: núi non, gò đồi đều phủ màu xanh mượt mà, xen giữa chúng là các sông hồ, biển cả. Còn ở một số vùng, chủ yếu ở hai cực, là những hoang mạc rộng lớn không có sức sống, chỉ thấy bão cát. Nhưng gây ấn tượng mạnh nhất với chúng tôi là các đô thị và thị trấn, những công trình thiết kế ấy nổi bật giữa cảnh quan Ngực Rừng, chứng tỏ mức độ đô thị hoá rất cao. Ngay đến Manhattan¹⁰ cũng không thể nào so sánh được với nghệ thuật xây dựng đô thị của các sinh vật Ngực Rừng.

Bản thân các sinh vật Ngực Rừng theo ý chúng tôi, là một hiện tượng độc đáo trong số những sinh vật có lý trí trong Vũ Trụ. Thời gian thai nghén của họ là mười một tháng, tuổi thọ rất cao, dù vậy họ tự coi vấn đề chính yếu của xã hội và ý nghĩa tồn tại là việc kéo dài tuổi thọ. Họ sống trung bình một năm ba mươi đến một trăm năm mươi tuổi, có người sống đến hai trăm tuổi. Dân cư của hành tinh tới hơn mười tỉ người.

Lúc này chúng tôi không thể trình bày một cách tương đối hệ thống tất cả những gì liên quan đến lối sống của những sinh vật tóc xanh và các thành tựu nền văn minh của họ. Bởi vậy, chúng tôi xin thông báo những gì khiến chúng tôi ngạc nhiên hơn cả ở hành tinh này.

Họ biết cách khai thác năng lượng của mặt trời, hay nói đúng hơn, của Chủ Nhân, biến nó thành nhiệt năng và điện năng với hệ số sử dụng cao hơn các phương thức kỹ thuật thuỷ lực của chúng ta. Và điều rất quan trọng là họ tổng hợp năng lượng từ độ chênh lệch giữa nhiệt độ ban ngày và ban đêm của không khí.

Họ biết cách điều khiển khí hậu. Khi chúng tôi bay vòng quanh hành tinh, thiết bị bay của chúng tôi đã dùng bức xạ phá tan các đám mây và sương mù ngay tức khắc ở nơi chúng tích tụ. Chúng tôi được biết rằng họ có thể tác động đến sự chuyển dịch của các khối không khí và các dòng hải lưu. Bằng cách đó, họ điều tiết độ ẩm và chế độ nhiệt trên bề mặt hành tinh; hơn thế nữa, họ còn biết điều khiển lực hấp dẫn trong các chuyến bay liên hành tinh.

Tuy nhiên trước mắt chúng tôi là một vấn đề, mà theo chỗ chúng tôi biết, chúng ta vẫn chưa vấp phải bao giờ ở Trái Đất. Họ không bị hạn hán, bởi vì họ có khả năng điều khiển khí hậu. Hiện thời họ chưa biết thế nào là thiếu thực phẩm, đây là họ có số đàn ông gấp hơn hai lần dân số Trái Đất. Nhưng một phần đáng kể của hành tinh đang dần dần mất sức sống, mọi sinh vật ở đó đều bị chết dần chết mòn. Hiện tượng này gọi là sự lụi tàn từ bên trong. Trong lúc bay vòng quanh hành tinh, chúng tôi nhìn thấy những trận bão bụi ở phần đông nam của Ngực Rừng. Do những phản ứng nào đó trong lòng hành tinh – có thể điều đó giống như các quá trình núi lửa của chúng ta, nhưng có lẽ đây là một hình thức phun xuất tia chậm rãi nào đó – mà lớp đất trên bề mặt bị phá huỷ biến dạng, mất dần các chất dinh dưỡng. Ở phần đông nam Ngực Rừng, rộng bằng Sahara, sa mạc mỗi năm cứ lần dần vào không gian sống của cư dân tóc xanh. Đối với họ, đó là tai hoạ lớn nhất.

Họ chưa biết cách điều khiển những quá trình diễn ra trong lòng hành tinh, họ đã ném những lực lượng ưu tú và rất nhiều phương tiện khoa học,

vật chất vào cuộc đấu tranh chống hiện tượng lụi tàn đáng sợ này. Trong hệ sao của họ không có Mặt Trăng, nhưng họ biết Mặt Trăng của chúng ta và đã ghé thăm nó, họ ước đoán rằng Mặt Trăng của chúng ta có lẽ đã trải qua tình trạng tương tự. Khi biết chuyện đó, chúng tôi chột nghĩ và hơi lo – từ Mặt Trăng tới Trái Đất chẳng xa xôi gì cho cam. Chúng ta đã sẵn sàng đón nhận tình trạng ấy chưa? Và những hậu quả bên trong lẫn bên ngoài rồi sẽ ra sao? Liệu mọi người có biết nghĩ rằng họ đã đánh mất nhiều thứ trong sự phát triển trí tuệ của mình chỉ vì những mâu thuẫn muôn thuở ở Trái Đất?

Hiện tại trong các giới khoa học của Ngực Rừng đang diễn ra cuộc tranh luận rộng rãi – nên tăng cường nỗ lực khám phá bí mật của sự lụi tàn trong lòng hành tinh và tìm cách ngăn chặn thảm họa tiềm ẩn ấy, hay là nên tìm sẵn trong Vũ Trụ một hành tinh mới, đáp ứng nhu cầu sống còn của họ, để sau này tiến hành di dân đồng loạt tới đó, mang theo và hồi phục nền văn minh Ngực Rừng?

Hiện thời chưa rõ họ đang nhắm đi đâu, tới hành tinh nào. Ít ra, họ vẫn còn có thể sống ở Ngực Rừng hàng triệu năm nữa, nhưng kỳ lạ thay, ngay từ bây giờ họ đã nghĩ đến tương lai xa xôi và say sưa hoạt động như thể vấn đề trên có liên quan trực tiếp đến cư dân thời nay. Chẳng lẽ không một kẻ nào nảy ra cái ý nghĩ khôn nạn: “Sau này muốn ra sao thì ra, sống chết mặc bay”?! Chúng tôi cảm thấy xấu hổ vì chính mình đã nghĩ đại loại như thế, khi được biết rằng một phần đáng kể tổng thu nhập của cả Ngực Rừng được bỏ vào chương trình ngăn chặn sự tàn lụi trong lòng hành tinh. Họ cố dựng chướng ngại vật trải dài hàng vạn kilomet – men theo giới hạn của sa mạc đang lấn dần – bằng cách khoan những lỗ khoan siêu sâu, phun vào lòng hành tinh những chất trung hoà có tác dụng lâu dài mà họ cho rằng sẽ phát huy tác động cần thiết tới các phản ứng dưới đó.

Tất nhiên họ cũng có và phải có các vấn đề tồn tại xã hội, những cái đã bao đời làm cho trí tuệ phải trăn trở, phải lao tâm khổ tứ – những vấn đề luân lý, đạo đức, lý trí... Hiển nhiên là sự chung sống của hơn mười tỉ người diễn ra không đơn giản, dù họ đã đạt tới mức phồn vinh bao nhiêu chẳng nữa. Nhưng điều lạ nhất là họ không biết đến khái niệm nhà nước,

không biết thế nào là vũ khí, không biết đến chiến tranh. Có các nhà nước, có tiền tệ và mọi phạm trù quan hệ xã hội đồng hành với chúng? Nếu phải giải thích thực chất những cuộc chiến tranh liên miên ở Trái Đất chúng ta, không biết họ sẽ thấy đó là trò vô nghĩa hoặc là một phương thức dã man để giải quyết vấn đề hay chăng?

Toàn bộ cuộc sống của họ được tổ chức trên những nền tảng hoàn toàn khác, mà chúng tôi chưa hiểu rõ hoặc không thể hiểu nổi, vì lối tư duy khuôn mẫu ở Trái Đất chúng ta.

Họ đã đạt tới mức độ ý thức tập thể toàn hành tinh, một ý thức kiên quyết loại trừ chiến tranh như một phương thức đấu tranh, thành thử chúng tôi phải cho rằng nền văn minh Ngực Rừng là hình thái tiên tiến nhất trong giới hạn không gian có thể tưởng tượng được của Vũ Trụ. Có lẽ họ đã vươn tới một trình độ phát triển khoa học, khi mà việc nhân đạo hoá thời gian và không gian trở thành ý nghĩa hoạt động sống chủ yếu của các sinh vật có lý trí và, do đó là sự tiến hoá kế tiếp của thế gian trong giai đoạn mới, cao nhất, vô tận.

Chúng tôi không định so sánh những cái không thể so sánh được với nhau. Với thời gian, trên Trái Đất chúng ta, con người cũng sẽ tiến đến trình độ cao như thế, và ngay bây giờ chúng ta cũng đã có cái để tự hào, song dẫu sao chúng tôi vẫn bị ám ảnh bởi một ý nghĩ nặng nề: điều gì sẽ xảy ra, nếu Trái Đất phạm sai lầm bi thảm, cho rằng hình như lịch sử loài người là lịch sử của các cuộc chiến tranh? Sự thế sẽ ra sao, nếu con đường phát triển ấy ngay từ đầu đã là sai lầm và bế tắc? Điều đó sẽ dẫn chúng ta tới đâu? Và nếu thế, liệu loài người có kịp dừng cảm thừa nhận sai lầm và tránh được ngày tận thế?

Được số phận run rủi cho mình là những người đầu tiên chứng kiến đời sống xã hội bên ngoài Trái Đất, chúng tôi cảm thấy những tình cảm phức tạp – vừa lo sợ cho tương lai của con người Trái Đất, vừa hy vọng, bởi lẽ trên thế gian hiện đã có một tấm gương về sự chung sống vĩ đại, một sự chung sống luôn luôn tiến lên, ở bên ngoài những hình thức mâu thuẫn phải giải quyết bằng chiến tranh...

Các sinh vật Ngực Rừng biết về sự tồn tại của Trái Đất từ đời xa xưa trong lịch sử của họ. Họ tha thiết được tiếp xúc với người Trái Đất không phải chỉ vì sự tò mò, mà theo họ, trước hết là vì thắng lợi của hiện tượng trí tuệ, vì sự trao đổi kinh nghiệm giữa hai nền văn minh, vì kỷ nguyên mới trong sự phát triển tư tưởng và tinh thần của những sinh vật có trí tuệ trong Vũ Trụ.

Về tất cả chuyện đó, họ nhìn xa trông rộng hơn ta rất nhiều. Họ chú ý tới người Trái Đất còn là vì họ cho rằng việc liên kết nỗ lực chung của hai nhánh trí tuệ trong thế gian là con đường cơ bản bảo đảm sự tồn tại vĩnh viễn của sự sống trong tự nhiên, ngụ ý rằng mọi năng lực bất kỳ đều nhất thiết bị phân huỷ và mọi hành tinh đều không thoát cảnh huỷ diệt trong tương lai... Họ quan tâm đến ‘ngày tận thế’ trước hàng tỉ năm và ngay bây giờ họ đã soạn thảo một dự án tổ chức nơi sinh sống mới cho mọi sinh vật trong Vũ Trụ...

Có những thiết bị bay với tốc độ ánh sáng, họ đủ khả năng ngay bây giờ đến thăm Trái Đất chúng ta. Nhưng họ không muốn làm việc đó khi chính người Trái Đất chưa đồng ý, họ không muốn thâm nhập Trái Đất như những vị khách không mời mà đến. Họ tỏ cho biết rằng từ lâu họ đã tìm cách làm quen, từ khi các trạm vũ trụ của chúng ta biến thành những tổ hợp hoạt động dài hạn trên quỹ đạo, họ hiểu rằng thời gian gấp gáp đang tới gần. Họ đã chuẩn bị kỹ càng, chờ cơ hội thuận tiện. Cơ hội ấy đã rơi vào tay chúng tôi bởi vì chúng tôi có mặt ở môi trường trung gian – ở trên trạm quỹ đạo...

Việc chúng tôi tới thăm hành tinh của họ, rất dễ hiểu, đã thành một sự kiện thời sự nóng hổi. Nhân dịp này, họ đã đưa vào hoạt động một hệ thống tiếp xúc toàn cầu từ xa, chỉ sử dụng vào những dịp lễ hội lớn nhất. Trong không khí sáng tỏ xung quanh chúng tôi, chúng tôi thấy hiển hiện ngay trước mắt những khuôn mặt và những vật dụng cách xa hàng ngàn, hàng vạn kilomet, mà đôi bên đều có thể trao đổi với nhau – nhìn thấy mặt nhau, mỉm cười, bắt tay nhau, trò chuyện vui vẻ, tưởng chừng trong cuộc tiếp xúc trực tiếp. Các sinh vật Ngực Rừng mới đẹp làm sao, và họ cũng rất khác nhau, thậm chí màu tóc cũng xanh với những sắc thái khác nhau, còn các

cụ già thì hoá ra cũng bạc đầu y như người già ở Trái Đất. Họ cũng khác nhau về các chủng tộc.

Về tất cả những điều đó và nhiều điều khác không kém phần ngạc nhiên, chúng tôi sẽ kể khi trở về trạm 'Paritet' hoặc trở về Trái Đất. Còn bây giờ xin đề cập điều chủ yếu nhất. Người Ngực Rừng đề nghị chúng tôi chuyển qua hệ thông tin 'Paritet' nguyện vọng của họ được đến thăm Trái Đất khi nào chúng ta thấy thuận tiện. Trước đó, họ đề nghị phối hợp chương trình, bố trí một trạm trung gian liên hành tinh, trạm này đầu tiên sẽ là nơi tổ chức các cuộc gặp gỡ sơ bộ, sau trở thành địa điểm thường trực trên con đường đôi bên qua lại thăm nhau. Chúng tôi đã hứa sẽ báo tin cho đồng loại của mình biết các đề nghị ấy. Tuy nhiên về mặt này, có một điều khiến chúng tôi lo ngại.

Liệu chúng ta, loài người ở Trái Đất, đã sẵn sàng có những cuộc gặp gỡ liên hành tinh như thế chưa, liệu chúng ta đã đủ trưởng thành, với tư cách là các sinh vật có trí tuệ, để gặp họ chưa? Với những sự bất đồng và mâu thuẫn hiện nay của chúng ta, liệu chúng ta có khả năng thống nhất quan điểm, tự cho phép mình thay mặt toàn bộ loài người, thay mặt cả Trái Đất để gặp họ hay chưa? Chúng tôi kính mong các vị chuyển giao quyền giải quyết vấn đề này cho Liên Hiệp Quốc để tránh một sự cạnh tranh mới về vai trò đại diện. Chúng tôi đề nghị ở đây không nên lạm dụng quyền phủ quyết, và có lẽ lần này nên bãi bỏ quyền đó như một ngoại lệ. Chúng tôi rất đau lòng nghĩ đến những chuyện đó khi ở ngoài Vũ Trụ xa xăm này, nhưng là cư dân của Trái Đất, chúng tôi hiểu khá rõ tính nết của những con người sống ở hành tinh chúng ta.

Cuối cùng, một lần nữa xin nói về bản thân hành động của chúng tôi, chúng tôi nhận thừa việc chúng tôi biến mất khỏi trạm quỹ đạo đã gây ra tình trạng hoang mang và dẫn tới những biện pháp khẩn cấp như thế nào. Chúng tôi rất tiếc rằng mình đã gây nên bao sự lo lắng, song đây là trường hợp độc nhất trong thực tiễn thế giới, khi chúng tôi không thể và không có quyền khước từ, vì sự nghiệp vĩ đại nhất của đời mình. Vốn là những người theo đúng những qui định nghiêm ngặt, chúng tôi có nghĩa vụ phải làm trái qui định chỉ vì mục đích nói trên.

Hãy cứ để lương tâm chúng tôi tự phán xét và chúng tôi sẽ gánh chịu hình phạt thích đáng, nhưng tạm thời xin các vị hãy quên đi điều đó. Xin hãy tạm bỏ qua! Chúng tôi đã truyền tín hiệu từ Vũ Trụ về, chúng tôi thông báo cho các vị từ một hệ sao xưa nay chưa hề biết đến – từ thiên thể Chủ Nhân. Những cư dân tóc xanh ở Ngực Rừng là những sinh vật sáng tạo nên một nền văn minh hiện đại cao cả nhất. Sự tiếp xúc với họ có thể tạo nên sự thay đổi toàn cầu trong toàn bộ cuộc sống của chúng ta, trong vận mệnh của cả loài người. Liệu chúng ta có dám chấp nhận như vậy, trong khi vẫn tôn trọng lợi ích trước hết của Trái Đất...?

Các cư dân hành tinh Ngực Rừng không hề đe dọa gì chúng tôi, ít ra thì đó cũng là cảm giác của chúng tôi. Nhưng, nếu học tập kinh nghiệm của họ, chúng ta sẽ có thể tạo nên một cuộc cách mạng, bắt đầu từ cách khai thác năng lượng thế giới vật chất xung quanh, cho đến cách chung sống không cần vũ khí, bạo lực và chiến tranh. Điều sau cùng các vị nghe có vẻ chướng tai, nhưng chúng tôi xin trình trọng khẳng định rằng, cuộc sống của các sinh vật có trí tuệ ở hành tinh Ngực Rừng được tổ chức đúng theo cách đó, họ đã vươn tới chính sự hoàn thiện này tại một không gian sinh địa hệ như ở Trái Đất. Với một kiểu tư duy vũ trụ văn minh cao, họ sẵn sàng tiếp xúc công khai với những người anh em cùng có trí tuệ như mình, với loài người Trái Đất, thông qua những hình thức đáp ứng nhu cầu và tư thế của cả hai bên.

Tuy rất say sưa và sững sốt trước việc phát hiện nền văn minh ngoài Trái Đất, song chúng tôi chỉ mong trở về sớm để kể cho mọi người tất cả những gì chúng tôi đã chứng kiến khi ở hệ Thiên hà này, tại một hành tinh của hệ thiên thể Chủ Nhân.

Chúng tôi dự định sau đây hai mươi tám giờ, nghĩa là đúng một ngày đêm, sau buổi truyền tin này, sẽ lên đường trở về trạm ‘Paritet’. Khi về đến nơi, chúng tôi lại xin hoàn toàn phục tùng sự chỉ huy của Trung tâm điều khiển.

Xin phép tạm biệt. Trước khi bay trở lại Thái Dương Hệ, chúng tôi sẽ báo tin thời gian về tới trạm ‘Paritet’.

Đến đây chúng tôi chấm dứt bản tin đầu tiên từ hành tinh Ngực Rừng. Hẹn sớm gặp lại, tha thiết đề nghị các vị báo tin cho gia đình chúng tôi để họ khỏi lo lắng...

PHI CÔNG VŨ TRỤ SONG ĐÔI 1 - 2
PHI CÔNG VŨ TRỤ SONG ĐÔI 2 - 1"

Phiên họp riêng rẽ của hai tiểu ban có thẩm quyền đặc biệt, trên tàu sân bay ‘Convention’, để thẩm xét sự cố đặc biệt trên trạm quỹ đạo ‘Paritet’, đã kết thúc ở chỗ cả hai tiểu ban với đủ mọi uỷ viên, đều bay về hỏi ý kiến cấp cao hơn. Một phi cơ cất cánh từ tàu sân bay về hướng San Francisco; chiếc thứ hai cất cánh sau đó vài phút, về hướng ngược lại – Vladivostok.

Còn tàu ‘Convention’ vẫn đậu tại vị trí cũ, ở khu vực thường trú của nó, trên Thái Bình Dương, phía nam quần đảo Aleut... Một chế độ nghiêm ngặt được thiết lập trên tàu... Mọi người đều lo phận sự của mình, mọi người đều cảnh giác... Và tất cả đều giữ vẻ im lặng...

* * *

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông.

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông – miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa...

* * *

Đã đi được một phần ba quãng đường tới nghĩa địa Ana - Bejit. Mặt trời lúc đầu lên cao rất nhanh, bây giờ tựa hồ đứng sững lại một điểm phía trên thảo nguyên cỏ gai. Nghĩa là ngày đã thành ngày thật sự, trời bắt đầu nóng cái nóng ban ngày.

Edigej - Bão Tuyết lúc xem đồng hồ, lúc nhìn trời, lúc nhìn thảo nguyên trống trải phía trước, cho rằng mọi việc hiện thời vẫn diễn ra bình thường. Bác vẫn cười lạc đà dẫn đường, máy kéo rờ mooc vẫn chạy phía sau, tiếp đến chiếc máy xúc ‘Belarus’ bánh lốp, còn con chó hung Zholbars vẫn chạy bên cạnh.

“Thì ra đầu óc con người không thể ngừng suy nghĩ một giây. Ngớ ngẩn thật – muốn hay không muốn, ý nghĩ này vẫn cứ đẻ ra ý nghĩ nọ, và sự việc cứ thế tiếp diễn mãi tới khi anh chết!”. Edigej rút ra kết luận buồn cười đó khi bác nhận thấy dọc đường lúc nào mình cũng nghĩ đến một chuyện gì đấy, các ý nghĩ cứ nối tiếp nhau như các làn sóng biển. Hồi bé bác đã đứng quan sát hàng giờ cảnh mặt biển Aral những lúc trời nổi gió, cuộn lên những con sóng trắng, dồn từ xa tới như những cái bờm dựng ngược, đợt này kế tiếp đợt kia. Trong sự vận động ấy diễn ra đồng thời cả sự sinh ra, sự mất đi, rồi lại sinh ra và tàn lụi xương thịt của biển. Và hồi ấy cậu bé Edigej muốn biến thành chim hải âu bay lượn trên sóng, trên bọt nước lóng lánh để nhìn xuống sức mạnh vĩ đại của nước.

Thảo nguyên sắp sang thu với vẻ trống trải buồn bã, hoang vu, tiếng dậm chân đều đều của con lạc đà gọng ra trong lòng Edigej những suy tưởng dọc đường, và bác cứ để mặc các suy tưởng ấy dâng lên. May mà đường còn dài và chưa có gì ngăn cản bước đi của họ. Như mọi bữa đi xa, con Karanar càng đi càng hăng và mùi mồ hôi khoẻ mạnh của nó bắt đầu toả ra, nhất là từ bờm và cổ. Edigej hài lòng cười thầm: “À, à, nghĩa là mày toát mồ hôi hột! Bờ hơi tai rồi à! Con quý! Mày là con vật gồm ghiếc lắm kia mà! Mày tệ, tệ quá!”.

Edigej nghĩ lan man cả những chuyện cũ, những công việc và sự kiện hồi Kazangap còn trẻ khoẻ, và trong chuỗi ký ức chợt trỗi dậy, một cách không đúng lúc, nổi cay đắng xa xưa. Và lời cầu nguyện cũng không giúp bác xua nó đi, bác lẩm bẩm cầu nguyện mấy lần, để xua đuổi, để đè bẹp nỗi đau ấy xuống. Nhưng lòng bác không nguôi, Edigej - Bảo Tuyết bực bội, chốc chốc lại quật roi vào hai bên sườn con lạc đà đang cố gắng sai bước thật đều, bác kéo cái mũ sụp xuống trán và không buồn ngoảnh nhìn hai chiếc xe đằng sau nữa. Cứ mặc họ theo sau, đừng có tụt hậu. Họ, cái bọn trẻ xanh rờn ấy, họ biết quái gì đến chuyện cũ, một câu chuyện mà ngay đến vợ bác, bác cũng chẳng hé răng; nhưng bác lại được nghe cách lập luận sáng suốt và thẳng thắn – như trong tất cả mọi chuyện – của Kazangap. Chỉ riêng Kazangap mới có khả năng lập luận như thế, chứ không thì Edigej đã bỏ cái ga Boranly - Bảo Tuyết này mà đi từ lâu rồi...

Năm ấy, năm năm mươi mốt, vào mùa đông, có một gia đình chuyển đến ga này. Hai vợ chồng và hai đứa con trai. Thằng lớn, Daul lên năm; còn thằng bé, Ermek, ba tuổi. Bố của chúng, Abutalip Kuttybaev, cùng tuổi với Edigej. Trước chiến tranh, Abutalip đã dạy học một năm ở trường làng; mùa hè năm bốn mươi mốt, anh được gọi ra trận ngay trong đợt đầu tiên. Anh cưới Zaripa đầu vào cuối chiến tranh hoặc ngay sau khi chiến tranh kết thúc gì đó. Trước khi chuyển đến đây, Zaripa cũng làm giáo viên tiểu học. Số phận dồn đẩy họ đến Boranly - Bão Tuyết, giữa miền thảo nguyên cỏ gai này.

Việc họ đến vùng đất hoang vu xa xôi này không phải từ một cuộc sống êm đẹp thì ai cũng thấy rõ ngay. Abutalip và Zaripa hoàn toàn có thể công tác tốt ở những nơi khác, nhưng rõ ràng hoàn cảnh đã khiến họ không còn lối thoát nào hơn. Thoạt đầu, bà con ở Boranly tưởng rằng vợ chồng Abutalip sẽ không trụ được, không chịu đựng lâu ở nơi này, đến lại bỏ đi chỗ khác. Những người thua kém họ về năng lực còn bỏ đi nữa là họ. Cả Edigej lẫn Kazangap cũng nghĩ như vậy. Tuy nhiên, mọi người lập tức có thái độ tôn trọng đối với gia đình Abutalip. Vợ chồng họ là những người đứng đắn, có văn hoá. Họ nghèo, cả hai vợ chồng đều làm việc như tất cả mọi người. Cũng vác tà vẹt, cũng dọn tuyết khỏi đường tàu. Nói chung, họ làm tất cả những công việc của người công nhân đường sắt. Và phải nói rằng gia đình họ rất tốt, hoà thuận, tuy gặp nhiều bất hạnh, vì một lẽ là Abutalip trước đây có bị bọn Đức cầm tù. Hồi ấy, những chuyện lạ của thời chiến dường như đã không còn được chú ý. Đối với những quân nhân bị địch bắt làm tù binh, người ta đã không còn coi họ như bọn phản bội hay kẻ thù nữa. Về phần bà con ở Boranly, thì họ chả bận tâm nghĩ ngợi làm gì. Ừ thì người ta bị địch bắt đã sao, chiến tranh đã kết thúc thắng lợi, thiếu gì chuyện đau khổ người ta từng chịu đựng trong cuộc thế chiến khủng khiếp ấy. Vậy mà nay nhiều người vẫn phải lang bạt khắp nơi như những kẻ có tội, bóng ma chiến tranh vẫn cứ bám theo gót chân họ... Vì lẽ đó, bà con ở Boranly không hề lục vấn những người mới đến về vụ nọ; người ta đã đau đớn khổ sở quá nhiều, còn đâu độc tâm hồn họ làm gì!

Dần dà hoá ra Edigej thân thiết với Abutalip lúc nào không rõ, Abutalip là một người thông minh. Điều lôi cuốn Edigej là trong hoàn cảnh đầy tai hoạ, Abutalip vẫn tỏ ra cứng cỏi, không hề oán trách số phận. Vợ anh, Zaripa hẳn cũng rõ như vậy. Trong thâm tâm, họ chấp nhận sự trừng phạt như một tất yếu, họ tìm ý nghĩa cuộc sống qua sự nhạy cảm và gắn bó nhau một cách lạ thường. Về sau Edigej mới hiểu, họ đã sống, đã tự vệ bằng cách đó, họ che chở cho nhau trước cơn gió hung hãn của thời đại. Đặc biệt là Abutalip.

Anh không thể sống rời gia đình mình dù chỉ một ngày, hai đứa con trai đối với anh là tất cả, mọi phút rỗi rãi anh đều dành cho con. Anh dạy chữ, anh sáng tác những câu chuyện cổ tích, những câu đó, anh nghĩ ra các trò chơi cho chúng. Hồi đầu, khi hai vợ chồng đi làm, họ để con ở lại trong dãy lán. Nhưng Ukubala không thể thản nhiên nhìn cảnh đó, chị liền đưa chúng về nhà mình. Nhà vợ chồng Edigej ấm áp hơn, tiện nghi sinh hoạt đến thời kỳ ấy cũng đã khá hơn nhiều so với hoàn cảnh của người mới dọn tới. Điều nói trên đã khiến hai gia đình thân nhau, bởi hồi đó hai đứa con gái của Edigej cũng đang cùng lứa tuổi với hai đứa con trai của Abutalip.

Một hôm đi làm về, Abutalip ghé vào đón con và đề nghị:

– Anh Edigej này, nhân tiện để tôi dạy hai cháu của anh luôn thể. Lâu nay tôi dạy bọn trẻ không phải là vì không có việc làm. Các cháu đã thân nhau, cùng chơi đùa với nhau. Ban ngày chúng ở bên nhà anh, buổi tối hãy để chúng sang bên tôi. Cuộc sống mới ở nơi hẻo lánh này có nhiều thiếu thốn, vì thế càng cần hướng dẫn chúng. Một đứa bé ngày nay phải biết không ít hơn một thanh niên trước đây. Nếu không sẽ khó lòng người có học vấn, anh ạ!

Mãi sau đó, khi tai hoạ xảy ra, Edigej mới hiểu hết ý nghĩa những cố gắng ấy của Abutalip. Ở đị vị Abutalip, đó là điều duy nhất anh có thể lo liệu cho các con. Biết được cái gì, anh vội truyền thụ cho con càng nhiều càng tốt, anh muốn bằng cách đó khắc hoạ bản thân mình trong trí nhớ các con, tiếp tục sống trong các con. Buổi tối, sau khi đi làm về, hai vợ chồng anh tổ chức một cái gì giống như một trường học - nhà trẻ cho con mình và con của Edigej. Bọn trẻ học đánh vần, học vẽ, chơi đùa, thi xem đứa nào

giỏi hơn, nghe kể chuyện, đọc sách, thậm chí cùng nhau học hát. Những việc ấy thú vị đến mức chính Edigej cũng bắt đầu ghé sang xem chúng học hành và chơi đùa như thế nào. Cả Ukubala thỉnh thoảng cũng chạy qua, làm như có công chuyện gì, song thực tình chỉ để ngó hai đứa con gái ra sao? Edigej - Bão Tuyết rất vui lòng. Những người có học vấn, những nhà giáo họ tốt như thế đó! Thật sung sướng nhìn cái cảnh họ khéo léo hướng dẫn bọn trẻ, họ biết làm trẻ con trong khi vẫn là người lớn. Tối tối, Edigej cố gắng không cản trở họ, mà chỉ ngồi yên ở một góc. Còn khi mới bước sang nhà Abutalip, bao giờ Edigej cũng bỏ mũ, nói từ ngoài cửa:

– Xin chào! Cậu học trò thứ năm của vườn trẻ đã có mặt đây ạ!

Và bọn trẻ cũng quen với sự có mặt của Edigej, hai đứa con gái của Edigej sung sướng lắm. Trước mắt bố, chúng nó càng cố gắng thêm, vợ chồng Edigej thay phiên nhau nhóm lò để buổi tối bọn trẻ được sưởi ấm ở đây lán gỗ.

Một gia đình như thế đã sống ở ga Boranly - Bão Tuyết. Nhưng lạ thay, những người tốt như vậy thường không gặp may.

Tai hoạ của Abutalip Kuttybaev là ở chỗ anh không những bị bọn Đức cầm tù, mà còn – chẳng biết là may hay rủi – cùng một nhóm tù binh trốn thoát khỏi trại tập trung ở Nam Bavaria, rồi tham gia chiến đấu trong hàng ngũ du kích Nam Tư từ năm bốn mươi ba cho tới ngày kết thúc chiến tranh. Tại đó anh đã bị thương và đã được chạy chữa, anh được thưởng các huân chương chiến đấu của Nam Tư. Các tờ báo của du kích có viết bài về anh và đăng ảnh của anh. Điều đó đã giúp anh rất nhiều, khi người ta bắt đầu xét hồ sơ của anh tại tiểu ban kiểm tra - thanh lọc người trở về Tổ Quốc năm bốn mươi lăm. Có bốn người sống sót trong số mười hai người chạy trốn khỏi trại tập trung. Cả bốn người đều gặp may với cái nghĩa là tiểu ban kiểm tra của Liên Xô đã trực tiếp đến chiến khu của quân giải phóng Nam Tư, và các cán bộ chỉ huy của Nam Tư đã cấp giấy nhận xét về các thành tích chiến đấu và phẩm chất đạo đức của những chiến sĩ Xô Viết trong thời gian tham gia hàng ngũ du kích Nam Tư chống phát xít.

Nói chung, sau gần hai tháng trải qua vô số lần kiểm tra, hạch hỏi, đối chất, chờ đợi, hy vọng và thất vọng. Abutalip Kuttybaev đã trở về xứ sở

Kazastan của mình mà không bị mất quyền công dân; song cũng không được hưởng mọi ưu tiên dành cho quân nhân giải ngũ bình thường. Abutalip không hề tự ái, vốn là giáo viên Địa Lý trước chiến tranh, anh lại trở về công tác cũ của mình. Và tại một trường huyện, anh đã gặp cô giáo trẻ Zaripa. Thường có những trường hợp hạnh phúc cho cả đôi bên như thế. Tuy hiếm, nhưng vẫn gặp trong đời.

Những năm chiến thắng đầu tiên đã lắng dần. Tiếp sau khúc khải hoàn hỉ, không gian bắt đầu lác đác những bông tuyết ‘chiến tranh lạnh’. Rồi tuyết rơi dài, và những sợi lò xo ý thức hậu chiến bị dồn nén đó đây chỉ chực bùng lên...

Trong một giờ Địa Lý, sợi lò xo như thế đã bật ra. Sớm hay muộn, việc đó cần phải xảy ra, không phải với anh thì cũng với người như anh.

Khi kể cho các em học sinh lớp tám về khu vực Châu Âu của thế giới, Abutalip Kuttybaev vui miệng nhắc lại chuyện ngày trước, anh và các đồng chí của mình bị dẫn từ trại tập trung đến chân dãy Alpes ở miền Nam Bararia để khai thác đá, và họ đã khôn khéo tước vũ khí của bọn lính áp giải rồi trốn thoát, tìm đến với du kích Nam Tư. Anh đã đi qua nửa Châu Âu trong thời kỳ chiến tranh, từng ở bên bờ biển Adriatique và Địa Trung Hải, biết khá rõ phong cảnh tự nhiên và đời sống của nhân dân địa phương, những điều không thể miêu tả cặn kẽ trong sách giáo khoa. Thầy giáo cho rằng, kể như vậy tức là làm phong phú môn học bằng những quan sát sống động của người đã từng tai nghe mắt thấy.

Cây thước kẻ trong tay anh di động trên tấm bản đồ Châu Âu ba màu, xanh dương, xanh lá cây và nâu – treo trên bảng ; lần theo các vùng cao nguyên, đồng bằng, các dòng sông, thỉnh thoảng dừng lại ở những vùng mà ngày nay, đêm đêm anh vẫn nằm mơ thấy diễn ra từng trận đánh, từ mùa hè sang mùa đông. Và, có lẽ cây thước cũng đã chạm tới một điểm nhỏ lo ti khó phân biệt, nơi máu anh đã đổ, khi một khẩu tiểu liên của địch bất ngờ xả cả một tràng ở bên sườn, và anh lăn thong thả nhiều vòng trên một sườn dốc, máu nhuộm đỏ các bụi cỏ và đất đá – dòng máu đỏ thắm ấy có thể thấm đẫm tấm bản đồ Châu Âu này. Và trong giây lát anh tưởng như dòng máu đỏ thắm ấy đang loan trên bản đồ, mắt anh hoa lên, tối sầm lại, núi đồi

ngiên ngửa đổ ụp, còn anh thì thét gọi người bạn Ba Lan đã cùng chạy trốn trong mùa hè trước với anh khỏi công trường đá Bavaria: “Cứu mình với! Kazimir! Kazimir!”. Nhưng Kazimir không hề nghe thấy tiếng kêu của anh, bởi vì thực ra anh chẳng phát ra được một tiếng nào, và anh chỉ tỉnh lại ở bệnh viện của đội du kích sau khi được tiếp máu.

Abutalip Kuttybaev lấy làm ngạc nhiên rằng sau tất cả những gì đã trải qua, mình lại có thể nói một cách khô khan, xa lạ về những gì có liên quan tới môn địa lý phổ thông sơ đẳng.

Bỗng từ dãy bàn trên cùng, một cánh tay giơ lên ngắt lời anh:

– Thưa thầy, vậy là thầy đã bị địch bắt?

Một cặp mắt lạnh lùng nhìn thẳng vào mặt anh. Mặt chú bé hơi vênh lên, nó đứng nghiêm, và suốt đời Abutalip không hiểu sao cứ nhớ mãi cái hàm răng sít lại quái dị của nó – hàm răng dưới lại chìa ra, che gần hết hàm răng trên.

– Phải, nhưng sao kia?

– Tại sao thầy không tự sát?

– Tại sao lại phải tự giết mình? Lúc ấy thầy cũng đã bị thương nặng rồi.

– Tại vì không được phép để địch bắt làm tù binh, đã có lệnh như vậy!

– Lệnh của ai? – Của cấp trên.

– Nhờ đâu em biết như vậy? – Em biết hết. Chỗ em có những người từ Alma - Ata, từ trận Moskva về chơi. Nghĩa là thầy đã không thi hành mệnh lệnh của cấp trên, phải không?

– Thế cha em có ở ngoài mặt trận hay chưa? – Chưa, cha em lo việc gọi người ra trận.

– Nếu thế thì thầy khó giải thích với em. Thầy chỉ có thể nói, rằng lúc ấy thầy không có lối thoát nào khác – Dầu sao thầy vẫn phải thi hành mệnh lệnh chứ!

– Tại sao cậu lại bám lấy chuyện đó? – một học sinh khác đứng dậy. – Thầy giáo của chúng mình đã cùng chiến đấu bên cạnh những người di kích Nam Tư. Cậu còn đòi gì nữa? – Dầu sao thầy vẫn phải thi hành mệnh lệnh! – cậu kia khẳng khẳng cãi.

Thế là cả lớp nhao nhao lên, không khí im lặng như tờ liền bị phá vỡ: “Phải thi hành!”, “Không phải thi hành!”, “Thầy có thể!”, “Không thể!”, “Thầy đúng!”, “Không đúng!”... Thầy giáo đấm mạnh xuống bàn:

– Thôi ngay! Đang giờ Địa Lý kia mà! Tôi đã chiến đấu như thế nào và điều gì xảy ra với tôi, thì có người được biết và nơi cần biết. Còn bây giờ chúng ta hãy trở lại nghiên cứu bản đồ!

Và thế là lại không em nào trong lớp nhìn thấy cái điểm nhỏ li ti khó phân biệt trên bản đồ, nơi một loạt đạn tiểu liên bất ngờ lại xảy ra, còn người thầy giáo cầm thước kẻ đứng bên bảng đen thì chậm chạp lặn xuống sườn dốc, máu nhuộm đỏ cả tấm bản đồ Châu Âu ba màu, xanh dương, xanh lá cây và nâu...

Mấy ngày sau Abutalip bị gọi lên phòng giáo dục huyện. Tại đó, người ta không giải thích một lời, chỉ bảo anh làm đơn xin thôi việc theo nguyện vọng riêng của anh: một chiến sĩ đã bị địch bắt làm tù binh không có tư cách giáo dục thế hệ trẻ.

Abutalip Kuttybaev cùng vợ là Zaripa và cậu con trai đầu lòng Daul đành phải chuyển sang huyện khác, xa hẳn nơi cũ. Hai vợ chồng cùng dạy ở một trường làng. Tưởng như đã yên ổn, có chỗ ở hẳn hoi, Zaripa là một cô giáo trẻ giàu năng lực, được cử làm hiệu phó. Nhưng đúng lúc đó bùng ra sự kiện năm bốn mươi tám có liên quan đến Nam Tư, từ đó người ta nhìn Abutalip Kuttybaev không chỉ như một kẻ từng bị địch bắt làm tù binh, mà còn là một nhân vật đáng ngờ, vì đã ở Nam Tư mấy năm. Và mặc dù anh đã chứng minh, rằng anh chỉ cùng các đồng chí Nam Tư hoạt động du kích chống phát xít, song người ta không thêm chú ý đến điểm đó. Mọi người đều hiểu và thông cảm đôi chút với anh, nhưng không ai dám nhận trách nhiệm gì theo nghĩa bảo lãnh cho anh. Anh lại bị gọi lên phòng giáo dục huyện, và lại lặp lại cái vụ anh phải làm đơn xin thôi việc...

Thêm nhiều lần chuyển hết chỗ nọ sang chỗ kia, đến cuối năm năm mươi một, giữa mùa đông giá rét, gia đình Abutalip Kuttybaev tới ga Boranly - Bão Tuyết nằm giữa miền thảo nguyên cỏ gai hoang vu...

Mùa hè năm năm mươi hai trời nóng hơn hẳn mọi năm. Đất khô quắt lại, bị nung nóng đến độ cả những con thằn lằn ở vùng này cũng chẳng biết

rúc vào đâu; chúng không sợ người, cứ chạy thẳng vào cửa, miệng há rộng, cổ họng đưa lên đưa xuống giần giật – chỉ cốt sao tránh nắng. Bầy điều hâu phải bay tít lên cao tìm chỗ mát, cao đến nỗi không tài nào nhìn thấy chúng bằng mắt thường, thỉnh thoảng mới vắng nghe tiếng kêu thất thanh đơn độc của chúng, tiếp đó là sự vắng lặng khá lâu trên không trung đầy hơi nóng chập chờn.

Nhưng công tác vẫn là công tác, các chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông. Bao nhiêu chuyến tàu đã tránh nhau ở ga Boranly - Bão Tuyết, không có cái nóng nào có thể ảnh hưởng đến việc vận chuyển trên đường tàu quốc gia vĩ đại.

Và mọi việc vẫn diễn ra theo thứ tự của nó. Làm việc trên đường tàu phải đi bao tay, nếu không khó có thể sờ tay vào đá, nhất là vào sắt thép. Mặt trời cứ như lò lửa ở trên đầu, nước vẫn được chở bằng xitec đến như mọi khi, và lúc tới ga Boranly thì gần như thành nước sôi. Vai áo mặc vài ngày đã rách vì khô dòn, những đợt rét ghê gớm nhất vào mùa đông có lẽ còn dễ chịu hơn cái nóng khủng khiếp này. Đạo đó Edigej - Bão Tuyết đã cố động viên Abutalip:

– Không phải mùa hè nào ở đây cũng nóng thế này đâu. Năm nay thật quá lắm – Edigej biện bạch như thể chính mình có lỗi. – Độ mười lăm, hai chục ngày nữa là cùng, trời sẽ hết nóng, nóng thế này thì khổ thật. Mọi năm, ở đây cứ đến cuối hè là thời tiết thay đổi hẳn. Suốt mùa thu trời dịu mát, súc vật lên cân. Tôi cam đoan rằng năm nay cũng có dấu hiệu thời tiết sẽ chuyển biến như vậy. Anh cố chịu đựng ít hôm nữa, mùa thu sẽ đẹp.

– Nghĩa là anh bảo đảm chứ? – Abutalip cười thông cảm.

– Có thể nói gần như vậy.

– Cám ơn anh, bây giờ tôi như đang ngồi trong nhà tắm hơi. Nhưng tôi lo không phải cho bản thân mình, tôi với Zaripa chịu đựng được, đã từng chịu những cái ghê gớm hơn. Chỉ thương bọn trẻ, tôi không nỡ nhìn các cháu...

Bọn trẻ ở Boranly quả thực khổ sở, mệt mỏi, hốc hác vì nóng nực và khó thở mà chả biết giấu chúng vào đâu. Không một ngọn cây, không một dòng suối, là những thứ rất cần cho thế giới trẻ thơ. Mùa xuân, khi cỏ gai

hồi sinh và thảo nguyên xanh lại được ít lâu thì bọn trẻ sung sướng lắm. Chúng đá bóng, chơi trốn tìm, chạy ra thảo nguyên đuổi chuột. Nghe vắng vắng tiếng cười nói của chúng ngoài xa xa mà mát cả lòng.

Mùa hè huỷ hoại tất cả, những đứa trẻ hiếu động nhất cũng dờ dẩn vì cái nóng thiêu đốt. Bọn trẻ nấp vào bóng râm các tường nhà để tránh nắng, chỉ khi có chuyến tàu chạy qua chúng mới ló đầu ra. Trò chơi của chúng là đếm xem có bao nhiêu chuyến tàu chạy về hướng này, hướng kia, bao nhiêu toa hành khách, bao nhiêu toa chở hàng. Khi những chuyến tàu khách chạy chậm lại lúc qua ga, bọn trẻ tưởng tàu sẽ dừng lại, chúng bèn chạy ủa ra, dùng hai bàn tay nhỏ xíu che nắng, có lẽ chúng hy vọng ngây thơ rằng sẽ được rời khỏi cái lò lửa này, và thật đau lòng phải thấy cảnh các em ghen tị, buồn bã nhìn theo những toa tàu đang chạy xa dần. Hành khách trên tàu mở toang mọi cửa sổ, cửa ra vào, cũng muốn phát điên lên vì nóng bức, hôi hám và ruồi muỗi, nhưng dầu sao họ vẫn còn có niềm tin rằng chỉ một hai hôm nữa sẽ tới vùng có sông ngòi và rừng cây mát mẻ.

Mùa hè ấy, tất cả mọi người, mọi ông bố bà mẹ đều lo cho con cái, nhưng cái giá mà Abutalip phải trả cho nỗi lo ấy như thế nào thì, ngoài Zaripa ra, có lẽ chỉ một mình Edigej hiểu. Lần đầu tiên Edigej đã nói chuyện với Zaripa về điều đó, câu chuyện ấy cũng hé mở thêm đôi điều trong số phận của hai vợ chồng Abutalip.

Hôm đó họ làm cái việc bồi thêm đá sỏi cho nền đường, họ nhét sỏi đá vào bên dưới tà vẹt và đường ray để giữ chắc nền đường đang bị trôi lở dần vì độ rung. Phải làm việc ấy xen vào những lúc không có tàu chạy qua, một công việc rề rà và rất chóng mặt dưới trời nắng gắt. Gần trưa, Abutalip nhặt chiếc biđông rỗng và bảo anh đi lấy nước nóng ở xitêc đặt bên đường cụt, nhân tiện ngó xem bọn trẻ ra sao.

Anh bước trên các thanh tà vẹt rất nhanh, mặc dù nóng rát bàn chân. Anh vội đến chỗ các con, chứ đâu có để ý đến bản thân mình. Cái áo mayô cũ màu cháo lòng để lộ đôi vai gầy trơ xương, đầu đội mũ rơm, chiếc quần dài rộng thùng thình trên tấm thân gầy gò, dưới chân là đôi giày công nhân thùng không có dây buộc. Anh lết bết bước trên các thanh tà vẹt, chẳng để ý

đến bất cứ cái gì. Khi một đoàn tàu xuất hiện phía sau lưng, anh cũng chả buồn ngoảnh lại.

– Ê, Abutalip, xuống vệ đường đi chứ! Anh làm sao thế, điếc hả? – Edigej gọi to.

Nhưng Abutalip không nghe thấy. Mãi khi đầu máy kéo còi, anh mới lánh xuống vệ đường, song cũng chẳng thèm nhìn đoàn tàu băng qua bên cạnh. Và cũng không thấy người lái tàu giờ nắm đấm đe dọa.

Hồi ở ngoài mặt trận, rồi bị bắt làm tù binh, anh không bị bạc tóc. Dĩ nhiên, vì hồi ấy anh trẻ hơn – lúc ra trận mới mười chín tuổi, là thiếu úy – thế mà mùa hè này tóc anh đã lốm đốm sợi bạc, những sợi tóc bạc ở miền Sarozek. Hơn nữa tóc lại bạc không đều, cứ lấm tấm từng vệt, nhất là ở hai bên thái dương. Tóc anh vẫn dày và mềm. Dạo trước anh là một chàng trai khá đẹp, có dáng lăm. Trán rộng, mũi chim ưng, đầu hơi lộ, cái miệng cương nghị, đôi mắt hơi dài, tầm vóc cân đối. Zaripa thỉnh thoảng vẫn buồn bã nói đùa: “Anh Abu xui thật, lẽ ra phải sắm vai Othello trên sân khấu mới đúng”. Abutalip cười khẩy: “Khi đó anh sẽ bóp cổ em như một thằng ngốc, em muốn thế ư!”.

Phản ứng chậm chạp của Abutalip khi có chuyến tàu sau lưng đã khiến Edigej lo ngại thật sự. Anh bảo Zaripa, giọng như có ý trách móc:

– Chị nên nói với anh ấy đừng làm thế, thợ lái tàu sẽ không chịu trách nhiệm. Không được đi bộ trên đường tàu chạy, và vấn đề cũng chẳng phải ở đó. Liều lĩnh như vậy ích gì?

Zaripa thở dài nặng nề, lấy tay áo lau mồ hôi trên khuôn mặt đỏ gay và sạm nắng:

– Tôi sợ cho nhà tôi quá.

– Chị bảo sao?

– Tôi sợ, anh Edigej ạ. Chẳng giấu gì anh, nhà tôi vẫn tự hành hạ mình vì tôi và các con, tại cái hồi tôi lấy chồng, tôi đã không nghe lời khuyên của gia đình. Ông anh tôi bức quá, quát lớn: “Mày sẽ ân hận suốt đời, con ngốc! Mày không phải đi lấy chồng, mà đi hứng lấy tai hoạ, rồi con mày và cả cháu chắt của mày nữa cũng sẽ bất hạnh thôi. Còn thằng người yêu của mày nếu nó biết suy nghĩ, thì nó không được lấy vợ, mà phải thắt cổ tự tử mới

đúng. Đây là lối thoát hay nhất cho nó!”. Nhưng chúng tôi đã hành động theo ý mình. Hai đứa hy vọng, nếu chiến tranh đã kết thúc thì người ta còn thanh toán kẻ sống người chết làm gì nữa? Chúng tôi đưa nhau đi sống thật xa hai gia đình, gia đình tôi và gia đình anh ấy. Vậy mà lần cuối cùng ông anh tôi còn viết thư, anh thử tưởng tượng, anh tôi tuyên bố rằng đã cảnh cáo tôi từ trước, đã phản đối cuộc hôn nhân của chúng tôi. Ông ấy từ tôi và lại càng không có quan hệ gì với một phần tử đã từng ở mấy năm bên Nam Tư như Abutalip Kuttybaev. Sau đó, tai hoạ càng dồn dập. Chúng tôi chui vào đâu cũng bị hất hủi, xa lánh. Bây giờ chúng tôi trôi dạt tới đây là cùng đường rồi đó.

Zaripa ngừng lời, mím môi đẩy đá sỏi vào dưới tà vẹt. Phía trước lại xuất hiện một đoàn tàu. Hai người rời mặt đường, mang theo xẻng và dụng cụ khiêng đá.

Edigej cảm thấy cần phải giúp đỡ khi bạn mình đang lâm vào tình cảnh như vậy. Nhưng anh không thể thay đổi được điều gì, tai hoạ ấy nằm ngoài phạm vi vùng này.

– Chúng tôi đã sống ở đây nhiều năm, rồi hai anh chị cũng sẽ quen dần. Phải sống thôi – Edigej nhấn mạnh và nhìn Zaripa nghĩ thầm: “Ừ, kiếm miếng ăn ở đây khó thật. Mùa đông năm ngoái chị ấy đến đây, da dẻ trắng trẻo, bây giờ sạm đen như đất!”, Edigej tiếc cái sắc đẹp của Zaripa bị tàn lụi đi trông thấy. Mái tóc trước đẹp thế, nay thì cháy nắng. Đôi môi nứt nẻ, ứa máu. “Chị ấy khổ quá, vì chưa quen với cuộc sống gian nan này. Nhưng chị ấy cố chịu đựng, không lùi bước. Lùi đi đâu bây giờ, một nách hai đứa con. Cứng cỏi thật...!”.

Trong lúc ấy đoàn tàu sầm sầm lao qua, phả hơi nóng đang ngừng đọng ra tứ phía như một loạt đạn tiểu liên quạt sà sạt rất mật. Họ lại cầm dụng cụ leo lên mặt đường, tiếp tục làm việc.

Edigej thử tìm cách an ủi Zaripa:

– Chị Zaripa ạ, ở đây tất nhiên các cháu sẽ khổ, điều đó tôi không phủ nhận. Chính tôi khi nhìn hai đứa con tôi, tôi cũng xót xa trong lòng. Nhưng trời đâu cứ nóng ran mãi thế này, rồi sẽ mát. Hơn nữa, nghĩ cho cùng, thì hai anh chị ở đây không đơn độc, có bà con xung quanh, ít nhất thì còn có

chúng tôi. Chả lẽ cuộc đời đã vậy, mình cứ buồn bực thất vọng cho thêm khổ ư?

– Thì tôi cũng đã bảo nhà tôi như thế. Tôi vẫn cố gắng không để lỡ miệng nói một lời vô ý. Tôi hiểu anh ấy chứ!

– Chị làm thế là đúng, tôi định bụng khuyên chị từ lâu, hôm nay mới có dịp. Song chị biết rõ cả rồi, nhân tiện thì tôi nói thế thôi, xin chị bỏ quá cho.

– Tất nhiên nhiều lúc hết chịu nổi. Thương cái thân mình, thương nhà tôi, nhất là thương các cháu. Mặc dù anh ấy chẳng có lỗi gì, anh ấy vẫn cứ mặc cảm mình có lỗi là đã đưa vợ con tới đây. Và không thể thay đổi được gì hết. Khỏi phải nói, ở vùng quê chúng tôi là vùng Alatau nhiều núi đồi, sông suối, cuộc sống và khí hậu hoàn toàn khác. Giá mùa hè có thể gửi bọn trẻ về đấy, nhưng gửi cho ai? Bố mẹ tôi mất sớm, các anh chị em và bà con họ hàng thì... Cũng khó trách móc họ, họ đây với mình chả lợi lộc gì. Trước kia họ đã né tránh chúng tôi, bây giờ thì tuyệt giao. Họ rước con chúng tôi về làm gì? Vì thế vợ chồng tôi đau khổ, sợ cả đời sẽ phải lẩn quẩn ở đây, tuy chúng tôi không nói ra điều ấy, nhưng tôi thấy nhà tôi trần trở dữ lắm... Cái gì chờ đợi chúng tôi ở phía trước, chỉ có trời biết...

Hai người im lặng nặng nề, và sau đó không trở lại chuyện ấy nữa. Họ làm việc, rời mặt đường lúc có tàu chạy qua, rồi lại cặm cụi làm. Biết an ủi, giúp đỡ vợ chồng Abutalip trong cơn hoạn nạn bằng cách nào đây? Edigej trầm nghĩ: “Không thể đi ăn xin, dĩ nhiên. Hai vợ chồng họ còn làm việc được. Không ai ép buộc họ, nhưng thoát khỏi đây thì chưa thấy có cách nào. Cả mai kia một nợ”.

Edigej ngạc nhiên với chính mình: tại sao anh lại buồn bực và đau khổ về hoàn cảnh gia đình họ, tựa hồ chuyện của họ liên quan đến chính anh? Họ thân thích gì với anh? Anh có thể tự nhủ: đấy không phải là việc của anh, anh không đủ tài giải quyết. Vả anh là cái thá gì mà phán xét những chuyện không thuộc thẩm quyền của anh kia chứ? Những người lao động bình thường như anh thiếu gì trên đời; anh tức giận, anh phẫn nộ, anh tự vấn lương tâm về lẽ công bằng và bất công trong đời thì phỏng có ích gì? Hẳn là ở trên kia, nơi xuất phát mọi chuyện, người ta biết hàng nghìn lần hơn anh, người ta sáng suốt hơn anh ở xứ thảo nguyên hoang vu này. Việc

đâu của anh mà lo? Ấy thế nhưng anh không thể yên tâm. Và chẳng rõ tại sao, anh lo cho Zaripa nhiều hơn. Anh ngạc nhiên và khâm phục lòng chung thủy, sức chịu đựng và tinh thần dũng cảm của chị. Chị giống như con chim mẹ cố xòe cánh che tổ chống lại gió bão, người khác hẳn đã khóc lóc, thuận theo ý muốn của gia đình mà không lấy Abutalip. Còn Zaripa đã cùng chồng chịu đựng, trả giá cho cái quá khứ của chiến tranh. Và chính điều đó khiến Edigej lo hơn cả, bởi riêng anh không biết và không thể có cách gì bảo vệ các con của chị và chồng chị.... Sau này có những phút anh cay đắng nuối tiếc, rằng số phận đã đẩy gia đình Zaripa đến sống ở ga Boranly - Bão Tuyết. Tại sao anh lại xúc động như vậy? Giá anh không biết, không gặp chuyện đó, có phải là anh vẫn sống bình thản như trước không...

Chương 6

Buổi chiều trên Thái Bình Dương, ở phía nam quần đảo Aleut, sóng bắt đầu lớn dần. Gió đông nam nổi lên từ vùng đất thấp châu Mỹ, mạnh dần và mỗi lúc một định hướng rõ rệt. Nước bắt đầu rùng rùng chuyển động ngoài khơi thoáng đặng, nặng nề vật vã, tung bọt trắng xoá, dồn dập tạo nên hết lớp sóng này đến lớp sóng khác. Đó là dấu hiệu báo trước nếu không có bão thì biển cũng sẽ động lâu.

Đối với tàu sân bay ‘Convention’, thứ sóng này giữa đại dương không có gì nguy hiểm. Nếu là lần khác, hẳn nó không tính đến chuyện thay đổi tọa độ của mình. Nhưng vì nó sắp sửa nhận cho hạ cánh hai chiếc máy bay chở hai tiểu ban đặc biệt đi xin ý kiến cấp thượng đỉnh đang vội quay trở về đây, cho nên nó bèn quay mũi ngược hướng gió để giảm sức đập của sóng bên mạn tàu. Mọi việc diễn ra bình thường. Lúc đầu, chiếc máy bay từ San Francisco hạ cánh, tiếp đến, chiếc máy bay từ Vladivostok.

Hai tiểu ban quay trở lại với đầy đủ thành viên, tất cả đều dăm dăm, im lặng. Mười lăm phút sau họ đã ngồi quanh bàn bắt đầu phiên họp kín. Rồi năm phút sau đó, bức điện mật mã hoá tốc sau đây được truyền trên trạm quỹ đạo ‘Paritet’, để gửi tới Thiên Hà Chủ Nhân cho hai phi công vũ trụ song đôi 1 - 2 và 2 - 1:

“Gửi hai phi công vũ trụ - kiểm tra 1 - 2 và 2 - 1 ở trạm quỹ đạo ‘Paritet’. Hãy báo cho hai phi công vũ trụ song đôi 1 - 2 và 2 - 1 đang ở bên ngoài Thái Dương Hệ không được có bất cứ hành động gì. Họ phải ở tại chỗ, chờ chỉ thị đặc biệt của Trung tâm điều khiển”.

Sau đó, không bỏ lỡ một phút, hai tiểu ban có thẩm quyền đặc biệt bắt đầu trình bày các lập trường và đề nghị của mỗi bên về cách giải quyết cuộc khủng hoảng vũ trụ...

Tàu sân bay ‘Convention’ đậu ngược gió giữa các lớp sóng đuổi nhau bất tận trên Thái Bình Dương. Không một ai trên thế giới biết rằng, lúc ấy

trên boong tàu, số phận của cả hành tinh đang được quyết định...

* * *

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông – miền Zarozeq và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Ở vùng này mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich.

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

* * *

Còn hai giờ đi đường nữa thì đến nghĩa địa Ana - Bejit. Đám tang vẫn di chuyển trên thảo nguyên cỏ gai, Edigej - Bão Tuyết cười lạc đà đi trước dẫn đường. Con Karanar vẫn sải từng bước dài không chút mỏi mệt, tiếp đến chiếc máy kéo có rờ mooc đặt thi hài Kazangap và kiên nhẫn ngồi bên cạnh là chồng của Ajzada, sau cùng là chiếc máy xúc ‘Belarus’. Con chó hung Zhol - bars ngực nở vẫn nghiêm túc và tự tin chạy bên hông, khi vọt lên trước, lúc lùi xuống phía sau, khi dừng lại đôi chút vì một lý do hệ trọng nào đó.

Mặt trời lên gần đỉnh đầu, toả ánh nắng gay gắt. Ba phần tư quãng đường đã lùi lại phía sau, vậy mà thảo nguyên cứ mỗi lúc lại trải rộng trước mắt những khoảng đất trống mới, chạy tuốt đến tận chân trời, đồng cỏ mênh mông bát ngát.

Đã có thời kỳ đất này bị bọn Choang Choang đến xâm lấn và chiếm cứ. Từng sống ở miền này còn có các bộ tộc du mục khác, và họ thường gây chiến tranh với nhau để giành giật các bãi chăn, các giếng nước. Khi bộ tộc này chiến thắng, khi thì bộ tộc khác. Nhưng cả bộ tộc chiến thắng lẫn bộ tộc thất bại đều ở lại vùng cũ, có điều là phạm vi lãnh thổ hoặc bị thu hẹp, hoặc được mở rộng hơn. Elizarov bảo rằng miền thảo nguyên cỏ gai với tư cách là không gian sinh sống, xứng đáng được tranh giành như thế. Thời xưa,

vào mùa xuân và mùa thu, miền này có nhiều mưa hơn bây giờ. Cỏ thừa đủ cho những đàn súc vật lớn và nhỏ, thời đó có nhiều thương nhân đã qua đây buôn bán. Nhưng sau đó hình như khí hậu thay đổi đột ngột – mưa ngừng rơi, các giếng nước cạn khô, cỏ tươi lụi dần. Thế là các bộ tộc, bộ lạc lần lượt bỏ đi nơi khác. Bọn Choang Choang cũng chuồn hẳn. Chúng kéo tới miền Edil, là tên gọi vùng Volga ngày ấy, rồi mất hút ở đó. Không ai biết chúng từ đâu tới, và cũng không ai biết chúng biến đi đâu. Nghe đâu chúng đã gặp hiểm họa khi tụ tập nhau vượt sông Volga¹¹, mặt sông đóng băng đột nhiên vỡ toác ra và tất cả bọn chúng cùng đàn súc vật đều chìm ngấm...

Những người gốc Sarozek – dân tộc Nomad Kazak – từ thời xưa không hề rời bỏ quê hương mình, họ vẫn trụ lại ở những chỗ có thể đào giếng mới để lấy nước. Nhưng thời kỳ sôi nổi nhất đối với miền Sarozek trùng với những năm sau chiến tranh. Những chiếc ô tô chở nước đã xuất hiện, mỗi chiếc xe như thế, nếu người lái thông thuộc địa hình, có thể phục vụ ba bốn bãi chăn theo mùa. Các đơn vị thuê bãi chăn súc vật ở miền này – các nông trang và nông trường thuộc tỉnh bạn – đã tính chuyện xây dựng những cơ sở thường trực ở đây để chăn nuôi theo mùa. Họ đo đạc, ước tính xem nên xây dựng những gì và tốn kém bao nhiêu. Và rất may là họ không vội vã. Quanh nghĩa địa Ana - Bejit đã xuất hiện một cách lặng lẽ, khó nhận ra, một thành phố không tên – tạm gọi là ‘Hộp Thư’. Người ta quen nói là tôi đi Hộp Thư, tôi đã ghé qua Hộp Thư... ‘Hộp Thư’ lớn dần, các công trình mọc lên và người lạ không được phép vào. Một con đường trải nhựa nối một đầu thành phố với sân bay vũ trụ, đầu kia với ga xe lửa. Vùng Sarozek bắt đầu có dân cư công nghiệp từ đấy. Ở phía kia, toàn bộ quá khứ chỉ còn lại nghĩa địa Ana - Bejit nằm trên hai cái gò song sinh nối tiếp nhau, như hai cái bướu lạc đà – gò Egis và gò Tiube – nơi mai táng danh dự nhất miền Sarozek này. Ngày xưa, đôi khi dân cư các vùng xa cũng đưa thi hài người thân đến chôn cất tại đây. Ở xa đến, họ phải ngủ qua đêm dọc đường, giữa thảo nguyên. Nhưng họ có quyền tự hào đã dành cho cha ông mình một vinh dự đặc biệt, nơi đây chôn cất những người đáng kính và nổi tiếng nhất trong nhân dân,

những người sống lâu, biết rộng, tên tuổi rạng rỡ nhờ lời nói và việc làm. Elizarov là người biết mọi chuyện, đã gọi nơi này là đền Pantheon Sarozek.

Đám tang lạ lùng do lạc đà, máy kéo và có con chó hung hộ tống, đi từ ga xe lửa Boranly - Bão Tuyết, hôm nay cũng đang nhắm hướng Ana - Bejit tiến tới.

Nghĩa địa Ana - Bejit có lịch sử của nó. Truyền thuyết kể rằng bọn rợ Choang Choang chiếm cứ miền Sarozek ngày xưa đã đối xử vô cùng dã man với tù binh. Nếu chúng bán họ làm nô lệ cho miền khác, thì trường hợp đó được coi là kết cục may mắn cho người bị bắt, vì sớm hay muộn người bị bán làm nô lệ cũng có thể trốn về quê cũ. Số phận khủng khiếp chờ đợi những ai bị bọn Choang Choang giữ lại làm nô lệ cho chúng. Chúng thủ tiêu trí nhớ của người nô lệ bằng một cực hình là chụp da lạc đà lên đầu nạn nhân. Thông thường số phận này rơi vào những chàng trai bị bắt trong lúc chiến đấu. Thoạt nhiên chúng cạo trọc đầu họ, gọt nhẵn thín đến chân từng sợi tóc. Tiếp đó, những tên đồ tể giàu kinh nghiệm cắt tiết một con lạc đà khoẻ mạnh, chúng lột lấy bộ da. Trước hết, lấy chỗ da cổ dày và dai nhất, cắt thành từng khoanh và chụp ngay khoanh da còn nóng hôi hổi ấy lên cái đầu cạo trọc của người bị bắt, trên đó đã bôi sẵn một lớp hồ bám dính ngay tức khắc. Trông y hệt một chiếc mũ bơi hiện đại. Thủ tục ấy gọi là chụp da đầu. Người nào trải qua thủ tục đó thì hoặc sẽ hấp hối vì không chịu nổi cực hình, hoặc sẽ suốt đời mất trí nhớ, biến thành *mankur* – một nô lệ không nhớ gì đến quá khứ của mình nữa. Khoảnh da cổ của một con lạc đà đủ để bịt lên năm, sáu cái đầu người. Sau khi chụp da đầu, mỗi tù binh sẽ bị tròng vào cổ một cái gông bằng gỗ để họ không thể chạm đầu xuống đất. Tiếp đó họ bị điệu ra xa chỗ có người ở, để những tiếng kêu xé ruột của họ không văng đến tai mọi người. Họ bị quăng ngoài đồng trống, ngay dưới trời nắng, chân tay bị trói chặt, không được ăn uống gì hết. Cực hình ấy hành hạ họ mấy ngày đêm liền. Bọn Choang Choang bố trí lực lượng canh gác ở một số chỗ để phòng trường hợp những người cùng bộ lạc với đám tù binh tìm cách cứu họ thoát chết. Đề phòng thế thôi, chứ rất hiếm khi có khả năng giải thoát tù binh, bởi vì giữa đồng cỏ trống trải, mọi sự đi lại đều lộ trước mắt. Và nếu sau đó có biết tin rằng ai đã bị bọn Choang Choang biến

thành *mankur*, thì ngay những người thân thiết nhất cũng không muốn cứu thoát hoặc chuộc lại anh ta nữa, bởi vì bấy giờ anh ta chỉ là một thứ hình nộm khoác lột người. Chỉ riêng có một bà mẹ người Najman, tương truyền tên là Ana - Najman, quyết không chấp nhận số phận nói trên của đứa con trai. Truyền thuyết vùng Sarozek có kể lại chuyện này. Và từ đó nghĩa địa mang tên Ana - Bejit, nghĩa là Lòng Mẹ.

Những người bị ném ra giữa đồng chịu cực hình phần lớn sẽ chết năng. Trong số năm, sáu *mankur*, chỉ một, hai còn sống sót. Họ chết gục không phải vì đói và thậm chí không phải vì nóng, mà vì những cơn đau ghê gớm, khủng khiếp do khoanh da lạc đà chụp lên đầu khô dần và co ép lại. Dưới ánh nắng thiêu đốt, khoanh da ấy cứ tàn nhẫn co vào, thít chặt cái đầu trọc của người nô lệ như một chiếc đai sắt. Bước sang ngày thứ hai, những sợi tóc bị cạo của nạn nhân đã bắt đầu mọc. Những sợi tóc cứng và thẳng của dân châu Á đôi khi xuyên qua lớp da lạc đà bịt ngoài, còn phần lớn không tìm được lối thoát, bèn cong lại và chui ngược vào da đầu, gây thêm đau đớn. Hình phạt cuối cùng đi liền với tình trạng mất lý trí. Mãi sang ngày thứ năm, bọn Choang Choang mới tới xem có tù binh nào sống sót. Nếu chúng thấy dù chỉ một người trong số nạn nhân sống sót thì chúng coi đã đạt mục đích. Chúng cho người ấy uống nước, cởi trói và hồi phục dần dần sức lực cho anh ta. Anh ta đã trở thành một gã nô lệ - *mankur* – mất hết trí nhớ và do đó rất có giá trị, giá trị bằng mười nô lệ khoẻ mạnh. Thậm chí có cái lệ như sau: trong các cuộc chém giết giữa các bộ lạc, nếu giết chết một gã nô lệ - *mankur*, thì phải bồi thường gấp ba so với khi giết một người của bộ lạc.

Gã *mankur* không biết mình là ai, thuộc bộ lạc nào, không biết tên mình là gì, không nhớ thời niên thiếu, không nhớ cha mẹ – tóm lại, gã *mankur* không nhận thức được rằng mình là một con người. Bị mất ý thức ‘cái tôi’, gã *mankur* có một loạt ưu điểm về phương diện kinh tế. Y là một thứ lao động không biết nói và do vậy tuyệt đối phục tùng chủ, tuyệt đối không nguy hiểm. Y không bao giờ nghĩ đến chuyện bỏ trốn. Đối với chủ nô, điều đáng sợ hơn cả là sự nổi loạn của nô lệ. Mỗi người nô lệ là một người nổi loạn tiềm ẩn. *Mankur* là ngoại lệ duy nhất – y hoàn toàn xa lạ với

các dự phóng nổi loạn hoặc bất phục tùng, y không biết đến ước vọng đó. Bởi vậy khỏi cần canh giữ y, càng không ngại gì những ý định thầm kín của y. Giống như loài chó, gã *mankur* chỉ công nhận chủ của mình, y không giao tiếp với những người khác. Mọi ý nghĩ của y chỉ tụ trung ở việc làm sao no bụng, y không hề lo những cái khác. Song đã giao việc gì y đều làm đến nơi đến chốn, làm một cách mù quáng, cần mẫn. *Mankur* thường bị giao làm những việc bẩn thỉu nhất, vất vả nhất, hoặc tẻ nhạt, buồn chán nhất, những việc đòi hỏi sự kiên nhẫn tốt độ. Chỉ *mankur* mới có thể chịu đựng một mình cảnh hoang vắng rợn người giữa đồng cỏ, không rời bầy lạc đà mà y chăn thả một bước. Ở bãi chăn xa, một gã *mankur* có thể thay thế bằng mấy chục người. Mà chỉ cần cấp thức ăn cho gã, gã sẽ làm việc liên tục suốt mùa đông sang mùa hè, không một lời phàn nàn kêu ca. Đối với gã, lệnh của chủ là trên hết. Còn bản thân gã, ngoài thức ăn và manh áo che thân cho khỏi chết cóng giữa thảo nguyên, gã không đòi hỏi thứ gì hết...

Chặt đầu tù binh hoặc hành hạ sao đó để họ kinh sợ còn dễ hơn cái việc làm cho con người mất hẳn trí nhớ, không còn trí tuệ, nhổ bật tận gốc những gì đồng hành với con người cho đến hơi thở cuối cùng, những gì là vốn liếng duy nhất người ấy mang theo xuống mồ mà không ai hay biết. Bọn Choang Choang du mục cũng đã hiểu được bản chất thầm kín ấy của con người, khi chúng tìm tòi thứ hình phạt dã man nhất từ trong lịch sử đen tối của chúng. Chúng đã tìm ra cách cướp đi của người nô lệ trí nhớ sống động của họ, qua đó gây tổn thất nặng nề nhất, trong số mọi tổn thất mà người ta có thể và không thể nghĩ ra, cho bản tính con người. Không phải ngẫu nhiên mà khi than khóc đứa con trai bị biến thành *mankur*, bà Ana - Najman đã thốt lên trong cơn đau khổ tuyệt vọng:

“Khi chúng huỷ hoại trí nhớ của con, khi chúng siết chặt đầu con, con yêu của mẹ, như dùng kìm sắt bóp vỡ hạt dẻ, để cho khoanh da lạc đà quắt lại thít quanh đầu con, khi cái đai sắt vô hình siết chặt đầu con tới mức đôi mắt con lòi ra ngoài tròng, khi trên đồng lửa không có khói giữa đồng, con bị cơn khát cháy họng hành hạ mà không có một giọt nước trên trời rơi xuống thấm môi con, liệu con có thấy vầng thái dương vẫn ban tặng sức

sống cho mọi người kia trở nên đáng căm ghét nhất, là thiên thể đen tối nhất trong số mọi thiên thể trên thế gian này chăng?

Khi con bị cơn đau sâu xé, tiếng kêu thét vang vọng giữa đồng không mông quạnh, khi con quần quai lạc giọng ngày đêm kêu trời, khi con uống công chờ trời kia cứu giúp, khi thể xác quần quai đau đớn nhầy nhụa những phân và nước tiểu vãi ra trong cơn co giật, khi con lịm dần giữa mùi hôi thối, mất cả lý trí, bị ruồi nhặng ăn thịt, liệu con có gắng chút sức tàn mà nguyên rửa thượng đế đã tạo ra hết thảy chúng sinh trong cái thế gian bị chính người ruồng bỏ hay không?

Khi bóng tối bao phủ cái lý trí đã bị cực hình tước bỏ vĩnh viễn, khi trí nhớ của con bị bạo lực huỷ hoại đã mất hết sợi dây liên hệ với quá khứ, khi trong cơn giãy giụa điên cuồng con đã quên đi ánh mắt người mẹ, tiếng suối róc rách dưới chân núi, nơi con vẫn chơi đùa vào những ngày hè, khi con quên biến tên mình và tên cha mình, khi khuôn mặt những người mà con từng lớn lên bên họ đã mờ đi và tên cô gái đáng yêu từng mỉm cười bên lễn với con cũng bị quên biến, liệu con, trong lúc rơi xuống vực thăm quên lãng, con có nguyên rửa người mẹ của mình bằng những lời đáng sợ nhất vì người ấy đã thai nghén con trong bụng và sinh ra con để con phải chịu cảnh này?”...

Câu chuyện trên thuộc về thời kỳ bọn Choang Choang sau khi bị xua đuổi khỏi ranh giới phía Nam của châu Á du mục, đã tràn lên phương Bắc. Và khi đã chiếm cứ lâu dài miền Sarozek, chúng tiến hành những cuộc chiến tranh liên miên nhằm mở rộng đất đai và bắt thêm nô lệ. Thời gian đầu, nhờ lối tấn công bất ngờ vào những vùng kế cận, chúng đã bắt được nhiều người, trong đó có cả phụ nữ và trẻ em. Chúng biến họ thành nô lệ. Nhưng sự chống trả bọn xâm lấn ngày càng lớn dần, những cuộc đụng độ ác liệt lần lượt nổ ra. Bọn Choang Choang không định rời bỏ Sarozek, mà ngược lại, chúng cố bám trụ tại miền đồng cỏ bao la rất thuận lợi cho việc chăn nuôi này. Các bộ lạc địa phương không cam chịu cảnh mất mát và họ coi việc đánh đuổi bọn xâm lược, dù sớm hay muộn, là quyền hạn và nghĩa

vụ của mình. Những trận đánh lớn và nhỏ đạt thắng lợi mỗi lần một giong già hơn. Tuy nhiên, giữa các cuộc chiến ấy cũng có những ngày thanh bình.

Vào một trong những ngày thanh bình ấy, những nhà buôn chở hàng tới vùng đất của bộ tộc Najman. Trong lúc ngồi uống trà có kể chuyện, rằng họ đã vượt miền Sarozek mà không gặp trở ngại đáng kể nào từ phía bọn Choang Choang. Giữa thảo nguyên họ gặp một chàng trẻ tuổi chặn một đàn lạc đà lớn, họ muốn nói chuyện với anh ta, nhưng hoá ra anh ta là *mankur*. Nhìn bề ngoài khoẻ mạnh, không ai ngờ anh ta lại từng bị cực hình như thế. Có lẽ trước đây anh ta cũng mau mồm mau miệng và sáng dạ cũng chẳng thua kém ai. Anh ta còn trẻ lắm, râu mới lún phún, mặt mũi trông dễ coi, thế nhưng về khoản nói năng thì lại ngượng nghịu như thể mới sinh ra đời ngày hôm qua. Anh ta chẳng nhớ, chẳng biết tên mình, tên cha, tên mẹ là gì, không hiểu bọn Choang Choang đã làm gì mình, gốc gác quê hương ở đâu cũng chẳng biết nốt. Hỏi gì cũng câm lặng, chỉ trả lời hai tiếng “có”, “không”, tay lúc nào cũng khư khư giữ rịt cái mũ đội chặt trên đầu. Tuy cười sự tật nguyền của người khác là có tội, nhưng mọi người không nhin được. Khi kể đến đây, họ cười cái việc thì ra, có những gã *mankur* bị da lạc đà mọc ăn vào cả da đầu. Đối với một gã *mankur* như thế, không cực hình nào khủng khiếp bằng việc dọa lột mũ của gã. Gã sẽ lồng lên như ngựa bất kham, quyết không cho ai chạm tới đầu gã. Những gã bị như vậy không bao giờ bỏ mũ ra, ngay cả khi nằm ngủ... Tuy nhiên – các vị khách kể tiếp, – tuy ngớ ngẩn thật đấy, nhưng gã *mankur* ấy, làm việc rất chu đáo – gã chăm chăm giữ đàn lạc đà suốt thời gian đoàn nhà buôn chưa đi xa. Một nhà buôn lúc chia tay có thử trêu gã *mankur*:

– Đường chúng tôi đi còn dài lắm. Cậu có muốn chuyển lời thăm hỏi tới ai, cho cô gái ở phương nào hay không? Cậu cứ nói, đừng ngại. Cậu nghe rõ chứ? Có lẽ cậu muốn chuyển một chiếc khăn tặng ai chẳng?

Gã *mankur* im lặng hồi lâu nhìn nhà buôn kia, đoạn thốt ra:

– Hằng đêm tôi nhìn mặt trăng, và nó nhìn tôi. Nhưng đôi bên không nghe thấy tiếng của nhau... Trên ấy có người ngồi chơi...

Trong số người nghe câu chuyện của tốp nhà buôn, có một phụ nữ luôn tay rót trà mời khách. Đấy là bà Ana - Najman, bà đã đi vào truyền thuyết

vùng Sarozek dưới cái tên đó.

Ana - Najman không biểu lộ thái độ trước mặt khách, chẳng ai nhận thấy cái tin ấy đột nhiên khiến sắc mặt bà thay đổi hẳn đi như thế nào. Bà rất muốn hỏi kỹ các nhà buôn về gã *mankur* trẻ tuổi nọ, nhưng bà kinh sợ chính điểm đó – bà sợ biết nhiều hơn những gì họ kể. Và bà đã im lặng, nén chặt trong lòng nỗi lo canh cánh đang muốn trỗi dậy... Lúc ấy câu chuyện chuyển sang đề tài khác, chẳng ai còn lưu tâm đến gã *mankur* bất hạnh – thiếu gì chuyện lạ trên cõi đời này. Riêng bà Ana - Najman, cố khắc phục cơn sợ hãi đang xâm chiếm lòng bà, cố giữ cho tay khỏi run lẩy bẩy, tựa hồ bà phải dẫn lòng bóp chết con chim bị thương đang muốn cất tiếng kêu thảm thiết, bà kéo sụp chiếc khăn tang màu đen xuống che bớt mặt – chiếc khăn bà chít từ lâu trên mái tóc chớm bạc của mình.

Hôm sau đoàn thương khách lên đường đi tiếp. Trong cái đêm thao thức ấy, Ana - Najman hiểu rằng sẽ không bao giờ yên lòng khi chưa tìm được giữa thảo nguyên gã *mankur* nọ và chưa quả quyết rằng đó không phải là con trai bà. Cái ý nghĩ nặng nề, đáng sợ ấy lại làm nổi dậy trong trái tim người mẹ nỗi nghi ngờ vẫn lẫn khuất lâu nay trong linh cảm lờ mờ về việc con trai bà đã chết trận... Và dĩ nhiên, thà phải chôn nó hai lần còn đỡ khổ hơn là cứ luôn luôn trăn trở, kinh sợ, nghi ngờ như thế này.

Con trai bà đã bị giết trong một trận chiến đấu với bọn Choang Choang ở phía Sarozek. Chồng bà hy sinh trước đó một năm, ông là một người nổi tiếng oanh liệt của bộ tộc Najman. Sau đó, con trai bà lần đầu ra trận để trả thù cho cha. Đã có lệ không được bỏ xác đồng đội ngoài bãi chiến trường, các chiến hữu phải mang xác con bà về, nhưng hoá ra họ không thể làm nổi việc đó. Trong trận đánh ác liệt đó, nhiều người nhìn thấy lúc xông tới sát kẻ thù, con trai bà đã ngã sấp xuống bờm ngựa và con ngựa hoảng hốt trước âm thanh trận đánh, đã phóng vọt đi. Lúc ấy, con bà rớt khỏi yên, nhưng một chân còn vướng chặt vào bàn đạp nên cứ treo lơ lửng bên hông ngựa, còn con ngựa thấy vậy càng kinh hoảng thêm, đã mang theo thi thể của chủ phóng như điên ra thảo nguyên. Tai hại thay, nó lại lao về phía căn cứ của kẻ thù. Mặc dù trận đánh xáp lá cà đang lúc hăng máu nhất, mọi người đều phải chiến đấu, song hai chiến sĩ đã phải tách ra đuổi theo cho kịp con ngựa

để lấy thi hài đồng đội về. Tuy nhiên, có một tốp địch mai phục dưới một cái khe đã phả mấy tên Choang Choang phi ngựa chặn đường. Một trong hai chiến sĩ Najman bị giết bằng cung tên ngay trên mình ngựa, còn người thứ hai bị thương nặng, phải quay ngựa trở lại và vừa về kịp với đồng đội thì ngã lăn xuống đất bất tỉnh. Trường hợp ấy đã giúp đội quân Najman phát hiện kịp thời bọn Choang Choang mai phục dưới khe để đánh vào sườn họ vào giờ phút quyết định nhất. Đội quân Najman vội rút lui để tổ chức lại lực lượng rồi tiếp tục xông lên. Và dĩ nhiên không một ai còn bụng dạ nào để ý đến chuyện gì xảy ra với người chiến binh trẻ, con trai bà Ana - Najman... Anh chiến sĩ bị thương, người đã kịp phóng về với đồng đội, sau đó kể rằng họ đuổi theo con ngựa được một quãng thì mất hút, không rõ nó chạy theo hướng nào...

Suốt mấy ngày liền đội quân Najman đã đi tìm xác con bà. Nhưng họ không thể phát hiện cả anh chiến sĩ tử trận lẫn con ngựa, cả vũ khí của anh lẫn bất kỳ dấu tích nào khác. Không một ai nghi ngờ việc anh đã chết. Dù chỉ bị thương, thì sau mấy ngày vừa rồi anh cũng sẽ chết giữa thảo nguyên vì khát và vì mất máu. Mọi người khóc than một hồi, cầu nguyện cho người chiến binh trẻ bị chết mất xác ngoài thảo nguyên hoang vắng. Thật là vết nhục cho hết thảy mọi người, chị em phụ nữ ở khu lều trại của bà Ana - Najman vừa khóc vừa trách móc chồng con và anh em mình: “Quạ sẽ rửa xác cậu ấy, chó sói sẽ xâu xé thi hài cậu ấy thành nhiều mảnh. Để xảy ra chuyện đó mà các người còn vỗ ngực ta là đàn ông nữa ư!”...

Từ đó bắt đầu những ngày dài lê thê đối với bà Ana - Najman. Bà hiểu rằng trong chiến trận phải có người ngã xuống, nhưng cứ nghĩ đến con trai bà bị chết mất xác ngoài thảo nguyên, không được chôn cất tử tế, bà lại đau đớn khôn nguôi. Những ý nghĩ nặng nề, triền miên hành hạ bà. Bà chẳng biết thổ lộ với ai cho vơi nỗi đau khổ, cũng chẳng có ai để than vãn, ngoài chính ông trời...

Để ngăn mình nghĩ đến chuyện đó, bà phải chính mắt nhìn thấy con trai bà đã chết. Lúc ấy thì còn ai tranh cãi với số phận được nữa? Điều khiến bà phân vân nhất là con ngựa của con trai bà đã biến mất hút. Ngựa không bị thương, ngựa chỉ kinh sợ bỏ chạy. Như mọi con, ngựa có đàn, sớm muộn gì

nó cũng phải trở về chốn cũ, đem theo người chủ bị mắc chân ở bàn đạp. Và khi đó, dù đáng sợ đến mấy chẳng nữa, bà cũng sẽ thét lên, gục đầu rên rỉ trên thi thể còn sót lại của đứa con. Bà sẽ cào cấu mặt mũi mình, sỉ vả bản thân sao cho ông trời trên kia cũng phải xấu hổ, nếu ông ta hiểu nổi những lời bóng gió. Nhưng rồi lòng bà sẽ thanh thản và bà sẽ chuẩn bị tiếp nhận cái chết của chính bà với lý trí lạnh lùng, bà chờ nó đến bất cứ giờ nào, không cần bám lấy cuộc sống trần thế dù trong ý nghĩ. Nhưng xác con bà không hề tìm thấy, và con ngựa cũng chẳng trở về. Nỗi ngờ vực cứ hành hạ bà mẹ, mặc dù bà con xung quanh đã bắt đầu quên dần chuyện nọ, bởi lẽ mọi mất mát đều phai pha và bị quên lãng với thời gian... Chỉ riêng bà mẹ là không thể yên lòng và lãng quên. Các ý nghĩ của bà cứ xoay quanh một chuyện ấy. Con ngựa nó ra sao, yên cương và vũ khí đâu, căn cứ vào mấy điều ấy có thể gián tiếp xác định điều gì đã xảy ra với con trai bà. Bởi vì có thể bọn Choang Choang bắt được con ngựa đầu đó ngoài thảo nguyên khi nó đã kiệt sức, thêm một con ngựa với đủ bộ yên cương cũng là một chiến lợi phẩm. Nếu vậy, bọn địch sẽ xử con trai bà bị kéo lê theo bàn đạp như thế nào? Chúng sẽ chôn hay vứt cho quạ rỉa, sói tha? Còn nếu nó sống, nó còn sống nhờ một phép màu nào đó? Chúng sẽ đánh con bà đến chết và bằng cách ấy chấm dứt mọi nỗi đau đớn của nó hay là chúng ném nó ra đồng cỏ, hay là...? ... Lỡ chúng...?

Sự nghi ngờ triền miên không dứt. Khi các thương khách vui miệng kể chuyện về gã *mankur* trẻ tuổi mà họ gặp ngoài thảo nguyên, họ đâu ngờ đã khoét sâu vào trái tim đau thương của bà Ana - Najman. Lòng bà tê tái vì một linh cảm bất thường, và cái ý nghĩ rằng gã *mankur* ấy rất có thể là đứa con mất tích cứ mỗi lúc một choán thêm tâm trí bà. Người mẹ hiểu rằng mình không tài nào yên tâm khi chưa tìm ra, nhìn thấy gã *mankur* nọ và tin rằng gã không phải là con trai mình.

Ở vùng chân núi, nửa là đồng cỏ này, nơi bộ tộc Najman đóng trại mùa hè, có mấy dòng suối chảy qua. Suốt đêm bà Ana - Najman lắng nghe tiếng suối chảy róc rách, cái tiếng nước suối róc rách, ít hoà điệu với tâm trạng bồn chồn của bà ấy, nói gì với bà? Bà muốn yên lòng. Bà muốn nghe cho đã tiếng nước chảy mạnh, trước khi lên đường ra thảo nguyên Sarozek hoang

vu. Bà mẹ biết rằng lặn lội một mình ra đó là liều lĩnh và nguy hiểm, nhưng bà không muốn nói cho ai biết dự định của mình. Sẽ chẳng ai hiểu nổi, ngay những người gần gũi nhất cũng sẽ không tán thành dự định của bà. Sao lại đi tìm một đứa con đã bị giết từ lâu? Và nếu như do một sự tình cờ nào đó nó còn sống và bị biến thành *mankur*, thì việc tìm kiếm nó, tan nát cõi lòng vì nó lại càng là điều vô nghĩa, vô ích. Bởi lẽ *mankur* chỉ là cái vỏ ngoài, cái lột của con người trước đó mà thôi...

Đêm ấy, trước khi lên đường, bà mẹ ra khỏi khu lều trại mấy lần. Bà căng mắt, lắng tai, cố tập trung tư tưởng để suy nghĩ. Vầng trăng khuya lơ lửng trên bầu trời không một gợn mây, toả ánh sáng trắng đều nhàn nhạt màu sữa. Vô số căn lều trắng nằm rải rác dưới chân đồi, trông như một đàn chim lớn đậu lại, ngủ đêm ở đây, trên bờ mấy dòng suối rì rào. Cạnh khu lều trại, ở các dãy chuồng cừu và xa hơn. Trên bãi cỏ, nơi đàn ngựa đang nhẩn nha gặm cỏ, văng vẳng tiếng chó sủa và giọng nói lao xao của nhiều người. Nhưng gây xúc động hơn cả đối với bà Ana - Najman là tiếng hát của các cô gái cạnh dãy chuồng cừu gần đó, chính bà có thời đã hát những bài ca ban đêm như vậy... Từ hồi bà về đây làm dâu, mùa hè nào, bộ tộc bà cũng đến đây đóng trại ở vùng này. Cả cuộc đời bà đã trôi qua ở đây: từ thời gia đình bà còn đông vui, đã dựng ở đây một lúc bốn căn lều, một làm bếp, một làm phòng khách và hai làm buồng ngủ – và sau đó, khi bị bọn Choang Choang tấn công, bà chỉ còn độc một mình...

Giờ đây bà vừa rời khỏi căn lều cô đơn của mình, bà đã chuẩn bị lên đường từ lúc tối. Bà mang theo thức ăn và nước uống, cố đem nhiều nước. Bà đựng nước trong hai chiếc bao da, phòng trường hợp chưa tìm ra giếng nước giữa thảo nguyên...

Từ tối qua, con lạc đà cái Akmai đã được buộc gần căn lều. Nó là niềm hy vọng, là bạn đường của bà. Liệu bà có dám lần ra giữa thảo nguyên hoang vắng, nếu không trông cậy ở sức lực và bước đi nhanh nhẹn của con Akmai! Năm nay con Akmai đang giai đoạn nghỉ sau hai lần đẻ và đang sung sức cho các cuộc đi dài. Hơi gầy, hai cặp chân dài và chắc, đệm chân nảy nảy, chưa bị chai cứng vì tuổi già hoặc vì phải chở nặng quá sức. Với hai cái bướu vững chãi, cái đầu cân đối trên cái cổ gân guốc đẹp đẽ, hai lỗ

mũi thanh thanh, linh động như hai cánh bướm, hít đầy không khí trong lúc chạy, con Akmai có giá trị lớn bằng cả một đàn. Người ta sẵn sàng đánh đổi hàng chục lạc đà con để lấy con lạc đà cái đi giới, bước nhanh này làm giống. Đây là của báu cuối cùng, giá trị như vàng trong tay bà Ana - Najman, là ký ức cuối cùng về sự giàu có trước đây của bà. Mọi thứ khác đều đã đội nón ra đi dễ dàng, nào trả các khoản nợ, nào làm ma chồng con dịp bốn mươi ngày và cúng giỗ hàng năm... Cách đây ít lâu, vì quá đau khổ, bà đã bỏ hết số tiền dành dụm được làm một bữa giỗ đưa con trai, thật to, mời tất cả bà con thuộc bộ tộc Najman trong vùng tới dự.

Rạng sáng, bà Ana - Najman ra khỏi căn lều, sẵn sàng lên đường. Bà dừng ở cửa, đưa mắt nhìn từ biệt khu lều trại còn đang say ngủ. Ana - Najman vẫn còn giữ được vẻ đẹp và sự cân đối ngày trước. Bà thắt một cái dây lưng đúng như khi lên đường đi xa, đi ủng, mặc quần *sharova* rộng ống, áo *kamzol* không có tay choàng bên ngoài áo dài, cuối cùng là chiếc áo khoác quàng vai. Bà chít một chiếc khăn vuông trắng, thắt nút sau gáy. Đêm qua bà đã quyết định như vậy trong khi nghỉ ngơi – nếu còn hy vọng đưa con sống sót thì không nên chít khăn tang màu đen, còn nếu hết hy vọng, thì có thừa thời gian để chít lại tấm khăn đen muôn thuở.

Ánh bình minh còn chưa tỏ, tạm giấu những sợi tóc bạc và những nếp nhăn đau khổ hằn sâu trên khuôn mặt người mẹ. Cặp mắt bà bỗng nhoè ướt, bà thở dài náo nuột. Bà đâu ngờ sẽ phải chịu đựng cảnh này, nhưng rồi bà lấy lại tinh thần. Bà thì thầm câu đầu tiên trong bài nguyện: ‘Ashvadan lia illa hil - alla’¹², rồi quả quyết tiến lại chỗ con lạc đà, bắt nó quỳ xuống. Con Akmai hục hặc một chút cho ra vẻ, miệng khẽ hí vài tiếng, rồi thông thả quỳ xuống. Bà Ana - Najman vắt ngay cái túi qua yên, leo lên lưng, thúc khẽ vào sườn nó, và Akmai đứng dậy, đưa bà chủ lên cao hằn khỏi mặt đất. Bây giờ con Akmai đã hiểu rằng nó phải đi xa...

Không ai trong bản biết chuyến đi của bà Ana - Najman, trừ cô em họ gái ngủ giúp việc trong nhà chốc chốc lại ngáp dài, không ai tiễn chân bà vào giờ này. Tối qua bà bảo cô em họ rằng bà sẽ đi thăm mấy người bạn gái

thời trẻ, và nếu tiện đồ giang, thì bà cũng sẽ cùng với họ hành hương đến vùng đất Kinchak để cúng thánh Iassavi...

Bà đi sớm để khỏi bị ai cản vạ. Sau khi rời bản một quãng xa, bà rẽ về hướng Sarozek – về phía thảo nguyên hoang vắng im lìm, xa tít tắp đằng trước mặt...

* * *

Những chuyến tàu ở vùng này chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông.

Trải rộng hai bên đường tàu ở vùng này là những hoang mạc mênh mông – miền Sarozek và các thảo nguyên úa vàng thuộc miền Đất Giữa.

Ở vùng này, mọi khoảng cách bất kỳ đều được đem so với con đường sắt, như so với kinh tuyến Greenwich.

Những chuyến tàu vẫn chạy từ Đông sang Tây và từ Tây sang Đông...

* * *

Từ tàu sân bay ‘Convention’ lại thêm một bức điện mật mã gửi cho gửi cho hai phi công vũ trụ - kiểm tra trên trạm quỹ đạo ‘Paritet’. Trong bức điện ấy, vẫn với giọng cảnh báo kiên quyết như cũ, người ta yêu cầu không liên lạc vô tuyến với hai phi công vũ trụ song đôi 1 - 2 và 2 - 1 để thảo luận gì về thời gian và khả năng họ trở về trạm quỹ đạo, đồng thời hãy chờ chỉ thị của Trung tâm điều khiển.

Biển động chưa đến lúc mạnh nhất, tàu sân bay hơi chòng chành trên sóng. Nước Thái Bình Dương vỗ oàm oạp vào mũi con tàu khổng lồ... Mặt trời vẫn chói chang trên mặt biển bao la đang nổi sóng và ngầu bọt trắng xoá. Gió vẫn thổi đều đều từng luồng.

Mọi bộ phận trên tàu sân bay ‘Convention’, kể cả khu đậu máy bay và hai nhóm an ninh quốc gia, đều ở trong tình trạng cảnh giác, tuyệt đối sẵn sàng...

Đã mấy ngày nay con Akmai màu trắng chạy nước kiệu lúc thúc trên các đồng cỏ thảo nguyên Sarozek bao la, vậy mà chủ nó vẫn cứ thúc giục nó đi loanh quanh mãi. Chỉ khi đêm xuống, chủ nó mới dừng lại nghỉ cạnh một giếng nước hiếm hoi, để sáng hôm sau lại đi tìm đàn lạc đà lớn đang được chăn thả đâu đó giữa chập chùng thảo nguyên. Tại đây, chính tại miền Đất Giữa này, gần mạch đất đứt trũng đầy cát đỏ chạy dài nhiều cây số – gọi là mạch Malakum dychap – đoàn thương khách đã gặp gã *mankur* chặn lạc đà mà bây giờ bà Ana - Najman đang tìm kiếm. Đã hai ngày nay bà loanh quanh bên mạch Malakum dychap, sợ chạm trán bọn Choang Choang, nhưng mặc dù căng mắt ra tìm kiếm, bà chỉ thấy bốn phía đồng cỏ mênh mông với nhiều ảo ảnh. Có lúc bị ảo ảnh đánh lừa, bà tưởng mình đang đi theo một con đường lớn ngoằn ngoèo dẫn tới một thành phố nhấp nhô các đền thờ Hồi Giáo có tường thành bao quanh. Có lẽ con bà đang ở đó, giữa chợ mua bán nô lệ? Nếu vậy, bà có thể bảo nó leo lên lưng Akmai, ngồi sau bà, đồ ai còn đuổi kịp... Đi giữa hoang mạc quá nặng nề nên bà nên bà mới hoa mắt tưởng tượng ra như vậy...

Tất nhiên, tìm được một người giữa vùng Sarozek là việc khó, con người lọt thỏm giữa nơi này như một hạt cát, nhưng nếu cạnh người ấy có một đàn lạc đà đang gặm cỏ trên một khoảng rộng, thì sớm hay muộn cũng sẽ nhìn thấy một, hai con vật, rồi thấy những con khác trong đàn, và người chặn lừa chúng. Bà Ana - Najman hy vọng như thế.

Song hiện thời bà chưa phát hiện được gì. Và bà bắt đầu sợ, liệu người ta đã lừa đàn súc vật đi nơi khác, hoặc tệ hơn nữa, bọn Choang Choang đã lừa cả đàn lạc đà đi Khiva hoặc Bukhara bán rồi chẳng? Liệu bấy giờ người chặn lạc đà có trở về, từ những vùng xa xôi ngàn ấy chẳng?... Khi bà rời bản ra đi vì buồn bã và ngờ vực, bà chỉ mơ ước mỗi một điều – chỉ cần trông thấy đứa con trai còn sống, dù nó có là *mankur* hay là gì cũng được, dù nó không còn trí nhớ và có ngớ ngẩn đến mấy chẳng nữa, miễn đúng là con bà, miễn là nó còn sống, sống rõ ràng... Thế là đủ! Nhưng càng đi sâu vào thảo nguyên Sarozek, càng tới gần khu vực mà đoàn thương khách vừa gặp chàng trai chặn lạc đà khi họ đi ngang qua đó, bà càng sợ phải nhìn thấy đứa con đã bị biến thành *mankur*, một nỗi lo sợ hãi hùng và nặng nề.

Thế là bà liền cầu nguyện Chúa Trời để người ấy không phải là nó, đứa con trai của bà – mà là một kẻ bất hạnh khác, và bà sẵn sàng chấp nhận hoàn toàn, rằng con trai bà không thể nào còn sống. Bà đi chuyến này chỉ để trông thấy gã *mankur* và tin chắc rằng bà đã nghi ngờ vô ích, rồi bà sẽ trở về bản, sẽ thôi dằn vặt trần trở và sẽ sống nốt những ngày cuối đời dù có ra sao cũng được... Nhưng sau đấy bà lại buồn thương, lại muốn tìm thấy giữa thảo nguyên chính đứa con trai của mình chứ không phải ai khác, dù điều đó có ý nghĩa gì chẳng nữa...

Đang trong tâm trạng trái ngược như vậy, vừa leo qua một gò đất thoải thoải, bà chợt nhìn thấy một đàn lạc đà đông hàng trăm con đang ung dung gặm cỏ trên một thung lũng khá rộng. Những con lạc đà màu nâu béo mập đang nhả bọt các ngọn cỏ gai và các bụi cây nhỏ. Bà Ana - Najman thúc con Akmai bước thật nhanh và thoát nhiên bà choáng ngợp vì mừng rỡ, rằng cuối cùng bà đã tìm thấy đàn súc vật. Sau đó bà hoảng sợ, rùng mình, lo rằng bà sắp thấy mặt đứa con trai đã bị biến thành *mankur*. Đoạn bà lại vui mừng và chẳng còn hiểu mình làm sao nữa.

Đây, đàn lạc đà đây rồi, nhưng người chăn chúng thì đâu? Anh ta phải ở ngay đâu đây thôi. Và bà đã trông thấy bóng người ở mép thung lũng bên kia. Từ xa, không thể nhìn rõ người ấy thế nào. Người ấy chống một cây gậy dài, cầm cương dắt một con lạc đà chở theo hành lý, từ dưới vành mũ kéo sụp xuống trán, người thanh niên thản nhiên nhìn bà tới gần.

Và khi Ana - Najman tới gần người ấy, khi bà nhận ra con trai mình, bà không nhớ mình đã tuột xuống khỏi lưng lạc đà như thế nào. Bà tưởng đầu mình ngã lăn xuống đất!

– Con ơi! Con yêu của mẹ ơi! Con ở đây mà mẹ cứ đi tìm loanh quanh mãi! – Bà gọi và chạy bổ qua mấy bụi cây ngăn cách hai người. – Ta là mẹ của con đây!

Và bà lập tức hiểu ra tất cả. Bà nấc lên, hai chân giẫm đành đạp xuống đất, lòng dạ cay đắng, hãi hùng, môi run run mếu máo, bà cố dừng lại mà vẫn không trấn tĩnh nổi. Để khỏi ngã, bà níu chặt lấy vai đứa con trai hờ hững, bà cứ thế khóc ròng vì nỗi đau khổ bị dồn nén từ lâu nay được dịp bùng ra, vùi dập bà. Vừa khóc, bà vừa nhìn qua hai dòng nước mắt, qua

những sợi tóc bạc ướm dính vào nhau, qua những ngón tay đang run rẩy xoa xoa bụi đường trên mặt, gặp những nét quen thuộc của đứa con và cố nắm bắt cái nhìn của nó, vẫn còn hy vọng nó sẽ nhận ra bà, bởi vì đơn giản biết mấy cái việc nhận ra người mẹ của mình.

Nhưng sự xuất hiện của bà không gây bất cứ tác động gì tới đứa con trai, tựa hồ bà vẫn luôn luôn có mặt ở đây và ngày nào cũng tới gặp nó trên thảo nguyên. Thậm chí nó chả buồn hỏi bà là ai và tại sao bà khóc. Có lúc nó đã gỡ tay bà đang bấu vai nó và bỏ đi, dắt theo con lạc đà chở mấy thứ đồ dùng đến tận cuối đàn súc vật, để xem mấy chú lạc đà con có nghịch ngợm chạy nhớn quá xa không.

Bà Ana - Najman đứng lại, ngồi bệt xuống đất, ôm mặt khóc nức nở. Bà cứ ngồi như thế đầu cúi gục. Sau đó bà ráng sức đứng dậy, bước đến chỗ con, cố giữ vẻ bình tĩnh. Đứa con trai - *mankur* coi như không có chuyện gì xảy ra, cứ hờ hững nhìn bà từ dưới chiếc mũ úp chặt trên đầu, và một cái gì tựa tựa nét cười yếu ớt thoáng qua bộ mặt thô thô, đen nhem vì nắng gió của nó. Nhưng cặp mắt của nó vẫn hoàn toàn thờ ơ với hết thảy mọi thứ trên đời.

– Hãy ngồi xuống đây, mẹ con mình nói vài câu chuyện đi con – bà Ana - Najman thở dài nặng nhọc.

Hai mẹ con ngồi xuống đất.– Con có nhận ra mẹ không? – bà mẹ hỏi.

Gã *mankur* lắc đầu.– Thế tên con là gì?– *Mankur* – gã đáp.

– Đây là tên con bây giờ, còn tên con ngày trước con có nhớ không? Con hãy nhớ lại tên thật của con xem nào.

Gã *mankur* lặng thinh, bà mẹ thấy nó cố nhớ, do căng thẳng, ở gốc mũi nó lăm lăm mồ hôi, cặp mắt nó như có sương mù bao phủ. Nhưng chắc là trước mặt nó hiện ra một bức tường kiên cố mà nó không tài nào vượt nổi.

– Thế tên cha con là gì? Con là ai, quê ở đâu? Ít nhất con cũng biết con đã sinh ra ở đâu chứ?

Không, nó không nhớ gì, không biết gì.– Chúng nó đã làm gì con tôi thế này! – bà mẹ thì thầm và đôi môi bà lại run run ngoài ý muốn. Nghẹn ngào vì giận dữ và đau khổ, bà mẹ lại khóc rưng rức, cố nén cũng không được. Nỗi khổ của người mẹ không hề làm cho gã *mankur* xúc động.

Có thể cướp đất, có thể cướp tài sản, có thể cướp cả sinh mạng – bà mẹ nói, – nhưng kẻ nào đã nghĩ ra, kẻ nào đang tâm cướp đi trí nhớ của con người? Hồi thượng đế, nếu người có thật, sao người nở dạy loài người làm cái trò độc ác đến thế? Không có cái trò đó, trên đời này đã ít cái ác qua sao?

Rồi bà nhìn đứa con trai - *mankur* mà tuôn ra những lời than trách về mặt trời, về thượng đế, về bản thân, những lời nổi tiếng mà mãi đến thời nay, mỗi khi nhắc tới truyền thuyết Sarozek, những người thông hiểu vẫn còn nhớ đĩnh ninh:

*Men botasy olgen boz maia, Tulybyn kelip iskegen*¹³ ...

Và lúc ấy, từ lòng bà bật ra những lời nguyên rủa, những tiếng than vãn nào lòng âm vang giữa thảo nguyên im lìm, bao la...

Nhưng không có gì làm cho đứa con trai - *mankur* xúc động.

Thế là bà Ana - Najman quyết định sẽ không hỏi han, mà chỉ gợi nhớ để giúp con trẻ nhận ra mình.

– Tên con là Zholaman. Con nghe rõ chưa? Con là Zholaman. Còn tên cha con là Donenbaj. Lẽ nào con không nhớ cha con? Bởi từ nhỏ cha con đã dạy con cách bắn cung. Còn ta là mẹ của con, con là con trai của ta. Con là người của bộ tộc Najman, con hiểu chưa? Con là dân Najman...

Tất cả những điều bà nói, gã *mankur* nghe một cách hoàn toàn thờ ơ, tưởng như đó chỉ là những lời băng quơ. Có lẽ tiếng đế kêu trong cỏ gã cũng nghe với thái độ hệt như thế.

Khi đó, bà Ana - Najman bèn hỏi con:– Chuyện gì đã xảy ra trước khi con tới đây?– Không có chuyện gì – nó đáp.

– Lúc ấy là đêm hay ngày?– Không là gì cả – nó đáp.

– Con muốn được trò chuyện với ai?– Với mặt trăng, nhưng tôi và mặt trăng không nghe thấy tiếng nhau. Trên ấy có người đang ngồi.

– Thế con còn muốn gì nữa?– Muốn có đuôi tóc trên đầu như ông chủ.

– Con hãy để mẹ xem, chúng đã làm gì cái đầu của con nào – bà Ana - Najman giơ tay ra.

Gã mankur liền quay phắt đi, lùi lại, dùng một tay giữ chặt chiếc mũ và không nhìn bà mẹ nữa. Bà hiểu rằng không bao giờ nên nhắc đến cái đầu của nó.

Lúc ấy đằng xa xuất hiện một bóng người cười lạc đà tiến về phía hai mẹ con.

– Ai thế con? – bà Ana - Najman hỏi.

– Họ mang thức ăn cho tôi – đứa con trai trả lời.

Bà mẹ giật mình. Phải trốn cho mau, sau khi tên Choang Choang xuất hiện không đúng lúc kia chưa nhìn thấy bà. Bà bắt con Akmai quỳ xuống để leo lên yên.

– Con đừng nói gì với nó nhé. Mẹ sẽ trở lại ngay – bà Ana - Najman dặn.

Đứa con không trả lời. Mọi chuyện đối với nó đều vô nghĩa.

Bà Ana - Najman hiểu rằng bà đã phạm sai lầm khi cười lạc đà chạy trốn qua đàn súc vật đang gặm cỏ, nhưng đã muộn. Tên Choang Choang đang đi về phía này, dĩ nhiên có thể nhìn thấy bà cười trên lưng con lạc đà trắng. Lẽ ra bà phải đi bộ, lẩn trốn giữa đàn súc vật đang gặm cỏ.

Sau khi tránh xa thung lũng, bà Ana - Najman quẹo xuống một cái rãnh sâu, hai bên mép rãnh mọc đầy ngải cứu. Tới đây, bà vội bắt con Akmai nằm xuống đáy rãnh, còn bà thì ghếnh đầu lên quan sát. Đúng là tên Choang Choang đã nhìn thấy bà. Một lát sau, tên này hiện ra, thúc lạc đà bước nhanh. Hắn đeo chiếc mác và đặt ống tên sau lưng. Rõ ràng hắn có vẻ lo lắng, ngơ ngác nhìn quanh – người cười lạc đà trắng mà hắn thấy từ xa đã biến đâu mất rồi? Hắn chưa biết nên đuổi theo hướng nào. Hắn thúc lạc đà tiến về bên này, rồi lại quay sang phía kia. Và lần cuối cùng, hắn đi qua rất gần cái rãnh. May mà bà Ana - Najman nghĩ ra cách chụp tấm chắn vào mõm con Akmai, phòng trường hợp đột nhiên nó kêu lên. Ẩn mình trong bụi ngải cứu ở mép rãnh, bà Ana - Najman nhìn tên Choang Choang khá rõ. Hắn cười một con lạc đà lông dày, mắt lơ lảo ngó quanh, bộ mặt hum húp, căng thẳng, đầu đội chiến mũ đen trông như một cái thuyền con có hai mũi, mũi trước cong lên, sau gáy lưng lửng một bím tóc đuôi sam đen. Hắn nhóm người trên bàn đạp, tay lăm lăm chiếc mác, hắn ngó quanh, lắc đầu, cặp mắt

long lên. Đây là một trong những tên giặc đã chiếm đất Sarozek, đã bắt không ít người làm nô lệ và đã gây bao tai hoạ cho gia đình bà. Nhưng một phụ nữ tay không như bà phỏng có thể làm được gì chống lại tên lính Choang Choang hung hãn kia? Bà thầm nghĩ, không biết cuộc sống nào, những sự kiện gì đã đẩy bọn giặc kia tới hành động man rợ là tiêu huỷ trí nhớ của người nô lệ...

Sau khi tìm kiếm loanh quanh một lát, tên Choang Choang trở lại chỗ đàn lạc đà.

Trời sắp tối. Mặt trời đã lặn, nhưng ráng chiều còn vương vẩn khá lâu trên thảo nguyên. Tiếp đó bóng tối ập xuống. Đêm càng về khuya càng tĩnh mịch.

Đêm ấy giữa thảo nguyên, bà Ana - Najman ngồi thui thủi một mình, không mấy xa chỗ đứa con trai - *mankur* bất hạnh của bà. Bà không dám quay lại chỗ nó. Tên lính Choang Choang rất có thể ngủ đêm ở đó.

Và bà quyết định không để đứa con phải sống nô lệ, bà sẽ thử tìm cách đem nó đi theo mình. Dù nó là *mankur*, dù nó ngớ ngẩn không hiểu gì hết, nhưng miễn sao nó ở nhà nó, giữa những người bà con của nó, thì vẫn hơn là nó làm nô lệ chăm sóc súc vật cho bọn Choang Choang giữa thảo nguyên hoang vu này. Tấm lòng người mẹ đã nhắc bà như vậy. Bà không thể chấp nhận cái mà những người khác chấp nhận, bà không nỡ bỏ mặc giọt máu của bà sống kiếp nô lệ. Biết đâu ở chốn cũ, trí không sẽ trở lại với nó, biết đâu đột nhiên nó sẽ nhớ lại thời thơ ấu cũng nên.

Sáng hôm sau bà Ana - Najman lại cười con Akmai đi vòng vèo rất lâu mới tới gần đàn lạc đà – sau một đêm, đàn súc vật đã di chuyển khá xa. Khi phát hiện ra đàn lạc đà, bà căng mắt nhìn thật kỹ xem tên Choang Choang có còn ở đó hay không. Chỉ khi đã tin chắc không còn ai khác, bà mới gọi tên con:— Zholaman, Zholaman ơi! Chào con!

Đứa con ngoảnh lại, bà mẹ reo lên vui sướng. Nhưng bà hiểu ngay rằng, nó nghe có tiếng nói thì quay lại đó thôi.

Bà Ana - Najman lại thử gọi cái trí nhớ đã bị cướp mất của đứa con:— Con ơi, con tên là gì, hãy nhớ lại tên mình đi con! – bà van vãn và thuyết phục nó. – Cha con là Donenbaj, lẽ nào con không nhớ? Còn tên con là

Zholaman, chứ không phải là *mankur*. (* Zholaman là tên gộp từ hai chữ: ‘Zhol’ – con đường, ‘aman’ – mạnh khỏe. Zholaman có nghĩa là: hãy lên đường mạnh giỏi!) Bố mẹ đặt tên con như thế vì con đã ra đời trong một chuyến du mục của bộ tộc Najman. Và khi con ra đời, mọi người đã dừng chân nghỉ tạm ba ngày để ăn mừng cho con.

Mặc dù những lời lẽ ấy không gây bất cứ ấn tượng gì với đứa con - *mankur*, bà mẹ vẫn tiếp tục kể, với hy vọng may ra có điều gì chợt loé lên trong ý thức đã tê liệt của nó. Nhưng bà đang gõ vào cánh cửa khoá kín. Tuy nhiên, bà vẫn nhắc đi nhắc lại:

– Con hãy nhớ lại tên con đi! Tên cha con là Donenbaj.

Sau đó, bà lấy thức ăn mang theo cho nó ăn uống và bắt đầu hát cho nó nghe những bài hát ru. Nó có vẻ thích thú các bài hát ấy. Nó thích nghe hát, và có một nét gì sống động, ấm áp xuất hiện trên bộ mặt lầm lì, đen nhẻm của nó. Thấy vậy, bà mẹ bèn rủ nó từ bỏ nơi này, từ bỏ bọn Choang Choang đi theo bà về chốn cũ thân thương. Gã *mankur* không thể tưởng tượng làm sao có thể leo lên lạc đà bỏ đi – còn đàn súc vật kia ai chăn? Không, ông chủ đã bảo phải luôn luôn ở bên đàn súc vật. Chủ đã ra lệnh như vậy, cho nên nó sẽ không bỏ đàn đi bất cứ đâu...

Không biết đến lần thứ mấy bà Ana - Najmna lại gõ vào cánh cửa khoá kín của cái trí nhớ đã bị tiêu huỷ:

– Nhớ lại đi con, tên con là gì? Tên cha con là Donenbaj ấy mà.

Bà mẹ cứ kiên trì gợi nhớ một cách vô ích như thế nên không để ý bao nhiêu thời gian đã trôi qua. Bà chỉ giật mình khi thấy gần chỗ đàn súc vật lại xuất hiện một tên Choang Choang cười lạc đà. Lần này khoảng cách gần hơn và hấn thúc lạc đà đi thật vội vã. Bà Ana - Najman lập tức cười con Akamai lánh đi, nhưng từ phía khác lại có một tên Choang Choang nữa cười lạc đà chằng ngang. Bà Ana - Najman vội thúc con Akamai vượt qua giữa hai tên đó, con Akamai nhanh chân đã đưa bà kịp thời vượt lên trước. Hai tên Choang Choang rượt theo sau, miệng thét, tay hươu giáo mác. Nhưng chúng nhanh sao bằng con Akamai, khoảng cách đôi bên mỗi lúc một xa. Con Akamai thở dòn, đi nhanh như gió, đưa bà chủ thoát khỏi sự đuổi bắt của cái chết.

Song bà không biết rằng hai tên Choang Choang đã quay trở lại trút cơn giận dữ xuống đầu con trai bà, chúng đánh đập gã *mankur* tàn nhẫn. Nhưng có đánh mấy cũng chẳng moi được gì, nó chỉ trả lời:

– Bà ta bảo bà ta là mẹ tôi.– Mụ ta đêch phải mẹ con gì với mày! Mày không có mẹ! Mày có biết mụ ta tới đây làm gì không? Mày biết không? Mụ ta muốn lột mũi của mày và muốn gọt đầu mày đó! – hai tên Choang Choang dọa gã *mankur* bất hạnh.

Nghe vậy, gã *mankur* thất sắc, bộ mặt đen đúa của gã tái xám hẳn đi. Gã co vai rụt cổ, chụp giữ chiếc mũi và nhìn quanh lăm lét như một con thú.

– Mày khỏi phải sợ! Đây, cầm lấy! – tên Choang Choang lớn tuổi đặt vào tay gã cây cung và mấy mũi tên.– Nhắm bắn xem nào! – tên Choang Choang nhỏ tuổi hơn dùng cây mác giơ chiếc mũi lên cao. Mũi tên xuyên qua mũi – Thấy chưa, hẳn ngạc nhiên, – Trí nhớ vẫn còn được lưu giữ trong tay nó!

Như một con chim hốt hoảng bay khỏi tổ, bà Ana - Najman cứ quanh quẩn ở vùng lân cận. Bà chẳng biết làm thế nào, chờ đợi cái gì. Chẳng rõ bây giờ bọn Choang Choang có lừa đàn súc vật và đưa con trai - *mankur* của bà đến một chỗ khác, gần căn cứ của chúng hay là chúng đang rình bắt bà? Trong lúc phỏng đoán mọi chuyện, bà cứ đi vòng vèo ở những chỗ kín đáo để quan sát, và bà vui mừng khi thấy hai tên Choang Choang nọ đã rời đàn súc vật. Chúng sánh vai nhau bỏ đi không hề ngoảnh lại. Bà Ana - Najman nhìn theo chúng rất lâu, đợi cho chúng khuất hẳn phía xa, bà mới trở lại chỗ con. Bây giờ, dầu thế nào chẳng nữa bà cũng muốn đem nó theo. Dù có ra sao, đó cũng không phải là lỗi tại nó, một khi kẻ thù đã làm cho nó thành một kẻ hoàn toàn ngớ ngẩn, nhưng mẹ nó sẽ không bỏ mặc nó sống mãi kiếp nô lệ. Và hãy để cho bộ tộc Najman thấy lũ rợ Choang Choang hành hạ tù binh như thế nào, làm mất lý trí của họ ra sao, để bộ tộc phần nọ mà cầm lấy vũ khí. Vấn đề không phải là chuyện tranh giành đất đai, đất đai đủ cho hết thảy mọi người. Nhưng cái ác của bọn Choang Choang thì dù bộ tộc lảng giềng hay xa lạ cũng không chịu nổi...

Bà Ana - Najman trở lại chỗ con với những ý nghĩ đó, và bà cứ mãi mê nghĩ cách thuyết phục nó bỏ trốn ngay đêm nay với bà.

Trời đã nhá nhem. Thêm một đêm nữa trong chuỗi ngày bất tận những ngày đêm đã và sẽ qua, đang trùm bóng tối xuống thảo nguyên Sarozek mênh mông, xuống mọi đồng cỏ và thung lũng. Con lạc đà trắng Akmai nhẹ nhàng chở bà chủ của nó về phía đàn súc vật đông đúc. Ánh hoàng hôn làm cho thân hình bà chủ nổi bật giữa hai cái bướu của nó. Bà Ana - Najman chăm chú và cảnh giác, trông nhợt nhạt và nghiêm nghị. Những sợi tóc bạc, những nếp nhăn, những ý nghĩ trong đầu và trong mắt hết như bóng tối nhập nhoạng trên thảo nguyên Sarozek, nổi đau không nguôi...

Đây, bà đã tới bên đàn lạc đà. Bà bắt đầu đi giữa những con vật đang gặm cỏ, bà nhìn quanh nhưng chưa thấy đứa con trai đâu cả. Con lạc đà đóng yên cương chở đồ dùng không hiểu sao lại đang ung dung gặm cỏ, kéo lê dây cương dưới đất – con trai bà đâu nhỉ? Nó làm sao rồi?

– Zholaman ơi! Zholaman của mẹ ơi, con ở đâu? – bà Ana - Najman gọi.

Không một ai xuất hiện hoặc trả lời. – Zholaman! Con ở đâu? Mẹ đây, mẹ của con đây mà. Con ở đâu?

Bà lo ngại ngó quanh, không thấy rằng con trai bà – gã *mankur* – đang nấp sau một con lạc đà, nó đã quỳ xuống và kéo căng dây cung, nhắm mũi tên về phía bà. Ánh hoàng hôn cản trở nó, và nó đang chờ giây phút thuận tiện mới bắn.

– Zholaman, con của mẹ ơi! – bà Ana - Najman gọi, chỉ sợ con mình bị làm sao rồi. Bà quay người trên yên. – Đừng bắn! – bà chỉ kịp kêu lên thế và định thúc cho con Akmai quay đầu lại, mũi tên đã bay vèo tới, xuyên vào sườn bên trái.

Đây là một đòn hiểm. Bà Ana - Najman nghiêng người từ từ ngã xuống, tay còn bấu víu cổ con Akmai. Bỗng chiếc khăn trắng từ đầu bà bay lên, hoá thành một con chim và con chim ấy kêu to:

“Hãy nhớ lại đi! Tên mi là gì? Cha mi là Donenbaj! Donenbaj! Donenbaj!”

Chỗ chôn bà Ana - Najman giữa thảo nguyên Sarozek từ đó được gọi là nghĩa địa Ana - Bejit, nghĩa là Lòng Mẹ...

Con lạc đà trắng Akmai để lại nhiều con cháu. Những con cái do nó đẻ ra cũng màu trắng như nó, cũng nổi tiếng khắp vùng. Những con đực, ngược lại, lông màu đen và to khoẻ như con Karanar - Bão Tuyết bây giờ.

Bác Kazangap hồi còn sống vẫn luôn luôn chứng minh rằng Karanar - Bão Tuyết không phải thuộc nòi lạc đà bình thường, mà chính là dòng dõi con lạc đà trắng trứ danh xưa kia của bà Ana - Najman.

Edigej tin ngay lời Kazangap... Sao lại không tin kia chứ!... Con Karanar - Bão Tuyết xứng đáng như thế... Bao thử thách đã qua, trong những ngày vui sướng cũng như những ngày cực khổ, bao giờ con Karanar cũng vượt qua gian khổ... Chỉ phải cái tội nó quá tệ mỗi khi động đực, vào những kỳ rét nhất bao giờ nó cũng đổ đốn ra như thế, và những lúc ấy nó nung hăng hết chỗ nói. Rét càng dữ, nó càng tệ. Hai mùa đông liền, đến là khổ với nó trong những ngày ấy... Một dạo để hại Edigej, nó đã chơi cho bác một vở mà giả dụ Edigej không phải là người rộng lượng thì không đời nào bác có thể tha thứ cho nó được... Nhưng trách chi con lạc đà nổi xung vào kỳ động đực... Và cũng chả phải lỗi tại nó, ai lại đi giận dữ với một con vật. Nói cho cùng thì chẳng qua số phận nó oái oăm như thế. Chứ con Karanar - Bão Tuyết có tội tình gì đâu? Kazangap đã quá rành vụ đó, đã dặn dò trước rồi, chứ không thì chẳng biết sự thế sẽ kết thúc ra sao.

Chương 7

Edigej - Bảo Tuyết nhớ lại cái lần cuối hè, đầu thu năm 1952 với cảm giác sung sướng đặc biệt.

Dự cảm của Edigej đã thành sự thật như nhờ có phép màu. Sau đợt nắng nóng khủng khiếp mà ngay đến những con thằn lằn Sarozek cũng phải chạy vào nhà tránh nắng, thời tiết đột nhiên thay đổi hẳn vào giữa tháng tám. Trời mát dịu dần, ít ra thì đêm đêm cũng đã có thể ngủ yên giấc. Có năm, miền Sarozek vẫn thảnh thơi như vậy. Mùa đông bao giờ cũng rét, riêng mùa hạ đôi khi dễ chịu. Điều đó xảy ra, theo lời Elizarov kể, khi trên các tầng quyển lưu cao nhất có những sự xê dịch lớn, các dòng sông trên trời thay đổi hướng trôi của chúng. Elizarov thích kể những chuyện đó. Ông bảo trên trời có những dòng sông vô hình khổng lồ với bến bờ và các đợt lũ hần hoi. Những dòng sông ấy chảy không ngừng nghỉ, tựa hồ ôm lấy địa cầu. Và toàn bộ Trái Đất được mặc chiếc áo gió ấy cứ xoay vòng theo đường tròn của nó, và đó chính là sự lưu chuyển của thời gian. Nghe Elizarov kể chuyện thật thú vị, khó mà tìm được những tâm hồn hiếm thấy như ông. Edigej - Bảo Tuyết kính trọng Elizarov, và Elizarov cũng đáp lại bằng thái độ tương xứng. Vậy là dòng sông lớn trên trời kia thảnh thơi vẫn chờ hơi mát tới miền Sarozek đúng vào đợt nắng nóng, không hiểu tại sao dòng sông ấy cứ hạ thấp dần và thu hẹp lại, cho đến lúc chạm dãy Himalaya. Dãy Himalaya nghe nó ở đâu xa lắm, nhưng so với kích thước quả địa cầu thì nó ở rất gần đây. Dòng sông không khí kia vấp phải dãy Himalaya thì dội trở lại, bởi vì miền Sarozek giống như biển lớn, là một khoảng không rộng mở, chẳng có chướng ngại nào. Cho nên dòng sông kia chờ hơi mát từ dãy Himalaya tới...

Dù vì lẽ gì chẳng nữa, thời tiết cuối hè, đầu thu năm ấy cũng quả là đẹp. Mưa ở Sarozek là hiện tượng hiếm hoi, mỗi trận mưa được người ta nhớ rất lâu, nhưng trận mưa ấy thì Edigej - Bảo Tuyết nhớ suốt đời. Thoạt nhiên mây đen ùn ùn kéo tới, thậm chí cảm thấy không bình thường khi cái màu xanh thăm thẳm của bầu trời Sarozek nóng bỏng đột nhiên biến đâu

mất. Đất bốc hơi ngùn ngụt, không khí oi nồng đến ngạt thở. Hôm ấy Edigej làm thợ móc toa. Trên khúc đường cụt của ga, còn ba toa sàn đậu lại sau khi được cào hết sỏi và gỡ một đợt tà vẹt bằng gỗ thông xuống. Hàng đã được gỡ xong, bao giờ người ta cũng yêu cầu làm gấp, nhưng sau đó mới thấy rằng chẳng cần gấp đến như vậy. Sau khi dỡ hết hàng, mấy toa sàn còn đứng ở đường cụt cả một ngày. Thế mà hết thảy mọi người đang có mặt trên tuyến đường sắt – Kazangap, Abutalip, Zaripa, Ukubala, Bukej đều bị điều tới làm cái việc gấp gáp ấy. Mà hồi đó mọi việc đều phải làm bằng tay cả, lại giữa lúc trời nóng như thiêu, thì người ta kéo những toa xe ấy tới! Nhưng việc đã cần gấp thì phải làm thôi. Ukubala xây xẩm mặt mày, nôn mửa cả ra. Chị không chịu nổi mùi nhựa toả ra từ những thanh tà vẹt nóng, đành đưa chị về nhà. Sau đó phải cho chị em phụ nữ về hết, bởi vì ở nhà bọn trẻ con sắp phát điên vì nóng. Chỉ còn mấy người đàn ông ở lại ráng sức làm cho xong.

Hôm sau, lúc sắp mưa thì đoàn tàu chở hàng hôm qua quay về Kumbel, họ đòi móc toa thật gấp. Edigej nghẹn thở vì trời oi bức khủng khiếp, thà có nắng còn hơn trời râm mà oi nồng thế này. Đã vậy, tay lái tàu lại cứ luôn mồm giục giã. Cứ thử xuống đây cúi gập người mà móc toa xem nào, thế là Edigej nặng lời với tay lái tàu. Và anh ta cũng trả miếng đến nơi đến chốn. Ngồi cạnh lò than trên đầu máy, anh ta cũng chẳng sợ gì. Cả hai người đều nổi khùng vì nóng, nhưng rồi chuyển tàu hàng ấy cũng kéo ba cái toa sàn kia chạy đi.

Đúng lúc đó mưa ập xuống rào rào, trời như bị thủng. Mưa trút xối xả để bù cho bao nhiêu ngày không mưa. Đất rừng mình, loáng một cái đã lênh láng nước và sủi đầy bọt. Và mưa cứ xối ào ào, ào ào như điên, nước mưa mát lạnh, đúng là mang cái mát từ những núi tuyết trên dãy Himalaya... Chà sức mạnh của Himalaya mới ghê chứ! Edigej chạy về nhà, để làm gì anh cũng không biết nữa, tự nhiên thế thôi, bởi vì khi gặp mưa, bao giờ người ta cũng chạy về nhà hoặc nấp dưới một mái nhà nào đấy, do thói quen. Tại sao lại lẩn tránh một cơn mưa như thế này nhỉ? Edigej hiểu ra và dừng lại, khi thấy cả gia đình Abutalip – hai vợ chồng, hai đứa con – đang cầm tay nhau nhảy múa dưới trời mưa, cạnh căn lán của họ. Và điều đó

khiến Edigej sung sướng, không phải vì họ mừng rỡ, tươi tỉnh trong cơn mưa mà vì lúc sắp mưa, hai vợ chồng Abutalip vội vã rải từng bước dài qua các con đường ray từ nơi làm việc về nhà. Bây giờ Edigej đã hiểu, vợ chồng họ muốn cả gia đình ở bên nhau dưới trời mưa. Edigej thì không nghĩ ra được như vậy. Cả gia đình họ đang tắm trong mưa, họ nhảy múa và làm ồn lên như bầy thiên nga trên biển Aral! Y như ngày hội của họ, lộc trời dành cho họ. Họ đã thầm nhớ, mong ước thấy mưa ở vùng Sarozek này bao ngày rồi. Và Edigej cảm thấy vừa vui, vừa buồn, vừa tức cười, vừa ái ngại trước cảnh cả gia đình họ nắm chặt tay nhau vào giờ phút tươi sáng ở nhà ga Boranly - Bão Tuyết.

– Edigej! Lại đây với chúng tôi! – Abutalip gọi to qua nước mưa và vẫy vẫy tay như đang bơi. – Bác Edigej ơi! – Hai đứa trẻ cũng gọi và mừng rỡ chạy về phía anh.

Bé Ermek mới hơn hai tuổi một chút, được Edigej yêu nhất, nó chạy tới chỗ anh, hai tay dang rộng, miệng há to, sặc sụa nước mưa. Đôi mắt nó tràn ngập một niềm vui khó tả, táo bạo và tinh nghịch. Edigej bế thốc nó lên, xoay tròn mấy vòng, rồi không biết làm gì tiếp. Anh hoàn toàn không định tham gia vào trò vui của gia đình Abutalip. Vừa lúc ấy, từ đằng sau nhà, hai đứa con gái của Edigej – Saule và Sharapat – vừa reo hò vừa chạy ra. Chúng nó chạy tới vì nghe tiếng reo vui của gia đình Abutalip, chúng cũng mừng rỡ. “Bố ơi, chạy thi nào!” – chúng giục anh, thế là Edigej hết lưỡng lự. Bây giờ bảy người đã cùng nhau đùa nghịch ầm ĩ dưới trời mưa như trút.

Edigej không buông tay bé Ermek vì sợ nó ngã xuống vũng nước. Abutalip thì kiệu đứa con gái út của Edigej – bé Sharapat trên lưng. Người lớn cứ thế bày trò vui chạy nhảy cho bọn trẻ. Bé Ermek nhún nhảy trên tay Edigej, la hét thật to, và lúc bị sặc nước nó lại chúi cái miệng ướt sũng vào cổ Edigej mà cọ cọ. Cảnh ấy thật cảm động, mấy lần Edigej bắt gặp ánh mắt tươi sáng, hàm ơn của vợ chồng Abutalip nhìn anh – họ hài lòng thấy thằng bé quăn quít bác Edigej. Nhưng ba cha con Edigej cũng rất vui được tham gia trò tắm mưa do gia đình Abutalip khởi xướng. Và bất giác, Edigej để ý thấy Zaripa thật xinh đẹp. Nước mưa làm cho mái tóc đen của chị chảy xoã xuống mặt, trải dài đến tận gót chân, nước cứ chảy ròng ròng trên tấm

thân rắn rỏi, trẻ trung của chị, làm nổi bật cái cổ, hai cánh tay, bắp đùi và mắt cá chân. Còn cặp mắt thì long lanh vui sướng, tinh nghịch. Hàm răng trắng lộ ra trong nụ cười tươi thắm.

Đối với miền Sarozek, mưa chỉ là hiện tượng nhất thời. Tuyết còn thấm dần dần xuống lòng đất, chứ mưa thì dù to mấy cũng chỉ như giọt thủy ngân trên lòng bàn tay, sẽ chạy xuống các khe rãnh nứt nẻ hết ráo. Mưa ào ào được một lát, xong coi như không có gì.

Nhưng lần này, chỉ vài phút sau khi mưa, nước đã chảy thành những dòng suối cuồn cuộn, sủi bọt. Thế là bà con Boranly đổ cả ra mà chạy nhảy trên những dòng suối ấy. Họ mang thùng, chậu, máng thả trên mặt nước. Mấy đứa trẻ lớn một chút, như Daul và Saule, thậm chí ngồi vào trong chậu mà bơi. Những đứa trẻ bé hơn đòi theo, thế là đành phải đặt cả chúng nó vào máng cho trôi đi...

Mưa vẫn rơi, mọi người say sưa với trò bơi trong chậu, họ trôi tới sát chân đường tàu, gần đầu ga. Lúc ấy có một chuyến tàu khách chạy qua Boranly - Bão Tuyết, hành khách nhào đến nửa người ra ngoài các cửa sổ và cửa toa mở rộng mà nhìn những người dân lập dị bất hạnh của hoang mạc. Họ kêu lên câu gì đó, hình như là: “Khéo không chết đuối đấy!”, rồi họ huýt sáo, cười đùa vui vẻ. Chắc trông bà con Boranly tức cười, lạ lùng lắm thì phải. Đoàn tàu chạy qua trong mưa, chở đi những hành khách có lẽ một hai hôm nữa sẽ kể lại cảnh họ vừa chứng kiến để làm vui cho người khác.

Edigej sẽ không nghĩ gì cả, nếu anh không cảm thấy hình như Zaripa khóc. Khi nước mưa đang chảy ràn rụa trên mặt, khó mà nói rằng người ấy có khóc hay không. Song đúng là Zaripa khóc thật, chị giả vờ cười, chị quá vui, nhưng thật ra thì chị khóc, chị nén tiếng nức nở, dùng tiếng cười, tiếng kêu át tiếng khóc. Abutalip lo lắng nắm lấy tay vợ:

– Em làm sao thế? Em thấy khó thở à? Về nhà vậy!

– Không, em bị nấc đấy thôi – Zaripa trả lời.

Và họ lại chơi đùa với bọn trẻ, vội vã tận hưởng món quà – trận mưa tình cờ. Edigej chợt thấy se lòng. Anh đoán chắc vợ chồng họ khổ tâm lắm khi nhận chân được rằng có một cuộc sống khác đã quay lưng về phía họ,

một cuộc sống mà ở đó mưa không phải là sự kiện đáng kể. Người ta được tắm, được bơi trong thứ nước trong sạch, một cuộc sống có những điều kiện khác, những cách vui chơi khác, những mối quan tâm khác về con cái... Và để vợ chồng Abutalip khỏi lúng túng – dĩ nhiên họ bày trò vui này chỉ vì các con – Edigej tiếp tục ủng hộ trò vui của họ...

Cả người lớn lẫn trẻ con đã vui đùa chán chê, mà mưa vẫn chưa tạnh, ai nấy chạy về nhà mình. Edigej thông cảm nhìn theo cái cảnh gia đình Abutalip giằng tay nhau chạy về nhà, tất cả đều ướt như chuột lột. Chỉ mong có được dù chỉ một ngày sung sướng, ở miền Sarozek.

Edigej xuất hiện ở ngưỡng cửa, một tay bế đứa con gái nhỏ, tay kia dắt đứa lớn. Ukubala sợ hãi giờ hai tay khi thấy ba bố con như vậy:

– Ôi, bố con anh làm gì thế? Thật chẳng giống ai.

– Mẹ nó đừng sợ – Edigej vừa bảo vợ vừa cười to – Khi lạc đà bố say rượu, nó thích đùa giỡn với đám lạc đà con của nó.

– Tôi thấy cũng giống thế đấy – Ukubala cười trách móc. – Thôi, vào thay quần áo đi, trông cứ như gà rù ấy.

Mưa đã tạnh hẳn, nhưng vẫn còn lác đác ở đâu đó trên thảo nguyên Sarozek đến tận sáng hôm sau, vì suốt đêm vẫn nghe ì ầm tiếng sấm xa xa. Nhiều lần Edigej thức giấc vì tiếng sấm. Và anh ngạc nhiên, ở vùng biển Aral lắm hôm có giông, sấm chớp ầm ầm ngay trên đầu mà anh vẫn ngủ say. À mà tại vì ở đó luôn có mưa giông chứ sao. Mỗi lần tỉnh giấc, qua hàng mi khép hờ, Edigej lại thấy các cửa sổ loe loé ánh chớp bùng lên ở đâu đó ngoài thảo nguyên.

Đêm ấy Edigej - Bão Tuyết lại mơ thấy mình nằm dưới làn đạn ngoài mặt trận, nhưng các viên đạn trái phá rơi xuống lặng lẽ. Không nghe tiếng nổ, chỉ thấy đất đá tung lên cao, sững lại, rồi từ từ rơi xuống từng khối đen đen. Một trong những vụ nổ như thế tung anh lên cao, và anh rơi xuống rất lâu, rơi xuống một khoảng trống khủng khiếp trong lúc trái tim ngừng đập. Sau đó anh xông lên tấn công, số chiến sĩ mặc áo ca - pốt xám lao lên tấn công đông vô kể, nhưng không nhìn rõ mặt họ, tựa hồ những cái áo ca - pốt reo to ‘Ura!’..., thì trước mặt Edigej hiện ra Zaripa, người ướt sũng nước mưa, miệng mỉm cười. Giấc mơ lạ thật, Zaripa mặc áo váy vải xita, tóc xoã

dài nước mưa rờn rờn trên mặt, chị cứ cười cười hoài. Edigej không có thời giờ để ngừng lại, anh nhớ rằng anh đang phải tấn công. “Tại sao chị lại cười, chị Zaripa? Đó là đêm chẳng lành” - Edigej nói. “Tôi có cười đâu, tôi khóc, tôi khóc đấy” – chị trả lời và tiếp tục cười dưới những dòng nước mưa...

Hôm sau anh đã định kể lại giấc mơ ấy cho vợ chồng Abutalip nghe, nhưng suy đi nghĩ lại, anh thấy giấc mơ ấy không lành. Chả nên làm cho người ta lo lắng thêm nữa...

Sau trận mưa vĩ đại ấy, chợt nắng nóng ở vùng Sarozek dịu hẳn xuống, hay nói như Kazangap, trò hồi lộ của mùa hè đã chấm dứt. Vẫn còn những ngày oi bức, nhưng đã dễ chịu hơn. Rồi tiếp đến thời kỳ mát mẻ cuối hè, trước thu, tại miền này. Trẻ em ở Boranly cũng được giải thoát khỏi cái nóng mệt bã người, chúng như hồi sinh, lại cười nói bi bô. Vừa vặn lúc đó người ta chở dừa hấu và dừa bở của vùng Kyzyl - Ordin tới Kumbel để phân phối cho các ga. Họ bảo nếu ga Boranly muốn mua dừa, thì họ sẽ gửi cho phần dừa tiêu chuẩn của ga Boranly, hoặc ga Boranly cử người tẹ đến mà nhận. Edigej nắm lấy cơ hội đó, anh thuyết phục trưởng ga, rằng mình nên tự đi nhận thì hơn là để người ta gửi đến, mình sẽ không được quyền lựa chọn những trái dừa ‘tử tế’. Trưởng ga đồng ý:

– Được – trưởng ga nói - , đồng chí hãy cùng Abutalip đi mà chọn.

Edigej chỉ chờ có vậy, anh muốn đưa vợ chồng Abutalip cùng bọn trẻ đi khỏi Boranly - Bão Tuyết dù chỉ một ngày. Và chính gia đình anh cũng nên đổi gió tí chút. Thế là sáng sớm hôm sau toàn bộ lớn bé của hai gia đình đáp chuyến tàu lên Kumbel. Họ ăn mặc thật đẹp, bọn trẻ tưởng như chúng đang đi tới một xứ sở kỳ lạ. Suốt dọc đường chúng cứ luôn miệng hỏi:

– Ở trên ấy có cây cối không ạ? Có. Thế cỏ ở đấy có xanh không ạ? Có xanh. Thậm chí có cả hoa. Còn nhà cửa ở đó có to không và xe cộ có chạy ngoài đường không ạ? Thế dừa hấu và dừa bở ở đó muốn ăn bao nhiêu tùy thích chứ ạ? Thế trên ấy có kem không ạ? Thế ở đó có biển không ạ?

Gió tạt vào toa tàu hàng, ủa thành luồng mát mẻ đều đều qua cửa toa hé mở. Có một tấm ván che chắn phòng trường hợp bất trắc, lỡ bọn trẻ sơ sẩy chân tay, mặc dù Edigej và Abutalip đã ngồi trên hai cái hòm gỗ ở ngay cửa

toa. Họ trò chuyện đủ thứ và trả lời các câu hỏi của bọn trẻ. Edigej – Bảo Tuyết hài lòng về việc hai gia đình cùng đi với nhau, thời tiết tốt, bọn trẻ vui thích, nhưng Edigej mừng hơn cả không phải cho bọn trẻ, mà cho vợ chồng Abutalip. Về mặt họ rạng rỡ, họ được giải thoát một thời gian khỏi tâm trạng luôn luôn lo lắng và u uất, Edigej nghĩ thầm: có lẽ Abutalip sẽ được phép sống ở miền Sarozek tùy theo khả năng mà anh ấy có. Ước sao đúng như vậy.

Thật mát cả lòng khi nhìn Zaripa và Ukubala chuyện trò, tâm sự với nhau về các thứ sinh hoạt thường ngày. Trông họ hạnh phúc lắm, phải như vậy mới đúng, bởi lẽ con người đâu có cần gì nhiều... Edigej ước mong gia đình Abutalip quên đi mọi điều phiền muộn, để họ có thể bám rễ chắc chắn và thích nghi hoàn toàn với cuộc sống ở Boranly, nếu như không còn cách lựa chọn nào khác. Edigej cũng lấy làm hài lòng vì có Abutalip ngồi song vai bên cạnh, như thế Abutalip biết rằng có thể trông cậy ở Edigej và hai người có thể hiểu nhau mà không cần thốt ra lời, không cần động chạm đến những chuyện đau lòng chẳng đáng gọi ra đây. Edigej đánh giá cao trí thông minh, tính nết điềm đạm của Abutalip, nhất là tình cảm gắn bó của Abutalip với gia đình – chính vì gia đình mà Abutalip đã sống, đã không chịu đầu hàng, đã tìm ra sức lực cho mình. Lắng nghe các ý kiến của Abutalip, Edigej đi tới kết luận rằng điều tốt đẹp nhất mà một người có thể làm cho những người khác, ấy là nuôi dạy các con mình thành những người xứng đáng. Và không phải dựa vào sự giúp đỡ của ai khác, mà tự mình dành trọn tâm sức vào việc ấy, hết ngày nọ sang ngày kia, tuần tự từng bước một, và nếu có thể thì nên ở bên các con càng lâu càng tốt.

Thì đây, cái gã Shabitzhan đã được dạy dỗ đủ mọi nơi, từ bé đã học ở các trường nội trú, lớn lên thì ở các trường đại học và các lớp bồi dưỡng khác nhau. Đáng thương thay cho bác Kazangap đành dùm được chút gì đều chu cấp cho đứa con trai, để nó được ở trên thành phố, để nó – cái thằng Shabitzhan của bác ấy – khỏi phải sống khổ sở hơn những người khác. Nhưng kết quả thì sao? Chuyện gì nó cũng biết, nhưng nó đúng là đồ vô tích sự, không hơn không kém.

Hôm ấy, trên đường đi lên ga Kumbel mua dưa, Edigej nghĩ rằng nếu không còn lối thoát tốt hơn, thì Abutalip Kuttybaev nên ở hẳn lại Boranly – Bão Tuyết. Lo chăn nuôi thu xếp kinh tế gia đình, và dạy dỗ hai đứa con giữa vùng Sarozek này được bao lâu thì tùy. Tuy anh không dạy khôn cho Abutalip nhưng anh hiểu qua buổi trò chuyện, rằng Abutalip cũng đã ngả sang ý định đó. Abutalip đã hỏi cách để dành khoai tây như thế nào, mua giày ấm cho vợ và hai con ở đâu, còn bản thân anh ấy bảo là chỉ đi ủng cũng xong. Abutalip còn hỏi kỹ về việc trên ga Kumbel có thư viện không và hiện người ta có cho các ga xếp mượn về đọc hay không.

Chiều hôm đó, họ đi nhờ chuyến tàu hàng trở về, đem kèm số dưa hấu và dưa bở mua theo phiếu phân phối cho ga Boranly. Lúc này bọn trẻ đã mệt, nhưng rất thoải mái. Chúng đã được thấy cảnh vật ở Kumbel, đã mua đủ thứ đồ chơi, được ăn kem và vài thứ quà bánh khác. Kể ra cũng có một chuyện trục trặc nhỏ ở hiệu cắt tóc, người lớn quyết định cắt tóc cho bọn trẻ. Khi đến lượt Ermek, thằng bé gào khóc đến nỗi chẳng ai bảo được nó. Mọi người đều dỗ dành, nhưng nó vẫn sợ, cứ giãy giụa khóc lóc gọi bố. Lúc ấy Abutalip vừa chạy sang cửa hàng bên cạnh, Zaripa không biết làm cách nào, mặt chị cứ lúc đỏ lúc tái vì xấu hổ. Chị luôn miệng thanh minh rằng từ bé đến giờ cháu chưa bị cắt tóc lần nào, vì mọi người tiếc bộ tóc xoắn rất đẹp của nó. Quả có thể thật, mái tóc của bé Ermek vừa dày vừa mềm, vừa xoắn, giống tóc mẹ. Và nói chung, thằng bé giống mẹ: mỗi lần Zaripa gội đầu và xoắn tóc ra hong, trông đến là đẹp mắt.

Ukubala đành bảo thợ cắt một chút tóc của Saule để làm gương: – Đây, thấy chưa, nó là con gái mà chả biết sợ nhé! Hình như việc đó có đôi chút tác dụng, nhưng lúc bác thợ vừa cầm lấy cái tông đơ máy, thì Ermek lại hét ầm lên và vùng ra. Đúng lúc ấy, Abutalip xuất hiện ngoài cửa. Ermek chạy tới bên bố, Abutalip bế con lên, áp chặt vào người và hiểu rằng không nên hành hạ thằng bé.

– Xin lỗi bác – anh nói với bác thợ - Để lần khác vậy. Cha con tôi sẽ chuẩn bị tinh thần cái đã... Tạm thời chưa cắt cũng được. Chả vội gì lắm... Để lần khác vậy, bác ạ...

*
* *

Trong lúc hai tiểu ban có thẩm quyền đặc biệt họp phiên bất thường trên tàu sân bay ‘Convention’, theo sự đồng ý của cả hai bên, lại thêm một bức điện mật mã nữa được gửi lên trạm quỹ đạo ‘Paritet’ để chuyển tới hai phi công vũ trụ song đôi 1 - 2 và 2 - 1 hiện có mặt tại hành tinh Ngực Rừng. Lệnh của họ tuyệt đối không được phép có bất cứ hành động gì, phải ở tại chỗ chờ chỉ thị đặc biệt của Trung tâm điều khiển.

Phiên họp vẫn tiếp tục diễn ra trong phòng kín như cũ. Tàu sân bay ‘Convention’ vẫn đậu như cũ ở toạ độ của nó trên Thái Bình Dương, phía nam quần đảo Aleut, cách San Francisco và Vladivostov một khoảng đúng bằng nhau, tính theo đường chim bay.

Vẫn như cũ, không một ai trên thế giới biết rằng đã xảy ra một sự kiện cực kỳ trọng đại giữa các Thiên Hà – tại hệ thống của thiên thể Chủ Nhân đã phát hiện một hành tinh có nền văn minh mà các sinh vật có trí tuệ ở đó đề nghị được tiếp xúc với người Trái Đất.

Tại phiên họp bất thường, hai bên đã bàn cãi mọi cái hay cái dở của vấn đề vô cùng bất ngờ và bất thường này. Trên bàn, trước mặt mỗi thành viên của hai tiểu ban, ngoài đủ thứ tài liệu tham khảo, đều có cặp hồ sơ ghi toàn văn bức thư của hai phi công vũ trụ song đôi 1 - 2 và 2 - 1. Từng chi tiết, từng chữ của văn bản đều được nghiên cứu. Mọi chi tiết dẫn chứng về cách tổ chức cuộc sống trí tuệ tại hành tinh Ngực Rừng đều được xem xét trước hết trên quan điểm những hậu quả có thể xảy ra, mức độ dung hoà hay trái ngược với kinh nghiệm của nền văn minh Trái Đất và với lợi ích của những nước chủ chốt... Chưa một ai từng vấp phải những vấn đề loại này. Đã thế, lại yêu cầu có quyết định tức thời...

Trên Thái Bình Dương, sóng gió vẫn tương đối mạnh như cũ...

*
* *

Sau khi gia đình Abutalip trải qua đợt nắng nóng khủng khiếp nhất của mùa hè ở Sarozek, họ không tuyệt vọng thu xếp khăn gói bỏ đi khỏi ga Boranly - Bão Tuyết để tới bất kỳ nơi nào khác, bà con Boranly hiểu rằng gia đình ấy sẽ ở lại, sẽ bám trụ ở đây: Abutalip Kuttybaev có vẻ vui lên rõ rệt, nói đúng hơn là anh đã hoà nhập hẳn vào công việc ở Boranly. Đúng, dĩ nhiên anh đã quen, đã thích nghi với điều kiện sinh sống ở cái ga xép này. Cũng như bất kỳ ai, anh có quyền nói rằng Boranly là mảnh đất khổ nhất trên đời này, nếu như đến món nước uống và nước dùng cho các nhu cầu sinh hoạt khác cũng phải chờ trong xi tect theo đường xe lửa tới, còn ai muốn uống ngụm nước ngọt, thật sự trong lành, thì sẽ phải đem bao da, cưỡi lạc đà đi tìm giếng nước xa tít tắp giữa thảo nguyên, một điều mà trừ Edigej và Kazangap ra, chẳng ai dám làm.

Đúng, tình hình vẫn cứ như thế và năm năm mươi hai và kéo dài hết những năm sáu mươi, cho đến khi người ta xây ở Boranly một trạm bơm điện hút nước từ lòng đất lên. Nhưng trước đây, đâu ai dám mơ ước như thế. Mặc dù vậy, Abutalip vẫn không hề nguyên rủa cả cái ga xép Boranly - Bão Tuyết lẫn miền đất Sarozek hoang vu này. Tốt xấu ra sao anh cũng chấp nhận. Suy cho cùng, miền đất này chẳng có lỗi gì và chẳng có lỗi với ai hết. Tự con người phải quyết định mình sẽ sống hay không sống ở đây...

Và trên mảnh đất ấy, người ta cố gắng thu xếp cuộc sống cho ổn thoả hơn. Khi vợ chồng Abutalip hoàn toàn tin rằng chỗ của họ là ở đây, ở ga Boranly - Bão Tuyết này, rằng họ chẳng còn biết đi nơi nào khác, mà cần bám trụ thật vững, thì công việc gia đình cứ dồn dập tới làm không xuể. Tất nhiên hàng ngày họ phải làm tròn phận sự công tác, nhưng ngoài ra chẳng còn lúc nào rỗi rãi. Abutalip bận rộn, hăng hái chuẩn bị nhà ở cho mùa đông – anh sửa lại bếp lò, lắp thêm cánh thứ hai cho cửa ra vào thật kín và ấm. Những việc ấy anh chưa khéo tay, nhưng có Edigej giúp đỡ, tặng cả dụng cụ lẫn vật liệu, không bỏ mặc anh làm một mình. Hôm đào cái hầm cạnh

gian kho, có thêm Kazangap giúp một tay. Ba người đào một cái hầm kích thước vừa phải, dùng các thanh tà vẹt cũ lát bên trên, lấy rơm trộn với đất đắp thành một cái mái thật chắc, để súc vật đi qua khỏi bị sẩy chân. Và dù họ làm bất cứ việc gì, hai đứa con trai của Abutalip cũng cứ quần lấy bên cạnh. Tuy đôi lúc chúng có làm vướng chân, nhưng như thế vui vẻ và dễ thương hơn. Edigej cùng Kazangap bắt đầu nghĩ cách giúp Abutalip làm kinh tế phụ giúp gia đình, và cũng đã phác hoạ một số việc. Họ quyết định sang xuân sẽ tặng nhà Abutalip một con lạc đà sữa, chủ yếu là để anh biết cách vắt sữa. Lạc đà sữa không như bò sữa, lúc vắt sữa phải đứng. Phải biết chặn dắt nó và cái chính là coi giữ lạc đà mới đẻ, cho nó ngậm vú mẹ đúng lúc và kéo ra đúng lúc. Chăm nom lạc đà mới đẻ rất tốn công, cũng cần biết chăm nom cho đúng cách...

Nhưng điều khiến cho Edigej - Bảo Tuyết mừng hơn cả là Abutalip chẳng những lo làm ăn, chẳng những thường xuyên cùng vợ dạy chữ và dạy vẽ cho bọn trẻ của cả hai gia đình. Mà hơn thế, còn khắc phục hoàn cảnh quá ư gian khổ ở Boranly để tự tu luyện bản thân. Bởi Abutalip là người có học vấn. Đọc sách, ghi chép điều này điều nọ – chính đây là việc quen thuộc của anh ấy. Edigej thầm tự hào mình có một người bạn như vậy, cho nên anh muốn gần Abutalip. Tình bạn giữa anh với nhà địa chất học Elizarov, chuyên nghiên cứu vùng Sarozek và thường đến vùng này, cũng từng nảy sinh đâu phải ngẫu nhiên. Edigej kính trọng những người có học thức, tinh thông nhiều điều. Abutalip cũng biết nhiều, chẳng qua anh ấy cố gắng phát biểu ý kiến của mình ít hơn. Nhưng một hôm hai người đã nói chuyện khá kỹ với nhau.

Chiều hôm ấy họ cùng đi làm trên đường về. Hôm ấy họ dựng các tấm ván ngăn tuyết ở kilomet số bảy, nơi tuyết thường xuyên đổ xuống đường tàu. Tuy mùa thu mới thực sự bắt đầu, song đã phải chuẩn bị đối phó từ sớm với mùa đông. Vậy là hai người đang trên đường về nhà, thời tiết chiều nay sáng đẹp, dễ gợi người ta tâm sự. Vào những buổi chiều như thế này, các vùng phụ cận cứ mờ mờ sương khói trong ánh hoàng hôn, y hệt đáy biển Aral được nhìn từ trên thuyền, giữa lúc trời trong biển lặng.

– Anh Abu này, sao tối nào tôi đi ngang qua bên nhà cũng đều thấy anh cúi đầu bên bậu cửa sổ, cạnh ngọn đèn. Anh viết hay sáng tác cái gì thế? – Edigej hỏi.

Abutalip chuyển chiếc xẻng từ vai này sang vai kia, đáp lời với thái độ cởi mở:

– Có gì đâu, bên tôi không có bàn viết. Hễ bọn trẻ tỉnh nghịch đi ngủ, thì Zaripa đọc sách, còn tôi ghi lại một đôi điều còn nhớ về thời kỳ chiến tranh và chủ yếu là về mấy năm tôi sống ở Nam Tư. Thời gian trôi qua, chuyện cũ phai dần – anh ngừng lời một chút – Tôi luôn luôn nghĩ xem tôi có thể làm được gì cho hai đứa con. Nuôi nấng, dạy dỗ các cháu là chuyện dĩ nhiên. Làm được đến đâu, tôi cố đến đấy. Tôi đã nếm trải nhiều tới mức người khác sống hàng trăm năm cũng chưa phải nếm trải đến thế. Vậy mà tôi vẫn sống nhăn ra đây, chắc tại số phận dành cho tôi khả năng đó, hẳn là để tôi nói lên điều gì đấy, trước hết với các con tôi. Và tôi phải kể lại với các cháu về cuộc đời của tôi, bởi lẽ tôi đã sinh ra chúng, tôi nghĩ thế. Dĩ nhiên, có chân lý chung cho tất cả mọi người, nhưng còn có cách hiểu riêng của mỗi người. Mà cách hiểu riêng ấy sẽ mất đi theo chúng ta. Khi một người vượt qua lần ranh giới giữa sống và chết trong cuộc thế chiến, nơi anh ta có thể bị giết ít ra hàng trăm lần, mà anh ta vẫn sống sót, thì anh ta được biết rất nhiều điều, cả cái thiện lẫn cái ác, cả sự thật lẫn điều dối trá...

– Hượm đã, tôi chưa hiểu một ý của anh – Edigej ngạc nhiên ngắt lời – Có thể anh nói những điều rất đúng, nhưng hai đứa con của anh còn bé tí tẹo, cái tông đơ còn sợ, thì làm sao chúng nó hiểu nổi?

– Vì thế tôi mới nghi lại, tôi muốn giữ gìn cho các cháu. Liệu tôi sẽ sống bao lâu nữa, chả ai biết trước. Thì đó, hôm nọ tôi mãi nghĩ, suýt nữa bị tàu cán chết như một thằng khờ. Anh Kazangap đã kịp kéo tôi ra, sau đó anh ấy chửi tôi một trận, anh ấy bảo: các con cậu hôm nay phải quỳ xuống mà cảm ơn thượng đế.

– Đúng, tôi đã dặn anh từ lâu. Tôi đã bảo cả chị Zaripa nữa – đến lượt Edigej bức bối và anh lợi dụng dịp này để khỏi phải nói lên nỗi lo lắng của mình một lần nữa. – Tại sao anh cứ đi trên đường ray như thế đầu máy phải nhường lối cho anh là cái quái gì? Đã có qui tắc an toàn giao thông. Anh

thông thạo chữ nghĩa, cứ để người ta phải nhắc nhở bao nhiêu lần nữa? Bây giờ anh đã là công nhân đường sắt, mà cứ đi như đi giữa chợ, tai nạn như chơi, không đùa được đâu.

– Nếu xảy ra tai nạn, thì chính tôi có lỗi – Abutalip buồn bã gật đầu – Nhưng anh hãy nghe tôi nói đã, rồi trách móc sau.

– Thì nhân tiện tôi nói thế thôi, anh kể tiếp đi.

– Xưa kia người ta để lại gia tài cho con cái. Gia tài ấy sẽ dẫn tới chỗ tốt đẹp hay tệ hại, thì còn tùy. Có rất nhiều cuốn sách, chuyện cổ tích kể lại điều đó, bao nhiêu vở kịch viết về cái thời người ta chia chác gia tài và những gì đã xảy ra sau đó với các người thừa kế. Tại sao vậy? Tại vì số gia tài ấy phần lớn có được một cách bất chính, do công sức vất vả của những người khác tạo nên, do lừa đảo mà có. Bởi vậy ngay từ đầu chúng đã chứa đựng tội ác và sự bất công. Còn tôi, tôi tự an ủi mình, rằng chúng ta may thay được thoát khỏi những thứ đó. Gia tài của tôi sẽ không gây hại cho bất cứ ai, đây sẽ chỉ là tinh thần của tôi, các ghi chép của tôi, bao gồm tất cả những gì tôi đã hiểu và đã nếm trải trong chiến tranh. Tôi không còn thứ gia tài nào khác để lại cho các con. Ở đây, giữa vùng Sarozek hoang vu này, tôi đã đi tới quyết định ấy. Cuộc sống đã luôn luôn dồn ép tôi tới đây, để tôi phai mờ và mất đi, nên tôi sẽ ghi lại cho con hết thảy những gì tôi suy ngẫm, và đến một lúc nào đó, tôi sẽ tiếp tục tồn tại trong các con tôi. Cái mà tôi không làm được, các con tôi có thể sẽ đạt tới... Bọn trẻ sẽ phải sống gay go hơn chúng ta, vậy hãy để chúng sớm thông minh, hiểu biết...

Hai người lặng lẽ đi một đoạn, mỗi người theo đuổi ý nghĩ riêng của mình, Edigej lấy làm lạ khi nghe những lời nói trên. Anh ngạc nhiên: té ra con người cũng có thể hiểu thực chất của họ trên trái đất theo kiểu đó. Tuy nhiên, anh quyết định sẽ hỏi cho rõ cái điều đã làm cho anh ngạc nhiên:

– Ai cũng nghĩ, và trên đài vẫn nói, rằng con cái chúng ta sẽ sống sung sướng và thoải mái hơn. Còn anh, anh lại cho rằng chúng nó sẽ sống gay go hơn chúng ta. Có phải tại vì sẽ xảy ra chiến tranh nguyên tử chăng?

– Không, không phải chỉ vì như thế. Chiến tranh có thể sẽ không xảy ra, mà nếu có, thì cũng còn lâu. Cũng chả phải chuyện no đói, đơn giản là bánh xe thời gian quay nhanh dần. Bọn trẻ sẽ phải tự mình nhận thức mọi

chuyện, bằng trí thông minh của chúng và một phần còn phải chịu trách nhiệm hộ chúng ta. Và suy nghĩ thì bao giờ cũng vất vả, bởi thế mà chúng nó sẽ khó khăn hơn chúng ta.

Edigej không hỏi thêm, tại sao Abutalip cho rằng suy nghĩ bao giờ cũng vất vả. Và anh không hỏi thêm là đại, sau này anh cứ ân hận mãi mỗi khi nhớ lại buổi trò chuyện này. Lẽ ra phải hỏi cặn kẽ để hiểu ý nghĩa của câu nói đó.

– Tại sao tôi nói như vậy – như đáp lại sự nghi ngờ của Edigej, Abutalip tiếp: – Đối với trẻ nhỏ, người lớn bao giờ cũng có vẻ thông minh, đầy uy tín. Lớn lên, chúng thấy các bậc thầy của chúng, nghĩa là chúng ta ấy mà, hiểu biết không nhiều và chẳng thông minh gì lắm như chúng tưởng. Cũng có thể chê cười họ được, thậm chí đôi khi chúng còn cảm thấy thương hại cho các ông thầy già. Bánh xe thời gian đang quay mỗi ngày một nhanh hơn. Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải tự nói tiếng nói cuối cùng về bản thân mình. Ông cha ta đã thử làm việc đó trong các chuyện cổ tích. Họ muốn chứng minh cho hậu thế biết họ từng là những con người vĩ đại như thế nào, và chúng ta bây giờ luôn xét về họ theo tinh thần của họ. Vậy nên tôi cũng đang làm cái việc tôi có thể làm cho hai đứa con nhỏ. Chuyện cổ tích của tôi là những năm chiến đấu của tôi, tôi viết cho con các cuốn vở du kích của tôi. Viết lại tất cả những gì đã xảy ra, những gì tôi đã thấy và đã nếm trải. Các cuốn vở ấy các cháu sẽ dùng khi chúng lớn lên. Nhưng ngoài điều đó ra, tôi cũng còn có một vài dự định nữa. Các cháu sẽ phải sống ở miền Sarozek, khi chúng đã lớn, cần để chúng đừng nghĩ rằng chúng sống ở một bãi cát trống rỗng. Tôi đã ghi lại những bài hát cổ của chúng ta, vì sau này cũng chẳng tìm đâu ra những bài hát ấy. Tôi cho rằng bài hát cổ là thông điệp từ quá khứ, chị Ukubala nhà anh hoá ra biết rất nhiều bài. Chị ấy hứa sẽ nhớ thêm nữa.

– Đúng, tôi đã dặn anh từ lâu. Tôi đã bảo cả chị Zaripa nữa – đến lượt Edigej bức bối và anh lợi dụng dịp này để khỏi phải nói lên nỗi lo lắng của mình một lần nữa. – Tại sao anh cứ đi trên đường ray như thế đầu máy phải nhường lối cho anh là cái quái gì? Đã có qui tắc an toàn giao thông. Anh thông thạo chữ nghĩa, cứ để người ta phải nhắc nhở bao nhiêu lần nữa? Bây

giờ anh đã là công nhân đường sắt, mà cứ đi như đi giữa chợ, tai nạn như chơi, không đùa được đâu.

– Nếu xảy ra tai nạn, thì chính tôi có lỗi – Abutalip buồn bã gật đầu – Nhưng anh hãy nghe tôi nói đã, rồi trách móc sau.– Thì nhân tiện tôi nói thế thôi, anh kể tiếp đi.

– Xưa kia người ta để lại gia tài cho con cái. Gia tài ấy sẽ dẫn tới chỗ tốt đẹp hay tệ hại, thì còn tùy. Có rất nhiều cuốn sách, chuyện cổ tích kể lại điều đó, bao nhiêu vở kịch viết về cái thời người ta chia chác gia tài và những gì đã xảy ra sau đó với các người thừa kế. Tại sao vậy? Tại vì số gia tài ấy phần lớn có được một cách bất chính, do công sức vất vả của những người khác tạo nên, do lừa đảo mà có. Bởi vậy ngay từ đầu chúng đã chứa đựng tội ác và sự bất công. Còn tôi, tôi tự an ủi mình, rằng chúng ta may thay được thoát khỏi những thứ đó. Gia tài của tôi sẽ không gây hại cho bất cứ ai, đây sẽ chỉ là tinh thần của tôi, các ghi chép của tôi, bao gồm tất cả những gì tôi đã hiểu và đã nếm trải trong chiến tranh. Tôi không còn thứ gia tài nào khác để lại cho các con. Ở đây, giữa vùng Sarozek hoang vu này, tôi đã đi tới quyết định ấy. Cuộc sống đã luôn luôn dồn ép tôi tới đây, để tôi phai mờ và mất đi, nên tôi sẽ ghi lại cho con hết thấy những gì tôi suy ngẫm, và đến một lúc nào đó, tôi sẽ tiếp tục tồn tại trong các con tôi. Cái mà tôi không làm được, các con tôi có thể sẽ đạt tới... Bọn trẻ sẽ phải sống gay go hơn chúng ta, vậy hãy để chúng sớm thông minh, hiểu biết...

Hai người lặng lẽ đi một đoạn, mỗi người theo đuổi ý nghĩ riêng của mình, Edigej lấy làm lạ khi nghe những lời nói trên. Anh ngạc nhiên: té ra con người cũng có thể hiểu thực chất của họ trên trái đất theo kiểu đó. Tuy nhiên, anh quyết định sẽ hỏi cho rõ cái điều đã làm cho anh ngạc nhiên:

– Ai cũng nghĩ, và trên đài vẫn nói, rằng con cái chúng ta sẽ sống sung sướng và thoải mái hơn. Còn anh, anh lại cho rằng chúng nó sẽ sống gay go hơn chúng ta. Có phải tại vì sẽ xảy ra chiến tranh nguyên tử chăng?

– Không, không phải chỉ vì như thế. Chiến tranh có thể sẽ không xảy ra, mà nếu có, thì cũng còn lâu. Cũng chả phải chuyện no đói, đơn giản là bánh xe thời gian quay nhanh dần. Bọn trẻ sẽ phải tự mình nhận thức mọi chuyện, bằng trí thông minh của chúng và một phần còn phải chịu trách

nhiệm hộ chúng ta. Và suy nghĩ thì bao giờ cũng vất vả, bởi thế mà chúng nó sẽ khó khăn hơn chúng ta.

Edigej không hỏi thêm, tại sao Abutalip cho rằng suy nghĩ bao giờ cũng vất vả. Và anh không hỏi thêm là đại, sau này anh cứ ân hận mãi mỗi khi nhớ lại buổi trò chuyện này. Lẽ ra phải hỏi cận kề để hiểu ý nghĩa của câu nói đó.

– Tại sao tôi nói như vậy – như đáp lại sự nghi ngờ của Edigej, Abutalip tiếp: – Đối với trẻ nhỏ, người lớn bao giờ cũng có vẻ thông minh, đầy uy tín. Lớn lên, chúng thấy các bậc thầy của chúng, nghĩa là chúng ta ấy mà, hiểu biết không nhiều và chẳng thông minh gì lắm như chúng tưởng. Cũng có thể chê cười họ được, thậm chí đôi khi chúng còn cảm thấy thương hại cho các ông thầy già. Bánh xe thời gian đang quay mỗi ngày một nhanh hơn. Tuy nhiên, chúng ta vẫn phải tự nói tiếng nói cuối cùng về bản thân mình. Ông cha ta đã thử làm việc đó trong các chuyện cổ tích. Họ muốn chứng minh cho hậu thế biết họ từng là những con người vĩ đại như thế nào, và chúng ta bây giờ luôn xét về họ theo tinh thần của họ. Vậy nên tôi cũng đang làm cái việc tôi có thể làm cho hai đứa con nhỏ. Chuyện cổ tích của tôi là những năm chiến đấu của tôi, tôi viết cho con các cuốn vở du kích của tôi. Viết lại tất cả những gì đã xảy ra, những gì tôi đã thấy và đã nếm trải. Các cuốn vở ấy các cháu sẽ dùng khi chúng lớn lên. Nhưng ngoài điều đó ra, tôi cũng còn có một vài dự định nữa. Các cháu sẽ phải sống ở miền Sarozek, khi chúng đã lớn, cần để chúng đừng nghĩ rằng chúng sống ở một bãi cát trống rỗng. Tôi đã ghi lại những bài hát cổ của chúng ta, vì sau này cũng chẳng tìm đâu ra những bài hát ấy. Tôi cho rằng bài hát cổ là thông điệp từ quá khứ, chị Ukubala nhà anh hoá ra biết rất nhiều bài. Chị ấy hứa sẽ nhớ thêm nữa.

– Chứ sao! Gì thì gì chứ nhà tôi vốn sinh trưởng ở vùng Aral! – Edigej kiêu hãnh – Dân Kazak miền biển Aral hẳn hoi. Hát ở ngoài biển hay lắm, biển nó hiểu tất. Anh nói gì cũng đều xuất phát từ đáy lòng và đều hoà hợp trên biển.

– Điểm ấy thì anh nói đúng, rất đúng... Hôm vừa rồi đọc lại điều mình viết, vợ chồng tôi cảm động phát khóc. Thời xưa người ta hát hay thật! Mỗi

bài hát là cả một câu chuyện, như thấy có người ẩn hiện. Và ta muốn tâm tình cùng họ, muốn đau khổ và yêu thương như họ. Người xưa lưu lại những kỷ niệm về họ mới tuyệt làm sao! Tôi đã vận động cả chị Bukej, tôi bảo chị ấy cố nhớ các bài hát vùng Karakalpak quê chị để tôi ghi vào một cuốn vở riêng. Chúng ta sẽ có quyển Karakalpak...

Họ cứ thông thả như thế dọc đường tàu, một giờ hiếm có. Ánh hoàng hôn của một ngày sắp sang thu đang dần tắt nhẹ nhàng, dễ chịu như một tiếng thở dài. Tưởng chừng không có rừng, không có sông, không có ruộng đồng ở vùng Sarozek, nhưng mặt trời sắp lặn tạo ra ấn tượng về sự toàn vẹn của thảo nguyên nhờ sự vận động khó bề nắm bắt của ánh sáng và bóng tối trên mặt đất trống trải. Màu xanh mờ mờ xao động của không gian bao la có tác dụng nâng cao tầm tư tưởng, gợi nên ý muốn sống thật lâu và suy nghĩ thật nhiều...

– Anh Edigej này – Abutalip lại nói khi nhớ đến điều mình tạm gác chờ dịp thuận tiện – Tôi đã định hỏi anh từ lâu về con chim Donenbaj. Anh nghĩ sao, có lẽ trong thiên nhiên có loài chim tên là Donenbaj đấy nhỉ. Anh đã gặp loài chim ấy lần nào chưa? – Đấy là chuyện thần thoại mà.

– Tôi hiểu, nhưng nhiều khi chuyện thần thoại được thực tế xác nhận là có thật trong đời. Ví dụ có loài chim vàng anh ở vùng Semirechie chúng tôi, cứ suốt ngày hót trong rừng câu hỏi: << Chồng em đâu?>>. Đấy chỉ là do sự hài thanh tạo nên. Nhưng có một chuyện cổ tích, kể tại sao chim vàng anh nó hót như vậy. Bởi thế tôi mới nghĩ: không biết huyền thoại về chim Donenbaj có sự trùng hợp với thực tế hay không? Rất có thể ở thảo nguyên có một loài chim nào đó hót nghe giống tên người, cho nên nó mới được đưa vào huyền thoại chẳng?

– Tôi chả biết. Tôi chưa hề nghĩ là như vậy – Edigej nghi ngờ – Tôi đã đi ngang dọc khắp vùng này, nhưng chưa gặp loài chim ấy lần nào. Nghĩa là không có loài chim đó.

– Có thể lắm – Abutalip đáp, vẻ dăm chiêu.

– Đây, nếu không có loài chim ấy, hoá ra toàn bộ câu chuyện kia là chuyện bịa à? – Edigej lo ngại.

– Không, sao lại bịa. Có nghĩa địa Ana - Bejit tức là ở đây phải có điều gì chứ. Nên không hiểu sao tôi vẫn nghĩ rằng có loài chim ấy, và tới một lúc nào đó sẽ có người gặp nó. Tôi sẽ viết như vậy cho hai cháu.

– Ủ, viết cho trẻ con thì được thôi – Edigej lưỡng lự thốt thành lời.

Edigej - Bão Tuyết nhớ rằng hồi trước chỉ có hai người ghi chép huyền thoại Ana - Najman của vùng Sarozek vào giấy. Đầu tiên là Abutalip Kuttybaev ghi lại cho hai đứa con của anh ấy, để khi lớn lên chúng sẽ đọc, đấy là vào cuối năm năm mươi hai. Cuốn vở ghi chép đã bị mất, họ đã phải chịu bao nhiêu đau khổ sau chuyện đó.. Còn bụng dạ nào nghĩ đến cuốn vở kia chứ! Mấy năm sau, vào năm năm mươi bảy Elizarov Afanasi Ivanovich cũng có ghi lại. Bây giờ bác Elizarov đã qua đời. Bản thảo của bác ấy đâu, không ai biết, chắc vẫn lẫn trong các thứ giấy tờ của bác ở Alma - Ata... Cả hai người đều ghi chủ yếu qua lời kể của Kazangap. Edigej khi ấy cũng có mặt nhưng chỉ sắm vai người gợi chuyện và bình phẩm đôi lời mà thôi.

“Năm tháng qua nhanh thật!” – Edigej - Bão Tuyết nghĩ thầm trong lúc ngồi đung đưa giữa hai cái bấu của con Karanar. Lúc này bác đang chờ chính ông già Kazangap tới nghĩa địa Ana - Bejit. Vòng tròn dường như đã khép kín, người kể chuyện huyền thoại bây giờ sắp sửa an nghỉ vĩnh viễn ở cái nghĩa địa mà mình đã ghi nhớ và lưu truyền cho người khác câu chuyện về nó.

“Chỉ còn lại mình và nghĩa địa Ana - Bejit. Và cả mình cũng sắp đến nằm ở đấy, xin một chỗ cho mình, sự việc đang dẫn tới đó” – Edigej buồn bã nghĩ thầm dọc đường. Bác vẫn cười lạc đà dẫn đầu đám tang lạ lùng đi sau bác trên chiếc máy kéo có rờ mọoc và chiếc máy đào đất bánh hơi nhãn hiệu ‘Belarus’. Con chó hung Zholbars tự tiện bám theo đám tang cứ chạy lúc ở đằng trước, lúc ở đằng sau, đôi khi tách riêng đi đâu một lát chẳng rõ.... Cái đuôi của nó được đặt ở tư thế cứng cỏi, trông ra đáng ông chủ, con mắt nó chốc chốc nhìn sang hai bên rất nghiêm trang...

Mặt trời đã lên tới đỉnh đầu. Từ đây tới nghĩa địa Ana - Bejit không còn bao xa...

– Ấy! Edigej! Bão Tuyết! Lại đây giúp người ta với! - anh nhân viên nọ vừa gọi, vừa cúi nửa thân mình xuống bậc toa.

Edigej vội chạy tới và khi tới nơi, anh lo thay cho Abutalip. Trắng toát đến tận lông mày, tuyết bám đầy người. Abutalip bị rét cứng đến mức không sao động đậy được cặp môi, cả tay cũng vậy. Bên cạnh là cây thông lá nhọn mà vì nó suýt nữa Abutalip bị mất mạng.

– Các anh để người của các anh đi tàu xe thế này thì lạ thật! - anh nhân viên lấm bầm khó chịu – Quần áo phong phanh lại ngồi hứng gió ở cuối toa. Tôi cũng muốn cho anh ta mượn cái áo tulup, nhưng nếu thế thì tôi sẽ chết rét. Vừa điều khiển được cặp môi, Abutalip vội xin lỗi:

– Xin lỗi anh nhé! Tôi sẽ sưởi ấm ngay bây giờ. Nhà tôi ở kề đây thôi.

– Tôi đã bảo anh ta! - anh nhân viên nói với Edigej – Tôi mặc áo tulup, bên trong còn chiếc áo lông chồn, đi giày ấm, đội mũ bịt tai, vậy mà lúc tàu chạy tôi còn rét thấu ruột gan. Ai lại để anh ta đi như thế!

Edigej ngượng ngịu:– Cảm ơn anh Trofim,. Được, để chúng tôi rút kinh nghiệm. Chúc anh lên đường may mắn!

Edigej dựng cây thông lên. Nó lạnh toát, cao ngang đầu người. Anh cảm thấy mùi rừng cây mùa đông toả ra từ đám lá nhọn. Tim khẽ nhói lên vì chợt nhớ đến những cánh rừng ngoài mặt trận, ở đấy loại thông lá kim này đầy rẫy, bị xe tăng húc đổ, bị đạn đại bác băm vằm. Lúc ấy ai ngờ có khi mùi thông lại trở nên đắt giá như bây giờ.

– Ta đi thôi – Edigej nói, nhìn Abutalip một cái và vác cây thông lên vai.

Trên khuôn mặt xám ngoách vì giá rét của Abutalip có những giọt nước mắt đóng băng bên má, từ dưới hai hàng lông mày trắng ánh lên đôi mắt vui sướng, sinh động, đặc thẳng. Edigej chợt lo sợ: liệu hai đứa con Abutalip có biết đánh giá đúng tấm lòng người cha hay không? Bởi trong cuộc sống, đầy rẫy những trường hợp trái khoáy. Lẽ ra phải biết ơn, thì con cái lại thờ ơ, thậm chí căm ghét. “Cầu trời đừng bắt anh ấy phải chịu cảnh đó, anh ấy đã gặp đủ thứ đau khổ rồi.” – Edigej nghĩ thầm.

Người trông thấy cây thông trước tiên ở nhà Abutalip là thằng con đầu lòng của anh, thằng Daul. Nó reo lên vui sướng và chui tọt vào nhà. Từ bên trong, Zaripa và Ermek, quần áo phong phanh, chạy bổ ra. – Ồ thông,

thông! Xem kìa, thông đẹp chưa kìa! - Daul mừng rỡ, cứ nhảy cẫng lên ở xung quanh.

Zaripa cũng vui mừng không kém. – Thế mà anh vẫn kiếm được cây thông! Tuyệt quá!

Còn bé Ermek thì ra chưa từng thấy cây thông bao giờ. Nó cứ nhìn trân trân cái vật dài dài ở trên vai chú Edigej. – Mẹ ơi, cây thông đấy à? Nó tốt lắm hả mẹ? Nó sẽ sống ở nhà ta chứ?

– Chị Zaripa ơi – Edigej nói – Vì cây thông còn con này, theo cách nói của người Nga, mà chồng chị có thể bị chết cồng đấy. Ta hãy mau chóng đưa anh ấy vào nhà sưởi ấm đi, trước tiên phải tháo ủng ra ngay.

Đôi ủng cứng quèo. Abutalip nhăn mặt, nghiêng răng rên rỉ, khi mọi người hợp lực kéo ủng ra khỏi chân anh. Hai đứa bé cố gắng đặc biệt, bàn tay nhỏ nhắn của chúng cứ bám níu lúc chỗ này, lúc chỗ khác trên đôi ủng bằng da bò nặng chịch bị giá lạnh đóng cứng như đá theo khuôn chân.

– Các con lặng yên để mẹ tự tháo ủng cho bố nào! - Zaripa gạt chúng ra. – Đừng, cứ để các cháu tham gia, chị Zaripa ạ.

Anh hiểu một cách thâm thía, rằng đối với Abutalip đấy sẽ là sự đền đáp cao nhất, là tình thương yêu và sự đồng cảm của các con. Chúng làm như vậy tức là chúng đã thành người, tức là chúng đã biết nghĩ. Trông bé Ermek càng thấy cảm động và buồn cười, không rõ tại sao bé lại gọi bố là “bá ba”. Và không ai sửa cho bé, bởi vì đó là cách biến đổi độc đáo của bé đối với một trong những từ ngữ đầu tiên và vĩnh cửu nơi cửa miệng mọi người...

– Bá ba! Bá ba! - bé Ermek cứ loay hoay cuống quýt, đỏ cả mặt vì những nỗ lực vô ích. Mái tóc xoăn của bé xoắn ra, cặp mắt long lanh ý muốn làm một việc cực kỳ cần thiết, trông đáng dấp bé nghiêm trang đến nỗi bất giác ta muốn phì cười.

Dĩ nhiên, nên làm sao cho hai đứa trẻ đạt được mục đích của chúng, Edigej nghĩ ra được một cách. Đôi ủng lúc này đã bắt đầu mềm lại, có thể kéo ra mà không làm cho Abutalip quá đau.

– Nào các cháu, hãy ngồi phía sau chú cơ. Ta sẽ như một đoàn tàu, toa này kéo toa kia. Daul, ôm lấy chú đi. Còn cháu, Ermek, hãy ôm lấy anh

Daul.

Abutalip hiểu ý đồ của Edigej nên gật đầu ủng hộ, anh mỉm cười qua những giọt nước mắt vừa chảy vì gặp hơi nóng.

Edigej ngồi trước mặt Abutalip, hai đứa bé bám đằng sau, và khi đã chuẩn bị xong, Edigej bắt đầu kéo ủng.

– Nào các cháu, kéo mạnh nữa đi, đô ta nào! Chứ một mình chú thì đành chịu. Không đủ sức, nào Daul, Ermek! Đô ta nào! Hai đứa bé hì hà hì hục phía sau, cố giúp đỡ, Zaripa đứng cổ vũ. Edigej giả vờ khó khăn, cuối cùng khi chiếc ủng thứ nhất đã được tháo ra, hai đứa trẻ reo hò sung sướng. Zaripa vội dùng một mảnh vải len xát xát hai bàn chân cho chồng, nhưng Edigej ngăn lại:

– Nào các cháu, nào chị Zaripa! Ở hay, các vị làm gì thế? Ai sẽ tháo chiếc ủng thứ hai đây? Hay là chúng ta cứ để một chân ông bố bị giam trong chiếc ủng cứng. Như thế thoải mái hơn chẳng?

Và tất cả cùng cười rộ, họ cười hồi lâu, cười lăn cười bò. Đặc biệt hai đứa bé và Abutalip.

Sau này Edigej - Bão Tuyết thường nghĩ về điều đó, nhiều lần cố giải đoán câu đố đáng sợ: ai, ai biết, ai ngờ được rằng có lẽ chính vào giây phút ấy, ở một nơi nào đó rất xa Boranly - Bão Tuyết. Họ tên của Abutalip lại nổi lên trong các thứ giấy tờ hồ sơ, và những người nhận các thứ giấy tờ hồ sơ ấy đã dựa vào đó để quyết định một vấn đề mà không ai ở gia đình này cũng như ở ga xép này ngờ tới.

Tai hoạ ập đến bất ngờ như tuyết ụp xuống đầu. Tuy rằng, dĩ nhiên, nếu Edigej có kinh nghiệm hơn một chút về những vụ như thế, nếu anh khôn ngoan hơn một chút chẳng hạn, thì dù không đoán trước, cũng có thể lờ mờ nhận ra hoặc thấy lo lo trong lòng.

Thử hỏi có gì đáng lo đâu kia chứ? Bao giờ gần cuối năm cũng có cán bộ thanh tra khu vực về ga này. Theo lịch, cán bộ thanh tra cứ lần lượt đi từ ga này sang ga khác. Ở lại mỗi ga một, hai ngày, kiểm tra việc trả lương, việc chi phí vật tư và các khoản chi tiêu khác. Lập biên bản kiểm tra cùng với trưởng ga hoặc cùng với một công nhân nào đó, rồi đáp tàu đi luôn. Ở một ga xép đâu có nhiều vụ việc gì cho cam! Không phải một lần Edigej đã

ký tên vào các biên bản ấy. Lần này, viên thanh tra sống ba ngày ở Boranly - Bão Tuyết. Lão ta ngủ ở phòng trực nằm trong ngôi nhà chính của ga, nơi bố trí thiết bị thông tin liên lạc và một căn phòng nhỏ của trưởng ga gọi là phòng làm việc. Trưởng ga Abilov chạy lăng xăng bưng ấm trà sang mời viên thanh tra, Edigej cũng có ngó vào chỗ lão ta. Lão ta ngồi hút thuốc lá, cúi đầu xuống đám giấy tờ. Edigej tưởng đấy là tay cán bộ thanh tra mọi năm vẫn về đây, nhưng không phải. Lão này trông lạ lắm, má đỏ, răng thưa, tóc bạc, đeo kính. Ánh mắt lão ta cười cười rất không bình thường.

H Ề T



Ch. Aitmatov and A. Akmatalliev in Paris.

* * *

Tiểu thuyết
VÀ MỘT NGÀY DÀI HƠN THẾ KỶ
Chinghiz Aitmatov

* * *

Biên tập,
Hiệu đính
Lê Thanh Minh
Trình bày, bìa, tạo Ebook
matthoigian2001@

* * *

Copyright © Rạng Đông giữ Bản quyền



Rạng Đông
phát hành

Chú thích

[← 1]

Trích báo cáo của G. Mác - Cốt tại đại hội nhà văn Liên Xô lần thứ VIII

[← 2]

thoả thuận

[← 3]

Đấng sáng thế

[← 4]

versta: dặm, đơn vị đo lường cũ ở Nga, bằng 0,06 km

[← 5]

gighit: người cưỡi ngựa giỏi ở vùng núi Kapkaz

[← 6]

Koketai: lối xưng hô thân mật, tỏ ra mình là bề trên của người được tiếp chuyện

[← 7]

nghĩa tiếng Nga: sự đồng đều, nguyên tắc bình đẳng

[← 8]

sư tử? cọp? chó săn sói?

[← 9]

chủ con vật do trời định

[← 10]

Trung tâm kinh doanh của thành phố New York, Mỹ – quận này rộng 35km², dân số 1,5 triệu người – năm 1977, có nhiều toà nhà chọc trời và nhiều cơ sở công nghiệp nhẹ

[← 11]

hồi xưa gọi là Edil

[← 12]

không có thượng đế ngoài thượng đế

[← 13]

mẹ là con lạc đà mẹ xấu số, tới hít mùi da của con lạc đà con đã bị nhồi rơm